

RICHARD WISEMAN

Ngọc Duy dịch

Tại sao THẤY BÓI nói đúng?

LỜI GIẢI CHO TÂM LINH DƯỚI
GÓC NHÌN TÂM LÝ HỌC



R.E.A.D.
books



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

Bạn đã từng đi xem bói và trầm
trở kinh ngạc khi thấy bói có thể
"phán" vanh vách về tiểu sử và
tương lai của bạn trong khi chỉ
biết mỗi tên tuổi và ngày sinh?



Hoặc bạn có nhớ rằng mình
từng mơ một giấc mơ nào đó
mà nhiều ngày sau lại trở
thành sự thật?



Bạn đã từng ở nhà một mình
và bỗng nghe thấy những
tiếng bước chân, tiếng đồ vật
rơi hoặc tiếng nói chẳng biết
phát ra từ đâu?



Phải chăng thấy bói quả thật sở hữu khả năng nhìn thấu tương lai?

Hay là chính bạn cũng có năng lực kỳ diệu có thể liên lạc với thế giới bên kia?

Con người lúc nào cũng có hứng thú và tò mò với những điều không thể lý giải.
Các ảo thuật gia đã làm thế nào để "đánh lừa" chúng ta? Tại sao có những
người lại dịch chuyển được đồ vật bằng suy nghĩ? Những câu chuyện về trải
nghiệm "hồn lìa khỏi xác" liệu có bao nhiêu phần trăm là sự thật?

CUỐN SÁCH NÀY SẼ LÝ GIẢI NHỮNG CÂU HỎI VỀ THẾ GIỚI HUYỀN BÍ ĐÓ CỦA BẠN.

Đây không phải một câu chuyện ma giật gân, hay một tài liệu khoa học khô
khan. Với lối viết hài hước, dễ hiểu đi kèm với các dẫn chứng khoa học đáng
tin cậy, tác giả Richard Wiseman sẽ dẫn bạn đi trên một chuyến hành trình đầy
cụot hút, vào một thế giới nơi mọi thứ đều có thể xảy ra, và không có gì là
chắc chắn như bạn vẫn tưởng.

Tại sao thấy bói nói đúng ?
ISBN: 978-604-77-6258-3



9 78 60 47 76 25 83

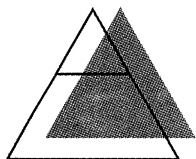


8 93 60 62 80 42 44

Giá: 99.000 VNĐ

Tại sao
THẦY
BỒI
nói đúng?

LỜI GIẢI CHO TÂM LINH DƯỚI
GÓC NHÌN TÂM LÝ HỌC



R.E.A.D.
books

PHỤ TRÁCH

Vân Anh Phạm

VẼ BÌA

Nguyễn Hoài Bảo

TRÌNH BÀY

camvataos

SỬA BẢN IN

Phương Hoa

TẠI SAO THẦY BÓI NÓI ĐÚNG?

PARANORMALITY: WHY WE SEE WHAT ISN'T THERE

Copyright © 2011 by Richard Wiseman

All Rights Reserved

This Vietnamese edition is published by arrangement with SPIN SOLUTIONS LTD through Maxima Creative Agency.

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Paranormality: Why We See What Isn't There* bởi Richard Wiseman

Bản quyền tiếng Việt chuyển nhượng từ SPIN SOLUTIONS LTD thông qua Maxima Creative Agency.

Bản quyền tiếng Việt © Công ty TNHH Văn hóa & Truyền thông AZ Việt Nam, thương hiệu R.E.A.D.books, 2019.

Sách được xuất bản độc quyền bởi R.E.A.D.books, một thương hiệu của Skybooks. Mọi hoạt động công bố, xuất bản, trích đăng, sao chép tác phẩm dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của R.E.A.D.books đều bị coi là xâm phạm bản quyền, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.

Liên hệ bản quyền và hợp tác xuất bản

Email: readbooks@azgroup.vn

Read to enjoy, aspire and discover

~~~~~

**G**iao sư Richard Wiseman bắt đầu sự nghiệp của mình với vai trò là một ảo thuật gia chuyên nghiệp từng đoạt giải thưởng. Sau khi tốt nghiệp đại học ngành tâm lý học, ông dành bốn năm trong quá trình làm nghiên cứu sinh của mình để nghiên cứu những hiện tượng tâm linh và những người có khả năng tâm linh ở khoa Cận tâm lý học Koestler, Đại học Edinburgh. Hơn hai mươi năm qua, ông đã liên tục điều tra về khía cạnh tâm lý của những hiện tượng huyền bí, trải qua nhiều đêm không ngủ ở những lâu đài bị ma ám, nghiên cứu thông tin về đạo sư của các giáo phái ở Ấn Độ, cố gắng thử nói chuyện với người chết và nghiên cứu những chú chó có khả năng tâm linh. Giáo sư Wiseman là một thành viên trong Ủy ban Khoa học nghiên cứu những hiện tượng huyền bí. Ông đã xuất bản hơn năm mươi bài nghiên cứu chuyên sâu và diễn thuyết ở nhiều nơi như Hiệp hội Hoàng gia, Viện Hoàng gia, Microsoft, Caltech và Google về những vấn đề này. Đã có hơn một triệu người tham gia vào những thí nghiệm qui mô lớn của giáo sư Wiseman, và kênh Youtube của ông có hơn mười triệu lượt xem. Một cuộc khảo sát của trang *Times Higher Education* cho thấy Wiseman là nhà tâm lý học được nhắc tới nhiều nhất trên truyền thông Anh Quốc. Ông cũng là người được The Celebrity Twitter Directory (Danh Mục Những Người Nổi Tiếng Trên Twitter) liệt vào danh sách những nhà khoa học mọi người “phải theo dõi”, và vào năm 2010, *Independent on Sunday* vinh danh ông là một trong top một trăm người biến Vương Quốc Anh trở thành một nơi đáng sống hơn.

~~~~~


DID YOU SPOT THE GORILLA?

59 SECONDS

Dành tặng Jeff

Thẻ tương tác

Đâu đó trong quyển sách bạn sẽ thấy những hình như thế này:



www.richardwiseman.com/paranormality/Welcome.html

Đây là thẻ QR và nó cho phép bạn xem những thước phim ngắn hoặc đoạn thu âm trên điện thoại của bạn. Chỉ cần mở một ứng dụng quét mã vạch bất kỳ, chĩa máy ảnh vào hình ảnh này, và điện thoại của bạn sẽ tự động chuyển hướng đến phần nội dung bổ sung. Nếu như bạn không có điện thoại thông minh, địa chỉ trang web chứa những tài liệu này được in ở dưới mỗi thẻ.

Nội dung

Một bài kiểm tra nhanh trước khi chúng ta bắt đầu

GIỚI THIỆU

Mở đầu, hãy cùng tìm hiểu xem điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta tiến hành thí nghiệm với một chú chó được cho là có khả năng tâm linh, và bắt đầu đặt chân vào một thế giới nơi mà mọi thứ dường như đều có thể và không có gì là chắc chắn như chúng ta tưởng.

14

1. BỐI TOÁN

Ở phần này, chúng ta sẽ gặp gỡ “Ngài D” bí ẩn và đến thăm thị trấn không tồn tại ở Lake Wobegon để tìm hiểu cách thuyết phục những người lạ rằng chúng ta biết tất cả về họ và khám phá ra con người thật sự của mình.

25

2. TRẢI NGHIỆM XUẤT HỒN

Ở phần này, hãy cùng nghe về những nhà khoa học cố gắng ghi lại hình ảnh của linh hồn, khám phá ra làm thế nào mà một bàn tay cao su có thể cho chúng ta biết sự thật về trải nghiệm “xuất hồn”, tìm hiểu cách linh hồn có thể rời khỏi cơ thể và làm thế nào não bộ con người quyết định vị trí hiện tại của chúng ta.

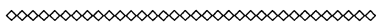
69

3. TÂM TRÍ KIỂM SOÁT VẬT CHẤT

Ở phần này, chúng ta sẽ xem làm thế nào mà một người đàn ông có thể lừa được cả thế giới, học cách dùng tâm trí của mình để bẻ

cong kim loại, nghiên cứu thông tin về đạo sư của các giáo phái ở Ấn Độ và tìm câu trả lời cho câu hỏi tại sao thi thoảng chúng ta không thể thấy những điều đang diễn ra ngay trước mắt mình.

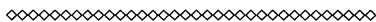
107



4. NÓI CHUYÊN VỚI NGƯỜI CHẾT

Ở phần này chúng ta sẽ gặp hai cô gái trẻ đã tạo ra cả một tôn giáo mới, khám phá xem chuyện gì sẽ xảy ra khi nhà khoa học vĩ đại nhất thế giới đối diện với Quỷ dữ, học cách giao tiếp với những linh hồn không tồn tại và giải phóng sức mạnh của tiềm thức.

145



5. GIỜ NGHỈ GIẢI LAO

Chúng ta sẽ nghỉ một chút ở đây trước khi lại tiếp tục cuộc hành trình, gặp gỡ Ngài Harry Price kiệt xuất, đi đến Đảo Man để nghiên cứu một con cây Măng-gút biết nói và dừng chân tại Tòa án Tối cao.

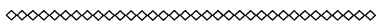
189



6. SĂN MÀ

Ở phần này, chúng ta sẽ dành một chút thời gian quý báu với một phù thủy già, khám phá tại sao những nhà nghiên cứu yêu tinh từng khiến một ngôi nhà sụp đổ, gặp gỡ bóng ma không tồn tại ở Ratcliffe Wharf, học cách để nhìn thấy một hồn ma và nghiên cứu sức mạnh tâm lý của lời đề xuất.

202



7. KIỂM SOÁT TÂM TRÍ

Ở phần này, chúng ta sẽ tiến vào trong đầu của người có khả

243

270

286

328

LỜI CẢM ƠN 362

Một bài kiểm tra nhanh trước khi chúng ta bắt đầu

Quyển sách này bao gồm rất nhiều bài kiểm tra, thí nghiệm, bài tập và hình minh họa. Và đây là bài kiểm tra đầu tiên. Hãy nhìn vào vết mực ở hình dưới.



Bạn thấy vết mực có hình gì?

Cảm ơn rất nhiều. Khi đọc đến những phần sau, các bạn sẽ biết hình ảnh vừa vụt qua trong đầu tiết lộ nhiều điều về bản thân.

Giới thiệu

Mở đầu, hãy cùng tìm hiểu xem điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta tiến hành thí nghiệm với một chú chó được cho là có khả năng tâm linh, và bắt đầu đặt chân vào một thế giới nơi mà mọi thứ dường như đều có thể và không có gì là chắc chắn như chúng ta tưởng.

Một vài suy nghĩ thoáng qua ngay khi tôi nhìn sâu vào trong đôi mắt của Jaytee. Chú chó nhỏ đáng yêu này thực sự có khả năng tâm linh ư? Nếu không, làm cách nào mà nó có thể xuất hiện trên khắp các mặt báo trên toàn thế giới? Và nếu nó thực sự có thể dự đoán tương lai, liệu nó có biết trước được rằng thí nghiệm của chúng tôi sẽ thành công? Vào khoảnh khắc đáng quý đó, Jaytee ho nhẹ một tiếng, ngả về phía trước rồi nôn hết lên giày của tôi.

Quãng thời gian gắn bó giữa tôi và Jaytee đã là mười năm trước. Lúc đó, tôi mới ngoài ba mươi và đang cố tiến hành thực nghiệm để xem liệu chú chó nhỏ này có khả năng biết trước khi nào người chủ sẽ về nhà hay không. Khi ấy, tôi đã có hơn mười năm kinh nghiệm điều tra những hiện tượng huyền bí, trải qua nhiều đêm không ngủ ở những ngôi nhà bị ma ám, kiểm tra tính xác thực của những người có khả năng tâm linh và tiến hành các thí nghiệm về khả năng ngoại cảm trong phòng thí nghiệm.

Niềm đam mê với những điều không thể lý giải bắt đầu nhen nhóm trong tôi vào năm 8 tuổi, khi lần đầu tiên tôi được xem một màn ảo thuật. Ông tôi bảo tôi đánh dấu các ký tự đầu tiên trong tên của mình vào một đồng xu, rồi ông làm đồng xu biến mất, và tiết lộ rằng nó đã được chuyển vào một cái hộp kín bằng một cách kỳ diệu nào đó. Vài tuần sau, ông giải thích bí mật của màn ảo thuật đó và tôi ngay lập tức bị cuốn hút. Vài năm sau, tôi cố gắng học tất cả những gì có thể về những mảnh khóc ảo thuật và chiêu trò đánh lừa cảm giác con người. Tôi tìm kiếm trong các hàng sách cũ những cuốn sách ít ai biết đến về thủ thuật trình diễn, tham gia vào câu lạc bộ ảo thuật tại địa phương, rồi bắt đầu trình diễn cho bạn bè và người thân. Đến tuổi thiếu niên, tôi đã dắt túi trên dưới hàng trăm lần biểu diễn và trở thành một trong những thành viên trẻ tuổi nhất của hội Magic Circle đầy uy tín.

Để có thể đánh lừa khán giả, ảo thuật gia cần phải hiểu cách con người suy nghĩ và hành động. Cụ thể hơn, họ phải biết làm thế nào để bạn không nhận biết chính xác những gì đang diễn ra ngay trước mắt, ngăn cản bạn tìm ra lời giải đáp cho những mảnh khoe, và khiến bạn tin vào trí nhớ sai lệch của mình về những điều bạn vừa tận mắt chứng kiến. Sau khi đều đặn đánh lừa người khác hai lần mỗi tối trong nhiều năm liền, tôi dần cảm thấy hứng thú với khía cạnh này của hành vi con người, và quyết định theo học ngành Tâm lý học tại trường Đại học London.

Giống như những ảo thuật gia khác, tôi đặc biệt nghi ngờ sự tồn tại của những sự việc huyền bí, và xếp chúng vào một ngăn tủ đựng tài liệu trong tâm trí với nhãn dán “không có thật, nhưng là chủ đề thú vị để trò chuyện khi tụ tập đông người”. Thế nhưng, vào cuối năm thứ nhất ở trường đại học, một sự việc đã thay đổi hoàn toàn cách nhìn của tôi. Một ngày nọ, tôi bật ti vi trong phòng kí túc xá và vô tình xem được phần cuối của một chương trình về khoa học và những hiện tượng siêu nhiên. Một nhà tâm lý học trẻ tuổi tên Sue Blackmore xuất hiện trên màn hình và giải thích rằng cô ấy cũng bị cuốn hút bởi những âm thanh kỳ lạ trong đêm. Và những điều cô ấy nói hôm đó có ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp của tôi. Thay vì cố chứng minh tính xác thực của những hiện tượng khó hiểu, Sue cho rằng việc tìm hiểu nguyên nhân tại sao con người lại có những cảm giác kỳ lạ này có ý nghĩa hơn rất nhiều. Tại sao người mẹ nghĩ họ có thể thần giao cách cảm với con mình? Tại sao người ta tin rằng bản thân đã nhìn thấy ma quỷ? Tại sao có những người tin rằng số mệnh của họ được định sẵn? Bỗng chốc, tôi như được khai sáng. Trước đó, tôi chưa bao giờ có ý định nghiên cứu về những hiện tượng huyền bí. Thật lãng phí khi dùng thời gian để chứng minh sự tồn tại của những sự việc mà nhiều khả năng là không có thật. Lời nói của Sue làm tôi nhận ra việc nghiên cứu những hiện

tượng lạ cũng có rất nhiều giá trị nếu ta bỏ qua bản thân sự tồn tại của những hiện tượng ấy và tập trung vào khía cạnh tâm lý ẩn sâu bên trong niềm tin và trải nghiệm của mỗi người.

Khi tìm hiểu kĩ hơn, tôi phát hiện ra Sue không phải là người duy nhất tiếp cận những hiện tượng dị thường theo chiều hướng này. Trên thực tế, đã có nhiều nhà nghiên cứu dành cả cuộc đời để khám phá những điều mà các hiện tượng huyền bí tiết lộ về hành vi, đức tin và não bộ của con người. Những con người tiên phong phá cách này đã dám bước đi trên con đường không ai chọn và tiến hành những thí nghiệm lạ lùng nhất trong lịch sử, ví dụ như xét nghiệm đầu của người có khả năng đọc suy nghĩ hàng đầu thế giới, thu thập thông tin về các dị giáo, cố gắng cân khối lượng linh hồn của người đang hấp hối, hay thử nghiệm trên một con chồn biết nói. Và giống như việc phù thủy kì bí của xứ Oz thực ra chỉ là một người bình thường đứng sau tấm màn thao túng mọi chuyện, công việc này của những nhà nghiên cứu đã cung cấp những hiểu biết quan trọng và đáng kinh ngạc về yếu tố tâm lý trong cuộc sống hằng ngày và tâm thức con người.

Nghiên cứu của tôi với chú chó nhỏ được xem là có khả năng tâm linh Jaytee là một ví dụ điển hình của cách tiếp cận trên.

Trước khi tự mình nỗ lực để trở thành một chuyên gia có uy tín như hôm nay, Paul McKenna đã từng dẫn một chương trình truyền hình về những hiện tượng kỳ bí. Tôi là một trong những nhà khoa học thường xuyên góp mặt trong chương trình, đưa ra quan điểm của bản thân về những màn trình diễn xuất sắc, những thí nghiệm cùng sự kiện nổi bật. Có lần, một người đàn ông xuất hiện để trình diễn khả năng tạo ra tia lửa điện từ những ngón tay, hay một lần khác Paul kêu gọi hàng

triệu khán giả tác động từ xa đến kết quả xổ số bằng cách tập trung vào bảy con số đặc biệt trong quá trình quay thưởng (ba trong số bảy số đó là chính xác).

Một tập của chương trình chiếu một đoạn phim thú vị về chú chó nhỏ tên Jaytee. Theo như đoạn phim đó, Jaytee có khả năng phi thường là dự đoán được khi nào cô chủ Pam trở về nhà. Pam sống với cha mẹ và họ để ý rằng Jaytee luôn ngồi trước cửa sổ trước lúc con gái họ về nhà. Một tờ báo đã đăng một bài về khả năng tuyệt vời này của Jaytee trong khi một công ty truyền hình của Áo đã tiến hành thí nghiệm đầu tiên với chú chó. Thí nghiệm này cũng được trình chiếu trong chương trình của Paul McKenna, trong đó một người quay phim đi theo Pam khi cô di chuyển xung quanh thị trấn còn một người khác ghi hình Jaytee ở nhà bố mẹ cô ấy. Khi Pam quyết định sẽ đi về nhà, Jaytee liền chạy ra cửa sổ và ở yên đó cho đến khi cô chủ về. Tôi, Pam và Jaytee đều có mặt trong chương trình đó và đã cùng nhau trò chuyện về đoạn phim. Tôi rất tò mò về trường hợp này và Pam đã gợi ý mời tôi tiến hành một kiểm tra chuyên sâu hơn với chú chó dường như có khả năng tâm linh của mình.

Vài sau, tôi cùng trợ lý nghiên cứu của mình, Matthew Smith, quyết định đi đến Ramsbottom ở tây bắc nước Anh để kiểm tra Jaytee. Chúng tôi gặp mặt và mọi chuyện diễn ra rất suôn sẻ. Pam vô cùng thân thiện, tôi và Matthew rất thích Jaytee và chú chó cũng có vẻ thích chúng tôi.

Lần kiểm tra đầu tiên, Matthew và Pam lái xe đến một địa điểm công cộng cách nhà cô 8 dặm rồi chọn giờ về bằng một thiết bị tạo số ngẫu nhiên. Con số họ thu được là 9 giờ tối. Cùng lúc đó, tôi ghi hình liên tục khung cửa sổ yêu thích của Jaytee để đảm bảo không bỏ sót bất kỳ hành động nào của chú chó này. Khi Pam

và Mat trở về từ quán bar, chúng tôi tua lại cuộn phim và hào hứng quan sát hành động của Jaytee. Điều thú vị là chú chó này đã tới bên cạnh cửa sổ trong khoảng thời gian quy định. Cho tới lúc đó, mọi chuyện dường như vẫn khả quan. Nhưng khi chúng tôi xem nốt phần còn lại của đoạn phim, bí mật kỹ năng bề ngoài đó của Jaytee dần sáng tỏ. Chú chó dường như rất thích cái cửa sổ khi xuất hiện ở đây những 13 lần trong quá trình quay phim. Ở lần thứ thứ hai vào ngày hôm sau, Jaytee cũng đi đến chỗ cửa sổ 12 lần. Dường như khoảng thời gian chú chó ở cạnh cửa sổ chưa thể là một tín hiệu chắc chắn như cái cách đài truyền hình Áo gợi ý. Pam giải thích rằng mùa hè có lẽ không phải là một thời điểm thích hợp cho thí nghiệm này vì có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến Jaytee, ví dụ như những con chó cái xung quanh đang trong mùa giao phối hay sự xuất hiện của những người buôn cá.

Vào tháng 12, chúng tôi quay trở lại Ramsbottom một lần nữa để tiến hành thử nghiệm thêm hai lần. Ở lần đầu tiên, Jaytee đi đến chỗ cửa sổ bốn lần, trong đó có một lần cách mười phút ngay trước khi Matthew và Pam trở về. Một kết quả tương đối tốt, nhưng chưa đủ sức nặng. Ở lần kiểm tra cuối cùng, Jaytee xuất hiện ở chỗ cửa sổ tám lần. Một lần trong số đó ngay vừa lúc Matthew và Pam bắt đầu quay về, nhưng chú chó chỉ dừng vài giây ở đấy trước khi chạy ra vườn và nôn hết lên giày của tôi.

Nhìn chung, đây không phải là chứng cứ đủ sức thuyết phục về khả năng kì diệu của động vật¹. Tuy nhiên, câu hỏi đáng quan tâm ở đây không phải là liệu động vật thực sự có khả năng tâm hay linh hay không, mà là tại sao con người có xu hướng tin rằng họ có mối liên hệ tinh thần với thú nuôi của mình? Câu trả lời cho chúng ta hiểu thêm nhiều về một trong những cách cơ bản nhất con người nhìn nhận thế giới.



Đoạn băng ghi hình trong thử nghiệm của Jaytee

www.richardwiseman.com/paranormality/Jaytee.html

Năm 1967, vợ chồng nhà tâm lý học Loren và Jean Chapman đến từ Đại học Wisconsin đã tiến hành một thí nghiệm kinh điển cho đến ngày nay². Nghiên cứu của họ sử dụng một công cụ đánh giá tâm lý phổ biến những năm 1960 là bài kiểm tra “Thử vẽ một người”. Theo những bác sĩ thời kỳ ấy, hoàn toàn có thể sử dụng bức vẽ một người bình thường của mỗi cá nhân để phát hiện những vấn đề tiềm tàng như hoang tưởng, ức chế tình dục và trầm cảm. Tuy nhiên, vợ chồng nhà Chapman nghi ngờ bài kiểm tra này sẽ không còn chính xác khi được nghiên cứu kỹ lưỡng. Sau cùng thì, rất nhiều những mối liên hệ mà người ta dựa vào để đưa ra kết luận trong bài kiểm tra này, ví dụ như người bị bệnh hoang tưởng sẽ vẽ đôi mắt rất to, dường như khớp đến đáng ngạc nhiên với định kiến xã hội đã ăn sâu vào suy nghĩ mỗi người, và ông bà Chapman nghi ngờ rằng các bác sĩ cũng có sẵn những định kiến như thế trong đầu. Để kiểm tra giả thuyết này, một nhóm sinh viên được cho xem những bức tranh vẽ người của các bệnh nhân hoang tưởng, cùng với miêu tả ngắn gọn về triệu chứng của họ, ví dụ như: “Anh ấy rất đa nghi”, “Anh ấy lo lắng rằng mình không đủ nam tính”, “Anh ấy lo lắng vì bị bắt luyến”. Sau khi xem xét những bức tranh và triệu

chúng, các tình nguyện viên được hỏi liệu họ có nhận ra bất kỳ khuôn mẫu nào từ những dữ liệu đó. Điều thú vị là các sinh viên này cũng đưa ra những khuôn mẫu giống hệt các chuyên gia vẫn sử dụng trong nhiều năm. Ví dụ, họ nghĩ rằng những bệnh nhân hoang tưởng sẽ vẽ những đôi mắt bất thường, người lo lắng về độ nam tính của bản thân sẽ vẽ những đôi vai rộng trong khi cơ quan sinh dục nhỏ là dấu hiệu của những vấn đề liên quan đến sự bất lực.

Có một vấn đề nhỏ ở đây. Vợ chồng Chapman đã ghép cặp những bức vẽ và triệu chứng với nhau một cách ngẫu nhiên, vậy nên không hề có một kiểu mẫu nào trong dữ liệu. Những tình nguyện viên đã nhìn thấy những điều không tồn tại. Nghiên cứu của gia đình Chapman đã hoàn toàn bác bỏ mức độ đáng tin cậy của bài kiểm tra “Thử vẽ một người”, và quan trọng hơn nữa, mang tới một cái nhìn sâu sắc hơn về tâm lý con người. Niềm tin của chúng ta không ở yên trong não bộ chờ đợi một cách bị động để được khẳng định hay phủ nhận bởi thông tin mới, mà trái lại, chúng đóng một vai trò quan trọng trong cách con người nhìn nhận thế giới. Điều này đặc biệt chính xác khi ta đối mặt với những điều trùng hợp. Chúng ta thường rất hay để ý đến những sự trùng hợp, nhất là khi chúng có vẻ phù hợp với niềm tin của bản thân. Như trong thí nghiệm của vợ chồng Chapman, các tình nguyện viên đều tin rằng những người bị bệnh hoang tưởng sẽ vẽ những đôi mắt lớn, và vì thế chỉ để ý đến những cá nhân có bức vẽ như vậy mà coi nhẹ những bức tranh của các bệnh nhân hoang tưởng với đôi mắt hoàn toàn bình thường.

Nguyên tắc này hoàn toàn có thể áp dụng đối với những hiện tượng huyền bí. Chúng ta đều thích nghĩ rằng bản thân có khả năng tâm linh tiềm ẩn và trở nên phấn khích khi vừa nhớ đến một người bạn thì chuông điện thoại liền reo lên và người đó

đang ở đầu dây bên kia. Khi đó, chúng ta quên hết tất cả những lần mình nghĩ đến người bạn đó và điện thoại reo lên, nhưng người gọi lại là một người chào hàng cửa sổ hai lớp kính. Và cả những lần chúng ta không nhớ đến ai cả nhưng họ vẫn gọi điện đến. Tương tự như vậy, khi ngày hôm sau xảy ra những sự việc giống hệt với giấc mơ đêm trước, chúng ta hay ngộ nhận mình có khả năng tiên tri mà bỏ đi hết những giấc mơ không thành sự thật. Điều này cũng đúng với những khả năng kì diệu của động vật. Nếu tin rằng người chủ thực sự có liên kết tâm linh với thú nuôi của họ, chúng ta sẽ để ý đến những lần con vật dường như dự đoán được người chủ sắp về nhà mà bỏ qua những lần nó không thể đoán trước hoặc đưa ra dự đoán sai.

Quan trọng hơn, cơ chế này cũng dẫn chúng ta đến những nhận định sai lầm về các vấn đề sức khỏe. Giữa những năm 90, hai nhà nghiên cứu Donald Redelmeier và Amos Tversky quyết định tìm hiểu mối tương quan giữa bệnh đau khớp và thời tiết³. Cả ngàn năm nay con người ta vẫn tin rằng đau nhức xương khớp thường tái phát khi nhiệt độ, áp suất không khí và độ ẩm thay đổi. Để kiểm chứng điều này, Redelmeier và Tversky tập hợp một nhóm bệnh nhân viêm khớp mãn tính và yêu cầu họ tự đánh giá mức độ đau của mình hai lần một trong vòng một năm. Cùng khoảng thời gian đó, đội nghiên cứu sẽ thu thập các dữ liệu về nhiệt độ, khí áp và độ ẩm ở nơi họ sống. Tất cả các bệnh nhân đều tin rằng những cơn đau khớp của họ liên quan mật thiết đến thời tiết. Mặc dù vậy, những dữ liệu thu được lại chứng minh điều hoàn toàn ngược lại. Một lần nữa, họ chỉ tập trung vào những lần cơn đau trầm trọng có liên quan đến một số điều kiện thời tiết đặc biệt mà quên đi những trường hợp khác, rồi nhầm tưởng rằng hai yếu tố đó liên quan đến nhau.

Tương tự như vậy, chúng ta hẳn đã nghe đến những người

được chữa lành một cách thần kỳ nhờ cầu nguyện, mà quên mất những người khỏi bệnh dù không cầu nguyện hoặc vẫn cầu nguyện nhưng không qua khỏi, và đi đến kết luận sai lầm rằng việc cầu nguyện có tác dụng. Hoặc khi đọc được thông tin về việc ai đó có thể chữa khỏi ung thư nhờ ăn rất nhiều cam, chúng ta quên mất những người được điều trị thành công mà không ăn cam hoặc ăn cam nhưng vẫn không khỏi và tin rằng cam có tác dụng chữa ung thư.

Hiệu ứng tâm lý này thậm chí còn góp phần làm gia tăng nạn phân biệt chủng tộc, khi người ta nhìn thấy những người thuộc nhóm dân tộc thiểu số thực hiện những hành động bạo lực, mà bỏ qua những người dân tộc là công dân tốt và những kẻ ưa bạo lực xuất thân từ tầng lớp khác, rồi kết luận rằng những người thuộc dân tộc thiểu số thường có xu hướng phạm tội.

Nghiên cứu của tôi với Jaytee khởi đầu bằng một cuộc điều tra chú chó được nghi ngờ có khả năng tâm linh và kết thúc với việc làm sáng tỏ một trong những sai lầm cơ bản nhất của con người khi nhìn nhận về thế giới xung quanh. Đó là lý do tại sao tôi có niềm đam mê với khoa học siêu nhiên. Mỗi chuyến đi đưa bạn vào một cuộc hành trình đến một nơi vô định mà bạn không biết sẽ gặp được ai hay sẽ tìm thấy điều gì ở đó.

Chúng ta sắp sửa dẫn thân vào một cuộc hành trình trong thế giới đầy bí ẩn của khoa học siêu nhiên. Trong những câu chuyện cổ tích diệu kỳ, chúng ta sẽ được gặp rất nhiều tuyến nhân vật đa dạng, đi vào hậu trường với những ảo thuật gia kỳ cựu, quan sát hoạt động của các giáo chủ đầy sức hút, và tham dự những buổi gọi hồn đáng kinh ngạc. Mỗi chuyến phiêu lưu sẽ hé lộ những hiểu biết đặc biệt và bất ngờ về những hiệu ứng tâm lý ẩn sâu trong cuộc sống thường nhật, ví dụ như lý do chúng

ta sợ những âm thanh kỳ quái xuất hiện trong đêm, vì sao tiềm thức mỗi người có sức mạnh lớn hơn rất nhiều so với hình dung ban đầu, hay người khác có thể điều khiển tâm trí bạn bằng cách nào. Hành trình này không đơn giản chỉ như cưỡi ngựa xem hoa. Xuyên suốt đường đi, bạn sẽ phải xắn tay áo lên và tiến hành một vài thí nghiệm. Mỗi một bài kiểm tra là một cơ hội để khám phá sâu hơn những bí mật trong tâm thức bạn, khuyến khích bạn đo lường năng lực trực giác của bản thân, đánh giá xem mình dễ bị tác động đến mức nào, hay khám phá xem liệu mình có phải là kẻ có khả năng nói dối thiên bẩm.

Đã gần đến giờ khởi hành. Hãy chuẩn bị tinh thần để tiến vào một thế giới nơi mà tất cả mọi thứ đều có thể và không có điều gì là chắc chắn như đã tưởng. Một thế giới mà sự thật đôi khi còn lạ lẫm hơn sự hư cấu. Một thế giới mà tôi coi như là nhà trong suốt hơn hai mươi năm qua.

Nhanh lên nào, một cơn bão đang tới, và chúng ta sẽ bắt đầu cuộc hành trình tiến vào một thế giới thậm chí còn diệu kỳ hơn cả xứ Oz...

1. Bói toán

Ở phần này, chúng ta sẽ gặp gỡ "Ngài D" bí ẩn và đến thăm thị trấn không tồn tại ở Lake Wobegon để tìm hiểu cách thuyết phục những người lạ rằng chúng ta biết tất cả về họ và khám phá ra con người thật sự của mình.

Vì nhiều lý do sẽ trình bày về sau, tôi sẽ không công khai tên thật của Ngài D. Sinh năm 1934 ở miền Bắc nước Anh, người đàn ông phi thường này dành phần lớn cuộc đời mình làm việc trong vai trò một chuyên gia về tâm linh và được biết đến rộng rãi nhờ khả năng bói toán chính xác. Khi tôi còn học ở Đại học Edinburgh, Ngài D liên lạc với tôi và hỏi liệu tôi có hứng thú xem ông đưa ra vài lời tiên đoán hay không. Ngay lập tức, tôi đồng ý với thiện chí này và mời Ngài D đến trường đại học của mình để có thể ghi hình lúc ông làm việc. Vài tuần sau, hai chúng tôi gặp nhau ở sảnh của Khoa Tâm lý học. Tôi cho ông xem phòng thí nghiệm của mình và giải thích rằng tôi đã sắp xếp một nhóm tình nguyện viên rất hào hứng được trải nghiệm việc bói toán. Ngài D nhanh chóng chuẩn bị bàn của mình, lấy ra những lá bài Tarot và quả cầu thủy tinh, rồi đợi đối tượng thí nghiệm đầu tiên. Ngay sau đó, cánh cửa mở ra và một nữ tiếp viên quầy rượu 43 tuổi tên Lisa bước vào. Tôi nhấn nút “ghi hình” trên máy quay và đi sang phía bên kia của một tấm kính hai chiều.

Ngài D không hề biết về Lisa trước khi xem bói. Khi bắt đầu, Lisa được yêu cầu duỗi cánh tay phải ra với lòng bàn tay hướng lên trên. Sau khi xem xét kỹ lưỡng bàn tay của Lisa với chiếc kính lúp có tay cầm hình một cái sừng, Ngài D liền miêu tả tính cách của cô. Gần như ngay lập tức, Lisa gật đầu và mỉm cười. Ngay sau đó, ông bảo cô hãy tráo bộ bài Tarot rồi đặt nó ở giữa bàn. Ngài D lật từng lá bài một lên và giải thích ý nghĩa của chúng. Trong vài phút, ông ấy nói rằng Lisa có một người anh trai và miêu tả công việc của anh ta khá cụ thể. Sau đấy Ngài D cũng cho rằng Lisa vừa mới kết thúc một mối quan hệ trong thời gian dài.

Lượt của Lisa diễn ra trong khoảng mười phút. Khi kết thúc, tôi liền phỏng vấn cô về khoảng thời gian giữa cô và Ngài

D. Lisa cho biết cô cực kỳ ấn tượng với Ngài D, và giải thích rằng ông ấy đã nói đúng đến thế nào về tính cách, những khó khăn trong mối quan hệ gần đây cũng như về sự nghiệp của anh trai cô. Khi được hỏi đánh giá của mình về độ chính xác trong những diễn giải của Ngài D, Lisa cho ông điểm rất cao.

Trong buổi sáng có thêm vài người tới nữa và tất cả đều bị thuyết phục rằng Ngài D có khả năng phi thường. Sau bữa trưa, Ngài D xem lại quá trình làm việc của mình và giải thích kỹ hơn về khả năng của ông ấy. Đó thực sự là một trải nghiệm hấp dẫn và khai sáng cho tôi nhiều điều. Trong một vài tiếng, Ngài D không chỉ cho tôi một cái nhìn hiếm có vào thế giới của những chuyên gia tâm linh mà còn tiết lộ cách để gần như hầu hết mọi người phát triển được khả năng này. Cuối ngày, ông cất bộ bài Tarot và nói lời tạm biệt. Thật không may, tôi không bao giờ có thể gặp lại Ngài D lần nữa vì ông ấy đã qua đời vì đau tim một vài năm sau đó. Mặc dù vậy, cái ngày tôi được làm việc cùng ông luôn ở trong tâm trí tôi, và chúng ta sẽ trở lại với bí mật đằng sau tài năng nhìn thấu đường như rất kỳ diệu của ông vào phần sau của chương này.



Đoạn băng ghi hình thí nghiệm của Ngài D khi làm việc

www.richardwiseman.com/paranormality/MrD.html

Mỗi năm có hàng triệu người tìm đến những người có khả năng tâm linh và khi ra về hoàn toàn bị thuyết phục rằng những

người này có khả năng nhìn thấu những điều ẩn sâu trong họ. Liệu họ đang tự lừa dối chính mình, là nạn nhân của những âm mưu lừa đảo tí mĩ, hay thực sự là có ma quỷ? Để tìm ra sự thật, một nhóm nhỏ những nhà nghiên cứu đã xem xét kĩ lưỡng năng lực siêu nhiên của những thầy bói, cô đồng, nhà ngoại cảm dưới lăng kính hiển vi, và nhà điều tra lỗi lạc nhất trong số đó là ảo thuật gia theo chủ nghĩa hoài nghi, James Randi.

Buổi gọi hồn vào một chiều thứ tư âm áp

Randall James Hamilton Zwinge sinh năm 1928¹ ở Toronto. Năm 12 tuổi, ông được xem một màn trình diễn của ảo thuật gia nổi tiếng người Mĩ Harry Blackstone Sr. Được khơi nguồn cảm hứng từ buổi biểu diễn đó, Zwinge đã cố gắng học hỏi càng nhiều càng tốt về thế giới bí mật của những phép màu, và cuối cùng ông bắt đầu trình diễn một cách thường xuyên.

Như những nhà ảo thuật khác, Zwinge cũng có chút hoài nghi về những vấn đề huyền bí. Năm 15 tuổi, có lần ông đi dọc nhà thờ Duy linh ở địa phương và cảm thấy kinh tởm bởi những gì mình nhìn thấy. Mọi người trong giáo đoàn được khuyến khích mang theo những phong thư dán kín chứa những câu hỏi dành cho những người yêu thương vừa mất của mình. Vị giáo sĩ bí mật đọc những tin nhắn rồi tự trả lời thay cho “người chết”. Zwinge đã cố vạch trần trò lừa đảo này, nhưng ông đã làm các giáo sĩ khó chịu và kết cục là bị bắt giữ ở đồn cảnh sát địa phương.

Thế nhưng, ông không hề sợ hãi, mà còn nuôi một chòm râu dê và đổi tên mình thành James “The Amazing” Randi, bắt đầu sự nghiệp phong phú và lâu dài với vai trò một ảo thuật gia và người thoát thân (escapologist) chuyên nghiệp. Trong nhiều năm, Randi đã tham gia hàng loạt những màn trình diễn giật gân, bao gồm việc ở trong một chiếc quan tài kim loại được bịt kín trong 104 phút (hơn mười phút so với kỷ lục cũ của Houdini), đặt cột mốc xuất hiện 22 lần trong chương trình *The Tonight Show* của Johnny Carson, góp mặt trong một tập của chương trình *Happy Days*, thoát khỏi chiếc áo bó tay trong khi bị treo lơ lửng trên thác Niagara, và dường như đêm nào cũng chém đầu huyền thoại nhạc rock Alice Cooper.

Bên cạnh sự nghiệp ảo thuật gia, Randi cũng tiếp tục cuộc thập tự chinh chống lại việc dùng những điều huyền bí để lừa đảo. Những cuộc điều tra của ông rất nổi tiếng và đã đạt được những thành công nhất định, vậy nên vào năm 1996, ông đã thành lập Quỹ tài trợ Giáo dục James Randi. Trang web của quỹ tự giới thiệu đây là “một nguồn hỗ trợ giáo dục về những hiện tượng huyền bí, các môn giả khoa học và hiện tượng siêu nhiên”, đồng thời cũng đưa ra một thách thức táo bạo cho những người có năng lực tâm linh. Phần thưởng của thách thức này lên đến cả triệu đô la.

Cuối những năm 1960, Randi xuất hiện trên một chương trình đối thoại radio và giải thích lý do ông cho rằng những người tự nhận rằng có năng lực tâm linh hoặc là đang tự lừa dối chính mình hoặc đang lừa dối người khác. Một nhà cận tâm lý học (parapsychologist) tham gia chương trình gợi ý rằng ông nên chứng minh lời nói của mình thông qua việc treo giải thưởng bằng tiền mặt cho bất kỳ ai chứng minh được họ có năng lực tâm linh. Randi chấp nhận lời thách thức và treo giải 1.000 đô. Sau nhiều năm, Randi đã tăng mức thưởng lên 100.000 đô, và rồi cuối những năm 1990, một người ủng hộ giàu có cho quỹ của Randi đã nâng giải thưởng lên mức một triệu đô la cho bất kỳ ai chứng minh được sự tồn tại của năng lực siêu nhiên và làm thỏa mãn một hội đồng kiểm tra độc lập (đến nay vẫn chưa có ai làm được điều này). Hơn một thập kỷ, cơ hội một bước trở thành triệu phú này đã thu hút hàng hà sa số những ứng cử viên, từ những nhà ngoại cảm có khả năng đoán được thứ tự từng lá bài trong bộ bài đã tráo, đến những người có khả năng dùng móc treo và thanh nẹp để tìm mạch nước ngầm, hay thậm chí cả một phụ nữ cố gắng sử dụng sức mạnh tâm trí của mình để làm người lạ đi tiểu tiện. Tất cả đều thất bại...

Năm 2008, một cô đồng người Anh tên Patricia Putt đăng

kí tham dự thử thách của Randi. Putt tin rằng cô có khả năng thu thập thông tin về người sống bằng cách nói chuyện với những bạn bè và người thân đã mất của người đó. Randi đã nhờ tôi và Chris French, Giáo sư Tâm lý học tại trường Cao đẳng Goldsmiths ở London kiểm tra khả năng của Putt².

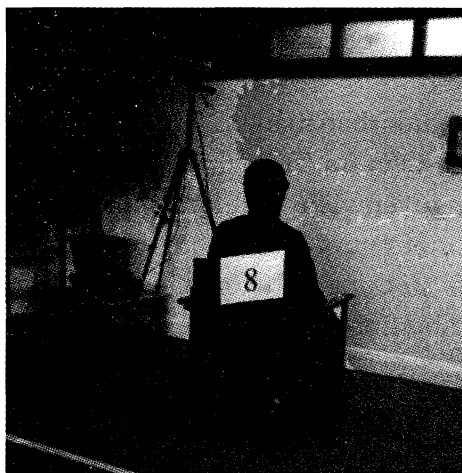
Putt sống ở Essex và là một cô đồng nghiệp kinh nghiệm đã diễn giải cho các cá nhân và hội nhóm trong nhiều năm. Theo như thông tin trên website, phần lớn công việc của cô được thực hiện với sự trợ giúp vô giá của linh hồn dẫn lối đến từ Ai Cập tên “Ankhara”. Cô gặp linh hồn này lần đầu tiên khi đang thực hiện thôi miên để trở lại kiếp trước của mình. Trang web của Putt cũng đưa ra rất nhiều ví dụ và những bằng chứng xác đáng về thế giới linh hồn, cũng như liệt kê một số chương trình truyền hình và truyền thanh có sử dụng dịch vụ của cô.

Sau nhiều cuộc thảo luận, Putt, French và tôi thống nhất về nội dung của bài kiểm tra. Thí nghiệm sẽ diễn ra trong một ngày với mười tình nguyện viên. Putt không biết ai cả, và sẽ cố gắng để liên lạc với một người bạn hay người thân đã mất của tình nguyện viên, rồi sử dụng linh hồn dẫn lối của mình để xác định thông tin cũng như tính cách và cuộc sống của tình nguyện viên.

Ngày quan trọng cuối cùng cũng đến. Mỗi tình nguyện viên được sắp xếp đến thư viện của French vào một thời điểm khác nhau trong ngày. Để loại trừ khả năng Putt biết được bất kỳ thông tin nào khi quan sát vẻ ngoài của những tình nguyện viên, French yêu cầu họ bỏ hết đồng hồ hoặc trang sức, chỉ mặc áo choàng đen dài và đội mũ trùm đầu đen hờ mắt.

Mỗi tình nguyện viên được yêu cầu ngồi vào một chiếc ghế đối diện với bức tường trong phòng kiểm tra. Sau đó, Putt sẽ đi

vào, ngồi chỗ chiếc bàn ở phía đối diện của căn phòng và thử liên lạc với thể giới linh hồn. Ngay khi cô nghĩ mình đã có thể kết nối trực tiếp với cõi âm, Putt liền tìm một linh hồn có quen biết người tình nguyện và lẳng lặng viết lại những thông tin về người đó. Vai trò của tôi trong bài kiểm tra này là đưa Putt vào và ra khỏi phòng kiểm tra tại thời điểm thích hợp, ở cùng cô khi cô đang liên lạc với những linh hồn, và về cơ bản là ở bên cạnh cô cả ngày hôm đấy. Tôi và Putt dành nhiều thời gian giữa các phần để nói chuyện. Tôi hỏi cô liệu có mặt trái nào trong việc làm một nhà tâm linh chuyên nghiệp không. Cô giải thích mà không hề có một chút mỉa mai rằng mình sẽ rất bức bối khi có người hẹn gặp nhưng rồi lại không xuất hiện.

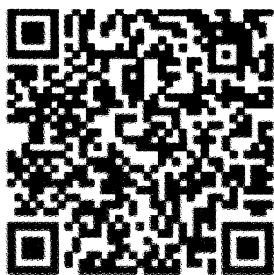


Một người tình nguyện trong bài kiểm tra của Patricia Putt.

Sau khi Putt hoàn thành cả mười phiên làm việc với từng người, những tình nguyện viên quay trở lại phòng kiểm tra. Họ được đưa cho xem tất cả những diễn giải Putt đã viết trong ngày và được yêu cầu tìm xem đoạn nào là viết về họ. Nếu như Putt

thực sự có siêu năng lực, nhiệm vụ đó hẳn sẽ rất dễ dàng với những tình nguyện viên. Ví dụ, hãy tưởng tượng rằng một người trong số họ lớn lên ở miền quê, đã dành nhiều thời gian để đi du lịch quanh nước Pháp, và gần đây mới kết hôn với một nam diễn viên. Nếu như Putt thực sự có thể kết nối trực tiếp với thế giới linh hồn, thì cô sẽ nhắc đến một tuổi thơ được bao quanh bởi cây cỏ, sự nặng mùi của phô mai, hoặc cách nói: “Em yêu, đó là một chiến công.” Ngay khi người đó đọc được những bình luận như vậy, họ sẽ biết ngay chúng nói về mình, vậy nên việc lựa chọn đúng sẽ không quá khó khăn. Putt sẽ vượt qua bài kiểm tra nếu quá nửa số người chọn đúng phần diễn giải về họ.

Mỗi người tham gia sẽ xem xét thật kĩ càng những diễn giải của Putt để chọn ra phần mà họ cho là chính xác nhất về mình. Chúng tôi đều có mặt ở văn phòng của French để xem Putt sẽ được bao nhiêu điểm. Người số Một chọn phần diễn giải lẽ ra của người số Bảy trong khi phần diễn giải của người số Sáu, người ngồi ngay trước mặt Putt, lại được chọn bởi người số Hai, và cứ thế. Thực tế, không một ai xác định đúng phần diễn giải của họ. Putt sững sờ trước kết quả và thề rằng sẽ quay trở lại với lời khẳng định mới mẻ và xuất sắc hơn³.



Buổi phỏng vấn với giáo sư Chris French

www.richardwiseman.com/paranormality/ChrisFrench.html

Bạn có thể cho rằng Putt không thành công vì cô ấy phải làm việc trong điều kiện mọi thứ đều được sắp xếp hết. Xét cho cùng, trừ khi phải làm việc tại một hội nghị của những người hướng nội bất chước Người Doi nghiệp dư, còn không thì sẽ rất hiếm khi cô được yêu cầu bói cho những người chỉ mặc áo choàng đen, đội mũ trùm đầu đen, và quay mặt đi chỗ khác. Vấn đề nằm ở chỗ, những thí nghiệm khác được tiến hành trong những hoàn cảnh tự nhiên hơn cũng cho ra kết quả tương tự.

Đầu những năm 1980, hai nhà tâm lý học Hendrik Boerenkamp và Sybo Schouten đến từ Đại học Utrecht đã dành 5 năm để nghiên cứu sức mạnh huyền bí của 12 nhà tâm linh có tiếng người Hà Lan⁴.

Đội nghiên cứu đến thăm mỗi nhà tâm linh ở nhà của họ vài lần trong một năm (“Ông ấy có lường trước là anh sẽ đến không?”), cho họ xem bức ảnh của một ai đó mà họ chưa từng biết đến và yêu cầu họ cung cấp những thông tin về người trong ảnh. Đội nghiên cứu cũng tiến hành một quy trình y hệt với những người không có khả năng tâm linh. Sau khi ghi nhận và phân tích hơn 10.000 trường hợp, kết quả cho thấy những người tự nhận có năng lực tâm linh không hề thể hiện tốt hơn những người bình thường, và cả hai nhóm đều không cho thấy độ chính xác cao.

Những nghiên cứu không thành công như thế này không phải là điều gì quá xa lạ, mà rất bình thường⁵.

Hơn một thế kỷ nay, giới nghiên cứu đã kiểm tra rất nhiều trường hợp tự nhận có khả năng tâm linh và tất cả đều không đúng. Trên thực tế, sau khi xem xét lại rất nhiều nghiên cứu khác nhau, Sybo Schouten kết luận rằng biểu hiện của những nhà

ngoại cảm hoàn toàn phụ thuộc vào may rủi. Có vẻ như nếu xét đến năng lực của các nhà ngoại cảm và đồng cốt, giải thưởng triệu đô của Randi vẫn được an toàn.

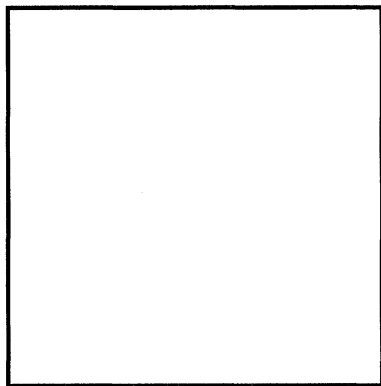
Tuy vậy, những cuộc khảo sát lại cho thấy cứ khoảng sáu người thì có một người tin rằng những diễn giải nhà tâm linh nói với họ là chính xác⁶.

Để khám phá bí ẩn này, chúng ta cần phải biết được bí mật của những nhà tâm linh. Có một vài cách để làm được như họ. Ví dụ, bạn có thể theo học những chương trình phát triển khả năng tâm linh trong vài tuần để mở ra tâm nhãn của mình, hay đăng kí học những khoá học dài hàng tháng về liên lạc với thế giới bên kia ở một trường cao đẳng và cố gắng tìm sự đồng điệu với những người đã mất. Hoặc nếu không, bạn có thể tiết kiệm được rất nhiều thời gian và công sức bằng cách quên hết tất cả những điều đó. Dù vô tình hay cố ý, những thầy đồng, cô đồng hay nhà tâm linh đều sử dụng một loạt những kỹ thuật tâm lý khéo léo để tạo ấn tượng rằng họ có thể nhìn thấu quá khứ, hiện tại và tương lai. Ta có thể tạm gọi những kỹ thuật này là “đọc nguội”, và nó sẽ tiết lộ rất nhiều về bản chất cơ bản của cách chúng ta tương tác hằng ngày. Để tìm hiểu kĩ hơn, chúng ta hãy cùng quay trở lại với một người bạn thân quen ở chương này.

Hé lộ về Ngài D bí ẩn

Trước khi tiếp tục cuộc hành trình của chúng ta vào khía cạnh tâm lý học của bói toán, tôi muốn các bạn làm thử bài kiểm tra tâm lý gồm hai phần sau đây.

Đầu tiên, hãy tưởng tượng hình ảnh dưới đây diễn tả một hố cát rất lớn nhìn từ trên cao. Sau đó, hãy nghĩ rằng một ai đó đã chọn một chỗ bất kỳ trong hố cát này để chôn giấu một kho báu. Bạn chỉ có duy nhất một cơ hội để đào xuống và tìm kho báu. Không cần suy nghĩ quá nhiều, hãy đánh dấu “X” vào nơi mà bạn chọn.



Thứ hai, hãy nghĩ tới một hình dạng hình học đặt bên trong một hình khác.

Cảm ơn các bạn rất nhiều. Chúng ta sẽ nói về những câu trả lời này ở phần sau.

Ở ngay đầu chương I, tôi đã mô tả chuyến ghé thăm của Ngài D tới Đại học Edinburgh và chứng tỏ khả năng tuyệt vời của ông. Trong quá trình bói, những người hoàn toàn xa lạ ngồi đối diện với ông, và khi rời đi, họ hoàn toàn tin rằng ông biết tất cả về mình. Một trong những lần bói toán ấn tượng nhất của ông là với Lisa, người đã không thể hiểu tại sao Ngài D biết được những thông tin chính xác đến như thế về tính cách, sự nghiệp của người anh và cả những khó khăn trong mối quan hệ của cô.

Bây giờ thì có thể bạn đã đoán ra, Ngài D không hề có năng lực nào đặc biệt cả. Trên thực tế, ông ấy sử dụng kỹ thuật đọc ngụ ý để giả mạo khả năng tâm linh và rất vui lòng tiết lộ bí quyết làm ăn của mình. Ngài D sử dụng 6 kỹ thuật tâm lý để đạt được những điều tưởng như không thể⁷.

Để hiểu được kỹ thuật đầu tiên, chúng ta cần đến thăm thị trấn không-tồn-tại ở Lake Wobegon.

1. Khéo ăn nói sẽ giúp bạn làm bất cứ điều gì

Giữa những năm 1980, nhà văn và diễn viên hài người Mỹ Garrison Keillor tạo ra một thị trấn ảo tên là Lake Wobegon. Theo như Keillor, Lake Wobegon nằm ở trung tâm của bang Minnesota, nhưng không thể nào được tìm thấy trên bản đồ vì năng lực còn hạn chế của những người vẽ bản đồ vào thế kỷ 19. Khi miêu tả cư dân ở đây, Keillor nhấn mạnh rằng “phụ nữ đều rất khoẻ mạnh, nam giới đều rất đẹp trai còn những đứa trẻ đều xuất sắc hơn bình thường”. Dù chỉ là lời nói đùa, nhưng bình luận của Keillor phản ánh một qui tắc tâm lý quan trọng mà ngày nay được gọi là “hiệu ứng Lake Wobegon”.

Hầu hết thời gian chúng ta đều đưa ra những quyết định dựa trên lý trí. Mặc dù vậy, trong một số trường hợp nhất định, não bộ lại đánh lừa bạn, và rồi bạn quên hết luôn những lý lẽ. Các nhà tâm lý học phát hiện ra rằng nguyên nhân chủ chốt gây nên tính phi lý trong các quyết định xoay quanh một hiện tượng kỳ lạ gọi là “xu hướng ái kỷ”. Hầu hết chúng ta đều có một cái tôi yếu đuối và phải dùng đủ mọi cách để bảo vệ bản thân khỏi thực tế tàn nhẫn của thế giới bên ngoài. Chúng ta rất giỏi thuyết phục chính mình rằng thành công trong cuộc sống là do chúng ta, nhưng thất bại thì là tại người khác. Chúng ta tự lừa dối bản thân rằng mình đặc biệt, xuất sắc hơn người khác, và chúng ta sẽ nhận được nhiều vận may hơn bình thường trong tương lai. Lối suy nghĩ ái kỷ này có thể dẫn đến những hệ quả kịch tính. Trong ví dụ nổi tiếng nhất của hiện tượng này, một nhóm nghiên cứu hỏi mỗi người trong những cặp đôi đã bên nhau một thời gian dài thử ước lượng khối lượng việc nhà mà họ phải làm. Gần như tất cả các cặp đôi đều có kết quả cộng lại vượt quá 100%. Điều này có nghĩa là mỗi người đều có xu hướng ái kỷ, chỉ tập trung vào phần việc của mình mà hạ thấp đóng góp của người bạn đời.

Nhưng thông thường, tính ích kỷ này là tốt cho bạn. Nó làm bạn cảm thấy tích cực về bản thân mình, thúc đẩy bạn thức dậy mỗi sáng, giúp bạn đương đầu với những thách thức, và động viên bạn khi mọi thứ dần trở nên khó khăn. Cụ thể, nghiên cứu đã chỉ ra rằng mọi người thường lạc quan thái quá cả về tính cách và khả năng của mỗi người. 94% mọi người cho rằng mình có khiếu hài hước trên trung bình, trong khi 80% tài xế tự nhận mình xuất sắc hơn những người tài xế bình thường (đáng chú ý là con số này vẫn đúng với những người đang ở trong viện bởi vì tai nạn giao thông), và 75% số người kinh doanh khẳng định mình có đạo đức hơn những người khác⁸. Điều này cũng đúng khi đề cập đến tính cách. Khi được cho xem những đặc điểm

tích cực, mọi người thường nhanh chóng chọn ô “Đúng, đó là tôi”, dẫn đến tình trạng hầu như tất cả mọi người đều tin rằng bản thân họ có tinh thần hợp tác cao, cẩn thận, trách nhiệm, thân thiện, đáng tin, tháo vát, lịch sự và đáng trông cậy hơn người bình thường. Những ảo tưởng này là cái giá chúng ta phải trả cho niềm hạnh phúc, thành công và sự kiên cường chúng ta có được trong suốt cuộc đời mình.

Một người có khả năng đọc ngụy tốt sẽ tận dụng lối suy nghĩ ái kỷ này bằng cách nói rằng bạn rất tuyệt vời. Những phiên bói toán của Ngài D ngập tràn những lời tán tụng. Chỉ một vài giây nhìn qua bàn tay của Lisa, Ngài D nói rằng cô ấy có trí tuệ tượng phong phú, có khả năng sáng tạo thiên bẩm và rất tỉ mỉ. Ngay sau đó, Lisa được cho biết rằng cô đáng ra có thể trở thành nhà tâm linh vì cô có trực giác tốt, có khả năng đặc biệt khi đưa ra ý kiến của mình về người khác mà không làm tổn thương họ, và là người rất chu đáo. Mỗi khi Lisa nghe được những lời khen như thế, hiệu ứng Lake Wobegon được kích hoạt, và khiến cô hoàn toàn không thể lý giải được tại sao Ngài D có thể đưa ra những phán đoán chính xác về con người mình.

Nhưng kỹ thuật đọc ngụy không chỉ đơn giản là đến thăm Lake Wobegon. Kỹ thuật này còn bao gồm cả một hiệu ứng ít người biết đến là “Dartmouth Indians đối đầu với Princeton Tigers”.

2. Thấy điều bạn muốn thấy

Trong Giải Bóng bầu dục các trường Đại học của Mỹ vào năm 1951, đội Dartmouth Indians đối đầu với đội Princeton Tigers. Đó thực sự là một trận đấu khốc liệt khi một tiền vệ của đội Princeton bị gãy mũi còn một cầu thủ đội Dartmouth phải

rời sân trên cang với cái chân bị gãy. Mặc dù vậy, các tờ báo từ hai trường đại học lại tường thuật trận đấu theo những cách rất khác nhau. Những phóng viên đến từ Dartmouth miêu tả những cầu thủ Princeton đã gây ra nhiều rắc rối như thế nào, trong khi những đồng nghiệp của họ bên Princeton lại đổ hết mọi lỗi lầm cho đội Dartmouth. Đó có đơn thuần chỉ là sự ưu ái của truyền thông? Hai nhà tâm lý xã hội học Albert Hastorf và Hadley Cantril cảm thấy hiện tượng này rất thú vị và tìm đến các sinh viên của hai trường Dartmouth và Princeton đã theo dõi trận đấu đó để phỏng vấn về những gì họ đã xem⁹. Mặc dù cùng theo dõi một trận đấu, sinh viên hai trường lại tập trung vào những hành động hoàn toàn khác nhau, dẫn đến có rất nhiều góc nhìn về những gì đã xảy ra. Cụ thể hơn, khi được hỏi có phải đội Dartmouth là bên chơi “rần” trước, 36% sinh viên trường Dartmouth đồng ý với điều này so với 8% sinh viên của Princeton. Tương tự, chỉ có 8% sinh viên đến từ Dartmouth nghĩ rằng đội của họ đã chơi “rần” một cách không cần thiết, trong khi con số này của trường Princeton là 35%. Các nhà nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng hiện tượng tương tự (thường được biết đến là “kỳ ức chọn lọc”) diễn ra trong rất nhiều hoàn cảnh khác nhau – khi những người có niềm tin vững chắc được tiếp cận với những thông tin mơ hồ liên quan đến quan điểm của họ, họ sẽ chỉ thấy những điều họ muốn thấy.

Hiệu ứng “Dartmouth Indians đối đầu với Princeton Tigers” cũng góp phần lý giải cho sự thành công trong kết quả bói toán của Lisa. Khi lần đầu thấy bàn tay của Lisa, Ngài D đã nói đến rất nhiều khía cạnh khác nhau trong tính cách của cô, đưa ra những tiên đoán về một nét tính cách rồi lại kèm theo các tiên đoán về một nét tính cách khác đối lập hoàn toàn với nó. Ông nói với Lisa rằng cô vừa nhạy cảm lại vừa thực tế, và mặc dù nhiều người cho rằng cô hay xấu hổ nhưng thực ra cô không hề e ngại nói ra suy nghĩ của mình. Cũng giống như cách mà sinh

viên hai trường Dartmouth và Princeton chỉ nhớ những phần trong trận đấu phù hợp với định kiến của họ, Lisa cũng chỉ tập trung vào những phần dự đoán mà cô tin là đúng với mình mà bỏ qua những thông tin sai lệch. Lisa chỉ nghe những gì cô ấy muốn nghe, và hoàn toàn bị thuyết phục rằng Ngài D thực sự có khả năng bí ẩn.

Tiếp sau hai hiệu ứng “Lake Wobegon” và “Dartmouth Indians đối đầu với Princeton Tigers”, yếu tố cơ bản thứ ba của kỹ thuật đọc nguội là hiệu ứng “Tiến sĩ Fox”.

3. Sự hình thành của ý nghĩa

Hãy cùng nhìn vào hình ảnh bên dưới:



Nếu chữ cái “A” được đặt ở một bên của kí tự trên, và chữ cái “C” ở bên còn lại, phần lớn mọi người sẽ dễ dàng nhìn ra được hình ảnh đó là chữ “B”.



Thế nhưng, khi đặt số “12” lên trên và số “14” xuống phía dưới, hình ảnh này sẽ trở thành số “13”.



Nếu lấu cá một chút, bạn có thể đặt cả chữ “A” và “C” ở bên trái và phải, đồng thời đặt số “12” và “14” ở bên trên và dưới. Vậy là hình ảnh của chúng ta liên tục chuyển đổi giữa chữ “B” và con số “13”.



Những hình ảnh trên minh họa rất rõ một đặc điểm cơ bản của tri giác con người. Ở trong đúng ngữ cảnh, con người rất nhuần nhuyễn trong việc vô thức hiểu được ngay lập tức ý nghĩa của những thứ tưởng chừng vô nghĩa. Nguyên tắc này giúp con người nhìn thấy đủ mọi hình dạng trong những vết mực, đám mây hay bánh kẹp nướng. Nếu nhìn chăm chú vào một hình dạng bất kỳ đủ lâu, những đồ vật, khuôn mặt hay con số sẽ bất ngờ hiện ra.

Quá trình này cũng diễn ra thường xuyên trong những cuộc đối thoại hằng ngày. Khi bạn nói chuyện với một ai đó, cả hai đều cố gắng hết sức để truyền tải suy nghĩ của mình đến người kia. Nhiều điều bạn nói có thể mơ hồ không rõ nghĩa, nhưng não bộ chúng ta rất xuất sắc trong việc hiểu ngữ nghĩa khi được đặt trong văn cảnh cụ thể, nên cuộc hội thoại vẫn trôi chảy. Tuy nhiên, đôi lúc quá trình này hoạt động quá mức cần thiết làm bạn nhìn thấy được ý nghĩa bên trong những thứ vốn dĩ không hề có ý nghĩa nào cả.

Vào những năm 1970, Donald Naftulin và những đồng nghiệp của ông đến từ Đại học Nam California đã chứng minh sức mạnh của quy tắc này theo một cách rất kịch tính¹⁰. Naftulin đã viết một bài giảng hoàn toàn vô nghĩa về mối quan hệ giữa toán học và hành vi con người, rồi sắp xếp để cho một diễn viên trình bày bài giảng này ở một hội thảo giáo dục, và hỏi khán giả là những nhà tâm thần học, tâm lý học và hoạt động xã hội xem họ nghĩ gì. Trước buổi thuyết trình, Naftulin đã cẩn thận nhắc nam diễn viên phải nhắm thuộc lời thoại của mình và hướng dẫn anh ta đối phó với phần hỏi đáp ba mươi phút bằng cách “nói nước đôi, dùng nhiều từ mới, lời lẽ không nhất quán, và phát biểu nhiều điều mâu thuẫn”. Tại cuộc hội thảo, Naftulin giới thiệu người nam diễn viên là “Tiến sĩ Myron L. Fox” và tóm tắt qua sự nghiệp đầy ấn tượng nhưng chỉ là hư cấu của anh chàng. Trong khoảng một tiếng rưỡi tiếp theo, khán giả bị tấn công tới tấp bởi những lời nói vô nghĩa và những ý kiến đầy mâu thuẫn. Vào cuối buổi, Naftulin phát cho mỗi người một bản khảo sát để xin ý kiến phản hồi.

Cũng giống như cách mà bạn nhìn thấy một hình ảnh vô nghĩa nhưng có thể lý giải theo hai hướng là chữ “B” hoặc số “13”, những khán giả ở đây cũng lĩnh hội được những tri thức

trong bài giảng vô nghĩa của Giáo sư Fox. Theo bản khảo sát, giáo sư Fox đã có “một bài thuyết trình tuyệt vời”, “rất lưu loát” và “một bản phân tích tốt về chuyên môn”. Khi được yêu cầu đánh giá bài thuyết trình, 85% khán giả cho rằng vị giáo sư khó hiểu Fox đã trình bày rất mạch lạc, 70% khen ngợi cách anh chàng dẫn ra các ví dụ, và gần 95% cảm thấy bài thuyết trình khơi dậy hứng thú trong họ.

Naftulin không phải là người duy nhất phơi bày khả năng biến không thành có tuyệt vời của não bộ con người. Giữa những năm 1960, chuyên gia về trí thông minh nhân tạo đến từ Học viện Công nghệ Massachusetts – Joseph Weizenbaum đã tạo ra một chương trình máy tính nhằm tái hiện lại trải nghiệm khi đến gặp bác sĩ tâm lý. Phần mềm này có tên là ELIZA (đặt theo tên của Eliza Doolittle, cô gái bán hoa thuộc tầng lớp lao động, được dạy để ăn nói đúng mực trong câu chuyện *Pygmalion*) và rất dễ hiểu. Mở đầu, ELIZA luôn yêu cầu người bệnh nói về vấn đề của họ, sau đó sử dụng một số quy tắc đơn giản để phản hồi lại những mẫu câu khác nhau. Ví dụ, nếu một người sử dụng cấu trúc: “Tôi vừa mới x”, ELIZA sẽ trả lời: “Bạn nói bạn vừa mới x?” Khi nào một người viết “Tôi nghĩ thế,” ELIZA sẽ phản hồi bằng: “Bạn nghĩ như thế vì một lý do đặc biệt nào đó phải không?” Nếu những gì được viết ra không khớp với mẫu câu tiêu chuẩn, ELIZA được lập trình để sử dụng một cụm từ dự bị là “Hãy nói cho tôi biết thêm.” Giờ hãy thử tưởng tượng bạn đến hỏi ý kiến của ELIZA về việc thay đổi nghề nghiệp. Buổi nói chuyện sẽ diễn ra như sau:

ELIZA: Hãy nói cho tôi biết về vấn đề của bạn.

Bạn: Tôi mới đổi việc.

ELIZA: Bạn nói bạn vừa mới đổi việc phải không?

Bạn: Đúng vậy, tôi không chắc chắn lắm đó là một quyết định chính xác.

ELIZA: Bạn có vẻ khá là lạc quan.

Bạn: Tôi nghĩ thế.

ELIZA: Bạn có thể nói rõ hơn không?

Bạn: Được thôi, tôi cảm thấy đó là việc tôi cần phải làm.

ELIZA: Tôi không nghĩ là tôi hiểu ý bạn hoàn toàn.

Bạn: Tôi là kiểu người tin tưởng vào cảm giác của mình.

ELIZA: Cảm giác của bạn?

Bạn: Đúng, bạn biết đấy, khi mà bạn có linh cảm gì đấy.

ELIZA: Bạn rất chắc chắn.

Bạn: Tôi nghĩ thế.

ELIZA: Bạn nói thế vì một lý do đặc biệt nào đó phải không?

Bạn: Tôi lo lắng rằng tôi nên làm công việc cũ thì tốt hơn.

ELIZA: Thật sự như vậy ư?

Bạn: Có thể nói là như vậy.

ELIZA: Tôi hiểu.

Mặc dù chỉ đưa ra một loạt những câu vô thưởng vô phạt, ELIZA đã trở nên rất nổi tiếng và thuyết phục được rất nhiều người rằng họ thực sự đang được nói chuyện với một bác sĩ tâm lý nhiều kinh nghiệm.

Tương tự như vậy, chính trị gia là những người ý thức rất rõ về hiệu ứng này. Họ thường xuyên sử dụng những câu chữ mù mờ không rõ nghĩa, thậm chí là đầy mâu thuẫn trước công chúng và hoàn toàn yên tâm rằng những cử tri sẽ nghe được những điều họ muốn nghe. (“Chúng ta phải luôn sẵn sàng nhìn lại và có can đảm để bước tiếp, để thừa nhận quyền lợi của người lao động lẫn tổ chức, để hỗ trợ những người cần sự giúp đỡ mà không khuyến khích họ chỉ trông chờ vào nhà nước.”) Ngay cả giới học thuật cũng không miễn nhiễm với hiệu ứng này. Giữa những năm 1990, nhà vật lý học Alan Sokal đến từ Đại học New York nghĩ rằng lối hành văn phức tạp vô nghĩa

như vừa kể trên là khởi nguồn của nhiều nghiên cứu văn hoá hậu hiện đại. Để kiểm chứng giả thuyết của mình, ông đã cho công bố một bài báo hoàn toàn vô nghĩa trên một tạp chí khoa học chuyên ngành¹¹. Bài báo tên là “Vượt qua giới hạn: Hướng đến phương pháp thông diễn tạo nên những biến đổi lớn lao cho khái niệm hấp dẫn lượng tử”, trong đó sử dụng rất nhiều những nguồn tham khảo không liên quan, những câu trích dẫn tùy hứng và không có ý nghĩa gì. Cụ thể, một phần của bài báo đưa ra luận điểm rằng hấp dẫn lượng tử có thể được ứng dụng trong cả lĩnh vực chính trị và nhấn mạnh rằng: “Bởi lẽ hiện tại công cụ toán học mang tính cách mạng như thế này không tồn tại, vậy nên chúng ta chỉ có thể phỏng đoán về nội dung cuối cùng của nó mà thôi. Chúng ta có thể nhận thấy những dấu hiệu của điều đó ở trong lý luận đa chiều và phi tuyến tính của lý thuyết hệ thống xoắn; nhưng cách tiếp cận này vẫn còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nguồn gốc của nó trong cuộc khủng hoảng về những mối quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản đương đại.” Những biên tập viên của tờ tạp chí chuyên ngành đó đã không thể phát hiện ra chiêu trò này và cho xuất bản bài viết.

Ý tưởng đơn giản này giúp giải thích rất nhiều về sự thành công của những diễn giải tâm linh. Nhiều lời phán của những thầy bói và cô đồng đều rất mơ hồ, để từ đó có thể suy ra nhiều cách lý giải khác nhau. Ví dụ như khi thầy bói cho rằng “có sự thay đổi lớn về nhà cửa” thì có thể hiểu theo rất nhiều cách như là chuyển nhà, giúp người khác chuyển nhà, thừa kế một ngôi nhà, thuê chỗ trọ mới, hay thậm chí mua nhà ở nước ngoài để đi nghỉ dưỡng. Những lời này đều không đề cập đến thời gian, nên chúng hoàn toàn có thể xảy ra cả trong quá khứ, hiện tại hoặc tương lai. Khách hàng sẽ nỗ lực rất nhiều để hiểu những bình luận này. Họ sẽ rà soát lại cuộc đời mình và cố tìm cho ra những điểm tương đồng. Bằng cách đó, họ tự thuyết phục chính

mình rằng lời thầy bói là chính xác. Quá trình này thường được bắt đầu ngay từ khi người thầy bói khẳng định rõ rằng họ không thể đưa ra nội dung chính xác. Thay vào đó, họ cho rằng mọi thứ giống như nhìn xuyên qua lớp kính mờ khói hay chỉ như nghe được những giọng nói trong màn đêm. Và khách hàng chính là người phải bổ sung những chỗ còn chưa rõ ràng. Cũng giống như Tiến sĩ Fox và ELIZA, những nhà tâm linh sẽ nói nhiều câu rất vô nghĩa nhưng người nghe lại biến nó thành những lời phân uyên thâm. Nhà nghiên cứu Geoffrey Dean miêu tả hiện tượng này là “Hiệu ứng Procrustean”, đặt theo tên một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, kẻ sẽ kéo dài hoặc chặt tay chân của những vị khách để đảm bảo họ nằm vừa chiếc giường của hắn.

Phần bói toán của Ngài D cũng gồm toàn những lời bình luận vô nghĩa như thế. Lisa được nói rằng “bản tính con người cô rất chu đáo”, “cô sẽ có sự biến động trong công việc”, và có ai đó trong cuộc đời cô đang “thực sự gặp khó khăn”, và cô vừa mới “được nhận quà từ một đứa trẻ”. Phần thú vị nhất của buổi nói chuyện là khi Ngài D nói với Lisa rằng anh trai cô đã đạt được thành công lớn trong công việc và đang cân nhắc khả năng tham gia một tổ chức có thể giúp anh ấy đạt được nhiều thành công hơn nữa. Ngài D thực sự cũng không biết mình đang nói về điều gì. Những bình luận này có thể được hiểu là người anh sẽ thay đổi công việc hay trở thành một thành viên của một tổ chức chuyên nghiệp, phòng tập thể hình, đội thể thao, câu lạc bộ riêng tư hay hiệp hội kinh doanh. Mặc dù vậy, Lisa hiểu ý đó của ngài D dựa trên hoàn cảnh thực tế là anh của cô vừa mới được mời tham gia Hội Tam điểm. Khi chúng tôi phỏng vấn Lisa sau đó, cô đặc biệt bị ấn tượng bởi lời phán đó và nhầm lẫn rằng Ngài D đã đề cập cụ thể đến anh trai cô ấy và Hội Tam điểm.

Vậy là trong 6 kỹ thuật tâm lý được tận dụng khi đọc

ngươi, chúng ta đã khám phá hiệu ứng “Lake Wobegon”, hiệu ứng “Dartmouth Indians đối đầu với Princeton Tigers”, và hiệu ứng “Tiến sĩ Fox”. Hãy nghỉ ngơi một chút trước khi chúng ta tiến đến nguyên lý thứ tư của kỹ thuật đọc ngươi...

LÀM SAO ĐỂ THUYẾT PHỤC NGƯỜI LA RẰNG BẠN BIẾT TẤT CẢ VỀ HỌ: PHẦN MỘT

Đây là lúc để bạn thành thạo những kỹ thuật tâm lý được sử dụng bởi những nhà tâm linh chuyên nghiệp để dùng cho mục đích cá nhân của mình. Trước khi bắt đầu, hãy xác định “kỹ năng” nào bạn muốn thể hiện là mình có sở hữu. Tốt nhất là nên chọn kỹ năng phù hợp với nhu cầu của người mà bạn muốn gây ấn tượng. Ví dụ, nếu bạn nghĩ người ấy thoải mái với thuật xem tướng số qua bàn tay, hãy nói rằng bạn có thể biết rất nhiều về họ từ đường chi tay. Nếu họ có hứng thú với thiên văn, hãy giải thích rằng bạn có thể xem quá khứ và tương lai của họ mà chỉ cần biết ngày sinh. Hoặc ngay cả khi họ không tin tưởng những phạm trù huyền bí, hãy bảo họ vẽ một ngôi nhà và dùng nó để đọc vị “tâm lý” của họ.

Tiếp theo, tập sử dụng 3 kỹ thuật sau đây:

1. Khen ngợi

Hãy bắt đầu bằng cách nói những lời họ muốn nghe. Hãy nhìn vào bàn tay, ngày sinh hay bức vẽ ngôi nhà của họ và nói rằng nó phản ánh một tính cách rất cân bằng. Cố gắng hết sức để giữ một vẻ mặt nghiêm túc khi tỏ vẻ mình đang tìm hiểu sâu thêm, giải thích rằng dường như họ là một người rất biết quan tâm, có trách nhiệm, thân thiện, sáng tạo và lịch sự. Thêm nữa, đừng quên đề cập rằng họ cũng có trực giác rất tốt, nhờ vậy họ có thể bói cho những người khác nữa.

2. Nói nước đôi

Khi bạn miêu tả bất kỳ một đặc điểm nào và điều đối lập của nó, mọi người sẽ chỉ tập trung vào phần diễn tả phù hợp với họ. Hãy sử dụng cách nói nước đôi vào năm phạm trù quan trọng trong tính cách con người bằng những câu sau:

Sự tự do: “Có những thời điểm bạn rất bay bổng và sáng tạo, nhưng cũng có thể rất lý trí và thực tiễn khi cần thiết.”

Tính kỷ luật: “Bạn đánh giá cao giá trị của sự ổn định trong nhiều mặt của cuộc sống, nhưng cũng có khi lại rất thích bùng nổ và trở nên khó dự đoán.”

Sự cởi mở: “Bạn luôn thoải mái và dễ gần khi bạn muốn, nhưng đôi khi chỉ thích một buổi tối một mình với một cuốn sách hay.”

Sự hoà hợp: “Bạn bè luôn thấy bạn đáng tin và thân thiện, nhưng bạn cũng có một mặt cạnh tranh đôi lúc sẽ xuất hiện.”

Tâm lý bất ổn: “Mặc dù bạn hay cảm thấy bất an về mặt cảm xúc và có phần mệt mỏi, song tổng thể bạn vẫn cảm thấy tương đối thoải mái và dễ chịu.”

3. Nói thật mơ hồ

Mặc dù bạn cũng có thể nói những câu cụ thể nhưng hơi

kỳ quặc (“Bạn có một người em gái tên Joanne, một nỗi sợ không lý giải nổi với cháo yến mạch, và bạn mới mua một chiếc xe cũ màu vàng... phải không? Tôi không nghĩ thế”), nhưng nhìn chung, tốt hơn hết là bạn chỉ nên đưa ra những lời phán mơ hồ. Để làm được điều này, hãy nói rằng bạn gặp chút khó khăn để hiểu những suy nghĩ và hình ảnh hiện ra trong tâm trí, và nhờ họ giúp bạn hiểu xem chuyện gì đang xảy ra.

Về mặt câu chữ cụ thể, hãy thử nói: “Tôi cảm thấy có một sự thay đổi lớn, có thể là một chuyến đi đâu đó hay một sự thay đổi về chỗ làm”, “Gần đây bạn mới được nhận một món quà, có thể là tiền hoặc cái gì đó có giá trị về mặt cảm xúc phải không?”, “Tôi có cảm giác bạn đang lo lắng về một người thân trong gia đình hoặc một người bạn thân?” Tương tự, cứ thoải mái nói ra những ý tưởng trừu tượng như là: “Tôi thấy một vòng tròn khép kín – điều đó có nghĩa gì với bạn không?”, “Tôi thấy một cánh cửa đóng lại – dù cho bạn kéo mạnh thế nào đi nữa nó cũng không mở ra” hay “Tôi thấy sự dọn dẹp – bạn có đang cố gắng xóa bỏ điều gì hay ai đó khỏi cuộc đời mình không?”

Giờ chúng ta sẽ tiếp tục khám phá những nguyên lý của kỹ thuật đọc ngụy bằng cách câu cá.

4. Sử dụng chiến thuật “Mồi nhử”

Trong những cuộc nói chuyện hằng ngày, con người ai cũng cố gắng hết sức để truyền đạt suy nghĩ và ý kiến của mình. Tuy nhiên, ngay cả khi một người chỉ nói và một người chỉ nghe thì thông tin cũng không chỉ chảy một chiều từ người nói sang người nghe. Trên thực tế, đối thoại là một tương tác hai chiều trong đó người nghe luôn luôn phản hồi lại người nói. Để cho người nói biết là mình đã hiểu hay để thể hiện sự đồng tình, người nghe thường gật đầu, mỉm cười hay nói “Đồng ý”. Hoặc để thể hiện là họ đang băn khoăn hay không đồng tình, người nghe có thể tỏ ra bối rối, lắc đầu hoặc nói: “Bạn là đồ ngốc, hãy rời khỏi đây.” Cách này hay cách khác, những phản hồi như vậy cực kỳ quan trọng với sự thành công của những cuộc đối thoại thường nhật.

Những thầy bói cô đồng đã tận dụng ý tưởng đơn giản này hết mức có thể. Khi đưa ra những lời diễn giải, họ thường kèm theo nhiều bình luận và xem xem khách hàng sẽ phản ứng với điều gì rồi tập trung vào khai thác những điều ấy. Cũng giống như giới chính trị gia hay những người bán xe cũ, họ không nói những gì họ nghĩ, thay vào đó họ thăm dò phản ứng người nghe và thay đổi những thông điệp dựa trên những phản hồi nhận được. Những phản hồi này được thể hiện rất đa dạng. Họ sẽ quan sát xem liệu khách hàng của mình có gật đầu, mỉm cười, ngả về trước khi đang ngồi hay bất chợt trở nên nghiêm túc để thay đổi những câu bình luận cho hợp lý (đây cũng là một lý do người xem chỉ tay thường thích cầm bàn tay bạn trong quá trình xem). Và Ngài D là một người rất lão luyện kỹ thuật tên là “Mồi nhử” này.

Con người thường có xu hướng tham khảo những nhà tâm linh về một số những vấn đề tiềm ẩn như sức khỏe, các mối quan hệ, kế hoạch du lịch, sự nghiệp hay tài chính. Khi xem những lá bài Tarot, Ngài D đề cập lần lượt đến từng chủ đề và bí mật quan sát phản ứng của Lisa. Cô trông khỏe mạnh và không có phản ứng nào đáng kể khi Ngài D đề cập đến chuyện cô có một vài cơn đau. Những câu hỏi về sự nghiệp cũng không nhận được nhiều sự chú ý. Rồi ông tiếp tục nhắc đến chủ đề du lịch nhưng Lisa vẫn chưa có động thái nào rõ ràng. Cuối cùng, Ngài D cũng chuyển chủ đề đến cuộc sống tình cảm. Ngay khoảnh khắc ông đề cập đến chuyện tình cảm, thái độ của Lisa thay đổi hoàn toàn và đột nhiên trở nên rất nghiêm túc. Ngài D ngay lập tức biết được rằng mình đã phát hiện được điều gì đó và tiếp tục đào sâu hơn vào chủ đề này. Ông liền nhìn vào những chỉ tay của Lisa, nhận xét về một sự thay đổi tương tượng trên đường trái tim và nói rằng ông không chắc điều đó thể hiện sự ra đi của một ai đó trong gia đình hay một mối quan hệ nào khác không thể tiến triển thêm nữa. Lisa hoàn toàn không có phản ứng gì với gợi ý trước, nhưng nhanh chóng gạt đầu khi được nghe về một mối quan hệ tan vỡ. Khoảng mười phút sau Ngài D lật lên một lá bài Tarot khác và tự tin nói rằng cô ấy mới chia tay với người yêu của mình. Lisa thực sự sững sờ.

BẠN CÓ GIỎI ĐÁNH GIÁ NGƯỜI KHÁC?

Bên cạnh những kỹ thuật được nhắc đến trong chương này, những người có khả năng đọc nguội nói rằng họ cũng thường có những linh cảm về khách hàng của mình, và kỳ lạ thay những linh cảm này thường khá chính xác. Điều gì tạo nên cảm giác lạ lùng này, và liệu bạn có giỏi đánh giá người khác?

Vài năm trước, hai nhà tâm lý học Anthony Little đến từ Đại học Stirling và David Perrett đến từ Đại học St Andrews đã tiến hành một thí nghiệm hết sức thú vị về mối quan hệ giữa khuôn mặt và tính cách của một người¹³. Có khoảng gần 200 người tham gia và họ phải hoàn thành một bản khảo sát đánh giá năm phạm trù tính cách đã được đề cập ở phần trước (sự tự do, tính kỷ luật, sự cởi mở, sự hòa hợp và tâm lý bất ổn). Sau đó những nhà nghiên cứu chụp ảnh những người nam và nữ được điểm cao nhất và thấp nhất ở mỗi phạm trù và sử dụng một chương trình máy tính để pha trộn những khuôn mặt đó lại với nhau thành một khuôn mặt nam và nữ duy nhất. Khi kết thúc, họ có được 4 hình ảnh khác biệt: một đại diện cho nữ điểm thấp, một cho nữ điểm cao và tương tự với nam giới. Nguyên lý đằng sau kỹ thuật này rất đơn giản. Hãy tưởng tượng chúng ta có ảnh chân dung của hai người. Cả hai đều có lông mày rậm và đôi mắt sâu, nhưng một người có mũi nhỏ còn người kia mũi to hơn nhiều. Để kết hợp hai khuôn mặt lại với nhau, trước hết những nhà nghiên cứu chụp lại hai bức ảnh vào máy tính, xử lý những khác biệt về ánh sáng, rồi khéo léo điều chỉnh hình ảnh để đảm bảo rằng những

vị trí đặc biệt trên khuôn mặt như khóe mắt hay khóe môi gần như được giữ nguyên. Sau đó, một hình được chèn lên hình còn lại, và các đường nét trung bình của hai khuôn mặt sẽ được tính toán. Nếu cả hai khuôn mặt đều có lông mày rậm và đôi mắt sâu, khuôn mặt trung bình cũng sẽ có những đặc điểm này. Còn nếu một khuôn mặt có cái mũi nhỏ và một có cái mũi to, hình ảnh sau cùng sẽ có cái mũi vừa.

Đội nghiên cứu sau đó giới thiệu những khuôn mặt nam nữ đã được kết hợp này cho một nhóm khác có 40 người và yêu cầu họ đánh giá những khuôn mặt đó dựa trên những phạm trù tính cách ở trên. Thật đặc biệt khi những đánh giá của họ có độ chính xác tương đối cao. Ví dụ như hình ảnh kết hợp của nhóm những người thoải mái hòa đồng được đánh giá là rất hướng ngoại trong khi hình ảnh của nhóm kỷ luật cao được nhìn nhận rất đáng tin cậy. Tóm lại, trong một chừng mực nhất định thì tính cách của bạn được thể hiện hết qua khuôn mặt của bạn.

Tôi đã sử dụng những hình ảnh kết hợp của nhóm nữ trong nghiên cứu này để tạo nên một bài kiểm tra ngắn gọn vui vẻ để khám phá xem liệu bạn có khả năng đánh giá người khác không¹⁴. Bạn chỉ việc trả lời năm câu hỏi sau:

1. Ai trong hai người này trông có vẻ thân thiện hơn?



A



B

2. Ai trong hai người này trông có vẻ đáng tin hơn?



A



B

3. Ai trong hai người này trông có vẻ hòa đồng hơn?



A



B

4. Ai trong hai người này trông có vẻ lo lắng hơn?

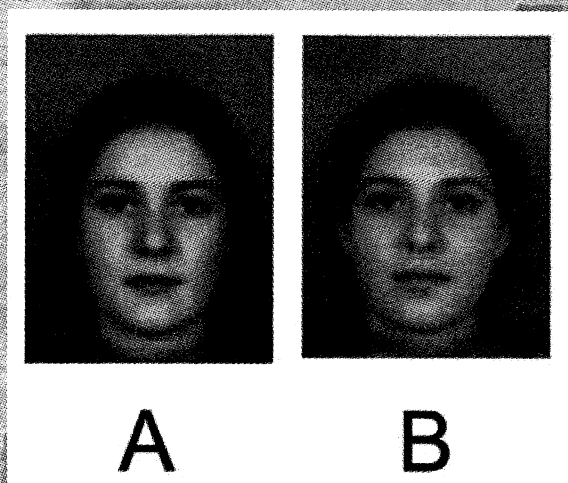


A



B

5. Ai trong hai người này trông có vẻ giàu trí tưởng tượng hơn?



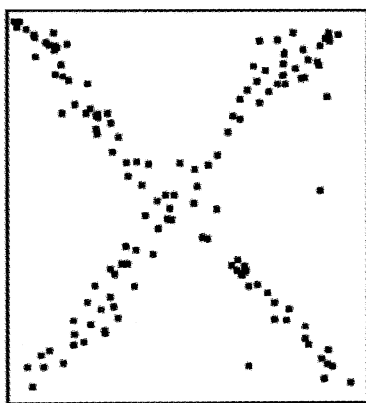
Đáp án cho tất cả những câu hỏi này đều là “A”. Bạn được bao nhiêu điểm? Nếu bạn trả lời đúng hết thì linh cảm của bạn về người khác tương đối đáng tin cậy. Nếu bạn sai nhiều, sẽ tốt hơn nếu bạn bỏ đi linh cảm của mình và tìm hiểu về người khác nhiều hơn trước khi xác định điều gì đó.

Chúng ta sẽ tiếp tục đến với bí thuật thứ năm của những nhà tâm linh, và tôi có cảm giác rằng bạn là kiểu người dễ cảm tính lẫn át lý trí, thi thoảng có thể bốc đồng quá mức, và gần đây có liên hệ mật thiết với một con dê. Nhưng yên tâm, bạn không phải là người duy nhất.

5. Ảo tưởng về sự độc nhất

Ở phần mở đầu chương này, tôi có yêu cầu các bạn độc giả làm thử hai bài kiểm tra tâm lý. Một là tìm kho báu bị chôn giấu trong hố cát và hai là nghĩ về một hình học được lồng trong một hình khác. Hai bài kiểm tra này sẽ mang đến những hiểu biết quan trọng về nguyên tắc thứ năm của độc nguội.

Tôi đã yêu cầu rất nhiều người làm hai bài kiểm tra này. Thông thường mọi người sẽ nghĩ rằng việc chọn vị trí trên đồng cát là hoàn toàn ngẫu nhiên. Nhưng không phải vậy, hầu hết mọi người đều chọn trên một khu vực giống nhau như trong hình ảnh được trình bày dưới đây.



Cũng tương tự với câu hỏi thứ hai, gần như tất cả mọi

người đều có xu hướng chọn hình tròn ở trong hình tam giác hoặc ngược lại¹⁵. Mặc dù thế, lối suy nghĩ ái kỷ thường khiến cho mọi người tin rằng mình hài hước hơn hay lái xe điều luyện hơn người bình thường cũng khiến chúng ta nghĩ rằng bản thân là những cá nhân đặc biệt và độc nhất. Bạn có thể nghĩ rằng bạn không giống ai cả, nhưng sự thật thì chúng ta giống nhau một cách đáng ngạc nhiên và vì thế đều rất dễ đoán.

Những nhà tâm linh sử dụng ý tưởng này để tạo cảm giác rằng họ có thể nhìn thấu tính cách và quá khứ của bạn. Ngài D cũng nói thêm rằng nhiều nhà tâm linh sử dụng những bình luận mà có vẻ đúng với rất nhiều người để hỗ trợ cho phần diễn giải của mình. Họ có thể nói rằng họ có ấn tượng về một ai đó có vết sẹo ở bên đầu gối trái (đúng với một phần ba dân số thế giới), sở hữu bản giao hưởng Water Music của Handel (một lần nữa, vẫn đúng với một phần ba dân số), có một ai đó tên “Jack” ở trong gia đình (xác suất đúng khoảng một phần năm), có một chiếc chìa khoá mà không biết nó để mở cái gì, hay có một đôi giày ở trong tủ giày mà họ sẽ không bao giờ đi lại nữa¹⁶. Sau nhiều năm kinh nghiệm, Ngài D đã có nhiều câu nói như vậy cho riêng mình. Ví dụ, ông nói với Lisa rằng ông thấy ai đó đang cần sự hỗ trợ về mặt y tế nhưng rất khó để chăm sóc vì họ cứ liên tục ném thuốc của mình xuống bồn rửa tay, ai đó trong gia đình cô đã mất mà không để lại di chúc gì, và cô có rất nhiều ảnh ở trong ngăn kéo. Ai cũng nghĩ rằng bản thân mình thật đặc biệt, rằng những nhận định này không thể chính xác với những người khác, vì thế họ cảm thấy vô cùng ấn tượng.

Bây giờ, cũng đã đến lúc để khám phá nốt nguyên tắc thứ sáu và cũng là nguyên tắc cuối cùng của độc ngụ ý. Nhưng trước hết, hãy để tôi đưa ra một dự đoán sau cùng. Tôi có cảm giác rằng bạn sắp xếp những quyển sách của mình theo màu

của bìa sách, và vừa mới trải qua ba ngày ở Lisbon phải không? Không à? Cũng không hề gì.

6. Biến quả chanh huyền bí thành nước chanh

Trong quá trình bói toán ở Đại học Edinburgh, không một ai trong số những người tham dự công khai nhận định rằng có bất kỳ bình luận nào của Ngài D là không chính xác. Tuy nhiên, thực tế là vẫn sẽ có những người lên tiếng phản bác. Trong những trường hợp này, những nhà tâm linh có nhiều “cách” để giúp họ tránh khỏi thất bại triệt để. Có lẽ cách phổ biến nhất là mở rộng một câu nói đã được khẳng định là không chính xác. Ví dụ, “Tôi có cảm nhận về một người tên Jean” có thể biến đổi thành “Ừ thì, nếu không phải Jean, có thể là Joan, hay là Jack, nhưng cái tên khá chắc chắn bắt đầu bằng chữ J. Hay nghe giống giống chữ J. Như K chẳng hạn. Có thể là Karen? Hay là Kate?”

Cũng có một chiến thuật khác nữa là chuyển khó khăn đó cho người khác bằng cách yêu cầu khách hàng phải nghĩ kĩ hơn, hoặc nói rằng họ có thể tìm ra câu trả lời sau khi đã về nhà và trao đổi thêm với gia đình. Bước tiếp theo sẽ là trò lừa cũ rích “Những gì tôi nói đều mang tính ẩn dụ”. Ngài D kể với tôi rằng đã có lần ông xem cho một người đàn ông tên George ở một thị trấn nhỏ ven biển. Nhìn vào gương mặt rám nắng của George, Ngài D đoán rằng anh hẳn đã dành phần lớn thời gian ở bên ngoài, và linh cảm rằng công việc của anh có thể là việc gì đó ở trên tàu. Ngài D nhìn vào lá bài Tarot rồi nói ông thấy George đang đứng bên bến cảng và chờ một chiếc tàu cập bến. George lắc đầu tỏ ra thất vọng. Thực tế cuộc đời anh gắn liền với những việc đồng áng và anh không thích biển. Đó thực sự là một sai lầm lớn. Ngay lập tức, Ngài D giải thích rằng những gì ông nói là phép ẩn dụ và không nên hiểu đơn thuần theo nghĩa đen. Con

thuyền tượng trưng cho một hướng đi mới trong cuộc đời của George và anh hẳn là đang lo lắng về sự thay đổi này. Sắc mặt của George liền trở nên tươi tỉnh và giải thích rằng đúng là như vậy, anh mới kết hôn gần đây và đang rất mong chờ được chia sẻ cuộc đời mình với một người khác. Chính xác. Quả chanh huyền bí đã trở thành nước chanh bình thường trong nháy mắt.

LÀM SAO ĐỂ THUYẾT PHỤC NGƯỜI LA RẰNG BẠN BIẾT TẤT CẢ VỀ HỌ: PHẦN HAI

Ở phần trước, chúng ta đã biết về 3 kỹ thuật cơ bản cần thiết cho việc bói toán, đó là khen ngợi, nói nước đôi và nói chung chung. Giờ là lúc để chúng ta học cách sử dụng thêm 3 kỹ thuật khác nữa để tăng tính thuyết phục và khả năng thành công cho diễn giải của mình.

4. Mời như

Điều quan trọng là bạn phải đề cập tới nhiều chủ đề khác nhau và sau đó thay đổi lời nói của mình dựa trên những phản ứng nhận được. Nếu bình luận của bạn không nhận được sự phản hồi nào, lập tức giảm nhẹ mức độ quan trọng của nó rồi chuyển sang chủ đề khác. Trong trường hợp bạn được đồng tình qua cử chỉ gật đầu hoặc nụ cười, hãy tiếp tục đào sâu thêm. Rất nhiều những cuốn sách hướng dẫn về diễn giải tâm linh khuyên bạn nên đi qua một vài chủ đề chính, trong số đó có một tác giả khuyến khích bạn đề cập đến những chủ đề Du lịch, Sức khỏe, Kỳ vọng về tương lai, Tình dục, Sự nghiệp, Tham vọng, Tiền bạc.

5. Dự đoán theo khả năng xảy ra cao

Hãy sử dụng những nhận định thường đúng với số đông như là “Tôi có thể thấy bạn đạt được thành tựu gì đó khi còn đi học, có thể là một giải thưởng – bạn vẫn còn nhớ cảm giác tự hào khi thầy cô giáo xướng tên bạn lên”, “Khi còn nhỏ, bạn có một kỷ niệm cực kỳ xấu hổ mà bạn vẫn

đồng nghiệp hay bạn bè. Bạn cũng có thể mở rộng theo hai chiều của thời gian cả về quá khứ lẫn tương lai. Liệu đây là một điều đã xảy ra với họ ngày còn thơ bé hay sẽ xảy ra trong tương lai gần? Nếu vẫn không hiệu quả, hãy thoải mái làm cho nhận định của mình trở nên trừu tượng hơn nữa, ví dụ, “một kỳ nghỉ” có thể được liên hệ với một sự thay đổi lớn nào đó, hay “bệnh viện” có thể tượng trưng cho một ai đó sắp xuất hiện trong đời để chăm lo cho bạn. Nếu họ vẫn tiếp tục không thể hiểu nổi những nhận định, hãy tạo cho họ cảm giác rằng họ mới là người thất bại khi không thể hiểu được những điều đấy bằng cách nói: “Tôi sẽ để dành điều này lại cho bạn suy ngẫm.”

Sau cùng, nếu tất cả đều không thành công, hãy biến những dấu hiệu tự nhiên sau đây thành lợi thế của bạn...

- Quần áo của họ trông có hơi chật hay rộng không, hay xung quanh lỗ khoá thắt lưng của họ có mòn không? Nếu đúng, bạn có thể nói bạn có ấn tượng rằng gần đây họ đã tăng hoặc giảm cân một chút.
- Cử chỉ của họ có giống người đã có thời gian ở trong quân ngũ không, hay được đào tạo về khiêu vũ, hay là người cả ngày phải sử dụng máy vi tính?
- Hãy nhìn vào mắt và da dẻ của họ. Da khô và đôi mắt đỏ đẫm là một trong những dấu hiệu rõ ràng nhất của những vấn đề sức khỏe kéo dài hoặc mới xảy ra gần đây.
- Quan sát cả hai bàn tay và những ngón tay. Bàn tay bị chai cho thấy đó là một người lao động chân tay, trong khi những người chơi đàn guitar thường chỉ để móng

còn nhớ cho đến tận bây giờ”, “Tại sao tôi lại thấy một màu xanh, hay màu tím? Bạn đang có dự định mua đồ gì có màu đó à, hay bạn đã mua rồi?”, “Tôi đang thấy ai đây, một người phụ nữ già mặc chiếc váy đen và đang than phiền về đôi chân của mình”, và “Điều gì đó đã xảy ra hai năm trước phải không, một sự thay đổi lớn?”

Thêm nữa, những cuốn sách hướng dẫn cũng khuyên những người hành nghề bói toán nên tập trung vào các dạng vấn đề mà mỗi nhóm tuổi khác nhau thường gặp phải¹⁸. Theo đó, thanh thiếu niên trong khoảng đôi mươi trở lại thường muốn thử khoác lên mình nhiều danh tính cá nhân khác nhau và khám phá những mối quan hệ yêu đương. Nhóm người từ khoảng 25 đến 35 tuổi sẽ chú trọng hơn đến sự ổn định và chủ yếu tập trung vào những vấn đề như sự nghiệp, tài chính và yên bề gia thất. Trong khi đó, người trong nhóm tuổi 35 đến 45 thường bận tâm về sức khỏe của những bậc sinh thành cũng như những mệt mỏi vất vả khi nuôi con khôn lớn. Còn người từ 45 tuổi trở đi thường chỉ còn để ý đến sức khỏe của bản thân mình, liệu hôn nhân của mình có trở nên nhạt nhẽo và sự mới mẻ khi có cháu.

6. Chuẩn bị nhiều cách “thoát thân”

Luôn nhớ rằng bạn sẽ không bao giờ sai, vì nếu ai đó không thể hiểu bạn nói gì thì bạn sẽ có hai giải pháp an toàn có thể sử dụng bất cứ lúc nào. Một là hãy mở rộng những bình luận của mình. Giải thích rằng nhận định này có thể không áp dụng trực tiếp cho bạn, mà cho ai đó trong gia đình,

tay dài ở một bên tay. Ngón tay có vết tối màu như nhựa đường là biểu hiện của người hút thuốc, còn một vết sáng trên da ở ngón đeo nhẫn thường là dấu hiệu của một người vừa mới chia tay.

- Hãy bắt tay họ. Những người bắt tay một cách yếu ớt thường sẽ hay lo lắng hơn so với người khác. Thêm nữa, bàn tay lạnh bất thường sẽ là biểu hiện của tuần hoàn máu kém hay đang phải điều trị và sử dụng thuốc men gì đó.
- Giày của họ có chức năng thiết thực hay hợp thời? Nó cho thấy họ có chơi thể thao, hay là một người phù phiếm? Một điều nữa là cỡ giày to bất thường có thể cho thấy họ làm ở rạp xiếc.

Vậy là chúng ta cơ bản đã biết cách đọc nguội. Ngài D đã mở cánh cửa cho chúng ta tiến vào ngành công nghiệp tâm linh. Học cách đưa ra những diễn giải tâm linh thật ra không phải là vấn đề tham dự những khoá đào tạo hay trường học cho người có khả năng tâm linh thiên bẩm, mà thay vào đó là sử dụng thành thạo những lời khen, cách nói nước đôi, những bình luận không rõ nghĩa, mồi nhử, phỏng đoán theo khả năng xảy ra cao và biến những sai lầm thành điều hợp lý. Sẽ thật tuyệt khi cho rằng Ngài D là người duy nhất thực hiện hành vi dối trá này. Thật tuyệt, nhưng không phải như vậy. Trên thực tế, có hẳn một ngành công nghiệp về kỹ thuật đọc nguội vẫn âm thầm hoạt động. Những cuốn sách như *Cashing in on the Psychic* (Kiếm tiền nhờ tâm linh), *Money-making Cold Reading* (Kiếm tiền bằng việc đọc nguội), và *Red Hot Cold Readings* (Nghề đọc nguội nổi tiếng), những đĩa DVD tương tác, những khoá đào tạo và cả những buổi gặp mặt hướng tới việc đánh lừa con người xuất hiện ở khắp mọi nơi.

Điều này có nghĩa là tất cả những nhà tâm linh đều giả dối? Câu trả lời là không. Thực tế, có rất nhiều những thầy bói cô đồng sử dụng những kỹ thuật được miêu tả ở trên nhưng không nhận thức được điều đó. Lamar Keene thường gọi họ là "người bị phong bế nhãn giới" – những người không có năng lực huyền bí nào cả nhưng không ý thức được điều đó, nên vô tình lừa cả bản thân mình và người khác.

Đọc nguội cũng lý giải tại sao những nhà tâm linh thường xuyên không vượt qua được bài kiểm tra năng lực của họ. Thông qua việc tách biệt họ với khách hàng, những nhà tâm linh không có cách nào tiếp nhận thông tin từ cách ăn mặc cử chỉ của họ. Bằng cách cho những người tham gia xem tất cả những phần diễn giải, họ không thể gán được ý nghĩa cho phần diễn giải của bản thân và do đó không phân biệt được phần diễn giải của mình

với những người khác. Một điều tất yếu là xác suất thành công cao mà những nhà tâm linh vẫn thường tận hưởng hằng ngày nhanh chóng sụp đổ và sự thất lộ diện – thành công của họ phụ thuộc vào việc sử dụng tâm lý học một cách tài tình chứ không có khả năng siêu nhiên nào cả. Khi bạn đã biết những kỹ thuật này, việc đi xem bói hay xem bói toán trên truyền hình sẽ trở nên rất khác biệt. Cũng giống như cách một người yêu nhạc thưởng thức những sắc thái âm nhạc khác nhau của Mozart hay Beethoven, bây giờ bạn cũng có khả năng nhìn thấu cách những nhà tâm linh nói nhủ mồi, mở rộng những nhận định và ép khách hàng làm thay phần việc của họ.

Hãy tận hưởng buổi trình diễn.

2. Trải nghiệm xuất hồn

Ở phần này, hãy cùng nghe về những nhà khoa học cố gắng ghi lại hình ảnh của linh hồn, khám phá ra làm thế nào mà một bàn tay cao su có thể cho chúng ta biết sự thật về trải nghiệm “xuất hồn”, tìm hiểu cách linh hồn có thể rời khỏi cơ thể và làm thế nào não bộ con người quyết định vị trí hiện tại của chúng ta.

Tôi vẫn nhớ như thể đó mới là ngày hôm qua. Tôi phải nhập viện để thực hiện một cuộc tiểu phẫu và đó là đêm ngay trước ca mổ. Khi tôi vừa thiếp đi, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Tôi cảm thấy bản thân đang từ từ rời khỏi giường, trôi lơ lửng lên trần nhà, và quay lại nhìn cơ thể mình vẫn đang ngủ trên giường. Vài giây sau tôi đã thấy mình bay ra khỏi cửa, lướt đi hết tốc độ dọc theo hành lang bệnh viện, và cuối cùng hạ cánh trong phòng mổ. Những y bác sĩ đang cố gắng lấy chai sốt cà chua từ...

... thực ra thì, tôi không thể tiếp tục câu chuyện được nữa. Không phải vì đó là một ký ức đau khổ, mà chỉ là tôi thấy thật không hay lắm khi bịa ra tất cả mọi chuyện như vậy. Tôi chưa bao giờ được trải qua trải nghiệm xuất hồn. Xin lỗi vì đã lãng phí thời gian của các bạn – chỉ là tôi đã phải kiên nhẫn lắng nghe mọi người miêu tả những chuyến bay tưởng tượng của họ trong nhiều năm trời nên tạo ra một câu chuyện của riêng mình làm tôi thấy nhẹ nhõm hơn.

Mặc dù chỉ là tưởng tượng, trải nghiệm của tôi có tất cả những yếu tố gắn liền với một trải nghiệm xuất hồn (Out-of-Body Experience hay “OBE”) “thực sự”. Khi trải qua điều này, mọi người thường cảm thấy như họ có thể rời khỏi cơ thể của mình và bay vòng vòng xung quanh, và rất nhiều người tin rằng họ đã biết được những thông tin mà đúng ra họ không thể nào biết được bằng cách khác. Nhiều người tường thuật lại rằng họ nhìn thấy cơ thể thật của mình khi xuất hồn, cùng với một vài nhận định về một thứ gì đó kỳ lạ như là “sợi dây liên kết” kết nối linh hồn đang bay và bản thể của họ. Khảo sát cho thấy có từ 10 đến 20% dân số đã trải qua OBE, thường là khi họ cực kỳ thư giãn, bị gây mê, bị ức chế các giác quan như khi ở trong bể cô lập giác quan (flotation tank) hay dùng cần sa (điều này thực sự mang đến một ý nghĩa mới cho từ “phê cần”)¹. Nếu như một

người trải nghiệm hiện tượng xuất hồn trong một tình huống nguy hiểm đến tính mạng, thì họ sẽ cảm thấy mình đang trôi giạt trong một đường hầm tràn ngập ánh sáng, và cảm thấy cực kỳ thanh thản (cảm giác này thường được gọi là trải nghiệm sinh tử – Near-Death Experience hay “NDE”). Những trải nghiệm dạng này dường như mang đến lợi ích đáng kinh ngạc, khi phần lớn những người đã trải qua OBE và NDE đều cho rằng những sự kiện đó có ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của họ².

Vậy điều gì có thể giải thích cho những cảm giác lạ lùng này? Có thật là linh hồn chúng ta có thể rời khỏi bản thể? Hay những khoảnh khắc mù mịt này là do não bộ đánh lừa chúng ta? Và nếu thế, hiện tượng này nói lên điều gì về việc chúng ta ở đâu vào những lúc khác?

Một nhóm nhỏ những nhà khoa học kỳ lạ đã thực hiện những nỗ lực ban đầu nhằm trả lời các câu hỏi này bằng cách hợp tác với tử thần đi săn linh hồn.

Khối lượng người chết

Năm 1861, một thợ kim hoàn và cũng là thợ chụp ảnh nghiệp dư ở Boston tên là William Mumler đã có một khám phá đáng chú ý³. Anh thực sự kinh ngạc khi đang rửa một trong những tấm hình chân dung của mình và thấy một bóng ma phụ nữ lơ lửng hiện lên ở bên cạnh. Mumler khẳng định không có gì ở đó lúc bức hình được chụp và cho rằng đó chỉ đơn giản là do hiện tượng phơi sáng. Tuy nhiên, khi anh đưa tấm hình cho những người bạn, họ liền nhận ra rằng bóng ma trông giống một người họ hàng đã chết của Mumler một cách kỳ lạ và tin rằng anh đã vô tình chụp được hình của người đã khuất. Bức ảnh của Mumler nhanh chóng được đưa lên trang nhất của nhiều tờ báo, các phóng viên cũng không mấy may nghi ngờ và công bố rộng rãi rằng đó là hình ảnh đầu tiên về linh hồn được ghi lại.

Nhận thấy đây là một cơ hội làm ăn lớn, Mumler đóng cửa tiệm trang sức của mình và bắt đầu sự nghiệp trong vai trò người chụp ảnh linh hồn đầu tiên trên thế giới. Anh làm việc không ngừng nghỉ để đảm bảo rằng những linh hồn sẽ xuất hiện đúng lúc, và chừng nào anh còn chụp được hình thì tiền vẫn còn tiếp tục chảy vào túi. Nhưng sau vài năm cực kỳ thành công, rắc rối đã xuất hiện. Một vài khách hàng sắc sảo đã nhận ra rằng những “linh hồn” trong bức ảnh của họ trông rất giống những người tham dự buổi chụp trước đó của Mumler. Những lời chỉ trích còn đi xa hơn, họ buộc tội Mumler đã đột nhập vào nhà họ, ăn cắp bức hình của những người đã khuất và sử dụng chúng để tạo nên hình ảnh của những linh hồn. Những chứng cứ ngày càng nhiều đến mức Mumler phải ra toà vì cáo buộc lừa đảo. Phiên toà đã gây xôn xao dư luận với nhiều nhân chứng nổi tiếng, trong đó có ông bầu Phineas Taylor “mỗi một phút đều có một tên tồi tệ

được sinh ra” Barnum, người đã cáo buộc Mumler lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của mình (hãy nghĩ đến câu tục ngữ “chó chê mèo lắm lông” trong trường hợp này). Mặc dù được trắng án, danh tiếng của Mumler hoàn toàn bị hủy hoại và anh không bao giờ hồi phục được vì án phí phải trả là quá lớn. Cuối cùng, anh chết trong nghèo túng vào năm 1884.

Trớ trêu thay, ý tưởng chụp ảnh linh hồn vẫn còn tồn tại sau cái chết của Mumler. Một trong những người khởi xướng trào lưu mới này là nhà nghiên cứu người Pháp – Tiến sĩ Hyppolite Baraduc, và ông có một góc nhìn rất khác về chủ đề này⁴. Ý thức được rằng những thứ được cho là linh hồn trong các bức ảnh có rất nhiều đặc điểm giống với người sống, và hoàn toàn không muốn coi việc làm táo bạo của Mumler là vô nghĩa lý, Baraduc tin rằng những người được chụp ảnh đã tạo ra những hình ảnh đó bằng năng lực siêu nhiên của mình. Cảm thấy hứng thú với ý tưởng này, ông đã tiến hành một loạt nghiên cứu, yêu cầu những người tham gia cầm những tấm kính ảnh cổ chưa được rửa và tập trung vào một hình ảnh. Khi một vài bức ảnh xuất hiện những đốm và hình thù kỳ lạ, Baraduc vội vàng đến Viện Y học Paris công bố khám phá của mình.

Lờ đi những ý kiến cho rằng các bức ảnh đã bị tác động trong quá trình thử nghiệm, Baraduc vẫn tiếp tục và bắt đầu thí nghiệm với những hình thức khác của việc chụp ảnh những hiện tượng siêu nhiên. Mặc dù vẫn còn hoài nghi trào lưu chụp ảnh linh hồn, ông tự hỏi liệu có thể chụp ảnh người vừa mới chết để bắt được hình ảnh ngay lúc linh hồn rời khỏi cơ thể hay không. Cơ hội đầu tiên đến với ông khi đưa con 19 tuổi tên Andre của ông qua đời vì lao phổi vào năm 1907. Ngay sau khi Andre mất được vài giờ, Baraduc đã làm một việc mà bất kỳ người cha giàu tình yêu thương và nhà khoa học tâm huyết nào cũng sẽ làm –

chụp một bức hình của người con trai đã không còn sức sống đang nằm trong quan tài và kiểm tra hình ảnh thu được để tìm kiếm bằng chứng về linh hồn. Ông thực sự kinh ngạc khi phát hiện thấy "một khối mờ dạng sóng không rõ hình thù, toả ra xung quanh theo mọi hướng với một lực tương tác đáng kể". Lò đi cái khả năng bức ảnh đã bị ảnh hưởng trong quy trình thực hiện, hoặc đúng là ông đã áp đặt suy nghĩ của mình lên bức ảnh bằng hình thức tâm linh nào đó, Baraduc mong chờ một cơ hội nữa để kiểm tra giả thuyết của mình. Ông đã không phải chờ đợi lâu.

Chỉ 6 tháng sau khi người con trai qua đời, vợ của Baraduc cũng mắc bệnh nặng và không còn sống được bao lâu nữa. Mong muốn có thể tận dụng tối đa cơ hội này, Baraduc đã sắp đặt những thiết bị chụp ảnh ngay cạnh bên người vợ và kiên nhẫn chờ đợi bà về với thế giới bên kia. Người vợ thở dài ba lần khi bà mất và Badaruc đã cố gắng để chụp được một bức hình trong lúc bà trút những hơi thở cuối cùng. Bức ảnh cho thấy có ba "khối cầu" màu trắng tỏa sáng đang lơ lửng trôi trên người bà Badaruc. Badaruc rất phấn khởi và chụp thêm một tấm nữa vào 15 phút sau, rồi tấm thứ ba vào độ một giờ sau. Ba hình cầu bí ẩn ở bức hình đầu tiên đã biến thành một hình cầu lớn hơn ở bức hình thứ hai.

Badaruc chắc chắn rằng mình đã chụp được linh hồn. Nhưng nhiều người không tin điều đó. Khi xem xét những bức ảnh trong cuốn sách *Ghost Caught On Film (Bóng ma trên bức ảnh)* gần đây của mình, Mel Willin ghi lại rằng một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp cho biết hiệu ứng đấy có thể là do những lỗ nhỏ li ti ở trong hộp xếp đằng sau ống kính của máy ảnh tạo ra⁵.

Badaruc không phải là nhà khoa học đi tìm linh hồn duy

nhất làm việc với những người đang hấp hối và người đã qua đời. Đầu thế kỷ 20, một bác sĩ người Mỹ tên Duncan MacDougall đã tiến hành một loạt nghiên cứu rùng rợn và tai tiếng để xác định khối lượng linh hồn của con người⁶. Ông đến thăm khu ở cách ly của những người bị lao và tìm sáu bệnh nhân đang cận kề cái chết (bốn người bị lao phổi, một người bị tiểu đường và một người không rõ nguyên nhân). Ngay khi mỗi bệnh nhân trông có vẻ như sắp qua đời, MacDougall liền nhanh chóng chuyển giường bệnh của họ lên một cái cân công nghiệp và đợi cho đến khi họ từ trần. Phần ghi chép của MacDougall trong phòng thí nghiệm đã giải thích một cách chi tiết những khó khăn của công việc này:

Cân nặng của bệnh nhân... giảm một cách từ từ với tốc độ 28g trên một giờ do mất độ ẩm trong hô hấp và do mồ hôi bay hơi. Trong suốt ba tiếng bốn mươi phút, tôi đã luôn giữ kim cân ở trên mức cân bằng một chút, gần với thanh giới hạn trên để kết quả bài kiểm tra mang tính quyết định hơn. Khi ba tiếng bốn mươi phút qua đi, người bệnh trút hơi thở cuối cùng, và đột nhiên, trùng với thời điểm chết, kim cân tụt xuống rất rõ ràng, chạm thanh giới hạn dưới và ở yên đó, không dao động nữa. Khối lượng mất đi tính được là 21g.

Sau khi cả năm bệnh nhân còn lại qua đời, MacDougall tính khối lượng trung bình mất đi ngay thời điểm con người chết đi và tự hào công bố rằng linh hồn con người nặng 21g. Khám phá này đảm bảo cho ông có một chỗ đứng trong lịch sử, và có lẽ còn quan trọng hơn, trở thành tựa đề cho một bộ phim bom tấn của Hollywood vào năm 2003 với sự tham gia diễn xuất của Sean Penn và Naomi Watts.

Trong những nghiên cứu về sau, ông thậm chí còn tiến hành

thí nghiệm trên 15 con chó và không phát hiện thấy sự sụt giảm khối lượng nào, củng cố thêm đức tin tôn giáo của mình rằng động vật thì không có linh hồn.

Khi phát hiện của MacDougall được đăng trên *New York Times* vào năm 1907, bác sĩ Augustus P. Clarke đã có được một cơ hội để “chơi tới bến”⁷. Clarke giải thích rằng tại thời điểm một người từ trần, nhiệt độ cơ thể sẽ tăng nhẹ vì phổi không còn làm mát máu được nữa, và sự đổ mồ hôi theo sau đó có thể là nguyên nhân chính dẫn đến sự hụt giảm 21g đó. Clarke còn chỉ ra rằng loài chó không có tuyến mồ hôi (vì lý do đó, chó luôn liên tục thở hổn hển) nên không có gì ngạc nhiên khi khối lượng của chúng không thay đổi đột ngột khi chết. Thế nên phát hiện của MacDougall bị xếp vào danh mục những khám phá khoa học kỳ lạ mà “không chính xác”.

Vài năm sau, một nhà nghiên cứu người Mỹ – Tiến sĩ R. A. Watters đã tiến hành vài thí nghiệm đáng chú ý với sự tham gia của năm con châu chấu, ba con ếch và hai con chuột⁸. Năm 1894, khi đang ở trên đỉnh của ngọn núi Ben Nevis, nhà vật lý người Scotland Charles Wilson đã được trải nghiệm hiện tượng “bóng ma Brocken”. Hiệu ứng quang học đáng chú ý này xảy ra khi mặt trời chiếu sáng từ phía sau một người leo núi vào một màn sương dày đặc trên đỉnh núi. Không chỉ tạo ra một cái bóng khá lớn của người leo núi, ánh sáng mặt trời còn bị nhiễu xạ khi đi qua những giọt nước trong màn sương, dẫn đến việc cái bóng khổng lồ ấy còn được bao quanh bởi những vòng hào quang. Trải nghiệm này gợi lên trong đầu Wilson một loạt những suy nghĩ, kết quả là ông thiết kế ra một thiết bị được gọi là buồng mây để phát hiện bức xạ ion hoá. Buồng mây của Wilson bao gồm một hộp thủy tinh kín chứa đầy hơi nước. Khi hạt alpha hoặc beta tiếp xúc với hơi nước, hơi nước sẽ bị ion hoá, tạo ra

những vật có thể nhìn thấy được giúp cho các nhà nghiên cứu có khả năng theo dõi sự di chuyển của các hạt.

Tiềm năng của buồng mây là thứ đã thu hút Watters. Vào đầu những năm 1930, ông đưa ra giả thuyết rằng linh hồn có “tính chất nguyên tử” nên có thể theo dõi được nếu như một sinh vật sống bị giết chết bên trong thiết bị của Wilson. Watters không áp dụng phương pháp “nghiên cứu người nhà” của Badaruc, cũng như không chia sẻ mối nghi ngờ của MacDougall về việc động vật không có linh hồn, thế nên ông thực hiện gây mê đến chết những sinh vật nhỏ (bao gồm châu chấu, ếch và chuột) rồi nhanh chóng đưa chúng vào một buồng mây mô phỏng. Những bức ảnh được chụp lại cho thấy đúng là có một thứ gì đó dạng đám mây lơ lửng bên trên xác những con vật. Điều ấn tượng hơn nữa với Watters đó là hình dạng đó dường như mô phỏng chính con vật ấy. Vậy là không chỉ chứng minh được sự tồn tại của linh hồn, ông còn cho thấy được rằng linh hồn của con ếch, thật đáng kinh ngạc, cũng có hình dạng con ếch. Những bức ảnh của ông, hiện được lưu trữ tại Hiệp hội Nghiên cứu tâm linh ở Cambridge, thực ra là không đủ sức thuyết phục. Mặc dù trên các tấm hình đúng là có những đốm lớn sương trắng, nhưng chắc chỉ có những người có trí tưởng tượng phong phú nhất mới liên tưởng được hình dạng của những đốm này với hình động vật. Một lần nữa, đây lại là trường hợp tâm trí con người thấy những điều nó muốn thấy.

Những hình ảnh mơ hồ chưa phải là vấn đề nghiêm trọng nhất mà Watters phải đương đầu. Nhiều nhà phê bình cho rằng không thể nào đánh giá đúng đắn thành quả của Watters được vì ông đã không miêu tả đầy đủ và cụ thể các trang thiết bị dùng trong thí nghiệm. Cũng có vài ý kiến khác nữa cho rằng hình ảnh có được là do ông đã không loại bỏ hoàn toàn những hạt bụi

trong buồng mây. Đòn giáng cuối cùng vào kết quả nghiên cứu của Watters là khi một thầy giáo vật lý dạy bậc phổ thông tên B. J. Hopper cũng giết một vài con vật và đặt vào trong buồng mây tự tạo của mình nhưng không thể nhìn thấy bất cứ linh hồn nào.

Công cuộc tìm kiếm bằng chứng xác đáng cho sự tồn tại của linh hồn có vẻ không mang lại kết quả nào ấn tượng. Những đốm trắng huyền bí của Baraduc có thể chỉ là do những lỗ nhỏ li ti trong ống dẫn của máy ảnh, còn phát hiện 21g sụt giảm ngay sau khi chết của MacDougall là do kết quả của cơ chế làm mát máu, và những bức ảnh về linh hồn động vật của Watters có thể giải thích được nhờ sự kết hợp của bụi và mong ước cá nhân. Trước một loạt thất bại ê chề như vậy, sẽ không ngạc nhiên khi các nhà khoa học nhanh chóng từ bỏ việc chụp ảnh và kiểm tra khối lượng của người và động vật chết. Tuy nhiên, họ vẫn ngần ngại không muốn cuộc tìm kiếm linh hồn và đã tiếp cận vấn đề theo một cách hoàn toàn mới.

Có ai muốn chơi quần vợt không?

Trường hợp kỳ lạ về đôi giày quần vợt

Khi mở gần như bất kỳ một cuốn sách nào thuộc dòng sách tâm linh nói về trải nghiệm xuất hồn và trải nghiệm sinh tử, thế nào bạn cũng sẽ đọc được câu chuyện về Maria và đôi giày quần vợt cũ nát.

Vào mùa xuân năm 1977, một người lao động nhập cư tên Maria đến từ bang Washington lên cơn đau tim và nhanh chóng được cấp cứu ở Trung tâm Y tế Harborview. Sau ba ngày trong bệnh viện, Maria rơi vào trạng thái tim ngừng đập đột ngột, nhưng đã nhanh chóng được cứu sống. Sau đó, cô gặp nhân viên xã hội của mình, Kimberly Clark, và giải thích rằng có điều gì đó vô cùng lạ lùng đã xảy ra khi cơn đau tim thứ hai ập đến⁹.

Maria đã có một trải nghiệm xuất hồn rất cơ bản. Khi những nhân viên y tế nỗ lực để cứu sống cô ấy, Maria thấy mình thoát ra khỏi cơ thể rồi nhìn xuống mọi thứ bên dưới, thấy thiết bị theo dõi các tín hiệu sống của mình đang in ra một biểu đồ trên giấy. Một lát sau, cô thấy mình ở bên ngoài bệnh viện, quan sát cảnh vật xung quanh từ những con đường, bãi đậu xe đến bề ngoài của tòa nhà.

Maria nói với Clark rằng cô đã thấy những điều cô không thể thấy từ giường bệnh của mình, có thể miêu tả cụ thể lối vào khu cấp cứu và những con đường xung quanh bệnh viện. Mặc dù những thông tin đó là chính xác, lúc ban đầu, Clark không hoàn toàn tin điều đó và cho rằng Maria đã vô thức biết được những thông tin này khi được chuyển vào bệnh viện. Tuy nhiên, tiết lộ tiếp theo của Maria khiến Clark phải nghi ngờ chính bản thân mình.

Maria nói rằng vào một lúc nào đó trong chuyến hành trình trên không trung của mình, cô đã di chuyển về phía bắc của toà nhà và bị thu hút bởi một vật thể lạ ở bên ngoài rìa của sổ tầng ba. Sử dụng sức mạnh ý chí của mình để phóng to vật thể, Maria thấy đó là một chiếc giày dùng để chơi quần vợt. Khi nhìn gần thêm chút nữa, chiếc giày đã rất cũ và dây giày thì được nhét dưới gót. Maria nhờ Clark xem thử liệu chiếc giày có thực sự ở đó không.

Clark đi ra khỏi toà nhà và nhìn xung quanh nhưng không thấy điều gì bất thường. Sau đó, cô đi lên dãy phòng nằm ở phía bắc của bệnh viện và nhìn ra ngoài cửa sổ. Nói thì dễ hơn làm bởi lẽ những cửa sổ ở đây tương đối hẹp nên cô phải dí sát mặt mình vào những tấm kính để có thể nhìn ra được phần rìa bên ngoài. Sau khi ép mặt lên kính nhiều lần, cô vô cùng kinh ngạc khi thấy đúng là có một chiếc giày quần vợt cũ đang ở ngoài đó.

“15 - 0” cho những người tin tưởng.

Khi Clark cố nhào người ra để lấy chiếc giày thì thấy đúng là nó đã rất cũ và dây giày bị nhét ở dưới gót chân.

“30 - 0”.

Hơn thế nữa, Clark để ý thấy rằng vị trí của dây giày chỉ có thể được nhìn thấy được từ phía bên ngoài của toà nhà.

“40 - 0”.

Clark công bố câu chuyện đặc biệt của Maria vào năm 1985 và từ đó đến nay đã được đưa vào rất nhiều sách vở, tạp chí, trang web như một bằng chứng xác đáng cho việc linh hồn có thể rời khỏi cơ thể.

Năm 1996, ba nhà khoa học Hayden Ebborn, Sean Mulligan và Barry Beyerstein tới từ Đại học Simon Fraser tại Canada tỏ ra hoài nghi và quyết định điều tra thực hư câu chuyện¹⁰. Hai trong ba người đến Trung tâm Y tế Harborview, phỏng vấn Clark và xác định chỗ rìa cửa sổ mà Maria đã thấy nhiều năm về trước. Họ đặt một chiếc giày của mình xuống đó, đóng cửa sổ rồi lùi lại. Không giống với những gì Clark đã nói, họ không cần thiết phải dí sát mặt vào tấm kính để thấy chiếc giày. Thực tế, chiếc giày rất dễ bị phát hiện từ trong phòng và thậm chí một bệnh nhân trên giường bệnh cũng có thể thấy nó.

“40 - 15”.

Sau đó, họ đi ra ngoài bệnh viện và thấy rằng có thể nhìn thấy chiếc giày rất dễ dàng từ dưới sân. Thêm nữa, một tuần sau khi họ quay trở lại thì chiếc giày đã không còn ở đó, vậy nên càng có cơ sở để khẳng định rằng không khó để nhìn thấy chiếc giày.

“40 - 30”.

Ebborn, Mulligan và Beyerstein tin rằng Maria có thể đã tỉnh cò nghe thấy điều gì đó về chiếc giày khi được gây mê và ở trong trạng thái mơ màng suốt ba ngày ở bệnh viện, để rồi hiểu nhầm đó là do trải nghiệm xuất hồn. Họ cũng chỉ ra rằng phải mất bảy năm Clark mới công bố những gì đã xảy ra. Đó là một quãng thời gian tương đối dài nên câu chuyện có thể bị phóng đại so với thực tế khi được kể lại. Nhận thấy rằng yếu tố chủ chốt đó của câu chuyện rất đáng ngờ, bộ ba nhà khoa học nghĩ rằng cũng không có nhiều lý do để tin những chi tiết khác của câu chuyện, như khi Maria nói rằng đôi giày đã rất cũ trước khi nó được tìm thấy và dây giày thì bị kẹt ở dưới phần gót.

“Hòa.”

Chỉ ở một vài tiếng ở bệnh viện cũng đủ thấy rằng những báo cáo về trải nghiệm nổi tiếng của Maria không như những gì vẫn được miêu tả. Mặc dù vậy, câu chuyện vẫn được kể đi kể lại rất nhiều lần bởi những nhà văn hoặc không buồn để tâm đến việc kiểm tra sự thật, hoặc không sẵn lòng giới thiệu cho độc giả những khía cạnh còn nghi vấn của câu chuyện. Những người tin vào sự tồn tại của linh hồn sẽ cần phải đưa ra những bằng chứng đanh thép và xác đáng hơn.

“Làm ơn cho xin một quả bóng mới.”

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TRỰC QUAN

Bây giờ là lúc thích hợp để làm thử một bài tập hai phần đơn giản. Cả hai phần đều sẽ yêu cầu bạn phải viết vào quyển sách này. Bạn có thể không muốn làm thế vì nguyên nhân nào đó, nhưng nó rất quan trọng vì ba lý do sau đây. Một, bạn vẫn sẽ cần sử dụng những con số này ở phần sau nên sẽ tốt hơn nếu bạn ghi lại chúng. Hai, nếu như bạn đang ở trong hiệu sách thì về mặt đạo đức, bạn nên mua luôn quyển sách này. Ba, nếu bạn đã mua quyển sách này rồi thì cơ hội để bán lại nó với giá tốt trên eBay sẽ giảm đi đáng kể. Được rồi, hãy bắt đầu thôi.

Phần một

Hãy nhìn những gì xung quanh bạn. Có thể bạn đang ở nhà, đang nằm trong công viên hay đang ngồi trên xe buýt. Ở đâu cũng được, hãy nhìn ra khắp xung quanh. Bây giờ hãy tưởng tượng khung cảnh này sẽ trông như thế nào nếu bạn có thể thoát ra khỏi cơ thể mình, bay lên trên cao khoảng gần hai mét so với vị trí hiện tại, và đang nhìn xuống chính bản thể của mình. Giữ hình ảnh đó ở trong tâm trí bạn. Hình ảnh có rõ ràng không? Nếu phải cho điểm từ một (“gần như không có hình ảnh nào”) đến bảy (“hình ảnh rất cụ thể và sắc nét”), bạn sẽ cho bao nhiêu điểm? Giờ hãy viết con số đó xuống dòng dưới bằng bút mực xanh hoặc mực đen không xóa được:

Đánh giá của bạn: _____

Bây giờ, hãy nhìn xung quanh và xem bạn đang ở đâu, rồi lại tưởng tượng lúc bạn đang lơ lửng ở phía trên cơ thể mình. Tiếp theo, quay trở lại góc nhìn từ vị trí thực sự của mình, rồi lại chuyển sang góc nhìn từ trên cao. Giờ hãy đánh giá độ dễ dàng khi bạn chuyển đổi giữa hai vị trí bằng một con số từ một (“rất khó”) đến bảy (“rất dễ”). Một lần nữa, viết con số của bạn xuống dưới đây:

Đánh giá của bạn: _____

Phần hai

Hãy đánh giá mức độ chính xác của những nhận định dưới đây đối với bạn từ 1 (“hoàn toàn không đúng”) đến 5 (“hoàn toàn chính xác”)¹¹.

Đánh giá

1. Khi xem phim, bạn thường cảm thấy như mình cũng đang tham gia vào những sự việc ở trong phim. ☐
2. Bạn có thể nhớ những kỷ niệm của quá khứ rõ ràng đến mức như thể bạn đang sống lại khoảnh khắc ấy lần nữa. ☐
3. Khi nghe nhạc, bạn chú tâm đến mức không còn để ý điều gì khác nữa. ☐
4. Bạn tin rằng những con chồn rất chăm chỉ. ☐
5. Bạn thích nhìn vào những đám mây và hình dung ra những hình dạng và khuôn mặt từ chúng. ☐
6. Bạn thường mãi đọc sách mà quên đi thời gian. ☐

Rất cảm ơn vì đã hoàn thành bài tập này. Chúng ta sẽ tiếp tục nói về nó ở phần sau.

Là cái bàn thì có cảm giác như thế nào?

Trường hợp nổi tiếng về chiếc giày quần vọt bên cửa sổ chưa đưa ra được những bằng chứng xác đáng cho việc con người có thể rời khỏi cơ thể của mình. Tệ hơn nữa, nhiều nhà nghiên cứu đã bỏ rất nhiều thời gian và công sức tiến hành những bài kiểm tra ngặt nghèo để thử khả năng đó và đều không đạt được kết quả gì. Cụ thể, nhà cận tâm lý học Karlis Osiris đã kiểm tra hơn một trăm người tự nhận họ có thể tự do xuất hồn theo ý mình, yêu cầu họ rời khỏi bàn thể rồi đi đến một căn phòng ở xa để xác định một bức tranh bất kỳ đã được treo ở đó¹². Hầu hết người tham gia đều tự tin rằng họ đã thực hiện được việc đó, nhưng nếu xét tổng thể cả nhóm, thành công của họ không hơn gì những sự trùng hợp. Tương tự, nhà nghiên cứu John Palmer và đồng nghiệp đến từ Đại học Virginia ở Charlottesville sử dụng nhiều kỹ thuật dựa trên nền tảng là sự thư giãn thoải mái để dạy những người tham gia khả năng xuất hồn và yêu cầu họ sử dụng năng lực mới được khai phá này để xác định danh tính của một mục tiêu ở xa¹³. Trong một loạt nghiên cứu với sự tham gia của hơn 150 người, các thí nghiệm đều không tìm ra được bất kỳ bằng chứng đáng tin cậy nào về khả năng ngoại cảm.

Tóm lại, hơn một trăm năm giới khoa học đi tìm sự tồn tại của linh hồn đã kết thúc trong thất bại. Từ nỗ lực chụp ảnh linh hồn của người vợ và người con trai đã mất của Baraduc, nỗ lực cân người chết của MacDougall cho tới việc giết một vài con châu chấu của Watters, tất cả đều không đưa ra được bằng chứng thuyết phục. Do đó, các nhà nghiên cứu phải thay đổi chiến thuật của mình và tập trung chú ý vào những thông tin được cung cấp bởi những người tuyên bố rằng họ đã từng rời khỏi cơ thể của

mình. Những nghiên cứu xuất sắc nhất về các giai thoại này cuối cùng lại không đáng tin cậy, và những thí nghiệm với sự tham gia của hàng trăm người đã trải qua trải nghiệm xuất hồn cố gắng xác định hàng ngàn mục tiêu được giấu đi đều không đạt được những kết quả khả quan.

Sau tất cả, có lẽ trải nghiệm xuất hồn cũng không còn gì hấp dẫn để thu hút những bộ óc tò mò nữa. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu tiếp theo đã có một cách tiếp cận hoàn toàn khác đối với vấn đề này, nhờ đó vừa giải quyết cả sự bí ẩn vừa mang tới những hiểu biết quan trọng về hoạt động ẩn sâu trong não bộ con người.

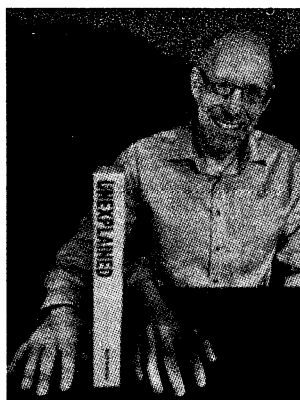
Có một câu chuyện hài hước về một người đàn ông cố gắng tìm một căn phòng ở khoa Tâm lý của một trường đại học. Ông ta bị lạc và cuối cùng cũng thấy sơ đồ của toà nhà. Trên sơ đồ có một mũi tên đỏ lớn chỉ vào một hành lang với dòng chữ: “Bạn đang ở đây phải không?” Đó không phải là một trò đùa quá tẻ, nhưng gọi lên một vấn đề quan trọng: Làm cách nào để chúng ta biết mình đang ở đâu? Hay, nói một cách triết học hơn – tại sao bạn nghĩ bạn đang ở trong cơ thể của chính mình?

Có vẻ như đó là một câu hỏi hơi kỳ cục. Rốt cuộc thì, hẳn là chúng ta ở trong cơ thể của chính mình và chỉ vậy thôi. Tuy nhiên, câu hỏi này có chiều sâu hơn rất nhiều. Đôi khi, những sự thấu hiểu sâu sắc nhất lại đến từ một thí nghiệm mang tính đột phá bạn có thể tự làm tại nhà với một cái bàn, một quyển sách ảnh lớn, một chiếc khăn tắm, một cái tay cao su và một người bạn có suy nghĩ cởi mở¹⁴.

Hãy bắt đầu bằng việc ngồi xuống bàn và đặt cả hai tay lên trên bàn. Tiếp theo, dịch chuyển tay phải của bạn sang bên phải

khoảng 15cm và đặt cái tay cao su vào vị trí ban đầu của bàn tay phải (với giả định bàn tay giả là tay phải – còn nếu không, bạn có thể dùng tay trái trong quá trình thực hiện).

Chuẩn bị cho phần đầu tiên của thí nghiệm cái tay giả.



Giờ hãy dựng quyển sách lên, đặt ở giữa tay phải của bạn và cái tay cao su, đồng thời đảm bảo rằng bạn không nhìn thấy tay thật của mình. Sau đó, sử dụng chiếc khăn tắm để che đi khoảng trống giữa tay phải của bạn và cái tay cao su (như hình bên dưới).

Thực hiện thí nghiệm bàn tay giả. Có thể đánh giá hiệu ứng tâm lý của trải nghiệm này bằng cách nhìn vào biểu cảm của người trong ảnh.



Cuối cùng, yêu cầu bạn của bạn ngồi xuống đối diện với bạn, duỗi dài các ngón tay và sử dụng chúng để vuốt ve cùng lúc tay phải của bạn và cái tay cao su ở cùng một vị trí. Sau khi tiếp tục vuốt ve như vậy khoảng hơn một phút, bạn sẽ bắt đầu có cảm giác cái tay cao su thực sự là một phần của cơ thể mình. Cảm giác này đưa đến một hệ quả thú vị cho bàn tay thật đang được giấu đi của bạn. Những nhà nghiên cứu đã theo dõi nhiệt độ bề mặt của bàn tay người tham gia và nhận thấy khi người đó tin rằng cái tay cao su là một phần của họ, nhiệt độ của bàn tay thật giảm đi nửa độ – dường như là vì bộ não đã cắt giảm lượng máu chảy qua bàn tay bị giấu đi vì nó không tin đó là một phần của cơ thể bạn nữa¹⁵.

Đó thực là một ảo tưởng mạnh mẽ. Trong một loạt những nghiên cứu tương tự được tiến hành bởi Vilayanur Ramachandran và được miêu tả cụ thể trong cuốn *Phantoms in the Brain (Những bóng ma trong tâm trí)* của ông, người tham gia được yêu cầu để tay trái của họ xuống bàn, và người làm thí nghiệm sẽ vuốt ve cả bàn tay ở dưới bàn và mặt bàn cùng một lúc¹⁶. Một lần nữa, nhận thức về bản thân của họ lại thay đổi, với 50% số người tham dự có cảm giác mặt bàn gỗ trở thành một phần của cơ thể họ.

Để giải thích điều gì đã xảy ra, ta sẽ sử dụng phép suy luận đơn giản. Hãy thử tưởng tượng bạn đang đi quanh một thành phố mới và chợt nhận ra mình bị lạc. Giải pháp duy nhất là đi tìm những biển báo. Tương tự như vậy, khi bộ não cố xác định “bạn” đang ở đâu, nó cũng sẽ phải dựa trên những thứ tương tự như biển báo, mà cụ thể hơn là những thông tin nhận được qua các giác quan của bạn.

Thường thì cơ chế này hoạt động rất tốt. Ví dụ, não bộ của bạn có thể nhìn thấy tay của bạn và cảm nhận được áp lực truyền

đến từ đầu ngón tay, và cho rằng “bạn” đang tồn tại bên trong tay bạn. Tuy nhiên, cũng giống như cách mà có những người thi thoảng sẽ nghịch ngợm với những biển báo và xoay chúng đi sai hướng, đôi khi bộ não của bạn cũng sẽ làm mọi thứ rối tung lên. Thí nghiệm bàn tay cao su là một trong những trường hợp như thế. Trong quá trình thí nghiệm, não bộ của bạn “cảm thấy” tay trái của bạn đang được vuốt ve và “nhìn thấy” cái tay giả hoặc mặt bàn cũng đang được vuốt ve cùng một lúc, nên kết luận rằng “bạn” phải tồn tại trong cái tay giả hoặc cái bàn, và tạo dựng nên một nhận thức về bản thân phù hợp với ý tưởng này. Tóm lại, đó là kết quả của việc bộ não liên tục sử dụng những tín hiệu từ các giác quan của bạn để đưa ra kết luận hợp lý. Vì lẽ đó, cái cảm giác “bạn” tồn tại trong cơ thể của bạn có thể thay đổi rất đột ngột.

Công trình nghiên cứu của Ramachandran có ý nghĩa quan trọng cả trong thực tế lẫn lý thuyết. Đa số những người bị cắt bỏ chân hoặc tay vẫn thường cảm thấy những cơn đau dữ dội từ những phần tay chân không còn nữa. Ramachandran tự hỏi liệu có phải cơn đau này phần nào là do não bộ đã mất phương hướng vì nó vẫn tiếp tục gửi tín hiệu để điều khiển những bộ phận này nhưng không nhận lại được chuyển động như mong muốn. Để kiểm tra giả thuyết của mình, Ramachandran và đồng nghiệp tiến hành một thí nghiệm tương đối bất thường với một nhóm người khuyết tật bị mất một tay¹⁷. Đội nghiên cứu làm một cái hộp giấy có diện tích bề mặt khoảng 0,2m² và có thể mở ra được ở mặt trên và mặt trước. Sau đó, họ đặt một chiếc gương dựng đứng ở giữa cái hộp để chia cái hộp ra làm hai ngăn. Mỗi người tham gia sẽ đặt tay họ vào một ngăn và điều chỉnh sao cho có thể thấy hình ảnh phản chiếu của tay mình trong gương. Từ góc nhìn của người tham gia, họ sẽ có cảm tưởng như đang thấy được cả hai cánh tay thật và đã mất của mình. Người tham gia

sau đó được yêu cầu thực hiện những chuyển động nhỏ với cả hai bàn tay cùng một lúc như cuộn tay lại thành nắm đấm hay uốn lượn những ngón tay. Nói một cách ngắn gọn, cái hộp của Ramachandran sẽ tạo ra ảo giác rằng cánh tay đã mất của họ vẫn còn chuyển động được. Điều tuyệt vời là hầu hết những người tham gia đều phản ánh rằng cơn đau liên quan đến cánh tay đã mất của họ giảm hẳn, thậm chí vài người còn hỏi liệu họ có được mang cái hộp về nhà không.

Đây là một ví dụ khiến của người tin rằng một phần của họ có thể di chuyển sang một cái tay giả hay mặt bàn, nhưng liệu có thể sử dụng ý tưởng này để dịch chuyển hoàn toàn một người ra khỏi cơ thể của họ không? Nhà thần kinh học Bigna Lenggenhager đến từ Đại học Bách khoa Lausanne ở Thụy Sĩ đã quyết định tìm hiểu điều này¹⁸.

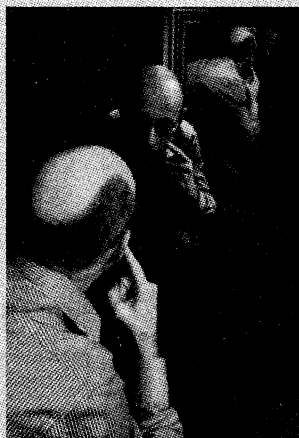
Nếu tham gia vào một trong những nghiên cứu của Lenggenhager, bạn sẽ được đưa đến phòng thí nghiệm của cô ấy, được yêu cầu đứng giữa phòng và đeo một cặp kính thực tế ảo. Một người trong nhóm nghiên cứu sẽ đặt một chiếc máy quay ở phía sau, cách bạn không xa. Hình ảnh từ chiếc máy quay sẽ được truyền vào chiếc kính bạn đang đeo, khiến bạn nhìn thấy tấm lưng của chính mình đang đứng trước mặt. Tiếp theo, một chiếc gậy giả lập sẽ xuất hiện và từ từ vuốt ve tấm lưng ảo của bạn. Cùng lúc đó, đội nghiên cứu cũng sẽ lên ra sau và vuốt ve tấm lưng thật sự của bạn bằng một cái bút nhớ, và họ rất cẩn thận để đảm bảo rằng nhịp độ của những cú vuốt ve trên tấm lưng thật và ảo sẽ đồng đều nhau. Thí nghiệm này được sắp xếp giống như thí nghiệm bàn tay giả, nhưng ở đây “bản thể ảo” của bạn sẽ đóng vai trò như cái tay giả và chiếc bút nhớ sẽ thay thế bàn tay của người khác. Tương tự như cách mà việc vuốt ve bàn tay giả đã tạo ra cảm giác kỳ lạ rằng một phần của bạn tồn tại ở trong

cái tay đấy, thí nghiệm của Lenggenghager sẽ cho người tham gia cảm giác như thể cả cơ thể của họ đang đứng ngay trước mặt họ chỉ cách vài bước chân.

Thí nghiệm cái tay giả và thí nghiệm thực tế ảo cho thấy một điều: cái cảm giác rằng bạn đang ở trong cơ thể của mình mỗi ngày được tạo ra bởi não bộ khi xử lý những thông tin nhận được qua các giác quan. Việc điều chỉnh những thông tin đấy sẽ dễ dàng khiến con người có cảm giác như họ đang ở ngoài cơ thể của chính mình. Tất nhiên, con người ta không sử dụng những bàn tay cao su hay được kết nối với các hệ thống thực tế ảo khi trải qua trải nghiệm xuất hồn. Tuy vậy, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cái ý tưởng phản-trực-giác kỳ lạ này là rất quan trọng để hiểu bản chất của những sự kiện kể trên.

GUƠNG KIA NGỰ Ở TRÊN TƯỜNG...

Nhà thần kinh học Vilayanur Ramachandran và các cộng sự của mình đã tạo ra một phiên bản tương tự nhưng đơn giản hơn so với thí nghiệm của Lenggenhager mà không cần đến hệ thống thực tế ảo phức tạp và đắt tiền¹⁹. Trên thực tế, bạn chỉ cần hai cái gương lớn và ngón tay của mình. Xếp hai cái gương đối diện nhau và cách nhau khoảng một mét. Điều chỉnh góc độ của một cái gương sao cho bạn có thể nhìn thấy gáy của mình ở trong gương (như hình minh họa). Cuối cùng, dùng ngón tay chạm nhẹ vào má của mình và nhìn vào hình ảnh ở trong gương.



Chuẩn bị cho thí nghiệm gương.

Cách sắp đặt khác thường này tạo ra bản sao tương đương với ảo ảnh tạo ra bởi hệ thống thực tế ảo của Lenggenhager. Não bộ “cảm thấy” má của bạn đang được chạm vào, đồng thời cũng “thấy” một người ở trước mặt bạn đang là đối tượng bị chạm, đưa đến kết luận rằng “bạn” chắc hẳn phải đang ở vị trí phía trước đó và bắt đầu

hình thành nhận thức về bản thân phù hợp với ý tưởng này.

Khi tham gia minh họa cho thí nghiệm này, Ramachandran cảm thấy như thể ông đang chạm vào một người ngoài hành tinh hay một người máy ở bên ngoài cơ thể mình. Nhiều đồng nghiệp của ông cũng có cảm giác tương tự, vài người trong số họ thậm chí còn muốn nói “Xin chào” với người ở trong gương.

Ở đầu quyển sách, tôi đã kể rằng việc nhìn thấy nhà tâm lý học Sue Blackmore trên truyền hình đã khiến tôi nhận ra nghiên cứu về những hiện tượng siêu nhiên có thể tiết lộ những hiểu biết quan trọng về não bộ, hành vi và niềm tin của con người. Blackmore đã điều tra rất nhiều khía cạnh của những vấn đề huyền bí trong nhiều năm liền, nhưng phần lớn trong số đó tập trung vào bí mật khoa học đằng sau trải nghiệm xuất hồn.

Phù thủy, LSD và bài Tarot

Niềm hứng thú của Sue Blackmore với những vấn đề huyền bí bắt đầu vào một ngày năm 1970, khi cô vẫn đang là sinh viên của trường Đại học Oxford và vừa trải qua một trải nghiệm xuất hồn nhớ đời. Sau một vài giờ thử cầu cơ rồi thư giãn bằng cần sa, Sue cảm thấy mình bắt đầu rời khỏi cơ thể, trôi nổi lên trần nhà, bay khắp nước Anh, vượt qua cả Đại Tây Dương và bay lượn vòng quanh New York. Sau đó, cô quay về Oxford, trở lại cơ thể qua đường cổ rồi cuối cùng nở dần ra để lấp đầy toàn bộ không gian bên trong đó. Ngoài trải nghiệm này ra thì đó thực sự là một đêm yên tĩnh.

Khi trở lại với thực tại, Sue bắt đầu có hứng thú với những trải nghiệm kỳ lạ, trui rèn bản thân thành một phù thủy trắng, và cuối cùng quyết định dành hết tâm huyết cho ngành cận tâm lý học. Cô đạt học vị tiến sĩ nhờ công trình nghiên cứu xem liệu trẻ em có khả năng ngoại cảm hay không (câu trả lời là không), sử dụng LSD (chất gây ảo giác cực mạnh) để xem liệu chúng có giúp cô cải thiện khả năng tâm linh của mình không (câu trả lời cũng là không), và học cách bói bài Tarot để xem mình có thể dự đoán được tương lai hay không (một lần nữa, không). Sau 25 năm chỉ đạt được những kết quả thất vọng, Sue cuối cùng cũng từ bỏ những bóng ma và trở nên nghi ngờ những điều đó. Ròng rã nhiều năm trời, cô đã xem xét khía cạnh tâm lý học của những trải nghiệm tâm linh cũng như các đức tin, cố gắng để hiểu tại sao con người lại trải nghiệm những cảm giác siêu nhiên và có xu hướng tin vào những điều kỳ lạ như vậy. Gần đây, cô đã chuyển sự chú ý của mình sang điều bí ẩn của tiềm thức, tập trung vào cách mà não bộ tạo nên nhận thức về bản thân (mặc dù, hơi đáng thất vọng là phần “Tôi là ai” trên trang web của cô chỉ đơn thuần là một phần tiểu sử hết sức trung thực).

Một trong những cuộc điều tra thời kỳ đầu của Blackmore giúp giải quyết câu hỏi mà tôi vẫn thường băn khoăn khi nhắc đến những vấn đề huyền bí: Tại sao những cặp sinh đôi giống nhau dường như luôn có một sự liên kết tâm linh với nhau? Những người tin là có khả năng tâm linh cho rằng mối liên hệ kỳ lạ này là do khả năng ngoại cảm. Ngược lại, những người hoài nghi phản biện rằng những cặp sinh đôi thường suy nghĩ giống nhau vì cùng được nuôi dưỡng trong một môi trường, có những đặc điểm di truyền giống nhau. Những sự tương đồng này khiến họ đưa ra những quyết định giống nhau nên ta có cảm tưởng họ đọc được tâm trí của nhau.

Để giải quyết vấn đề này, Blackmore tiến hành một thí nghiệm gồm hai phần với sự tham gia của sáu cặp sinh đôi và sáu cặp anh chị em bình thường²⁰. Phần đầu tiên đơn thuần là một bài kiểm tra khả năng ngoại cảm. Trong một cặp anh chị em, sẽ có một người đóng vai trò “người gửi” còn một người sẽ là “người nhận”. Người gửi sẽ truyền đi thông tin của một chuỗi những vật bất kỳ được chọn (như một con số trong các số từ một đến mười, một đồ vật, hay một bức ảnh) cho người nhận qua đường tâm linh. Ở phần này, không có bằng chứng nào về khả năng ngoại cảm đến từ cả những cặp sinh đôi lẫn những cặp anh chị em bình thường.

Ở phần hai của thí nghiệm, Blackmore yêu cầu người gửi truyền cho người nhận con số đầu tiên xuất hiện trong đầu họ, vẽ bất kỳ điều gì họ thấy hứng thú, và chọn một trong bốn bức ảnh để gửi đi. Kết quả đột ngột thay đổi. Như dự đoán của giả thuyết “năng lực ngoại cảm của những cặp sinh đôi đến từ sự tương đồng”, ở phần này, kết quả của các cặp sinh đôi vô cùng khả quan. Cụ thể, khi được hỏi con số đầu tiên từ một đến mười xuất hiện trong đầu bạn là gì, 20% lần thử của các cặp sinh đôi

cho ra cùng một con số so với 5% của những cặp anh chị em bình thường. Ở phần vẽ tranh, nhóm sinh đôi cũng thể hiện rất tốt khi có 21% thành công so với 8% của nhóm bình thường.

Tóm lại, kết quả thí nghiệm cho thấy sự thấu hiểu giữa những cặp sinh đôi là do sự tương đồng rất cao ở trong cách suy nghĩ hành xử chứ không phải do khả năng ngoại cảm.

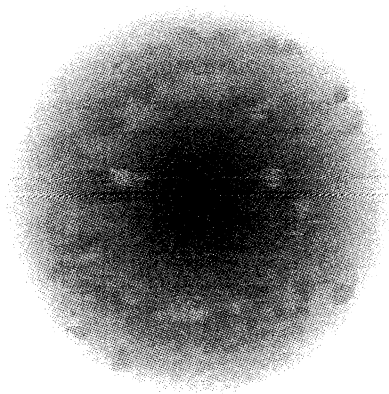


Phỏng vấn với Sue Blackmore

www.richardwiseman.com/paranormality/SueBlackmore.html

Tuy nhiên, Blackmore được biết đến nhiều nhất trong cộng đồng hoài nghi các hiện tượng huyền bí nhờ những nghiên cứu của cô về trải nghiệm xuất hồn. Cô chọn điểm khởi đầu từ ý tưởng rằng cái cảm giác “ta đang ở trong cơ thể của chính ta” là một ảo giác do não bộ tạo ra dựa trên những thông tin nhận được qua các giác quan. Tiếp đó, cũng tương tự như khi một tập hợp những tình huống kỳ lạ bao gồm bàn tay giả hoặc hệ thống thực tế ảo khiến con người tin rằng mình đang ở một nơi nào đó khác, Blackmore tự hỏi không biết có một tập tình huống nào cũng kỳ lạ như vậy có thể khiến người ta nghĩ rằng họ đã thoát ra khỏi cơ thể của mình. Sue dồn toàn bộ sự chú ý vào hai yếu tố **trọng tâm** của trải nghiệm xuất hồn.

Nguyên lý đầu tiên được minh hoạ bằng hình ảnh sau.



Hãy tập trung nhìn vào chấm đen ở chính giữa của hình ảnh. Nếu có thể giữ nguyên đầu và mắt của mình trong khoảng 30 giây, bạn sẽ thấy vùng tròn màu xám xung quanh từ từ biến mất. Khi dịch chuyển đầu hoặc mắt đi, hình ảnh sẽ trở lại bình thường. Điều gì đang xảy ra ở đây? Tất cả là vì một hiện tượng được gọi là “thói quen cảm giác”. Nếu cho một người tiếp xúc với một âm thanh, hình ảnh, hoặc mùi hương kéo dài liên tục, một điều khác thường sẽ xảy ra. Họ sẽ từ từ làm quen với những điều ấy, cho đến khi không còn nhận thức về điều ấy nữa. Ví dụ, khi vừa bước vào một căn phòng thơm mùi cà phê mới xay, bạn ngay lập tức nhận ra mùi hương dễ chịu này. Nhưng nếu ở trong phòng thêm một lúc nữa, mùi thơm này dường như biến mất. Cách duy nhất để lại người thấy nó là đi ra ngoài rồi quay trở lại phòng một lần nữa. Trong ví dụ minh hoạ ở trên, bạn dần không còn nhìn thấy vùng xám nữa vì nó không thay đổi. Cơ chế tương tự cũng được dùng để giải thích “guồng quay hưởng thụ”: khi mà con người nhanh chóng quen thuộc với ngôi nhà mới hay cái

xe mới, họ sẽ cảm thấy cần phải mua căn nhà lớn hơn, chiếc xe xịn hơn để lại cảm thấy hạnh phúc.

Blackmore nhận định quá trình này là cốt lõi của trải nghiệm xuất hồn. Con người thường có xu hướng trải nghiệm điều này khi ở trong tình huống mà não bộ của họ chỉ nhận được một lượng nhỏ thông tin không thay đổi từ các giác quan. Thông thường, họ sẽ mất thị giác vì ở trong bóng tối hoặc đang nhắm mắt. Thêm nữa, họ cũng không có nhiều thông tin thông qua xúc giác vì đang nằm trên giường, thư giãn trong bồn tắm, hoặc đang dùng thuốc. Trong những trường hợp này, bộ não nhanh chóng bị “mù” với lượng nhỏ những thông tin đầu vào, và gặp nhiều khó khăn để cho ra một hình ảnh mạch lạc về vị trí hiện tại của “bạn”.

Một cách tự nhiên, não bộ rất ghét sự trống rỗng, và sẽ bắt đầu tưởng tượng chúng ta đang ở đâu, đang làm gì. Đây cũng là một phần nguyên nhân vì sao chúng ta thường xuyên có những hình ảnh trôi qua trong tâm trí khi nhắm mắt, ở trong bóng tối hay sử dụng chất kích thích. Blackmore cho rằng có những kiểu người nhất định dễ dàng tưởng tượng mọi thứ sẽ trông như thế nào khi họ rời khỏi cơ thể, và họ bị cuốn vào những hình ảnh trong đầu đến nỗi nhầm lẫn giữa ảo mộng và thực tại. Nhóm người này chính là những đối tượng có khả năng trải nghiệm việc xuất hồn cao nhất.

Blackmore đã tiến hành một vài thí nghiệm để kiểm tra lý thuyết này của mình²¹. Thực tế, bạn đã thực hiện một phiên bản của những thí nghiệm ấy rồi đấy. Ở những trang trước, tôi có yêu cầu bạn hãy tưởng tượng mình đang ở khoảng 2m phía trên vị trí hiện tại và đánh giá xem trí tưởng tượng của bạn rõ ràng đến đâu cũng như bạn có gặp khó khăn không khi chuyển đổi từ

góc nhìn này sang góc nhìn khác. Sue giới thiệu bài tập này cho hai nhóm người – một nhóm đã có trải nghiệm xuất hồn và một nhóm chưa từng trải qua – và ghi nhận được những kết quả khác biệt. Những người đã từng trải nghiệm việc thoát ra khỏi cơ thể của mình có xu hướng tưởng tượng được rõ nét hơn và cũng dễ dàng chuyển đổi qua lại giữa hai góc nhìn.

Blackmore cũng nhận định rằng những người từng có trải nghiệm xuất hồn thường rất nhập tâm vào trải nghiệm của mình nên nhiều khi họ khó phân biệt được đâu là thực, đâu là ảo. Tôi cũng đã yêu cầu các bạn đánh giá mức độ chính xác của sáu nhận định mô tả bản thân bạn. Năm trong số đó là những câu hỏi tiêu chuẩn bạn có thể tìm thấy trong những bản khảo sát được thiết kế để đánh giá mức độ nhập tâm của bạn khi trải nghiệm điều gì đó (câu con chồn thì tôi thêm vào chỉ để cho vui). Những người đạt được điểm cao khi làm bài khảo sát này thường quên mất thời gian khi xem phim và những chương trình truyền hình, bản khoản không biết họ đã thực sự làm một việc gì đó chưa hay chỉ là tưởng tượng ra, và rất dễ dàng bị thôi miên (với năm câu hỏi khảo sát ở đầu chương, 20 điểm trở lên là mức điểm cao). Ngược lại, những người thấp điểm lại rất thực tiễn và hiếm khi nhầm lẫn thực tế với trí tưởng tượng của họ (mức điểm thấp là ít hơn hoặc bằng mười điểm). Những nghiên cứu của Blackmore bao gồm việc yêu cầu những người đã từng và chưa từng trải qua trải nghiệm xuất hồn làm bài khảo sát về độ nhập tâm, và nhóm người từng có trải nghiệm có xu hướng đạt điểm cao hơn.

Tóm lại, dữ liệu của Blackmore cho thấy những người đã từng xuất hồn có khả năng tưởng tượng kiểu hình ảnh liên quan đến trải nghiệm đó một cách tự nhiên hơn nhiều so với người bình thường, và họ gặp khó khăn trong việc phân biệt thực tại và tưởng tượng. Khi đặt nhóm người này trong tình

huống mà cơ thể họ chỉ có thể nhận được một lượng nhỏ những thông tin bất biến về vị trí hiện tại của mình, thì cũng giống như cách những người tham gia được sắp đặt ở trong thí nghiệm tay giả và thực tế ảo, sau cùng, họ sẽ tin rằng họ không còn ở trong cơ thể của mình nữa.

CÁCH ĐỂ RỜI KHỎI CƠ THỂ CỦA CHÍNH MÌNH

Hiểu rõ nguyên nhân của hiện tượng xuất hồn có thể giúp bạn làm việc này thường xuyên hơn. Phần đầu tiên của quá trình này sẽ bao gồm ba kỹ năng tâm lý cơ bản: thư giãn, tưởng tượng và tập trung. Chúng ta sẽ xem xét lần lượt từng kỹ năng.

Thư giãn

“Thư giãn cơ bắp liên tục” là quá trình chủ động làm căng nhiều nhóm cơ rồi thả lỏng chúng. Để làm quen với kỹ thuật này, bạn hãy cởi giày, mặc quần áo thật thoải mái và ngồi thư giãn trong một căn phòng yên tĩnh. Tập trung sự chú ý vào bàn chân phải của mình, từ từ hít vào rồi co hết sức có thể những đầu ngón chân lại trong khoảng 5 giây. Tiếp theo, thở hắt ra rồi thả lỏng bàn chân, làm cho cơ ở đây mềm ra. Thực hiện các bước tương tự như vậy với những bộ phận khác trên cơ thể theo thứ tự sau:

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| 1. Bàn chân phải | 9. Toàn bộ cánh tay phải |
| 2. Bắp chân phải | 10. Bàn tay trái |
| 3. Toàn bộ chân phải | 11. Cẳng tay trái |
| 4. Bàn chân trái | 12. Toàn bộ cánh tay trái |
| 5. Bắp chân trái | 13. Bụng |
| 6. Toàn bộ chân trái | 14. Ngực |
| 7. Bàn tay phải | 15. Cổ và vai |
| 8. Cẳng tay phải | 16. Mặt |

Mỗi lần thực hiện, làm căng từng phần của cơ thể trong khoảng năm giây rồi thả lỏng chúng.

Tưởng tượng

Việc thực hiện trải nghiệm xuất hồn yêu cầu một khả năng tưởng tượng rất tốt. Nếu bạn là một người bẩm sinh có khả năng tưởng tượng những khung cảnh và hình ảnh ở trong đầu thì đó là một điều tuyệt vời. Còn nếu không, hãy thử bài tập sau đây.

Hình dung rằng bạn đang đi vào căn bếp của mình, lấy một quả cam ra khỏi kệ và đặt lên một cái đĩa màu xanh. Tiếp theo, nghĩ về việc bạn bấm móng tay của mình vào lớp vỏ mềm mại của quả cam để bóc nó ra. Nghĩ xem quả cam có mùi vị như thế nào. Mừng tượng cảnh nước cam rỉ từ quả cam sang những ngón tay của bạn. Nghĩ đến khi bạn bóc hết vỏ cam ra rồi bỏ lên đĩa. Trong tâm trí của mình, bạn đang tiếp tục tách từng múi cam rồi lại bỏ lên đĩa. Giờ khi nhìn lại cả quá trình này, bạn có thấy nước miếng không? Những màu sắc có rõ ràng và tươi sáng? Mỗi một bước trong quá trình có sinh động không? Bạn có cần phải sử dụng tất cả các giác quan của mình không?

Thực hiện bài tập này vài ngày một lần, mỗi lần hãy cố gắng để cảm giác trở nên chân thực hết mức có thể.

Tập trung

Khả năng tập trung suy nghĩ cũng rất quan trọng để có được trải nghiệm xuất hồn. Bài tập đơn giản sau đây sẽ giúp bạn kiểm tra, và thậm chí cải thiện khả năng tập trung của mình.

Thử nhẩm từ 1 đến 20 trong đầu, mỗi số lần lượt cách nhau một vài giây. Tuy nhiên, cứ mỗi khi có một suy nghĩ hay một hình ảnh khác chen ngang vào tâm trí, bạn phải đếm lại từ đầu. Mối đầu bạn sẽ thấy thử thách này khó hơn nhiều so với bạn nghĩ, nhưng dần dần bạn sẽ học được cách tập trung suy nghĩ của mình và có thể đếm được đến 20 mà không bị gián đoạn.

Kết hợp tất cả những kỹ năng ở trên lại

Tốt rồi, giờ là lúc chúng ta thử trải nghiệm xuất hồn. Hãy ngồi ở cái ghế mà bạn thấy thoải mái nhất ở nhà. Tiếp đến, hãy đứng dậy và nhìn một lượt xung quanh. Căn phòng từ góc nhìn này trông như thế nào? Ghi nhớ được càng nhiều chi tiết càng tốt, ví dụ như vị trí của những đồ nội thất, khung cảnh bên ngoài cửa sổ, hay những bức tranh treo trên tường. Tiếp theo, di chuyển từ từ sang một căn phòng khác và cũng cố gắng để ý được càng nhiều chi tiết càng tốt, bao gồm màu sắc của những bức tường, những đồ vật mà bạn thấy, loại gạch nền mà bạn đang bước lên. Để thực hiện dễ dàng hơn quá trình này, hãy chọn bốn đặc điểm chính trên quãng đường di chuyển và ghi nhớ càng nhiều chi tiết của chúng càng tốt.

Bây giờ, hãy trở về căn phòng ban đầu và ngồi lên ghế. Thực hiện quá trình “thư giãn cơ bắp liên tục”. Khi bạn cảm thấy hoàn toàn thư thái, hãy tưởng tượng mình có một bản sao đang đứng ở ngay trước mặt. Để giảm độ khó (và cảm giác không thoải mái, đối với nhiều người) khi phải **mường tượng lại khuôn mặt của mình, hãy tưởng tượng**

bản sao của bạn đang quay lưng lại với bạn. Cố gắng hình dung ra một hình ảnh cụ thể về trang phục và tư thế của bản sao. Bây giờ, hãy nghĩ lại xem mọi thứ trông sẽ như thế nào khi bạn đứng ở vị trí đấy, và tưởng tượng bạn đang di chuyển cơ thể của mình để nhập vào bản sao. Đừng thất vọng khi bạn không làm được từ lần thử đầu tiên. Đây là một quá trình không mấy dễ dàng và yêu cầu phải tập luyện nhiều lần.

Một khi đã có được cảm giác như thể bạn đang rời khỏi cơ thể của mình để tiến vào tâm trí của bản sao, tiếp tục cố gắng thử đi theo con đường đã định và dừng lại tại bốn đặc điểm đã chọn để nhìn chúng. Nếu gặp khó khăn trong quá trình di chuyển, một vài nhà nghiên cứu khuyên rằng bạn có thể thúc đẩy bản thân bằng cách không uống bất kỳ thứ gì vài tiếng trước khi thực hiện và đặt một cốc nước ở trong căn phòng bạn định đi đến. Và cũng đừng lo lắng gì vì bạn có thể trở lại cơ thể của mình bất cứ lúc nào. Khi đã học được cách để có được trải nghiệm này, bạn có thể bay khắp thế giới một cách tùy ý mà chỉ bị giới hạn bởi chính trí tưởng tượng của bản thân và hoàn toàn có thể yên tâm vì không để lại bất kỳ dấu vết nào.

Hàng thập kỷ trôi qua, một số ít những nhà khoa học tâm huyết vẫn tìm cách chứng minh linh hồn có thể rời khỏi thể xác. Họ chụp ảnh người thân vừa mới mất trong gia đình, căn những người đang hấp hối và yêu cầu những người đã từng trải qua trải nghiệm xuất hồn cố gắng xác định những bức tranh được giấu ở xa. Những nỗ lực này thất bại vì cảm nhận của con người là sản phẩm của não bộ và chúng ta không thể tồn tại bên ngoài cơ thể của mình. Những nghiên cứu về sau lại tập trung tìm cách giải thích những cảm giác lạ lùng này dựa trên tâm lý học. Kết quả cho thấy bộ não luôn luôn phụ thuộc vào những thông tin nhận được qua các giác quan để tạo nên nhận thức rằng chúng ta đang ở trong cơ thể của mình. Hãy đánh lừa giác quan bằng bàn tay cao su hay hệ thống thực tế ảo, bạn sẽ bất ngờ thấy mình trở thành một phần của cái bàn hay thậm chí thấy mình đang đứng cách cơ thể chỉ vài bước chân. Khi mất đi những tín hiệu xung quanh, não bộ sẽ không thể xác định được chúng ta đang ở đâu. Cảm giác này khi kết hợp với trí tưởng tượng phong phú sẽ đánh lừa được bộ não và khiến nó tin rằng chúng ta có thể rời khỏi cơ thể của mình và bay đi khắp nơi.

Não bộ con người luôn luôn xử lý câu hỏi trọng tâm “Mình đang ở đâu?” một cách tự động và vô thức trong khi chúng ta tỉnh thức. Nếu không có quy trình đó, chúng ta sẽ cảm tưởng như mình là một phần của cái ghế ta đang ngồi trong một khoảnh khắc, rồi tiếp theo lại đang ở trên sàn nhà. Khi có quy trình đó, chúng ta luôn có cảm giác ổn định rằng ta đang ở trong cơ thể của mình. Trải nghiệm xuất hồn không phải điều gì huyền bí và cũng không phải là bằng chứng cho sự tồn tại của linh hồn mà thay vào đó, nó tiết lộ những điều cực kỳ đáng chú ý về hoạt động thường nhật của não bộ và cơ thể con người.

3. Tâm trí kiểm soát vật chất

Ở phần này, chúng ta sẽ xem làm thế nào mà một người đàn ông có thể lừa được cả thế giới, học cách dùng tâm trí của mình để bẻ cong kim loại, nghiên cứu thông tin về đạo sư của các giáo phái ở Ấn Độ và tìm câu trả lời cho câu hỏi tại sao thì thoảng chúng ta không thể thấy những điều đang diễn ra ngay trước mắt mình.

Sinh năm 1959 ở New Jersey, James Alan Hydrick đã có một tuổi thơ khổn khổ¹. Khi ông mới lên ba, người mẹ nát rượu của ông đã bỏ nhà ra đi, để lại ông cho người cha cũng nghiện rượu không kém một tay nuôi nấng. Năm Hydrick sáu tuổi, mọi chuyện còn tồi tệ hơn khi người cha bị buộc tội cướp có vũ trang và lĩnh án hai năm tù giam. Cùng với tin đồn Hydrick bị bạo hành đã có từ trước đó, cơ quan dịch vụ xã hội đã gửi ông cho những gia đình có nhu cầu nhận con nuôi. Thật không may, hành vi của Hydrick rất có vấn đề và người ta phải chuyển ông từ gia đình này sang gia đình khác.

Năm mười tám tuổi, ông bị buộc tội bắt cóc và trộm cướp và phải thụ án ở nhà tù hạt Los Angeles. Khi ở trong tù, ông đặc biệt đam mê với võ thuật và rất cố gắng để thuần thục nhiều loại kỹ thuật đánh nhau khác nhau. Cũng trong khoảng thời gian này, ông bắt đầu bộc lộ khả năng dịch chuyển đồ vật bằng ý nghĩ của mình. Màn trình diễn nổi tiếng nhất của Hydrick là ông sẽ đặt một chiếc bút chì nằm thẳng bằng ở mép bàn và sử dụng “ý chí” để khiến nó di chuyển. Khi ông quay đầu đi và đưa tay ra xa khỏi bàn, cái bút cũng từ từ xoay, rồi dừng lại và chuyển hướng. Trong một lần khác ở trong tù, ông mở cuốn Kinh Thánh và cầu xin Chúa Jesus giúp ông được trở nên nổi tiếng. Những trang sách cứ thế tự giờ từ trang này sang trang khác như thể được lật bằng một bàn tay vô hình.

Khi mãn hạn tù, Hydrick chuyển đến thành phố Salt Lake và mở “Học viện Thiếu Lâm” để dạy võ và giúp mọi người khai phá khả năng dịch chuyển đồ vật bằng ý nghĩ. Cùng với màn dịch chuyển bút chì và lật mở trang Kinh Thánh, Hydrick đã bổ sung thêm một số màn vào danh sách những tiết mục ấn tượng của mình, trong đó bao gồm việc làm cho bao cát trong học viện của mình đung đưa mà không cần chạm vào.

Tháng 12 năm 1980, ông được mời đến chương trình *That's Incredible!* của đài ABC để thể hiện khả năng của mình. Mỗi tuần chương trình sẽ mời một vài nhà trình diễn thể hiện những tiết mục công phu và kỳ dị, trong đó bao gồm một người phá kỷ lục màn nuốt kiếm, một đàn chuột chơi bóng rổ trong sân bóng rổ tí hon được xây dựng đặc biệt, và một người đàn ông sẵn sàng bị kéo lê đi trên một tấm trượt kim loại với vận tốc trên một trăm dặm một giờ. Chương trình nhận được rất nhiều sự quan tâm từ một lượng khán giả đông đảo, và đây là cơ hội lý tưởng để Hydrick có thể trở nên nổi tiếng.

Hydrick (ở thời gian này đang sử dụng nghệ danh đầy bí ẩn là “Song Chai”) mở đầu chương trình bằng màn trình diễn sử dụng ý chí để lật trang sách đầy ấn tượng. Mọi chuyện diễn ra vô cùng thuận lợi, khán giả hét lên “Thật kì diệu!”, và dòng chữ này cũng được viết hoa rất lớn chạy trên màn hình dành cho những người không nhanh trí lắm. Sau đó, Hydrick trao đổi thêm về khả năng của mình với người dẫn chương trình và trình diễn màn dịch chuyển bút chì. Người xem thực sự bị ấn tượng.

Rồi chuyện đó xảy ra. Người dẫn chương trình John Davidson, người ngồi gần Hydrick nhất trong lúc ông dịch chuyển cái bút, nói rằng ông nghĩ là mình nghe thấy Hydrick thổi cái bút đi. Hydrick trông như bị tổn thương và phủ nhận lời cáo buộc. Một sự im lặng đầy hoài nghi bao trùm khán phòng, có cảm tưởng như khán giả đã sẵn sàng để nói: “Nếu thế thì cũng không kỳ diệu lắm nhì!” Trong giờ phút đầy căng thẳng đó, Hydrick quay sang hỏi Davidson: “Ông có muốn dùng tay che miệng tôi lại không?” Davidson đồng ý, cả trường quay đều nín thở khi Hydrick tập trung ý chí để dịch chuyển cái bút chì. Một vài giây trôi qua, cái bút từ từ xoay vòng. Davidson thực sự kinh ngạc còn khu vực khán giả như muốn nổ tung.

Những lời tán tụng về khả năng tuyệt vời của Hydrick được lan truyền với tốc độ chóng mặt, thậm chí một tờ báo tâm cỡ quốc gia còn phong cho ông là “Nhà tâm linh hàng đầu thế giới”. Ông như được định mệnh sắp xếp để có một chỗ trong ngôi đền danh vọng của những nhà tâm linh. Và đáng lẽ ra ông đã có được điều đó nếu không có James “The Amazing” Randi.

Chương trình *That's My Line*

Ở chương một, chúng ta đã biết nhà ảo thuật theo chủ nghĩa hoài nghi James Randi đã dành cả cuộc đời mình để giải mã những hiện tượng huyền bí, treo giải thưởng cả triệu đô la cho bất kỳ ai có thể chứng minh được sự tồn tại của những năng lực bí ẩn trong điều kiện được giám sát chặt chẽ về mặt khoa học (giải thưởng này đến nay vẫn chưa ai giành được).

Màn trình diễn ấn tượng của Hydrick trong chương trình *That's Incredible!* đã thu hút được sự chú ý của Randi, và ông thách thức nhà tâm linh trẻ biểu diễn lại tiết mục tử của mình trong một điều kiện chặt chẽ hơn. Tháng 2 năm 1981, hai người có cơ hội đối đầu trực diện trong một chương trình giải trí khác nhẹ nhàng hơn tên là *That's My Line*. Ở phần đầu của chương trình, người dẫn chương trình Bob Barker giới thiệu Hydrick và hỏi ông đã làm thế nào để phát triển khả năng tâm linh của mình. Hydrick dường như đã quên khoảng thời gian phải ở trong tù của mình, và kể rằng một ông lão thông thái người Trung Quốc có tên Sư phụ Wu đã hướng dẫn ông đạt đến tầng thứ tư của nhận thức (có vẻ như bao gồm cả khả năng nói dối về sức mạnh tâm linh của mình). Hydrick sau đó liên trình diễn khả năng dịch chuyển bút chì tuyệt vời và tất cả khán giả đều vỗ tay tán thưởng. Sau đó, Barker mở một quyển danh bạ điện thoại đặt lên bàn và Hydrick đã nhờ một vị thần vĩ đại ở trên trời cao giúp lật những trang sách. Sau vài lần thử thất bại và khoảng gần 25 phút buồn chán của chương trình, ông cũng đã lật được một trang trong cuốn sách.

Ở phần tiếp theo của chương trình, khách mời của Barker là Randi, người đã mở sẵn một cái hòm lớn ở phía sau cánh gà

và lấy ra vũ khí bí mật của mình – một ống toàn vụn xốp. Randi rải những vụn xốp này khắp xung quanh quyền danh bạ và thử thách Hydrick một lần nữa dùng sức mạnh tâm trí của mình để lật trang sách. Randi cho rằng Hydrick đã bí mật thổi để lật những trang sách và nếu ông làm thế một lần nữa, những vụn xốp sẽ bị thổi bay đi.

Bây giờ thì Hydrick phải cố lật trang sách dưới sự giám sát gắt gao của ba chuyên gia khoa học hoạt động độc lập. Sau bốn mươi phút khuya tay và chau mày, và khán giả cũng dần thấy đói bụng và mệt mỏi, Hydrick thừa nhận thất bại. Ông cho rằng những vụn xốp và ánh đèn trong trường quay đã tạo nên lực tĩnh điện, đè trang sách xuống và ngăn cản màn trình diễn tâm linh của mình. Randi và hội đồng chuyên gia đều đồng ý rằng lý do đó thật ngớ ngẩn. Hydrick quả quyết khả năng của mình không phải là do chiêu trò và sử dụng sức mạnh để thử lật trang sách lại một lần nữa nhưng vẫn thất bại. Barker, Randi và hội đồng thẩm định đồng loạt ra dấu không đồng tình, và khán giả cuối cùng cũng được đi ăn.

Xuất hiện trong chương trình *That's My Line* không phải là một bước đi khôn ngoan trong sự nghiệp của Hydrick. Mặc dù những người ủng hộ trung thành nhất của ông có thể tự lừa dối bản thân rằng người anh hùng của họ chỉ đơn giản là bị mất tinh thần vì sự xuất hiện đột ngột của những người giám sát đầy hoài nghi cùng với hộp vụn xốp, nhưng hầu hết những khán giả theo dõi đều sẽ có chung một cảm giác rõ ràng rằng màn trình diễn của Hydrick là một trò lừa gạt. Ông biết là mình cần một vị cứu tinh. Một người vừa có thể quảng bá khả năng của ông vừa có thể xóa nhòa những nghi ngờ của công chúng về việc khả năng đó là một sự lừa dối. Chúng ta hãy cùng đến với nhân vật thứ ba và cũng là nhân vật cuối cùng của câu chuyện – Danny Korem, một nhà điều tra tâm linh, cũng đã từng là một nhà ảo thuật và tự xưng là Chúa Cứu Thế của người Do Thái.

Sự thật đằng sau sự huyền bí

Hiện tại, Danny Korem là chủ tịch của Korem & Associates, một công ty chuyên về “mô tả hành vi tại chỗ nhanh chóng”. Theo những thông tin được đăng tải trên trang web của công ty, chương trình huấn luyện đặc biệt của họ có thể giúp mọi người đánh giá một cách chính xác động cơ, tính cách cũng như phong cách nói chuyện của người khác gần như ngay lập tức. Nhưng trước đó, Korem đã sống một cuộc sống rất khác vào những năm 1980.

Korem lúc đó đã tương đối nổi tiếng với vai trò một ảo thuật gia lão luyện và, theo như hồ sơ lý lịch được đăng tải trên mạng bây giờ, “đã đọc và xem hơn 10.000 quyển sách, bản thảo, và tạp chí định kỳ về những mảnh khoe lừa gạt”. Ông là một người rất có hứng thú với những vấn đề huyền bí và, cũng giống như Randi, viết rất nhiều về những chiêu trò của giới tâm linh. Nhưng khác với Randi, Korem có đức tin mãnh liệt vào Chúa và là đồng tác giả của cuốn sách *Fakers (Kẻ giả mạo)* với mục đích giúp mọi người phân biệt những hiện tượng siêu nhiên thật sự và những điều giả mạo ăn theo. (Trong cuốn sách, Korem đã viết: “Như đã đề cập ở Chương 10, linh hồn của người chết không thể quay trở lại vì những luật lệ của linh hồn do Chúa quy định”²).

Trong phần đầu của cuốn sách được đánh giá là giàu thông tin nhưng khá kỳ lạ này, Korem đã lý giải những nền tảng tâm lý cho rất nhiều hiện tượng dường như rất huyền bí, bao gồm cái bàn xoay, cầu cơ và màn đi trên lửa. Ở phần hai, ông mới bàn đến những hiện tượng siêu nhiên “thật sự”, cụ thể là ông cho rằng quỷ dữ tồn tại ở khắp mọi nơi trên Trái Đất và vì thế chúng ta có thể dự đoán trước được tương lai bằng cách lấy thông tin từ rất

nhiều nguồn (“Những thiên thần không bao giờ được ban cho sức mạnh này”). Thực tế hơn một chút, Korem cũng đưa ra những lời khuyên hữu hiệu để phân biệt những người có khả năng tâm linh thực sự với những người cần sự chăm sóc về mặt tâm thần (như Korem đã chú thích, “mẫu chốt nằm ở sự cân bằng”).

Korem cảm thấy rất có hứng thú với trường hợp của Hydrick và sắp xếp để hai người có thể gặp mặt. Ông quyết định không cho Hydrick biết về quá khứ đã từng là nhà ảo thuật của mình (“Một trong mười điều răn của Chúa là không được nói dối để làm hại người khác”) mà đóng giả thành một người làm phim tài liệu để làm phim về cuộc đời và sức mạnh của Hydrick. Mong muốn hồi phục danh tiếng sau lần xuất hiện trên chương trình *That's My Line*, Hydrick liền đồng ý tham gia. Sau khi quan sát kỹ lưỡng hai màn trình diễn lật trang sách và xoay bút chì của Hydrick, Korem tin rằng Randi đã đúng: Hydrick đã không sử dụng năng lực dùng ý chí điều khiển đồ vật dưới bất kỳ hình thức nào mà chỉ dùng hơi để thổi những đồ vật đó một cách cực kỳ khéo léo và tinh ranh. Nhưng Korem không bóc mẽ Hydrick ngay lúc đấy mà quay trở về nhà, làm việc cật lực để bắt chước tất cả những mảnh khoe của Hydrick (“Một trong mười điều răn khác của Chúa là không được ăn cắp”). Sau nhiều nỗ lực tập luyện, Korem cảm thấy đã đến lúc thực hiện bước tiếp theo trong kế hoạch xảo thuật của mình.

Korem xin phép ghi hình lại quá trình Hydrick biểu diễn năng lực của mình. Hydrick đồng ý và vui vẻ đến tham dự một buổi quay phim để thể hiện khả năng dùng ý chí lật trang sách và xoay chiếc bút chì của mình. Sau đó, Korem hỏi liệu Hydrick có thể truyền sức mạnh phi thường này cho mình không. Đó cũng không phải là một yêu cầu quá mới mẻ hay bất thường với Hydrick. Thực tế, ông thường xuyên nói với mọi người rằng ông

có thể khai phá khả năng tâm linh tiềm ẩn cho họ, sau đó bí mật dùng hơi để thổi khi người đó di chuyển tay xung quanh đồ vật để tạo cho họ cảm giác rằng sức mạnh của họ đã được thức tỉnh. Hydrick đặt bàn tay của mình lên tay của Korem và tập trung một lúc. Korem sau đó liền rướn người về trước và sử dụng hơi thở để dịch chuyển cái bút chì. Hydrick cực kỳ kinh ngạc và trở nên bối rối.

Korem sau đó đã sắp xếp một cuộc phỏng vấn với Hydrick. Korem liền linh nói với chuyên gia võ thuật này rằng trò chơi đã kết thúc vì ông đã lật tẩy được mảnh của ông ta. Rồi Hydrick từ từ thú nhận tất cả. Vào năm chín tuổi, màn trình diễn của một ảo thuật gia người Mỹ tên Harry Blackstone Junior đã gieo vào lòng Hydrick sự yêu thích với mảng tâm lý học của sự lừa dối. Cũng trong khoảng thời gian đó, ông thường xuyên bị cha nhốt vào trong tủ để trừng phạt, và ông đã phải sáng tạo ra nhân vật Sư phụ Wu để bầu bạn. Hydrick cũng thừa nhận rằng Korem và Randi đã hoàn toàn chính xác – những màn biểu diễn dùng ý chí điều khiển đồ vật của ông đều sử dụng sự chuyển động của không khí. (Trường hợp bao cát đựng dưa là ngoại lệ – nguyên nhân là do nó được treo lên trần kim loại và bị giãn nở vì nhiệt dưới sức nóng của Mặt Trời). Cuối buổi phỏng vấn, Korem hỏi vì sao Hydrick lại cảm thấy cần phải làm giả năng lực siêu nhiên. Hydrick giải thích rằng ông rất muốn nhận được nhiều sự quan tâm, thứ mà ông đã không bao giờ có được khi còn là một đứa trẻ. Thêm vào đó, việc cả tuổi thơ bị đánh giá là ngu ngốc cũng khiến ông có động lực để chứng tỏ rằng ông có khả năng đánh lừa cả thế giới.

Một thời gian ngắn sau khi thú nhận tất cả, Hydrick bị bắt vì đột nhập bất hợp pháp và trộm cắp tài sản. Sau đó, ông trốn thoát được khỏi trại giam rồi bị bắt lại, nhưng lại trốn thoát được

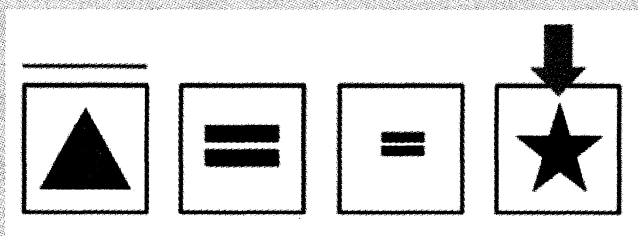
và cuối cùng vẫn bị bắt. Sau khi mãn hạn tù vào cuối năm 1988, ông chuyển đến California và nhanh chóng thu hút sự chú ý của cảnh sát vì sử dụng những màn trình diễn tâm linh ấn tượng của mình để làm thân với một nhóm những chàng trai trẻ. Khi bằng chứng về hành vi quấy rối xuất hiện, cảnh sát có ngay lệnh bắt đối với Hydrick³. Ông bỏ trốn, nhưng rồi nhận lời mời xuất hiện trên một chương trình truyền hình quốc gia và bị một cảnh sát California đang không làm nhiệm vụ nhận ra. Hydrick lại bị bắt một lần nữa. Ông vẫn không thể rũ bỏ danh tiếng nhà tâm linh của mình và khiến những người lính canh áp giải ông về California trở nên lo lắng rằng ông đang dùng siêu năng lực của mình làm rung chuyển chiếc xe, và cảnh báo nhân viên nhà tù không được nhìn thẳng vào mắt ông vì ông có thể làm ếm bùa họ. Vài tháng sau khi bị bắt, Hydrick bị kết tội lạm dụng trẻ em và tuyên án 17 năm tù giam.

Năm 2002, một chương trình truyền hình ở Anh xếp hạng 50 tiết mục ảo thuật tuyệt vời nhất trên thế giới. Màn trình diễn với chiếc bút chì và những trang sách của Hydrick được xếp hạng thứ 34, đứng trên màn bê cong kim loại của Uri Geller năm bậc.

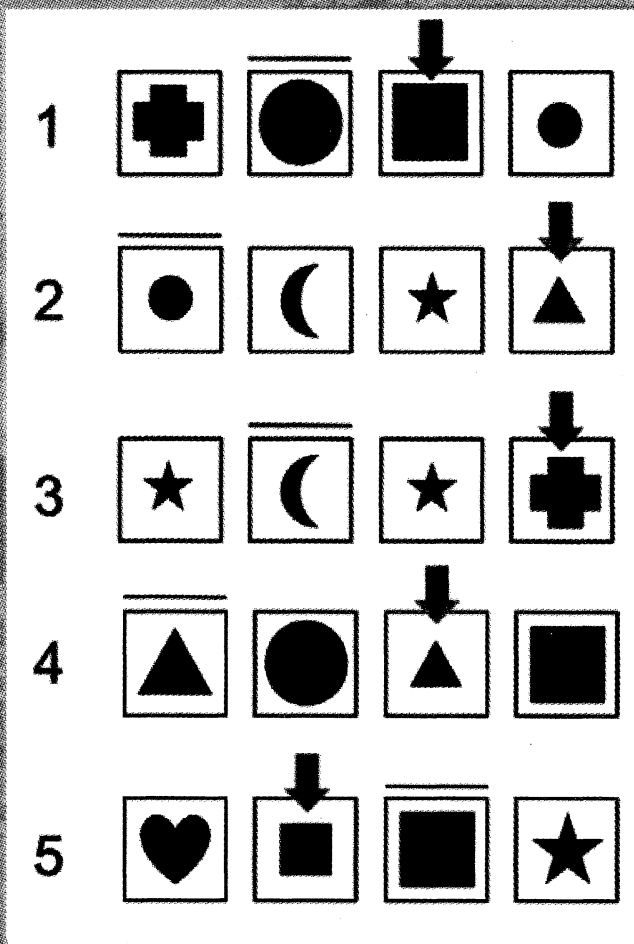
BÀI KIỂM TRA PINOCCHIO

Những người có thể giả mạo sức mạnh tâm linh rất có tổ chức để đánh lừa người khác. Hãy làm thử bài kiểm tra đơn giản này để xem liệu bạn có phải là một người có tài năng thiên bẩm về nói dối hay không⁴.

Thử tưởng tượng bạn đang ngồi cách bạn mình một cái bàn. Bốn tấm thẻ sau đây được đặt trước mặt cả hai bạn, nhưng sẽ có một tấm chắn ở trước một thẻ để chỉ có bạn mới thấy hình trên thẻ đó (trong trường hợp này là tấm thẻ có hình tam giác).



Mục đích của hoạt động này là bạn sẽ nói với người bạn của mình để họ chọn đúng tấm thẻ có ngôi sao ở trong (tấm thẻ có mũi tên chỉ vào) mà không tiết lộ bất kỳ thông tin gì về tấm thẻ bị che đi. Bạn cũng không được phép đề cập đến vị trí của những tấm thẻ, nên bạn có thể nói những điều đại loại như “Hãy lấy chiếc thẻ có hình ngôi sao,” và bạn của bạn sẽ rướn người về phía trước và lấy đúng tấm thẻ đó. Tất cả đã rõ ràng chưa? Được rồi, hãy lật sang trang sau và thử với năm cách sắp xếp những tấm thẻ dưới đây.



Bạn đã kết thúc chưa? Bài kiểm tra thực ra tập trung vào hành động của bạn ở bộ thẻ thứ tư và thứ năm. Những người nói dối giỏi sẽ nghĩ theo góc nhìn của người khác một cách tự nhiên. Ở lượt thứ tư, bạn nhìn thấy hình tam giác nhỏ và phải che đi hình tam giác lớn. Tuy nhiên, bạn

của bạn sẽ chỉ thấy duy nhất một hình tam giác nhỏ. Vì thế, khi bạn nói: “Hãy lấy tấm thẻ có hình tam giác nhỏ”, thì người bạn sẽ nghĩ rằng tấm thẻ bị che đi chứa hình tam giác to. Bạn đã thể hiện như thế nào? Lướt thứ năm cũng như vậy. Bạn đã nói với bạn của mình rằng hãy lấy tấm thẻ có “hình vuông” hay “hình vuông nhỏ”?

Hãy thử bài kiểm tra này với bạn bè, đồng nghiệp hay người thân trong gia đình để xem ai là người bẩm sinh có khả năng nói dối nhé!

Đánh lừa tất cả mọi người bất cứ lúc nào

Những nhà ảo thuật và những nhà tâm linh giả mạo đã thường xuyên đánh lừa một trong những tạo vật tinh vi nhất, phức tạp nhất và là kẻ đã chiến thắng một cách ấn tượng trong cuộc đua tiến hoá trên Trái Đất – não bộ con người. Họ đã phải đối mặt với một đối thủ đáng gờm. Bộ não đã đưa con người lên Mặt Trăng, xoá bỏ nhiều dịch bệnh nguy hiểm trên thế giới và đang tìm cách lý giải nguồn gốc của vũ trụ. Làm cách nào mà những người như Hydrick có thể đánh lừa những bộ máy suy nghĩ được rèn luyện xuất sắc như thế?

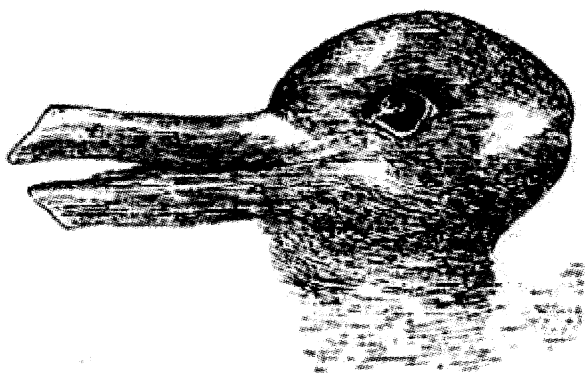
Phần lớn các nhà ảo thuật tin rằng câu trả lời nằm ở những kiến thức bí mật của họ về cách làm giả những điều không tưởng, do vậy họ luôn kiên quyết che giấu những phương pháp của mình. Tuy nhiên, ảo thuật gia Jim Steinmeyer đã hùng hồn khẳng định trong cuốn sách *Art & Artifice and Other Essays on Illusion* (*Nghệ thuật & Mưu mẹo và Những Bài luận khác về Ảo giác*) rằng những nhà ảo thuật đang bảo vệ một cái kết trống không⁵. Tương tự như cách Hydrick dùng hơi để thổi đồ vật ở trước mặt, những cách thức được các nhà ảo thuật sử dụng cũng không đòi hỏi gì hơn ngoài sự khéo léo của đôi bàn tay, một chiếc dây chun cao su hay một cánh cửa sập được che đậy khéo léo. Bí mật thực sự của ảo thuật không nằm ở những thứ nhìn thấy được, mà nằm ở yếu tố tâm lý. Giống như những nhà tâm linh giả tạo khác, Hydrick áp dụng năm nguyên lý tâm lý để biến hành động thổi hơi bình thường thành một điều kì diệu. Mỗi nguyên lý có vai trò như một bức tường ngăn cách khán giả tiến vào thành lũy bên trong của người trình diễn để biết được điều gì đang thực sự xảy

ra. Khi hiểu được những nguyên lý này, bạn sẽ hiểu được làm thế nào Hydrick cùng nhiều người khác có thể đánh lừa cả thế giới.

Nguyên lý quan trọng hàng đầu là thủ thuật con vịt.

Câu chuyện con vịt

Hãy thử nghĩ rằng bạn rất thích vịt. Thực tế, bạn không chỉ thích chúng mà còn mê mẩn chúng. Bạn yêu cả hình dáng của cái mỏ lẫn tiếng “quác quác” ngu si của chúng, bạn muốn có một thú nuôi là vịt và bạn nghĩ thật đáng yêu khi mỗi lần bạn nhắc tới chúng, bạn bè của bạn đều nhanh chóng cúi thấp đầu. Bây giờ hãy nhìn vào bức tranh bên dưới.



Sẽ không có gì lạ nếu như bạn nhìn thấy hình một cái đầu vịt đang quay về phía bên trái. Hơn thế nữa, có lẽ bạn quá tập trung vào hình con vịt đến nỗi không nhìn thấy được hình con thỏ dễ thương đang nhìn về phía bên phải. Những trò giả tâm linh cũng diễn ra tương tự. Mọi người thường có xu hướng tin rằng những sức mạnh thần bí là có thật, có thể bởi vì chúng mang cảm giác bí ẩn đến với thế giới buồn tẻ này, chứng minh

rằng khoa học không thể giải thích được tất cả, đề cao sức mạnh tiềm thức của con người, hay hy vọng vào một khả năng rằng những vấn đề nghiêm trọng có thể được giải quyết chỉ bằng một lần vẩy đũa phép.

Vào đầu những năm 1980, hai nhà tâm lý học Barry Singer và Victor Benassi đến từ Đại học Bang California đã tiến hành một thí nghiệm kinh điển để chứng minh sự ảnh hưởng của nguyên lý này⁶. Singer và Benassi yêu cầu một ảo thuật gia trẻ tuổi tên Craig mặc một chiếc áo choàng tím, đi dép quai hậu và đeo một cái huân chương “lòe loẹt” để trình diễn ảo thuật cho nhiều nhóm sinh viên. Craig lúc thì được giới thiệu là một nhà ảo thuật, lúc thì lại được giới thiệu là một người có khả năng tâm linh. Dù dưới thân phận nào, Craig cũng biểu diễn một loạt tiết mục cơ bản như đọc tâm trí người khác hoặc bẻ cong kim loại. Sau khi màn trình diễn kết thúc, tất cả sinh viên được hỏi rằng liệu họ có nghĩ anh ta có khả năng tâm linh hay không. 77% số khán giả trong nhóm “Craig là nhà tâm linh” tin rằng họ đã được xem một màn biểu diễn tâm linh thật sự. Kỳ lạ hơn, 65% số sinh viên của nhóm “Craig là nhà ảo thuật” cũng tin rằng anh ta có khả năng tâm linh. Có vẻ như khi con người đưa ra quyết định về cách nhìn nhận những điều không tưởng, áo choàng tím, dép quai hậu và tẩm huy chương đóng một vai trò rất lớn.

Giống như cách mà một tình yêu với vệt sâu đậm khiến bạn hoàn toàn không thấy con thỏ, niềm tin mãnh liệt rằng năng lực tâm linh có tồn tại khiến cho một số người theo dõi những người như Hydrick nhưng hoàn toàn không nhìn thấy được những mảnh khoe lừa gạt.

Hydrick đã làm tất cả để thuyết phục thế giới nhìn thấy chú vệt đó. Ông gọi lên cho người xem một hình ảnh về phương

Đông huyền bí với bộ võ phục, thi thoảng tự gọi bản thân mình là “Song Chai” và dựng lên câu chuyện về cuộc hội ngộ với Sư phụ Wu. Nếu ông đội chiếc mũ chóp cao lên đầu, giới thiệu bản thân là “Magic Jimbo” và kể về thời gian giao du với David Copperfield, mọi chuyện có thể sẽ rất khác.

Cũng cần phải nói đến dạng năng lực mà Hydrick muốn chứng tỏ là mình sở hữu. Ở thời kỳ đầu sự nghiệp, ông tập biểu diễn rất nhiều tiết mục. Có thời điểm, ông có thể cắt đôi một sợi dây, đặt hai đầu của hai phần sợi dây đã đứt vào miệng, giả vờ như đang sắp xếp lại các nguyên tử và rồi sợi dây lại chập vào làm một. Khi ông biểu diễn tiết mục này, khán giả nghĩ (một cách đúng đắn) rằng đó giống như một màn ảo thuật nên nó đã nhanh chóng bị loại ra khỏi danh sách tiết mục của Hydrick. Cắt và nối lại sợi dây gọi cho khán giả cảm giác “đó là một trò ảo thuật” và khuyến khích họ đi tìm con thỏ. Ngược lại, di chuyển cái bút chì với sức mạnh của lý trí phù hợp với nhận thức của con người về những điều huyền bí nên họ sẽ nhìn thấy con vệt.

Hydrick cũng diễn như thể mình thực sự sở hữu sức mạnh đó. Những người tin tưởng vào sự tồn tại của khả năng dùng lý trí để dịch chuyển đồ vật thường nghĩ rằng để làm điều này sẽ rất khó và tốn nhiều năng lượng. Lợi dụng suy nghĩ này, Hydrick thường xuyên làm ra vẻ phải tốn rất nhiều trí lực mỗi lần biểu diễn, mất nhiều thời gian trước khi di chuyển được cái bút chì và lật được trang sách, và đôi khi cũng thất bại. Ông có thể dễ dàng dịch chuyển đồ vật mà không tốn sức vào bất cứ lúc nào ông muốn, nhưng như thể màn trình diễn trông sẽ chỉ giống như một tiết mục ảo thuật bình thường.

Cuối cùng, Hydrick thường xuyên làm ra vẻ có thể đánh thức sức mạnh tâm linh tiềm ẩn của mọi người và khiến họ tin

rằng họ cũng có thể sử dụng lý trí để dịch chuyển cái bút chì. Đây là một cái bẫy phổ biến của những nhà giả tâm linh bởi vì điều này có rất sức hút về mặt cảm xúc. Nhiều người muốn tin rằng họ thực sự có sức mạnh phi thường, và khi có được bằng chứng cho vấn đề đặc biệt cảm tính này, họ thường có xu hướng né tránh nhìn vào đằng sau tấm màn che để thấy được điều gì thực sự đang xảy ra.

Hydrick đi như con vịt và tạo ra âm thanh giống con vịt. Vì lý do đó, rất nhiều người đã tin ông ta thực sự có năng lực đặc biệt mà không hề mảy may nghĩ rằng đó chỉ là một sự lừa gạt.

Mặc dù có nhiều người xem Hydrick biểu diễn mà không hề nghĩ đó có thể là trò lừa đảo, nhưng cũng có rất nhiều người khác tỏ ra hoài nghi. Có thể họ không tin vào năng lực tâm linh, hoặc có tin nhưng nghi ngờ về những lời khẳng định của Hydrick. Dù quan điểm của họ thế nào, Hydrick đã sử dụng nguyên lý thứ hai sau đây để đánh lừa những người như thế.

Đi con đường ít người chọn

Đã đến lúc chúng ta giải hai câu đố nhanh. Đây là câu đầu tiên. Hãy thêm vào chỉ một đường gạch để làm đẳng thức dưới đây trở nên chính xác:

$$10\ 10\ 11 = 10.50$$

Giờ là câu đố thứ hai. Hình ảnh dưới đây là con số chín trong bộ số La Mã. Hãy thêm một đường để biến nó thành con số sáu.

IX

Bạn có thể cho rằng để trả lời câu đố đầu tiên sẽ cần một vài suy nghĩ thông minh về toán học, trong khi lời giải cho câu đố thứ hai sẽ liên quan đến bộ số La Mã. Những câu đố này được tạo ra để khiến cho bạn nghĩ như vậy. Thực tế, đáp án cho câu đầu tiên liên quan đến thời gian, không phải toán học. Để khiến nhận định đó đúng, tất cả những gì bạn cần làm là thêm một gạch ngang ở trên số "I" thứ hai, số "IO" khi đó trở thành chữ "TO":

$$IO\ TO\ II = IO.50$$

Giờ, dạng thức đọc là "ten to eleven is the same as ten fifty" (mười một giờ kém mười là mười giờ năm mươi).

Để giải câu đố thứ hai, bạn chỉ cần thêm chữ "S" vào trước ký hiệu "IX" để được từ "SIX", nghĩa là số sáu.

Rất nhiều người gặp khó khăn với dạng câu đố kiểu này vì chúng yêu cầu tư duy đa chiều. Cơ chế tương tự khiến cho nhiều khán giả không thể tìm ra cách Hydrick thực hiện phép màu của mình. Nếu hỏi mọi người làm cách nào để có thể dịch chuyển một cái bút chì, sẽ có rất nhiều những câu trả lời khác nhau. Ví dụ, họ có thể cho rằng ta có thể buộc một sợi chỉ thật mảnh vào cái bút chì, hoặc cho miếng sắt vào trong cái bút rồi sử dụng nam châm ở dưới gầm bàn, hay thậm chí là sử dụng lực tĩnh điện. Thế nhưng, không ai nghĩ đến khả năng bí mật thổi vào cái bút chì. Đó là lý do vì sao nhiều người gặp khó khăn với những câu đố trên vì họ không nghĩ dạng thức đó là về thời gian hay một nét vẽ hình chữ "S" sẽ tạo ra chữ "SIX" (số sáu). Thế nên Hydrick đánh lừa những người hoài nghi bằng cách sử dụng một phương pháp không thể xuất hiện trong tư duy tuyến tính của khán giả.

Đương nhiên, nguyên lý này không thể đánh lừa tất cả. Suy cho cùng, có những người vốn dĩ đã có tư duy rất sáng tạo

và cũng có những người có kiến thức nhất định về những trò lừa gạt, vậy nên có thể họ đã cân nhắc tới khả năng cái bút “bị thối”. Để giải quyết trường hợp khó hơn này, Hydrick cần phải sử dụng thêm một nguyên lý nữa.

Xoá dấu vết

Việc xem lại đoạn ghi hình của Hydrick lúc biểu diễn thực sự rất thú vị và sẽ cho ta thấy được rằng ông ta thuần thục đến mức nào. Ông sử dụng hai kỹ thuật để loại bỏ câu hỏi “Có phải ông ta vừa thối nó không?” Đầu tiên, Hydrick dành nhiều thời để học cách kiểm soát hơi thở, cho phép ông ta có thể tạo ra một luồng không khí vào đúng thời điểm cần thiết và mất vài giây để tới được mục tiêu. Trong khoảng thời gian ít ỏi giữa lúc luồng không khí được tạo ra và khi nó tác động lên chiếc bút chì, ông ta sẽ quay đầu đi, đảm bảo rằng ông ta đang nhìn đi chỗ khác lúc mục tiêu bị dịch chuyển. Thứ hai, ông ta không nhắm trực tiếp vào mục tiêu mà chỉ thối lên bề mặt của cái bàn. Không khí sẽ chuyển động dọc theo mặt bàn để chạm đến mục tiêu và khiến chúng dịch chuyển. Kỹ thuật này đảm bảo rằng sẽ không có một mối liên hệ trực tiếp nào từ mồm của Hydrick đến mục tiêu. Khi kết hợp lại, hai kỹ thuật trên sẽ làm cho khán giả dễ bị lừa, cho phép ông ta xoá đi dấu vết của những mảnh khóc cũng như khuyến khích những người cân nhắc giả thuyết “mục tiêu bị thối đi” từ bỏ ý tưởng này.

Khi xuất hiện trong chương trình *That's Incredible!*, Hydrick đã gặp phải loại khán giả khó nhằn nhất – những người nghi ngờ có hiểu biết. Người dẫn chương trình John Davidson nghi ngờ Hydrick gian lận, đã phát hiện ra ông ta đang dùng hơi thở để tác động vào mục tiêu và hoàn toàn không bị đánh lừa khi Hydrick thối lên mặt bàn và quay đi. Để đánh lừa Davidson, Hydrick sử dụng kỹ thuật thứ tư, một kỹ thuật cực kỳ ma mẫn.

Thay đổi cung đường

Bộ não của chúng ta thường gặp nhiều khó khăn khi phải giải quyết những vấn đề mà đáp án thay đổi theo thời gian, thay vào đó chúng thường nghĩ rằng chỉ có một câu trả lời duy nhất. Những người giả tâm linh như Hydrick lợi dụng điều đó bằng cách thay đổi phương pháp khi họ trình diễn lại một tiết mục. Nếu màn trình diễn đầu tiên sử dụng một phương pháp, màn trình diễn thứ hai lại sử dụng một phương pháp khác, khán giả sẽ nghĩ rằng cả hai tiết mục đều không sử dụng bất kỳ phương pháp nào và đó là thực sự là một điều kỳ diệu.

Tiết mục của Hydrick trong chương trình *That's Incredible!* là ví dụ tiêu biểu cho nguyên lý này. Khi Davidson bày tỏ sự nghi ngờ của mình, Hydrick đề nghị người dẫn chương trình lấy tay che miệng ông ta, thế nhưng cái bút chì vẫn xoay. Tại sao lại thế? Vì Hydrick đã dùng một ngón đòn của môn Karate là chặt một nhát trong không khí và dòng chuyển động của không khí đã làm cái bút dịch chuyển. Ông ta đã thay đổi cung đường, và cả Davidson lẫn người xem hoàn toàn bị đánh lừa.

Hydrick có những phương thức khác nhau để đánh lừa những nhóm đối tượng khác nhau. Những người tin ông ta là nhà tâm linh sẽ không nghi ngờ gì và chỉ nhìn thấy con vẹt. Những người khác thì biết rằng họ đang xem một màn ảo thuật, nhưng lại không biết được phương pháp thực hiện điều đó. Một vài người nghĩ ra được phương pháp đúng nhưng việc Hydrick quay đi cùng với cách thổi gián tiếp khiến họ nghĩ rằng mình đã sai. Một số ít nữa đã nhận ra mánh lới được sử dụng và hoàn toàn không bị lừa bởi màn trình diễn thuần thực, nhưng rồi vẫn thất bại khi ông ta diễn lại màn đó bằng phương pháp khác. Mặc dù rất hiệu quả, nhưng những nguyên lý trên vẫn có khả năng thất bại nếu không có nguyên lý thứ năm này – yếu tố quan trọng nhất. Nhưng bây giờ là lúc cho một mẹo vui...

BẢN CHẤT TÂM LÝ CỦA TIẾT MỤC BÉ THÌA

Bây giờ là lúc chúng ta sẽ áp dụng một vài nguyên lý vừa được bàn luận ở trên để đánh lừa bạn bè và gia đình của bạn. Bạn có muốn thử sử dụng sức mạnh ý chí của mình để bẻ cong một chiếc thìa không? Hãy thực hiện theo những bước sau đây...

1. Khi đang ở trong nhà hàng hay đang ở nhà một người bạn để dùng bữa tối, hãy bí mật lấy một chiếc thìa ở trên bàn bỏ vào túi quần, và đi vào nhà vệ sinh.

2. Khi đã trót lọt, thật cẩn thận bẻ phần lòng của chiếc thìa về phía phần cán rồi lại bẻ ngược lại về vị trí cũ. Lặp lại quá trình này vài lần. Hai điều sẽ xảy ra. Thứ nhất, phần kim loại ở xung quanh cán thìa sẽ trở nên rất nóng – hãy cẩn thận để không làm những ngón tay của bạn bị bỏng. Thứ hai, sẽ xuất hiện một điểm đứt gãy ở chỗ bị bẻ cong. Dừng lại ngay khi bạn nhìn thấy nó, vì chỉ cần thêm một tác động nhỏ nữa thôi thì cái thìa sẽ bị gãy làm đôi. Bây giờ thì bạn đã có thứ mà những nhà giả tâm linh xem là một cái thìa “rất chắc chắn”.

3. Bỏ lại chiếc thìa này vào túi quần và trở về bàn.

4. Khi mọi người đang mải mê trò chuyện, bí mật bỏ chiếc thìa ra khỏi túi quần và đặt nó lên đùi. Tiếp theo, nhân lúc mọi người vẫn đang tiếp tục trò chuyện sôi nổi, bí mật đặt chiếc thìa trở lại bàn.

5. Khi mà không khí xung quanh bắt đầu lắng xuống, hãy gọi ra chủ đề về khả năng dịch chuyển đồ vật bằng ý nghĩ và tự nhận rằng ngay từ bé bạn đã có thể bẻ cong kim loại bằng sức mạnh ý chí của mình. Hãy nói thêm rằng bạn đã không làm việc này trong nhiều năm nhưng vẫn luôn sẵn sàng để thử một lần. Nếu như không có ai hứng thú thì hãy rời đi và kiếm một nhóm bạn khác thú vị hơn để chơi.

6. Giả sử như có một vài người cảm thấy hứng thú với lời nói dối của bạn, hãy lấy chiếc thìa đã chuẩn bị trước và để tay sao cho ngón cái và ngón trỏ tay phải nằm ở hai bên của vết nứt. Bây giờ, bạn chỉ cần dùng tay trái rung nhẹ một cái, chiếc thìa sẽ gãy làm đôi. Tiếp tục giữ hai nửa của chiếc thìa bằng tay phải như thể nó vẫn còn nguyên vẹn. Sau đó, từ từ thả lỏng tay ra và làm như chiếc thìa đang từ từ bị bẻ cong trước khi gãy làm đôi.

7. Khi làm rơi chiếc thìa đã gãy đôi xuống bàn, hãy cố tình tạo ra tiếng động lớn. Nếu bạn đang ở nhà một người bạn, hãy xin lỗi và hỏi họ liệu chiếc thìa có đắt tiền hay có ý nghĩa gì đặc biệt không. Dù câu trả lời là gì, bạn vẫn sẽ có hai lựa chọn. Bạn có thể giải thích mình đã bẻ cong chiếc thìa như thế nào và hướng dẫn những người bạn của mình làm thử. Hoặc là, hãy giả như đó là một điều kỳ diệu, nói rằng bạn đang suy nghĩ về việc thành lập một tôn giáo, và hỏi mọi người xem liệu họ có muốn tham gia vào hay không.

Màn biểu diễn này thành công vì mọi người nghĩ rằng tiết mục bắt đầu khi bạn nói rằng mình có khả năng bẻ cong

chiếc thìa bằng suy nghĩ. Thực tế, nó đã bắt đầu từ khi bạn bí mật giấu chiếc thìa đi và tạo ra vết nứt. Kỹ thuật này được các nhà ảo thuật gọi là “đánh lạc hướng thời gian”, và nó là nhân tố quan trọng cho sự thành công của rất nhiều màn biểu diễn và những ảo giác về dịch chuyển đồ vật bằng ý nghĩ.

Khán giả thường hay đánh giá không đúng nỗ lực mà những ảo thuật gia và nhà giả tâm linh bỏ ra cho quá trình tập luyện cũng như chuẩn bị những tiết mục của mình. Ví dụ, có một lần ảo thuật gia người Anh David Berglas được mời đến biểu diễn riêng trong căn hộ ở tầng ba của một nhân viên ngân hàng giàu có tại London. Trong tiết mục của mình, Berglas mượn một chai sữa rỗng từ người chủ nhà, gắn nó vào một sợi dây rồi từ từ thả nó ra ngoài cửa sổ. Tiếp theo, Berglas lấy một quả lê trong đĩa hoa quả rồi làm nó biến mất trong không khí. Sau đó, ông bảo nhân viên ngân hàng kéo sợi dây lên để lấy cái chai. Ông ta cảm thấy vô cùng ngạc nhiên và thích thú khi quả lê đã ở bên trong cái chai mặc dù nó quá to để có thể nhét vào đó. Màn trình diễn tưởng chừng như ngẫu hứng này thực ra là kết quả của cả một kế hoạch chi tiết từ trước. Cả tháng trước đó, Berglas đã đi tìm một cây lê vừa mới bắt đầu cho ra quả rồi bỏ một cành vào trong chai sữa rỗng. Theo thời gian, quả lê to dần lên trong chai và hiện thực hoá điều tưởng như không thể của Berglas. Trong lúc biểu diễn, ông cử một người trợ lý đứng ở dưới đường và đổi cái chai được thả xuống từ căn hộ với cái chai có quả lê bên trong và đã đánh lừa được tất cả những vị khách, những người vẫn nghĩ là tiết mục chỉ vừa mới bắt đầu ít lâu trước đó.

Vùng đất của những người mù

Trước khi tiếp tục đến với nguyên lý thứ năm và cũng là nguyên lý cuối cùng của những mảnh lừa đảo tâm linh, chúng ta hãy quay ngược dòng thời gian một chút để tìm hiểu về một trong những thí nghiệm gây nhiều tranh cãi nhất trong lịch sử nghiên cứu những hiện tượng siêu nhiên.

Năm 1890, Ngài S. J. Davey tuyên bố rằng ông đã lĩnh hội được khả năng kết nối với cõi âm và mời vài nhóm nhỏ đến London để chứng kiến khả năng kỳ lạ này. Các nhóm tập trung tại phòng ăn nhà Davey và được yêu cầu ngồi xung quanh một cái bàn tròn. Sau đó, Davey giảm ánh sáng trong phòng xuống và ngồi cùng với mọi người.

Một vài vị khách đã được yêu cầu mang theo những tấm bảng, và trước khi buổi gọi hồn bắt đầu, Davey đặt một viên phấn lên một cái bảng rồi đặt cái bảng dưới một góc bàn với phần viền bảng nhô ra. Sau đó, ông sẽ cầm một cạnh và mời một vị khách khác cầm vào cạnh còn lại của cái bảng. Sau khi ấn mạnh cái bảng vào mặt dưới bàn, Davey hỏi những linh hồn: “Các ngươi có sẵn sàng làm mọi thứ vì chúng ta?” Sau đó một lúc, một âm thanh bí ẩn vang lên như đang có hai vật gì đó cọ vào nhau, và khi lấy tấm bảng ra, trên mặt bảng là một chữ “Có” được viết rất rõ ràng.

Sau khi hoàn thành bước đầu tốt đẹp, Davey bắt đầu thực hiện phần hai của buổi gọi hồn. Sau khi cả nhóm lục tung căn phòng để tìm dấu vết của sự bịp bợm mà không thấy, ông tắt hết đèn rồi yêu cầu mọi người nắm tay nhau để cùng ông triệu hồi những linh hồn. Một ánh sáng xanh yếu ớt từ từ xuất hiện trên

đầu của Davey. Khi trở nên rõ ràng hơn, ánh sáng đó trông như hình ảnh ma quỷ hiện hình mà một vị khách sau đó đã miêu tả rằng “rất đáng sợ và xấu xí”. Sau khi linh hồn này tan biến vào trong bóng tối, một vệt sáng khác lại xuất hiện và từ từ biến thành hình “một người đàn ông có râu trông như người châu Á”. Linh hồn này cúi chào và di chuyển ngay trước mắt những người tham gia, khuôn mặt của nó “không tối màu, mà rất trắng; biểu cảm vô hồn trống rỗng”. Sau đó linh hồn này cũng bay lên trên cao rồi biến mất qua trần nhà.

Đêm này qua đêm khác, những người rời khỏi nhà của Davey hoàn toàn bị thuyết phục rằng họ đã liên lạc được với thế giới linh hồn. Thực tế, Davey không hề sở hữu năng lực gọi được linh hồn mà cũng chỉ là một nhà ảo thuật tài năng sử dụng một cách khôn khéo những hiểu biết và kỹ năng của mình để làm giả hiện tượng huyền bí. Nhưng khác với những người gọi hồn giả trong thời đại của ông, Davey không màng tới danh tiếng hay vật chất. Điều ông cần là những vị khách này không biết được mình đang tham gia một thí nghiệm được thiết kế rất thông minh và chuẩn bị kỹ càng.

Vào thời đại của Davey, có rất nhiều những thầy đồng cô đồng tự nhận họ có khả năng làm cho người chết viết lên trên bảng và xuất hiện trước mắt mọi người. Những người đã xem màn biểu diễn này thường bị thuyết phục và tin chắc rằng linh hồn vẫn tồn tại sau khi con người chết đi. Davey rất nghi ngờ điều này và cho rằng mọi người đã bị lừa bởi những kẻ bịp bợm chuyên nghiệp vô lương tâm. Tuy nhiên, có một vấn đề nhỏ là rất nhiều người tham dự những buổi gọi hồn miêu tả rằng họ đã chứng kiến những hiện tượng phi thường mà không thể nào thực hiện được bằng bất kỳ mẹo vặt nào. Davey quyết định sẽ làm giả một buổi gọi hồn để tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra.

Cũng giống như cách mà Korem bắt chước chiêu trò của Hydrick, Davey cũng tự luyện tập những mảnh khoe gian xảo của những ông đồng bà cốt giả mạo. Đêm này qua đêm khác, Davey biểu diễn cho những “đối tượng thí nghiệm” của mình và bảo họ khi về hãy miêu tả lại những gì xảy ra tối hôm đó rồi gửi cho ông. Ông yêu cầu những gì họ viết ra phải đầy đủ nhất có thể và miêu tả tất cả những gì họ nhớ được. Ông sùng sốt nhận ra rằng mọi người thường xuyên quên mất hoặc nhớ nhầm những thông tin quan trọng và là điểm mấu chốt trong tiết mục này.

Màn trình diễn linh hồn viết lên tấm bảng là một ví dụ hay. Trước buổi gọi hồn, Davey gắn một mẫu phấn nhỏ vào một cái đê kim khâu và thả vào trong túi của mình. Khi một vị khách lấy tấm bảng ra thì Davey gắn cái đê lên ngón tay. Sau đó, khi cái bảng được giữ ở bên dưới cái bàn thì Davey viết chữ “Có” vào mặt dưới của cái bảng. Khi đưa tấm bảng ra, ông chỉ ngửa mặt trước lên và khẳng định rằng không hề có gì được viết trên đó cả. Khi tấm bảng được đưa trở lại xuống dưới bàn, Davey lật tấm bảng lại để chắc chắn rằng mặt có chữ viết đang được úp vào gầm bàn. Và khi lấy tấm bảng ra lần thứ hai, chữ “Có” đã xuất hiện một cách bí ẩn. Khi những người tham gia miêu tả lại màn trình diễn, họ hoàn toàn quên mất một điều cực kỳ quan trọng là cái bảng đã được lấy ra rồi đưa trở lại vị trí cũ mà vẫn dính dính rằng cái bảng được đặt ở dưới cái bàn và ở yên đó cho đến khi những dòng chữ xuất hiện.

Ngoài ra, chúng ta cũng cần kể đến sự hiện hình của những linh hồn. Trước khi những vị khách đến, Davey đã giấu một lượng lớn những thiết bị làm giả linh hồn trong chạn bát đĩa ở phòng ăn. Trước khi tắt hết đèn, ông đã đề nghị mọi người tìm kiếm kĩ càng khắp cả căn phòng. Khi thấy ai đó đang nhìn vào cái kệ có chứa dụng cụ để tạo linh hồn giả của mình, ông

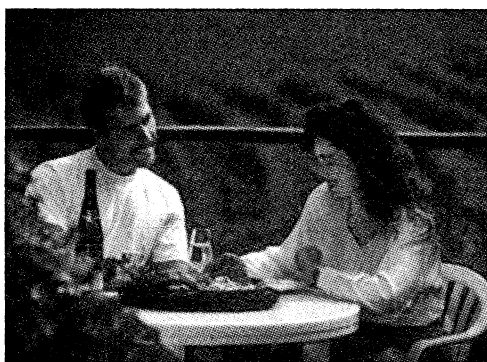
nhANH chóng đánh lạc hướng họ bằng cách nhờ họ tìm xem trên người ông có giấu thiết bị kỳ lạ nào không. Khi căn phòng chìm vào trong bóng tối, một người bạn đáng tin cậy của Davey, ông Munro, âm thầm lén vào phòng, lấy những đồ vật được giấu ở trong kệ và dùng nó để tạo ra những linh hồn giả. “Hình ảnh ma quỷ xấu xí hiện lên” thực ra là một cái mặt nạ làm bằng vải mỏng và được sơn dạ quang lên, trong khi “người châu Á có râu” chính là do Munro hoá trang thành (“đội một cái khăn xếp lên đầu, gắn một bộ râu giả lên cằm và trùm một tấm vải lên vai”) và ông chiếu sáng khuôn mặt mình bằng ánh sáng lân quang yếu ớt. Munro sau đó cũng giải thích thêm rằng “vẻ mặt nhợt nhạt của tôi là do bột mì, và mặt tôi lúc nào cũng có ‘biểu cảm vô hồn trống rỗng’ như thế cả”. Để tạo ra ảo giác rằng những linh hồn bay lên và biến mất giữa không trung, Munro đã đứng đứng lên lưng ghế của Davey, thả một ánh sáng ở trên đầu ông ta, và tắt ánh sáng đó khi ông chạm đến trần nhà. Cũng giống như cách mọi người nhớ nhầm thông tin ở trường hợp dòng chữ trên cái bảng, những người tham gia hoàn toàn bị thuyết phục rằng họ đã tìm kiếm mọi ngóc ngách trong phòng ăn của Davey mà không nhớ đã bỏ qua một cái kệ nào đó.

Năm 1887, Davey công bố một hồ sơ dài 110 trang liệt kê một lượng lớn những sai lầm như ở trên và kết luận rằng trí nhớ con người về những sự việc huyền bí siêu nhiên là không đáng tin. Báo cáo này đã tạo nên một làn sóng trong dư luận⁷. Rất nhiều nhà tâm linh học hàng đầu, bao gồm cả Alfred Russel Wallace – đồng tác giả của thuyết tiến hoá đã phủ nhận khám phá của Davey⁸. Không thể lý giải được những tiết mục đó được thực hiện như thế nào, Wallace tuyên bố rằng trừ khi tất cả những mảnh khốe đó được tiết lộ, còn không ông sẽ buộc phải công nhận rằng Davey sở hữu năng lực gọi hồn và đã lừa dối mọi người rằng mình chỉ là một nhà ảo thuật. Tháng 12 năm

1890, Davey mất vì thương hàn vào năm 27 tuổi. Ngay sau cái chết của Davey, Munro và các cộng sự đã giải thích làm cách nào mà họ có thể làm giả việc gọi được linh hồn nhưng Wallace vẫn không chịu chấp nhận điều đó⁹. Wallace đã đăng một bài báo rất dài trong đó miêu tả chi tiết những buổi gọi hồn ông đã tham dự và cho rằng những mảnh khoe như vậy không thể thực hiện được ở đó. Những người ủng hộ Davey thì cho rằng không có lý do gì để tin những chứng cứ mà Wallace đưa ra là có cơ sở hơn lời chứng của những người tham gia buổi gọi hồn giả của Davey.

Tô vẽ ký ức

Khám phá của Davey là một ví dụ ẩn tượng cho nguyên lý thứ năm và cũng là nguyên lý cuối cùng mà Hydrick và những nhà giả tâm linh khác vẫn dùng để đánh lừa cả thế giới. Rất nhiều người tin rằng khả năng quan sát và trí nhớ của mình hoạt động giống như một máy quay vậy. Nhưng sự thật chỉ có một. Hãy nhìn vào bức ảnh hai người đang ngồi ở bàn dưới đây.



Bây giờ, tôi muốn bạn lật sang trang sau và nhìn vào bức hình thứ hai. Mặc dù trông nó hoàn toàn tương tự như bức hình đầu tiên, nhưng thực tế phần lớn bức hình thứ hai đã được chỉnh

sửa. Hãy tìm ra sự khác biệt. Để công bằng cho bạn nhất có thể, hãy cứ lật qua lật lại để xem hai bức hình. Được rồi, bắt đầu nhé.

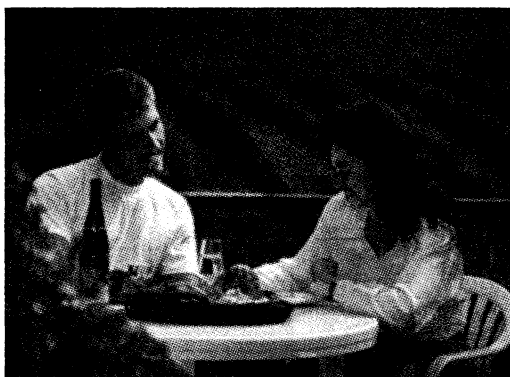
Hầu hết mọi người đều gặp khó khăn khi tìm điểm khác biệt ngay cả khi nó ở ngay trước mắt. Nếu như bạn vẫn chưa tìm thấy, hãy để tôi giúp bạn thoát khỏi sự khổ sở này. Thanh rào chắn ở đằng sau hai người trong bức hình thứ hai thấp hơn rất nhiều. Đừng buồn nếu như bạn không phát hiện ra sự thay đổi đó. Thực tế, phần lớn chúng ta đều nhận thấy rằng rất khó để nhìn ra điều này. Những nhà tâm lý học gọi hiện tượng kỳ lạ này là “mù thoáng qua” và hiệu ứng này là kết quả trực tiếp của cách mà hệ thống xử lý hình ảnh của con người hoạt động.

Khi thấy bức hình lần đầu tiên, có lẽ bạn sẽ cảm thấy ngay rằng mình đã quan sát được toàn bộ bức hình. Nhưng đó chỉ là ảo giác bộ não tạo ra để thuyết phục bạn. Thực tế, để có thể quan sát hết được mọi thứ ngay lập tức như thế tốn rất nhiều trí lực nên để tiết kiệm công sức, não bộ của bạn sử dụng một con đường tắt để tạo cảm giác rằng bạn đã nhận thức được hết chỉ trong tích tắc. Ở bất kỳ thời điểm nào, mắt và não của bạn cũng chỉ có thể nhìn vào một phần rất nhỏ của môi trường xung quanh. Để bù đắp cho khiếm khuyết này, đôi mắt của chúng ta lúc nào cũng vô thức lướt từ góc này sang góc khác để nhanh chóng tạo nên một hình ảnh đầy đủ hơn những gì đang ở trước mặt. Thêm vào đó, để đảm bảo thời gian và năng lượng quý giá không bị lãng phí vào những chi tiết không quan trọng, bộ não luôn xác định rất nhanh đâu là phần quan trọng nhất xung quanh chúng ta để dồn toàn bộ sự tập trung vào đó.

Nói một cách hình tượng, điều này cũng giống như bạn đang đứng trong một cửa hàng kẹo tối om với bó đuốc trên tay. Về cơ bản, bạn đã biết được những loại kẹo nào đang ở trên kệ

nhờ di chuyển ánh lửa từ chỗ này sang chỗ khác và rồi tập trung vào hũ có loại kẹo mà bạn thích. Mặc dù vậy, thay vì cho bạn biết rằng bạn không thể quan sát được hết toàn bộ những gì xung quanh mình tại một thời điểm, bộ não đã tự kết nối những hình ảnh đầu tiên về môi trường xung quanh mà nó thấy được và tạo cho bạn một cảm giác dễ chịu rằng bạn đang liên tục nhận thức được mọi thứ xung quanh mình.

Trong trường hợp hai bức ảnh ở đây, những nghiên cứu theo dõi chuyển động của mắt cho thấy thanh chẩn nhận được rất ít sự chú ý vì hầu hết mọi người tập trung vào khuôn mặt của hai người (với khoảng 55% số người bắn khoăn cô gái thấy được điểm gì tốt ở chàng trai này). Tuy nhiên, bất chấp sự ưu tiên này, hệ thống xử lý hình ảnh vẫn tạo ra cảm giác rằng chúng ta đang liên tục nhìn vào toàn bộ bức ảnh, và đó là lý do vì sao chúng ta không tìm ra được sự khác biệt.



Quá trình này diễn ra liên tục trong suốt cuộc đời của chúng ta. Bộ não luôn luôn chỉ tập trung vào những gì nó tin là quan trọng nhất trong khi dành rất ít sự quan tâm cho những thứ khác ở xung quanh. Và bằng cách làm cho những hành động quan trọng có vẻ như không hề đóng vai trò gì, những nhà giả tâm linh đã sử dụng nguyên lý này để khiến những điểm mấu chốt trong màn trình diễn của họ biến mất khỏi tâm trí của khán giả. Ví dụ, lần đầu Davey lấy tấm bảng ra khỏi gầm bàn, dường như ông đang kiểm tra xem trên đó có tin nhắn của những linh hồn hay không. Bởi vì hành động này không có vẻ gì là quan trọng nên những người khách đã nhanh chóng quên mất nó. Tương tự, khi biểu diễn những tiết mục tử của mình, Hydrick thường liếc rất nhanh vào mục tiêu, bí mật thổi hơi rồi quay đi. Vì cái liếc mắt chỉ là một tiểu tiết, khán giả sẽ không nhớ ra và sau đó bị thuyết phục rằng Hydrick đã quay đi trong suốt quá trình biểu diễn.

Bốn nguyên lý đầu tiên của lừa đảo tâm linh – câu chuyện con vịt, đi con đường ít người chọn, xoá dấu vết và thay đổi cung đường – đảm bảo rằng khán giả không thể tìm ra được câu trả lời cho những mảnh khốe đang diễn ra ngay trước mặt họ. Nguyên lý thứ năm – tô vẽ ký ức – đảm bảo rằng người xem sẽ không thể nhớ chính xác những gì đã diễn ra. Khán giả không hề hay biết những chi tiết quan trọng đã biến mất khỏi tâm trí họ và do đó họ không tài nào tìm được cách để lý giải những gì mình vừa được chứng kiến.

THỦ LĨNH TÔN GIÁO VÀ CÁI TỦ LẠNH

Vài năm trước, tôi và một đồng nghiệp đã đến Ấn Độ để tìm hiểu về một thủ lĩnh tôn giáo nổi tiếng tên Swami Premananda¹¹. Sinh năm 1951, Premananda kể rằng ông quyết định đi theo con đường tu hành từ lúc còn là một thiếu niên, khi một cái áo choàng dài màu vàng nghệ đột nhiên hiện ra trên người ông. Kể từ đó, Premananda thể hiện khả năng diệu kỳ của mình gần như mỗi ngày, biến ra đồ vật từ hai bàn tay trắng và nôn ra những viên đá hình quả trứng. Đầu những năm 1980, Premananda thành lập một khu tôn giáo ở vùng xa xôi hẻo lánh của miền nam Ấn Độ. Ở thời điểm chúng tôi đến thăm, ngôi làng là nơi ở của vị thủ lĩnh và khoảng 50 tín đồ. Tách biệt với thế giới bên ngoài, những tín đồ tận tụy này vẫn luôn tin rằng thủ lĩnh của họ thực sự tạo ra những điều kỳ diệu và sẵn sàng cống hiến cuộc đời mình để được dạy dỗ.

Không hiểu sao, những ấn tượng ban đầu của tôi về Premananda khá kỳ lạ. Vào ngày đầu tiên đặt chân đến đây, tôi đến một cửa hàng để mua một món đồ uống lạnh. Người chủ nói rằng không may là cái tủ lạnh đã hỏng và ông ta đang đợi Premananda đến để sửa nó. Tôi ngay lập tức hình dung ra cảnh những đồ đệ của Premananda tụ tập chặt cứng ở trong sảnh và cùng với thủ lĩnh tôn giáo của họ cầu nguyện cho cái tủ lạnh. Một lát sau, Premananda đẩy cửa vào và mang theo một túi đồ nghề. Thầy kéo mạnh cái tủ lạnh ra khỏi bức tường, lấy từ trong túi ra một cái cò lê, rồi bắt đầu sửa chữa ở mặt sau của cái tủ lạnh. Vài phút sau, chiếc tủ lạnh đã hoạt động bình thường trở lại. Cảm

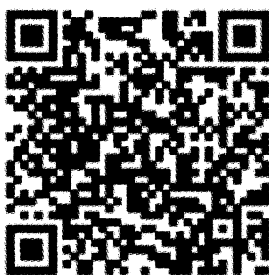
thấy đã xong công việc ở đây, Premananda nhanh chóng thu dọn đồ đạc, mua một thanh sô cô la rồi rời đi.

Buổi chiều hôm đó, chúng tôi được thông báo rằng Premananda sẽ gặp chúng tôi vào sáu giờ sáng hôm sau để thể hiện khả năng siêu nhiên của mình. Sớm hôm đó, tôi lê thân mình ra khỏi cái giường được ghép từ những tấm ván và tìm đường đến sảnh gặp mặt. Sáu giờ đã qua. Bảy giờ đến rồi đi, và tám giờ cũng vẫn vậy. Có vẻ như Premananda đang chơi “trò chơi tôn giáo”, muốn thử xem tôi thành tâm đến mức độ nào bằng cách cố tình đến muộn vài tiếng so với giờ hẹn. (Khi tôi làm điều tương tự như vậy với học sinh của mình thì đó lại được coi như là “một hành động không chuyên nghiệp”). Sau bốn tiếng chờ đợi trong sự nóng bức và khó chịu, tôi quyết định rằng thế là đã quá đủ và chuẩn bị ra về. Như thế có phép thuật, cánh cửa tự nhiên mở ra và Premananda cùng một nhóm nhỏ các đồ đệ bước vào.

Thầy mỉm cười và nhanh chóng vung tay một cái. Một luồng “vibhuti” – một loại tro mịn hay được dùng trong những nơi thờ cúng của đạo Hindu – bắt đầu chảy ra từ những ngón tay của ông ta. Một vài giây sau, đám tro biến mất và Premananda dường như biến ra được hai món đồ nữ trang bằng vàng từ trong không khí. Khi điều kỳ diệu kết thúc, tôi đưa máy ảnh chụp lấy ngay của mình cho một người đồ đệ và gợi ý rằng chúng tôi cùng ra ngoài chụp một bức ảnh. Trên bức ảnh có thể thấy rõ một làn khói mờ màu tím xung quanh cả nhóm và có thêm hai đốm màu tím nữa ở ngay trên Premananda và tôi. Premananda nhìn vào bức ảnh và khiêm tốn nói rằng rất nhiều tôn giáo liên hệ màu tím với vị thế của đẳng tối cao.

Khi quan sát kĩ càng cách vị thủ lĩnh tôn giáo này làm việc, tôi nhận thấy rằng ông ta đã giấu những đồ vật mà mình biến ra được một cách thần kỳ trong những nếp gấp của trang phục, và sẽ bí mật lấy ra khi mọi người không chú ý. Khi chúng tôi bọc túi nylon trong suốt xung quanh tay ông ta, những đồ vật không còn tự nhiên hiện ra nữa.

Thế còn làn khói tím mờ ở trong bức ảnh chụp Premananda? Khi trở về Anh, tôi đã đem bức ảnh tới những phòng thí nghiệm dành cho máy ảnh lấy nhanh. Nhân viên kỹ thuật giải thích rằng khi một bức ảnh lấy ngay được xuất ra từ máy ảnh, những bọc chứa hoá chất sẽ vỡ ra và trải lên khắp bề mặt bức ảnh. Người kỹ thuật viên ấy liền nhìn vào mã số đằng sau bức ảnh, tham khảo một cuốn sách lớn toàn những con số rồi nói rằng những hoá chất đó có thể đã quá hạn dẫn đến việc màu ảnh bị ngả sang màu tím. Do đó, cộng đồng khoa học sẽ khó có thể chấp nhận bức ảnh này là một bằng chứng xác đáng về vị thể của đẳng tối cao. Cá nhân tôi cũng không tin.



Đoạn băng ghi hình thí nghiệm Premananda

www.richardwiseman.com/paranormality/Premananda.html

Nghiên cứu đột phá của Davey có thể xem là thí nghiệm đầu tiên kiểm chứng độ tin cậy của những nhân chứng. Kể từ đó, các nhà tâm lý học đã tiến hành hàng trăm nghiên cứu tương tự như vậy để chứng minh rằng xu hướng ghi nhớ chọn lọc đã che mờ khả năng nhớ lại những sự kiện hàng ngày của chúng ta.

Khoảng những năm đầu của thế kỷ trước, giáo sư tội phạm học người Đức von Lizst đã tiến hành một vài nghiên cứu rất kịch tính về lĩnh vực này¹². Một trong số đó được thực hiện ngay trong giờ dạy của von Lizst và bắt đầu bằng việc ông bàn về một quyển sách về tội phạm học. Một sinh viên (thực ra là một trợ lý của giáo sư) bất ngờ hét lên và khẳng khái cho rằng von Lizst đã nhìn quyển sách từ “góc độ chuẩn mực đạo đức của đạo Thiên Chúa”. Một sinh viên khác (cũng là một trợ lý) phản đối người kia và một cuộc tranh cãi quyết liệt nổ ra. Tình hình càng trở nên tệ hơn khi hai người đất đầu sử dụng tới bạo lực và thậm chí một người còn rút ra một khẩu súng lục. Giáo sư von Lizst cố gắng để tước đoạt vũ khí và một tiếng súng nổ vang lên. Một người trợ lý đổ gục xuống và nằm bất động trên sàn.

Giáo sư von Lizst sau đó cho dừng tất cả lại, giải thích rằng mọi chuyện chỉ là dàn dựng, cho hai người trợ lý cúi chào mọi người rồi thách đố sinh viên về sự việc vừa rồi. Von Lizst hết sức ngạc nhiên khi khám phá ra rằng rất nhiều sinh viên của ông chỉ để ý vào khẩu súng (hiện tượng mà những nhà tâm lý học gọi là “tập trung vào vũ khí”) và vì thế đã vô thức quên đi những gì vừa mới xảy ra, bao gồm cả chuyện ai là người khơi mào màn ẩu đả và quần áo họ mặc trông như thế nào.

Vào những năm 1970, nhà tâm lý học Rob Buckhout cũng thực hiện một thí nghiệm tương tự, dàn dựng những vụ tấn công trước mặt 150 nhân chứng¹³. Tương tự như vậy, những nhân

chúng có xu hướng chỉ tập trung vào những gì họ cho là quan trọng – bản chất của vụ tấn công – và không thể nhớ được nhiều những thông tin khác về vụ việc. Sau đó, khi được cho xem sáu bức ảnh và phải xác định hung thủ, gần hai phần ba số nhân chứng không làm được điều đó. Trong một vụ việc khác, một chương trình truyền hình của Mỹ chiếu một đoạn ghi hình dàn dựng một vụ cướp giết ví và yêu cầu khán giả xác định tên cướp từ một hàng sáu người. Hơn 2.000 người đã gọi đến chương trình và trả lời câu hỏi. Mặc dù đoạn ghi hình cho thấy rõ mặt của hung thủ, vẫn có hơn 1.800 người nhận nhầm người¹⁴.

Rất nhiều những công trình nghiên cứu cho ra một kết luận tương tự. Chúng ta đều nghĩ rằng mình là một nhân chứng rất đáng tin cậy. Nhưng sự thật là chúng ta thường nhớ không chính xác những gì diễn ra ngay trước mắt mình và thường xuyên bỏ qua những chi tiết quan trọng nhất.

Bộ não luôn luôn đưa ra các giả định về điều xứng đáng nhận được nhiều sự quan tâm nhất trong môi trường xung quanh chúng ta và cách tốt nhất để nhận thức những gì đang xảy ra. Hầu hết thời gian thì những giả định đó là chính xác, vậy nên chúng ta có thể nhìn nhận đúng đắn về thế giới một cách hiệu quả. Mặc dù vậy, đôi khi bạn sẽ gặp phải điều gì đó có thể đánh lừa hệ thống nhanh nhạy sắc sảo này. Cũng giống như cách mà những ảo ảnh thị giác hoàn toàn đánh lừa mắt chúng ta, những màn biểu diễn dùng ý chí điều khiển đồ vật sử dụng những mảnh khốe ảo thuật đơn giản nhất nhưng có thể khiến ta lầm tưởng rằng bản thân đã thấy một điều kỳ diệu. Họ ngăn cản bạn nghĩ đến khả năng lừa đảo, ngấm ngấm sử dụng những phương pháp bạn không bao giờ lường tượng ra, và đảm bảo rằng mọi chứng cứ của những mảnh khốe này sẽ nhanh chóng bị xoá nhòa khỏi ký ức của bạn. Khi nhìn theo hướng đó, việc dùng

ý chí để xoay bút chì và bẻ cong thìa không phải là bằng chứng cho những điều bất khả thi, mà cho thấy bộ não và con mắt của con người tinh vi đến như thế nào. Những người có thể trình diễn những tiết mục này quả là có năng lực phi thường, nhưng kỹ năng của họ là kỹ năng tâm lý, không phải siêu nhiên.

4. Nói chuyện với người chết

Ở phần này chúng ta sẽ gặp hai cô gái trẻ đã tạo ra cả một tôn giáo mới, khám phá xem chuyện gì sẽ xảy ra khi nhà khoa học vĩ đại nhất thế giới đối diện với Quỷ dữ, học cách giao tiếp với những linh hồn không tồn tại và giải phóng sức mạnh của tiềm thức.

Đã 10 giờ đêm và chúng tôi vừa mới bắt đầu buổi gặp mặt. Tôi cùng mười người khác ngồi xung quanh một cái bàn gỗ trong một căn phòng ở mặt trước của một ngôi nhà nằm tại phía đông London. Căn phòng rất tối và chỉ được thắp sáng bởi hai cây nến ở trên lò sưởi. Tôi bảo mọi người ngả về trước và đặt nhẹ ngón tay của họ lên bàn, hít thở thật sâu và gọi những linh hồn tham gia cùng chúng tôi. Không có điều gì xảy ra. Tôi bảo mọi người đừng mất tinh thần và không nên có bất kỳ một sự nghi ngờ nào. Một lần nữa, tôi gọi vào trong màn đêm và bảo những linh hồn hãy cho chúng tôi thấy sự hiện diện của mình bằng cách dịch chuyển cái bàn. Không lâu sau đó, cái bàn rung lên, dù rất nhẹ, nhưng chân thực. Đây là một tín hiệu tốt, và tôi linh cảm rằng chúng tôi sẽ có một đêm rất thú vị.

Trong 30 phút tiếp theo, cái bàn rung thêm một vài lần nữa. Một người đàn ông trong nhóm nói rằng anh ta cần phải vào nhà vệ sinh. Ngay khi anh ta đứng lên, cái bàn phát ra một tiếng cọt kẹt rất khủng khiếp và đột nhiên bị kênh hai chân lên. Đó là một chuyển động rất ấn tượng như thể có ai đó đã đá vào cái bàn từ phía dưới. Một vài người bắt đầu la hét và người đàn ông quyết định việc đi vệ sinh có lẽ không còn quan trọng nữa. Khi cả bốn cái chân bàn đều đã chạm đất, chiếc bàn bắt đầu trượt từ bên này sang bên kia của gian phòng, thậm chí có lúc còn ép những thành viên trong nhóm sát vào tường. Sau khoảng một giờ đồng hồ thì cái bàn đột nhiên dừng lại và chúng tôi trang trọng cảm ơn những linh hồn đã cho thấy sự hiện diện của mình. Chúng tôi tắt nến đi để bật đèn lên, rồi thảo luận về sự việc kỳ lạ vừa trải qua và anh chàng kia cuối cùng cũng có thể đi đến nhà vệ sinh.

Tôi đã tổ chức rất nhiều những buổi gọi hồn như thế này trong nhiều năm trời và kết quả lúc nào cũng vậy. Dù những

người tham gia tin tưởng hay nghi ngờ, cái bàn luôn luôn di chuyển. Kể cả khi mọi người lần lượt bỏ ngón tay họ ra khỏi bàn, cái bàn vẫn tiếp tục rung lên và chuyển động.

Phương thức gọi hồn này lần đầu được thực hiện trong những phòng khách ở khắp nước Anh thời nữ hoàng Victoria, và đến nay nó vẫn là một câu đố với con người thời hiện đại giống như ở thế kỷ trước. Nhưng khi đề cập đến khả năng nói chuyện với người chết, dịch chuyển cái bàn chỉ là phần nổi của tảng băng. Trong những hình thức gọi hồn khác, những người sống ở thời nữ hoàng Victoria thường yêu cầu người chết đánh vần thông điệp của mình bằng cách dịch chuyển cái ly úp ngược hướng về những cái thẻ ghi chữ cái hay thậm chí là viết nguệch ngoạc lên giấy. Những nghiên cứu về các trường hợp như thế đã đem đến cho chúng ta những hiểu biết đáng ngạc nhiên về sức mạnh của tiềm thức, bản chất của ý chí tự do và làm sao để trở thành một người chơi golf xuất sắc.

Câu chuyện hấp dẫn này sẽ bắt đầu với hai chị em đã lừa được cả thế giới.

Thông minh như loài cáo

Khoảng những năm đầu của thế kỷ trước, Thomas Hardy viết một bài thơ miêu tả về việc anh được chứng kiến lễ tang của Chúa. Bài thơ của Hardy diễn tả sinh động nỗi buồn sâu sắc của những người theo đạo nếu như họ trở nên nghi ngờ sự tồn tại của đấng tạo hóa thiêng liêng.

Xuyên suốt thế kỷ mười chín, nhiều người đã phải trải nghiệm nỗi đau được miêu tả bởi Hardy vì khi đó đạo Thiên Chúa liên tục phải chịu những công kích nghiêm trọng. Nhà tư tưởng vĩ đại người Scotland David Hume đã khơi mào điều đó bằng cách chỉ trích cái ý tưởng bất khả xâm phạm rằng những dấu hiệu về việc tự nhiên đã được tạo tác là bằng chứng thuyết phục về sự tồn tại của Chúa, và ông cũng đưa ý tưởng của mình vào cuốn sách *Dialogues Concerning Natural Religion* (Đối thoại về tôn giáo tự nhiên). Lúc ban đầu, cuốn sách dấy lên nhiều tranh cãi đến nỗi đã được xuất bản mà không đề tên tác giả cũng như nhà xuất bản. Ông cũng nhận được sự ủng hộ rất lớn từ nhà triết học người Anh John Stuart Mill, người cho rằng công chúng có lý trí của riêng mình và nên được phép lựa chọn đức tin tôn giáo mà không cần sự can thiệp của nhà nước. Và tiếp đó nữa là Charles Darwin với ý tưởng nguy hiểm rằng con người và động vật có thể không có nhiều khác biệt đến thế.

Giáo hội cảm thấy áp lực ngày một lớn. Hàng thế kỷ nay, những giáo sĩ và thầy tu đã chiến đấu chống lại Quỷ dữ, nhưng bây giờ họ đang phải đối mặt với một tập hợp những kẻ thù khó khăn hơn rất nhiều – những giáo đoàn dám yêu cầu bằng chứng về sự tồn tại của Chúa. Dưới thời của nữ hoàng Victoria, người dân Anh được hưởng rất nhiều lợi ích từ sự phát triển chưa từng

có của khoa học, từ động cơ hơi nước đến máy khâu, từ nghề thuật nhiếp ảnh đến xăng dầu, từ điện thoại đến nhựa đường, từ máy hát đến kẹp giấy, đến cả kẹo và kem. Câu chuyện xưa cũ về một người có thể nuôi 5.000 người với năm cái bánh mì và hai con cá nhỏ bỗng nhiên không còn đáng tin cậy nữa. Với rất nhiều người, nhà thờ không thể cho họ cái gì ngoại trừ một đức tin mù quáng và một chỗ ngồi ấm áp vào mỗi Chủ Nhật.

Khi mà tôn giáo nhanh chóng phải nhường chỗ cho những điều hợp lý hơn, kết thúc dường như là điều không tránh khỏi. Thực tế, một vài cây viết đã rất hạnh phúc tuyên bố rằng trận chiến đã kết thúc, với lời khẳng định rõ ràng của nhà triết học người Đức Friedrich Nietzsche: “Chúa đã chết. Chúa vẫn luôn là người chết. Và chúng ta đã giết ông ấy.” Có thể đoán được rằng những người có đức tin vẫn còn rất lạc quan. Mặc dù ý thức rất rõ rằng đấng tạo hoá của mình đang bị chỉ trích, nhưng họ vẫn hy vọng, theo như lời của Mark Twain, những báo cáo về cái chết của Chúa đã bị phóng đại quá nhiều.

Cảm thấy áp lực ngày một lớn dưới làn sóng chỉ trích, giáo hội làm những điều họ vẫn làm trong thời điểm khó khăn. Họ cúi xuống, nắm tay nhau và cầu nguyện một phép màu sẽ xảy đến. Ngày 31 tháng 3 năm 1848, Chúa dường như đã đáp lại lời nguyện cầu của họ.

Hydesville là một thị trấn nhỏ khiêm tốn nằm cách Rochester, New York 32km về phía đông¹. Tháng 12 năm 1847, John và Margaret Fox chuyển đến một ngôi nhà nhỏ ở rìa thị trấn với hai cô con gái, Kate 11 tuổi và Margaretta 14 tuổi. Mới một vài tháng mà gia đình nhà Fox đã bị làm phiền bởi một loạt những sự việc kỳ lạ. Khung giường và ghế ngồi bắt đầu rung chuyển, mọi người nghe thấy tiếng bước chân

di chuyển khắp nhà, và thi thoảng cả nền nhà rung lên như mặt trống. Sau khi John và Margaret không thể tìm ra lời giải thích cho những hiện tượng có vẻ là siêu nhiên này, họ bắt buộc phải chấp nhận rằng ngôi nhà mới của họ đã bị ám bởi “một linh hồn bất hạnh chưa siêu thoát”.

Ngày 31 tháng 3 năm 1848, cả gia đình quyết định đi ngủ sớm để có thể nghỉ ngơi thoải mái mà không bị những hồn ma trên chóc. Thật không may, mọi chuyện không xảy ra như họ mong muốn. Khi họ vừa mới bắt đầu nghỉ ngơi, những sự phiền toái lại bắt đầu. Thay vì tiếp tục chịu đựng một đêm nữa với những tiếng gõ cửa và đồ vật rung chuyển, Kate đã quyết định thử giao tiếp với linh hồn. Sau khi đưa ra một phỏng đoán có phần tiêu cực rằng vị khách không mời này có thể là Quỷ dữ, Kate gọi vào trong bóng tối và yêu cầu “Ông Chân Guốc”, cái tên mà cô bé đã quyết định đặt cho linh hồn đó, làm theo những động tác của mình. Cô bé vỗ tay ba lần. Vài giây sau, có ba tiếng động bí ẩn phát ra từ những bức tường. Cô đã liên lạc thành công. Cảm thấy kích thích, Margaret Fox run sợ yêu cầu thực thể đó gõ số lần ứng với tuổi của những đứa con cô. 11 tiếng gõ cho Kate. Tạm dừng. 14 tiếng gõ cho Margaretta. Tạm dừng. Rồi lại ba tiếng gõ nữa. Ba tiếng gõ? Thực thể đó đã biết tất cả – Margaret có một người con đã chết từ bảy năm trước, khi ba tuổi.

Cuộc đối thoại với linh hồn cứ thế tiếp tục suốt đêm, và cuối cùng gia đình họ đã sáng tạo ra một loại mật mã mà ngày nay vô cùng nổi tiếng là “một gõ là có, hai gõ là không”. Với mật mã này, họ đã biết được thực thể đó là một người đàn ông 31 tuổi, đã bị giết tại chính ngôi nhà này vài năm trước khi họ chuyển vào và hiện xác vẫn đang được chôn dưới hầm. Đêm tiếp theo, John Fox đã cố gắng đào tâng hầm lên để tìm kiếm bộ xương, nhưng bắt buộc phải bỏ dở khi chạm đến mạch nước ngầm.

Tin đồn về những điều kỳ lạ nhanh chóng lan đến những thị trấn xung quanh, khiến hàng trăm người đến Hydesville để tự thân trải nghiệm những tiếng gõ. Rất nhiều người đã có thể liên lạc được với linh hồn, và tiếp tục lan truyền những câu chuyện về hồn ma đến tận New York. Chỉ sau vài tháng, dòng người đổ về liên tục và những tiếng gõ đã mang đến những tác động xấu, khiến tóc Margaret Fox bạc trắng vì lo lắng trong khi chồng cô thì không thể làm việc. Sau cùng, họ quyết định sẽ là tốt nhất cho tất cả khi đưa những đứa trẻ ra xa ngôi nhà bị ma ám. Kate được gửi thành phố Auburn gần đấy và Margaretta đến Rochester. Nhưng những hạt giống đã được gieo xuống và sẽ thay đổi lịch sử.

Nhiều linh hồn khác nhau tiếp tục xuất hiện và đi theo hai cô bé Kate và Margaretta. Những tiếng gõ tiếp tục xuất hiện ở nơi ở mới. Ở Rochester, một người bạn lâu năm của gia đình đồng thời là một Quaker (tín đồ phái Giáo Hữu) tên Isaac Post có một ý tưởng. Mã gõ là một cách rất mất thời gian và thi thoảng dễ gây nhầm lẫn khi muốn lấy thêm nhiều thông tin từ thế giới linh hồn. Isaac băn khoăn không biết có thể tạo ra một phương thức liên lạc khác chính xác hơn không? Một tối, ông mời Margaretta đến nhà và hỏi liệu cô có muốn thử một cách thức mới. Ông viết bảng chữ cái lên những mảnh giấy, rồi giải thích với những linh hồn rằng ông sẽ hỏi và sau đó lần lượt chỉ vào từng chữ cái. Để truyền đạt bất suy nghĩ gì, những linh hồn chỉ cần gõ khi Isaac chỉ vào những chữ cái thích hợp. Cách thức nhắn tin với người chết của Isaac đã thành công và nhanh chóng trở thành cuộc đối thoại đúng nghĩa đầu tiên với người chết. Không nói những chuyện vụn vặt, những linh hồn đưa ra một chỉ thị rất chắc chắn và rõ ràng:

Gửi những người bạn của tôi, các bạn phải công bố sự thật ra này ra với thế giới. Đây là buổi bình minh của một kỷ nguyên mới. Bạn không thể che giấu nó thêm nữa. Khi bạn thực hiện nghĩa vụ của mình, Chúa sẽ bảo vệ bạn và những linh hồn tốt sẽ luôn dõi theo bạn.

Bị thuyết phục bởi tính chân thực của tin nhắn, Isaac hào hứng đi theo một tôn giáo mới mang tên “Chủ nghĩa Duy linh” và bắt đầu khuyến khích những thành viên khác của cộng đồng mình cải đạo.

Từ khía cạnh tâm lý học, sự thành lập Chủ nghĩa Duy linh là một đòn đánh rất thông minh. Khi mà nhà thờ vẫn còn đang cố gắng chiến đấu với sự trỗi dậy của lý trí bằng cách nhấn mạnh vào tầm quan trọng của niềm tin, Chủ nghĩa Duy linh đã thay đổi bản chất của tôn giáo. Vào thời đại mà con người đang dần trở nên bị ám ảnh bởi khoa học và công nghệ, Chủ nghĩa Duy linh không những đưa ra bằng chứng về thế giới bên kia, mà vào một ngày đẹp trời còn có thể cho phép con người nói chuyện với những người thân yêu đã mất². Nhiều tôn giáo hứa hẹn hão huyền về khả năng sự sống vẫn tiếp diễn sau cái chết, nhưng Chủ nghĩa Duy linh thực sự chứng minh được điều đó. Sự kết hợp giữa lý trí và cảm xúc đã mang lại kết quả vượt bậc, khi mà chỉ sau vài tháng, tôn giáo mới này đã lan rộng khắp nước Mỹ.

Hai chị em nhà Fox nhanh chóng trở nên nổi tiếng và nhận được rất nhiều lời mời tới những chương trình từ công khai đến gặp mặt riêng tư để biểu diễn khả năng giao tiếp với người chết tuyệt vời của mình. Họ tán gẫu với những linh hồn về bất cứ chủ đề nào, và một tờ báo đã miêu tả rằng lúc thì họ trao đổi về những vấn đề khó nhất của triết học và tôn giáo, lúc khác lại nói về cổ phiếu ngành đường sắt và những câu chuyện tình yêu.

Ngay từ lúc ban đầu, Chủ nghĩa Duy linh đã có nhiều nguyên lý căn bản tương đồng với phái Giáo Hữu như ủng hộ việc giải phóng nô lệ, phong trào ôn hòa và quyền phụ nữ. Tôn giáo mới này cũng áp dụng cấu trúc không có thứ bậc của phái Giáo Hữu, loại bỏ ý tưởng về thầy tu cấp cao và linh mục bình thường, và hướng đến khái niệm dân chủ với việc khuyến khích những người theo đạo tập hợp lại và thử nghiệm những cách khác nhau để nói chuyện với người chết. Và họ đã làm thế. Ở những phòng tiếp khách trên khắp châu Âu và nước Mỹ, những nhóm nhỏ theo Chủ nghĩa Duy linh gặp mặt và cố gắng để liên lạc với những người thân yêu đã mất của họ (hay bất kỳ một linh hồn nào đủ tử tế để bắt chuyện).

Mọi người dần nhận ra là rất khó để có thể giao tiếp với những linh hồn qua những tiếng gõ như khi có mặt hai chị em nhà Fox, vậy nên họ bắt đầu thử những cách thức liên lạc khác đáng tin cậy hơn. Đến nay thì kỹ thuật được sử dụng phổ biến nhất là xoay bàn. Trong một quy trình điển hình, mọi người sẽ ngồi xung quanh một chiếc bàn nhỏ, đặt những ngón tay lên mặt bàn, giảm ánh sáng, hát một vài bài thánh ca, và bắt đầu triệu hồi những linh hồn. Một lúc sau, mọi người sẽ cảm thấy mặt bàn gõ phát ra những tiếng cọt kẹt và cái bàn rung lên dưới tay họ. Khi họ tiếp tục hát, cái bàn sẽ đột nhiên dịch chuyển cứ như thể nó bị đẩy và kéo đi bởi những linh hồn. Theo những báo cáo ở thời kỳ ấy, đôi lúc chiếc bàn như bị ám, nhảy múa khắp phòng, âu yếm trèo lên đùi của mọi người, và thi thoảng thậm chí còn hung hăng treo họ lên tường. Nghi thức xoay bàn lan truyền như một dịch bệnh, và chẳng mấy chốc, hàng trăm ngàn người dành cả buổi tối của họ để biến một món đồ nội thất bình thường trong mỗi gia đình thành một kênh liên lạc với thế giới bên kia.

“Tôi là người tiên phong trong lĩnh vực này nên tôi có quyền vạch trần nó”

Với sự bùng nổ số lượng những người gọi hồn, áp lực phải kiếm đủ tiền trang trải cuộc sống ở trong một thị trường ngày càng đông đúc cuối cùng cũng gây những tác động tiêu cực đến Kate và Margaretta Fox. Hai người dần hình thành một mối liên kết khác biệt với thế giới linh hồn, và vào cuối những năm 1880 họ thường xuyên say xỉn. Tháng 10 năm 1888, họ quyết định thế là đã quá đủ và đi đến New York để đưa ra một thông báo gây chấn động.

Bán câu chuyện của mình cho tờ báo *New York World* với giá ước chừng 1.500 đô, Margaretta thật thà thú nhận rằng hai người họ đã dựng lên toàn bộ câu chuyện này³. Cô mới cải sang đạo Thiên Chúa và không thể chịu đựng tội lỗi này thêm chút nào nữa. Theo lời cô nói, những tiếng động lạ ban đầu ở Hydesville thực ra được tạo ra từ một quả táo, một sợi dây và niềm tin thơ ngây vào sự thật thà của trẻ con.

Buổi tối khi lên giường đi ngủ, chúng tôi thường buộc một quả táo vào một sợi dây và kéo sợi dây lên xuống làm quả táo đập vào sàn nhà, hoặc chúng tôi sẽ thả quả táo xuống sàn nhà và nó sẽ tạo ra tiếng động mỗi khi này lên. Mẹ tôi đã nghe thấy những tiếng động đó được một thời gian. Bà ấy không thể lý giải và cũng không hề nghĩ rằng chúng tôi làm được những mảnh khoe như thế vì chúng tôi còn quá nhỏ.

Margaretta tiếp tục giải thích rằng “quả táo buộc vào

sợi dây” chỉ hiệu quả vào ban đêm nên hai chị em nhanh chóng tìm một cách khác để tạo ra những tiếng động vào ban ngày:

Những tiếng gõ đơn giản là kết quả của sự kiểm soát hoàn hảo phần cơ bắp ở chân từ đầu gối trở xuống. Phần cơ bắp này điều khiển gân ở bàn chân và sự chuyển động không được nhiều người biết tới của những ngón chân và cả xương mắt cá chân... Chỉ cần kiểm soát được cơ bắp ở bàn chân, những ngón chân có thể đập xuống sàn mà không tạo ra bất kỳ chuyển động nào mắt thường có thể thấy được. Thực tế, có thể sử dụng cả bàn chân để tạo ra những tiếng động chỉ nhờ duy nhất phần cơ ở dưới đầu gối. Đó là cách đơn giản để giải thích toàn bộ phương pháp tạo ra những tiếng gõ.

Đã phải chịu đựng rất nhiều căng thẳng vì sống một cuộc sống lừa dối, Margaretta đưa ra một nhận định rõ ràng về bản chất của tôn giáo mới mà cô là người góp phần tạo ra:

Chủ nghĩa Duy linh là sự dối trá tồi tệ nhất có thể...
Tôi mong chờ đến ngày tất cả mọi chuyện sẽ kết thúc. Sau khi bị tôi và Katie tiết lộ sự thật này, tôi hi vọng Chủ nghĩa Duy linh sẽ bị khai tử.

Sau đó, Margaretta đã khiến những người theo Chủ nghĩa Duy linh vẫn còn nghi ngờ về lời thú tội của mình phải ngừng lên tiếng bằng cách xuất hiện ở Học viện Âm nhạc New York chật cứng khán giả để biểu diễn khả năng phi thường có thể tạo ra những tiếng gõ theo ý muốn. Liệu lời thú tội của cô có đem lại kết quả như mong đợi? Liệu khoảng tám triệu người theo Chủ nghĩa Duy linh ở Mỹ có cảm thấy hoang loạn và từ bỏ đức tin

họ mới tìm thấy? Đáng buồn thay, kết quả duy nhất mà lời thú nhận này mang lại là sự xa cách giữa hai chị em và những người ủng hộ họ. Hầu hết những người theo Chủ nghĩa Duy linh vẫn tha thiết bám víu lấy sự an ủi rằng mình vẫn có thể tồn tại sau khi chết, và họ sẽ không để cho hai kẻ nát rượu cản trở bản thân đến với sự bất tử. Mặc dù Margaretta đã cố gắng rút lại những gì mình nói sau khi thú nhận tất cả, thế nhưng ít nhất là đối với chị em nhà Fox, những thiệt hại đã xảy ra rồi. Không còn nhận được sự ủng hộ từ phong trào mà họ góp phần tạo ra, cả hai chị em đều mất trong hoàn cảnh khó khăn vài năm sau đó và được chôn cất ở nghĩa trang dành cho người nghèo. Cả hai người đều chưa liên lạc lại từ thế giới bên kia.

Bây giờ, cái kim trong bọc đã lộ ra ngoài. Những cái bàn vẫn di chuyển khắp nước Anh và Mỹ. Ấn tượng hơn, một số cái bàn đã bắt đầu biết nói.



Phòng vấn nhà sử học Peter Lamont

www.richardwiseman.com/paranormality/PeterLamont.html

Lời của quý

Ý tưởng rất đơn giản thôi. Nếu như một cái bàn có thể di chuyển bằng năng lượng linh hồn, có lẽ nó cũng có thể được sử dụng để nhận tin nhắn từ thế giới bên kia? Ban đầu, mọi người bắt đầu đưa ra câu hỏi khi nghi thức xoay bản diễn ra và sử dụng những biến thể khác của mật mã mà chị em nhà Fox đã dùng để hỏi những linh hồn – “một gỗ là có, hai gỗ là không”. Khi thấy cách này rất tốn thời gian, mọi người lại làm theo cách của Isaac Post là đọc to bảng chữ cái và bảo những linh hồn đánh vần tin nhắn của mình bằng cách chạm vào bàn lúc thích hợp. Các ghi chép cho thấy những buổi gọi hồn như vậy có thể gọi lên rất nhiều cảm xúc, như một miêu tả đến từ Edinburgh vào năm 1871 dưới đây:

Vào một thời điểm đặc biệt của khi nghi thức đang diễn ra, chiếc bàn bắt đầu di chuyển theo kiểu lượn sóng và cùng lúc phát ra những tiếng cọt két rất kỳ lạ. Gần như ngay lúc ấy, một người bạn của tôi để ý rằng khi sự chuyển động và âm thanh này kết hợp với nhau sẽ gọi nhắc anh ta đến một con thuyền đang trong tình trạng nguy kịch với những thanh gỗ đang oằn mình dưới con sóng dữ. Như để khẳng định kết luận này, chiếc bàn liền phát ra tiếng: “Đó là David”. Ngay lập tức một người phụ nữ òa khóc dữ dội: “Ồi, đó chắc hẳn là đứa em tôi nghiệp đáng thương của tôi, David, nó đã chết ở ngoài khơi được một thời gian rồi.”⁴

Nhưng cũng có rất nhiều người không hài lòng với ý tưởng đồ nội thất có thể nói chuyện. Có lẽ những lời chỉ trích nặng nề nhất đến từ giới mục sư, những người tin rằng Quý dữ

đã nhập vào những cái bàn ở khắp mọi nơi. Năm 1853, Cha N. S. Godfrey nhận trách nhiệm chứng minh điều đó bằng cách lấy trực tiếp thông tin từ những người từng trải qua hoạt động này. Godfrey đã trình bày công trình này trong quyển sách của mình, *Table Turning: the Devil's modern masterpiece* (Xoay bàn: Kiệt tác đương đại của Quỷ dữ), trong đó có một phần rất đáng chú ý khi ông yêu cầu một nhóm người xoay bàn nói chuyện với người bạn bốn chân của họ, rồi hỏi cái bàn liệu nó có chứa linh hồn quỷ dữ không⁵. Cái bàn trả lời là không. Ông nhận thấy Quỷ dữ có thể đã nói dối nên đã nhờ người mang cuốn Kinh thánh ra. Khi cái bàn vẫn còn đang rung, cuốn Kinh thánh được đặt lên mặt bàn, và ngay tại khoảnh khắc ấy, những xung động biến mất. Godfrey cho rằng đó là dấu hiệu của việc cái bàn đã bị ám. Nếu cái bàn suy sụp và thừa nhận tất cả sau khoảng gần một giờ đồng hồ kiểm tra chéo kỹ càng thì sẽ tốt biết bao. Tuy nhiên, Godfrey không phải một người vội vàng đưa ra kết luận và đã nhờ hai người anh em trong giáo hội, Cha Gillson và Cha Dibdin làm lại thí nghiệm của mình với những cái bàn khác. Khi họ cũng đạt được kết quả tương tự, Godfrey công bố với dân chúng rằng lời những cái bàn đã nói là lời của Quỷ dữ và khuyến cáo người dân hãy tránh xa những mối đe dọa lẫn trốn trong phòng khách và phòng ăn nhà mình này.

Quy trình phiên hà khi phải viết ra cả bảng chữ cái và chờ đợi phản hồi cuối cùng cũng đặt dấu chấm hết cho những chiếc bàn biết nói. Nhưng thay vì biến mất như chưa từng tồn tại, những người theo Chủ nghĩa Duy linh làm những thứ họ vẫn làm. Họ nhanh chóng phát triển một quy trình mới hoàn thiện hơn để nói chuyện với người chết nhằm đáp ứng được nhu cầu của đám đông. Để mọi chuyện diễn ra nhanh chóng hơn, người ta sẽ viết từng chữ cái vào những mảnh giấy nhỏ và sắp xếp chúng thành một vòng tròn ở trên bàn. Sau đó, họ đặt đầu ngón

tay lên một chiếc ly úp ngược và hỏi những linh hồn. Tiếp đó, một lực không nhìn thấy được sẽ đẩy cái ly từ chữ cái này đến chữ cái khác khi những linh hồn đánh vần câu trả lời của mình. Phương pháp mới này lan truyền với một tốc độ khủng khiếp, và rất nhanh chóng, một số hãng đã quyết định sản xuất phiên bản thương mại của hệ thống này, được gọi là bảng Ouija (xuất phát từ tiếng Pháp và Đức có nghĩa là “Có”). Chỉ với một ít tiền, mọi người có thể sở hữu một cái bảng được in ấn rất chuyên nghiệp và một mặt phẳng bằng gỗ nhỏ để thực hiện cầu cơ (gọi là “bàn cầu cơ”) thay vì những mảnh giấy và chiếc ly úp ngược. Từ lần đầu tiên được giới thiệu năm 1891, bảng Ouija đã rất thành công về mặt thương mại và nhanh chóng trở thành món đồ giải trí thông dụng ở những phòng tiếp khách trên khắp châu Âu và Mỹ.

Nhưng khi công chúng bắt đầu tìm kiếm những cách nhanh hơn nữa để nói chuyện với người chết, nhu cầu về tốc độ nhanh chóng vượt qua khả năng đáp ứng của bảng Ouija. Chân đế trước của bàn cầu cơ cuối cùng được thay thế bằng một cái bút chì và một mảnh giấy thay thế bảng Ouija. Mọi người vẫn sẽ đặt tay lên bàn cầu cơ, nhưng lần này, bất kỳ một chuyển động cũng sẽ dẫn đến việc cái bút chì tự viết trực tiếp lên mảnh giấy. Đột nhiên, những linh hồn có thêm khả năng đọc chính tả. Nhiều lần thử nghiệm đã cho thấy rằng ngay cả hệ thống này cũng là một gánh nặng không cần thiết, và rằng một số ít người có thể đơn giản cầm lấy một cái bút hoặc bút chì, mở lòng mình ra với thế giới bên kia, và nhận được tin nhắn trực tiếp từ những người đã mất. Một nhóm nhỏ những người truyền tin này khẳng định rằng họ không điều khiển tay của mình một cách có chủ ý, và một vài người thậm chí còn sử dụng hệ thống mới này để tận hưởng cái gọi là “viết tự động” để truyền tải những tin nhắn tôn giáo, những bài thơ và cả văn xuôi từ thế giới linh hồn.

Đến những năm 1920, thế giới tiếp tục phát triển đi lên và niềm tin vào Chủ nghĩa Duy linh bắt đầu thoái trào. Việc radio và rạp chiếu phim ra đời cũng đồng nghĩa rằng mọi người không cảm thấy cần phải dành cả tối để chờ đợi một tin nhắn từ những người thân đã mất nữa. Sự thoái trào tiếp tục diễn ra xuyên suốt thế kỷ hai mươi và cho đến nay chỉ còn một số lượng rất nhỏ những nhà thờ của Chủ nghĩa Duy linh vẫn còn hoạt động và thường được điều hành bởi những người lớn tuổi, những người mà có lẽ sắp biết được sự thật về sự sống sau cái chết.

Trong những ngày tháng cực thịnh của Chủ nghĩa Duy linh, hàng ngàn người khẳng định đã liên lạc được với người chết thông qua cái bàn xoay, bàn cầu cơ và viết tự động. Liệu rằng những sự xác nhận này có thể được xem là bằng chứng thuyết phục về sự tồn tại của thế giới bên kia, hay có lời giải thích khoa học nào cho những công cụ tâm linh đó không? Một số ít những nhà khoa học thời nữ hoàng Victoria rất háo hức nghiêng cứu hiện tượng kỳ lạ này và khám phá xem điều gì đang thực sự diễn ra. Nghiên cứu có lẽ là sâu sắc nhất về chủ đề này đã được thực hiện bởi một người đàn ông mà hiện tại được công nhận là một trong những nhà khoa học xuất sắc nhất thế giới.

Đó là Michael Faraday, nhà vô địch của những thứ vô hình.

Một ngày nào đó, Ngài có thể đánh thuế nó.

Sinh năm 1791 ở phía nam của London trong một gia đình nghèo, ngay từ khi còn nhỏ, Michael Faraday đã đam mê tất cả những gì liên quan đến khoa học. Sự chăm chỉ và hiếu học của ông đã nhận được sự chú ý của nhà khoa học hàng đầu Humphry Davy. Vì thế, khi mới chỉ 21 tuổi, Faraday đã có một vị trí ở Học viện Hoàng gia London.

Faraday làm việc ở Học viện suốt cuộc đời mình và nghiên cứu rất nhiều đề tài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Ông phát minh ra đèn khí Bunsen nổi tiếng thế giới, khám phá ra rằng bụi than là nguyên nhân chính dẫn đến những vụ nổ hầm mỏ, đưa ra lời khuyên cho Phòng Triển lãm Quốc gia về cách tốt nhất để vệ sinh những tác phẩm nghệ thuật, cũng như đem đến cho công chúng những bài giảng nổi tiếng về khía cạnh khoa học của một cây nến đang cháy (“Để tham gia vào công cuộc nghiên cứu về triết học tự nhiên, không có cánh cửa nào rộng mở hơn là thông qua việc suy xét về hiện tượng vật lý của cây nến”).

Ông được biết đến nhiều nhất qua phát hiện đột phá về mối quan hệ giữa các lực vô hình và thần bí của dòng điện và từ trường. Sau khi dành ra hàng giờ trong khoảng thời gian giữa những dự án của mình để loay hoay cùng với nhiều bộ dụng cụ thí nghiệm, ý tưởng đột phá của Faraday xuất hiện khi ông bẻ cong một sợi dây kim loại thành vòng tròn rồi đưa một mẫu nam châm đi qua giữa vòng dây và thấy rằng chuyển động của nam châm tạo ra một dòng điện trong sợi dây. Cách giải thích đơn giản này đã cho thấy mối liên hệ cơ bản giữa dòng điện và từ trường, mở đường cho lý thuyết điện từ trường hiện đại ngày

nay. Albert Einstein rất ấn tượng với công trình của Faraday và đã treo một bức hình của ông lên tường để lấy đó làm động lực. Là một người thực tiễn, Faraday ngay lập tức khám phá xem phát hiện của mình có thể ứng dụng được vào điều gì và cuối cùng ông đã tạo ra tiền thân của máy phát điện hiện đại bây giờ. Khi Bộ trưởng Bộ Tài chính của nước Anh William Gladstone được nghe về thiết bị mới lạ này, ông đã hỏi Faraday về giá trị thực tế của dòng điện và câu trả lời của Faraday sau này đã trở nên rất nổi tiếng: “Một ngày nào đó, Ngài có thể đánh thuế nó.”

Faraday cũng là một người rất sùng đạo. Ông phụng sự như một người thuyết giảng không chuyên ở một nhà thờ ít người biết đến của Giáo hội Trưởng Lão Scotland tên là Sandemanians. Là thành viên của Giáo hội, ông buộc phải từ chối chức chủ tịch của Hiệp hội Hoàng gia và cả tước Hiệp sĩ bởi ông không tin Chúa Jesus sẽ tiếp nhận những vinh dự lớn đến thế. Ông cũng từ chối yêu cầu của chính phủ về việc phát triển khí độc để sử dụng trong chiến tranh Crimea vì những lý do đạo đức và cũng không mua bảo hiểm vì ông nghĩ làm vậy chứng tỏ cho việc thiếu niềm tin. Đức tin của ông cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc ông khám phá ra điện từ trường. Faraday luôn tin rằng Chúa tạo ra thế giới này, và mọi điều trong tự nhiên đều phải có liên hệ với nhau và chắc chắn là lực sinh ra do tương tác giữa dòng điện và từ trường cũng như vậy⁶.

Với chuyên môn của mình trong việc khai thác những lực vô hình cộng thêm niềm hứng thú với những vấn đề siêu linh, không mấy ngạc nhiên khi Faraday cũng bị thu hút bởi cái bàn xoay. Năm 1852, ông tập hợp một nhóm những người đáng tin cậy và đã thực hiện thành công hoạt động xoay bàn, rồi tiến hành một kế hoạch khôn ngoan gồm ba giai đoạn mà ngày nay vẫn được là ví dụ điển hình về việc làm thế nào để nghiên cứu những điều không thể⁷.

Ở giai đoạn đầu tiên, Faraday gắn những đồ vật và vật liệu vào với nhau thành một khối bao gồm giấy nhám, cái ly, đất sét ẩm, giấy thiếc, keo dán, giấy bìa, cao su và gỗ rồi đặt chúng lên trên mặt bàn. Sau đó, ông yêu cầu những người tham gia đặt bàn tay của họ lên khối đồ đồ và triệu hồi những linh hồn. Mọi người không gặp khó khăn gì trong việc dịch chuyển cái bàn, điều đó có nghĩa là những món đồ đã dùng không ảnh hưởng gì đến những linh hồn. Thí nghiệm này cho phép Faraday có thể tự do sử dụng những khối vật liệu này ở bước tiếp theo.

Sau khi quay trở lại phòng thí nghiệm, ông lại tiếp tục tạo ra những khối kỳ lạ khác nữa. Mỗi khối gồm năm tấm giấy bìa cỡ nhỏ được chen giữa bởi những viên keo đặc biệt “đủ mạnh để giữ nguyên những tấm bìa khi chúng thay đổi sang những vị trí mới nhưng cũng đủ yếu để chúng từ từ dịch chuyển khi chịu lực tác động liên tục”. Faraday cẩn thận bố trí những khối này ở xung quanh bàn, gắn chặt phần đế của chúng vào bàn và vẽ một đường bút chì viền quanh rìa những tấm bìa. Sau khi hoàn tất chuẩn bị, thí nghiệm bắt đầu. Những người tham gia được yêu cầu đặt tay lên trên đỉnh của khối bìa và sau đó yêu cầu những linh hồn dịch chuyển cái bàn sang bên trái. Sau một vài giây, cái bàn bắt đầu di chuyển. Chỉ đơn giản bằng việc nhìn vào những tấm bìa, Faraday đã có thể tìm ra đáp án cho câu hỏi tại sao cái bàn di chuyển.

Câu trả lời rất đơn giản. Ông lập luận rằng nếu như một lực bí ẩn nào đó thực sự tác động lên cái bàn thì cái bàn sẽ di chuyển *trước khi* bàn tay của những người tham gia dịch chuyển. Điều này sẽ khiến cho lớp dưới của khối bìa trượt ra bên ngoài so với những tấm bìa ở trên, dẫn đến những vạch bút chì sẽ nghiêng xuống từ bên trái sang bên phải. Ngược lại, nếu như tay của những người tham gia làm cái bàn chuyển động thì những tấm

bìa ở trên sẽ di chuyển trước những tấm dưới và những vạch bút chì sẽ nghiêng xuống từ bên phải sang bên trái. Khi Faraday xem xét những vạch bút chì, câu trả lời đã rất rõ ràng. Tất cả những vạch bút chì đều nghiêng từ bên phải sang bên trái, chứng tỏ rằng bàn tay của mọi người đã di chuyển trước cái bàn.

Có vẻ như là những người tham gia thí nghiệm của Faraday đã tưởng tượng rằng cái bàn di chuyển nên họ dịch chuyển bàn tay và những ngón tay của mình để biến suy nghĩ đó thành hiện thực mà không hề nhận ra. Bởi vì đây là những cử động trong vô thức nên việc cái bàn dịch chuyển và xoay vòng làm họ rất ngạc nhiên và nghĩ đó là do tác động của những linh hồn.

Mặc dù tin rằng mình đã giải đáp bí ẩn về cái bàn dịch chuyển, Faraday nhận ra những người theo Chủ nghĩa Duy linh sẽ phản biện rằng mặc dù cử động vô thức của những người ở xung quanh cái bàn có thể phần nào là nguyên nhân của hiện tượng đó, nhưng những linh hồn vẫn đóng một vai trò dù nhỏ thôi nhưng cực kỳ quan trọng tạo nên những cử động ấy. Cách duy nhất để bác bỏ ý kiến này là loại bỏ hoàn toàn cử động từ tay những người tham gia và xem liệu cái bàn có còn dịch chuyển hay không. Rõ ràng là Faraday không thể yêu cầu những người tham gia không đẩy cái bàn nữa vì ngay từ đầu họ cũng không hề ý thức được mình đã dịch chuyển nó. Một thí nghiệm mới cần được tiến hành.

Faraday quay trở lại với phòng thí nghiệm của mình và tiếp tục tạo ra một khối đồ vật vô cùng tài tình khác. Ông chuẩn bị hai tấm bìa nhỏ được kết nối với nhau bằng bốn thanh thuỷ tinh nằm ngang để tấm bìa ở trên có thể di chuyển tùy ý. Khối “tấm bìa – thanh thuỷ tinh – tấm bìa” được cố định với nhau bằng hai dây cao su lớn. Ông gắn phần bệ của khối bìa lên mặt

bàn, sau đó gắn những cái chốt nhỏ bằng kim loại vào hai bên của tấm bìa ở trên và tấm bìa ở dưới. Cuối cùng, một sợi cỏ khô dài khoảng 38cm được gắn theo chiều dọc vào khối bìa và được ghim vào cạnh bên của cả tấm bìa trên và tấm bìa dưới.

Faraday có lý do để làm những điều kỳ lạ này. Thiết kế này sử dụng sợi cỏ khô như một đòn bẩy với điểm tựa là cái chốt ở tấm bìa phía trên. Bất kỳ một chuyển động nào ở mặt bên của tấm bìa phía trên dù nhỏ đến đâu đi nữa cũng sẽ dẫn đến những rung lắc dữ dội thể hiện rõ ràng trên sợi cỏ. Hệ thống được thiết kế đơn giản nhưng cực hiệu quả để phóng đại những cử động tay nhỏ nhất của người tham gia, và bằng cách yêu cầu mọi người phải giữ sợi cỏ đứng yên, Faraday có thể đảm bảo rằng tay của họ sẽ không có bất kỳ một cử động nào.

Faraday lại tập hợp mọi người lại, yêu cầu họ đặt tay lên phía trên của hệ thống và cố gắng để những linh hồn dịch chuyển cái bàn, nhưng phải đảm bảo rằng sợi cỏ khô lúc nào cũng đứng thẳng. Họ đã cố gắng hết sức, nhưng cả nhóm không thể làm cái bàn động đậy. Faraday đã kết luận chính xác rằng những cử động vô thức của người tham gia là nguyên nhân gây ra hiện tượng này mà không cần có bất kỳ một nguồn năng lượng tâm linh nào cả.

Khám phá của ông được xuất bản trên tạp chí *Athenaeum* vào năm 1853 đã vấp phải những phản ứng dữ dội từ những người theo Chủ nghĩa Duy linh. Nhiều người trong số họ khẳng định rằng mình có thể làm cái bàn dịch chuyển mà không chạm vào nó. Tuy nhiên, tất cả bọn họ đều không sẵn lòng đến phòng thí nghiệm của Faraday và thực hiện điều đó trong những điều kiện được kiểm soát.

LÀM CÁCH NÀO ĐỂ NÓI CHUYỆN VỚI NGƯỜI CHẾT: PHẦN MỘT

Thực hiện thành công một màn làm cái bàn dịch chuyển là một bài học trong môn tâm lý học ứng dụng. Để chắc chắn thành công, hãy thực hiện mười bước sau đây:

1. Chọn một cái bàn thích hợp. Hãy kiếm một cái bàn rộng khoảng 930cm² và cao khoảng 60cm. Mặt bàn hình vuông hay tròn đều được, và bàn được đỡ bởi bốn chân bàn hay một trụ đỡ cũng không phải vấn đề. Điều quan trọng là cái bàn phải dễ bị lật đổ. Bạn có thể kiểm tra cái bàn bằng cách đặt những ngón tay của mình vào cạnh bàn rồi cố gắng để lật nó. Nếu rất khó để làm cái bàn động đây, hãy tìm một cái bàn khác.

2. Mời một nhóm từ bốn đến tám người đến nhà bạn. Bạn không cần quan tâm là họ tin vào thế giới bên kia, nghi ngờ hay theo thuyết bất khả tri, điều quan trọng là các bạn muốn có thời gian vui vẻ với nhau.

3. Sắp xếp một vài cái ghế thành vòng tròn xung quanh cái bàn. Những cái ghế này phải thật thoải mái và phải khiến người ngồi ngả về phía trước thay vì tựa ra sau.

4. Yêu cầu mọi người trong nhóm ngồi xuống rồi đặt tay của họ lên bàn. Những bàn tay không nhất thiết phải chạm nhau và mỗi người nên thả lỏng những ngón tay của mình hết mức có thể.

5. Giảm ánh sáng trong phòng xuống, bật nhạc nhẹ nhàng để tạo không khí thư thái. Nhắc nhở những người tham gia nên tránh tác động vào bàn mà hãy giữ tay ở yên vị trí. Cố gắng khuyến khích mọi người nói chuyện, cười đùa thay vì nghĩ đến một sự chuyển động nào đó.

6. Vào một ngày đẹp trời thì bạn sẽ có thể nghe thấy cái bàn bắt đầu cót két sau khoảng 40 phút. Đây là dấu hiệu đầu tiên cho thấy hiệu ứng bắt đầu xuất hiện.

7. Sau khoảng mười phút nữa, các bạn sẽ thấy những chuyển động đầu tiên. Nếu như cái bàn không thể di chuyển vì được đặt trên một cái thảm dày thì nó sẽ nghiêng rất nhiều và thi thoảng thậm chí còn thăng bằng chỉ bằng một hay hai chân bàn. Mọi người phải luôn cố gắng giữ ngón tay của mình để trên mặt bàn nhưng không được cản trở chuyển động của nó. Nếu cái bàn có thể trượt, nó sẽ di chuyển khắp phòng. Một lần nữa, mọi người nên giữ tay của mình ở trên bàn và nếu cần thiết thì hãy rời khỏi ghế ngồi của mình để di chuyển theo cái bàn.

8. Đừng cố gắng để phân tích hiện tượng hay lý giải tại sao mọi chuyện lại thế. Hãy chỉ đơn giản tận hưởng những gì đang xảy ra. Bảo mọi người thử bỏ tay ra rồi đặt tay lại để xem liệu có ai là tác giả của hiệu ứng này không. Hãy thoải mái thử hỏi cái bàn những câu hỏi và gọi ý cái bàn trả lời bằng cách nghiêng hay di chuyển về một hướng xác định. Để tránh khả năng có ai đó trong nhóm rơi lệ vì bạn đã liên lạc với người thân của họ, hãy chọn liên lạc với người nổi tiếng hoặc thậm chí một nhân vật tưởng tượng.

9. Nếu bạn không thấy có tiếng động hay sự dịch chuyển nào sau khoảng 40 phút, hãy bảo mọi người cố thử dịch chuyển cái bàn theo một hướng cụ thể. Điều này sẽ giúp mọi người cùng chú tâm thực hiện trong khoảng một vài phút. Nếu bạn vẫn không thấy cái bàn dịch chuyển, hãy bí mật đẩy nó. Hành động này thường sẽ kích hoạt những cử động trong vô thức của những người khác.

10. Khi kết thúc, hãy cảm ơn những người bạn của mình và nói rằng nhiều nghiên cứu đã cho thấy những linh hồn này có thể sẽ theo họ về nhà và ám những giấc mơ của họ đến hết đời.

Joseph Jastrow và chiếc máy theo dõi cử chỉ vô thức kỳ diệu

Faraday đã chứng minh được rằng những cử động nhỏ trong vô thức là nguyên nhân của hiện tượng cái bàn di chuyển. Được kết quả này truyền cảm hứng, nhiều nhà nghiên cứu khác đã tìm hiểu xem những cử động đó liệu có phải cũng là tác nhân dẫn đến những hành vi kỳ lạ liên quan đến bàn cầu cơ hay không.

Ở trong quyển sách trước của mình, *Quirkology (Tâm lý học hài hước)*, tôi đã miêu tả thành quả của một trong những người anh hùng của mình trong lĩnh vực học thuật – nhà tâm lý học người Mỹ Joseph Jastrow. Jastrow đã tiến hành rất nhiều nghiên cứu kỳ lạ trong suốt sự nghiệp của mình, như tìm hiểu về nhận thức dưới ngưỡng (subliminal perception), những giấc mơ của người mù, thôi miên và cả khía cạnh tâm lý học trong lĩnh vực ảo thuật. Tuy nhiên, Jastrow đặc biệt hứng thú với những hiện tượng siêu nhiên. Vào những năm 1890, ông đã tiến hành một loạt những thí nghiệm đột phá về bảng cầu cơ thông qua việc sử dụng một thiết bị thí nghiệm kỳ lạ là “máy theo dõi cử chỉ vô thức”⁸.

Bộ phận quan trọng nhất trên chiếc máy này của Jastrow gồm hai cái đĩa thủy tinh, mỗi cái khoảng 93cm², ở giữa hai cái đĩa là ba “quả bóng bằng đồng có thể di chuyển dễ dàng”. Đĩa ở dưới được gắn vào mặt bàn trong khi đĩa ở trên có thể dịch chuyển tùy ý. Người tham gia đặt tay của họ lên cái đĩa, và bất kỳ một cử động tay nào dù nhỏ nhất cũng sẽ khiến cái đĩa trượt trên những quả bóng bằng đồng. Một chiếc bút được gắn vào đĩa phía trên để ghi lại chuyển động. Một tờ giấy được bôi đen bằng muội than đặt ở dưới chiếc bút, và bất kỳ chuyển động nào

của cái bút cũng sẽ được ghi lại. Tờ giấy sau đó có thể được “lưu trữ vĩnh viễn bằng cách nhúng vào dung dịch shellac hoặc cồn”. Cũng như Faraday, Jastrow đã thiết kế được một hệ thống có thể ghi lại những cử động nhỏ nhất.

Trong suốt quá trình thí nghiệm, Jastrow đã giấu cái bút và tờ giấy dùng để ghi chuyển động để những người tham gia không biết và sau đó yêu cầu họ tưởng tượng mình đang làm ba việc: thực hiện một cử chỉ nào đó, nhìn vào những đồ vật ở xung quanh phòng và tưởng tượng lại một phần của chính căn phòng. Mặc dù những người tham gia thí nghiệm không nhận ra, nhưng chỉ riêng việc nghĩ đến một hướng đi hay một vị trí nào đó cũng đã đủ để khiến đĩa thủy tinh dịch chuyển trong hệ thống của Jastrow. Cũng như khi Faraday khám phá ra bí ẩn của cái bàn di chuyển, Jastrow phát hiện rằng quy trình tương tự có thể là nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển trên bàn cầu cơ. Những người sử dụng bàn cầu cơ không phải đang nói chuyện với người chết hay Quỷ dữ, mà đang nói chuyện với chính bản thân mình.

Những nghiên cứu sau đó chỉ ra rằng cử động “vô thức” này không chỉ xảy ra khi cầu cơ hay xoay bàn. Vào những năm 1930, bác sĩ người Mỹ Edmund Jacobson muốn tìm hiểu xem cách nào là tốt nhất để giúp mọi người thư giãn⁹. Ông yêu cầu những người tình nguyện hãy suy nghĩ về nhiều chủ đề khác nhau trong khi các thiết bị cảm ứng cảm ứng rất tinh vi theo dõi những tín hiệu điện trong cơ bắp của họ. Khi Jacobson bảo những người tham gia hãy tưởng tượng họ đang nhấc cánh tay của mình lên, thiết bị cảm ứng cho thấy thực sự có một cử động rất nhỏ ở bắp tay. Thậm chí suy nghĩ phải nâng vật nặng lên còn dẫn đến một cử động cơ bắp rõ ràng hơn. Còn khi được yêu cầu hãy tưởng tượng mình đang nhảy thật cao trên không trung, bắp

chân lập tức cho thấy phản hồi. Và hiện tượng này không chỉ giới hạn trên thân thể. Khi những người tham gia nghĩ đến tháp Eiffel thì mắt của họ nhìn lên trên, trong khi việc nhớ về một bài thơ lại làm lưỡi chuyển động. Cũng như những người tham gia thí nghiệm về cái bàn dịch chuyển của Faraday 70 năm trước, những tình nguyện viên của Jacobson cũng không hề hay biết họ đã thực hiện những cử động nhỏ này.

Những nghiên cứu gần đây cũng cho thấy những cử động vô thức này diễn ra khá thường xuyên¹⁰. Khi bạn nghĩ đến chuyện lật trang sách, những cơ ở ngón tay của bạn bắt đầu cử động hướng đến rìa quyển sách. Bạn bản khoăn không biết bây giờ là mấy giờ và đầu của bạn sẽ bắt đầu hướng đến cái đồng hồ. Khi bạn muốn pha một tách trà, chân của bạn đã sẵn sàng hoạt động. Mặc dù vẫn còn nhiều tranh cãi về nguyên nhân gây ra những cử động vô thức này, nhưng hầu hết những nhà nghiên cứu đều tin rằng đó là do cơ thể con người muốn có sự chuẩn bị cho những hành vi đã được dự báo trước. Chỉ cần một ý nghĩa thoáng qua cũng đủ để đôi chân của bạn cử động và sẵn sàng tăng tốc để cơ thể được chuẩn bị tốt hơn khi thực hiện hành động đó.

Những nghiên cứu khoa học về chuyện cầu cơ và cái bàn xoay không chỉ lý giải cho những hiện tượng khó hiểu này mà còn làm sáng tỏ một loại cử động vô thức mới của con người. Hơn một trăm năm sau những thí nghiệm kinh điển của Faraday và Jastrow, các nhà nghiên cứu vẫn tin rằng đó chính là câu trả lời cho hiện tượng nói chuyện với người chết. Bí ẩn đã giải đáp. Vụ việc này có thể khép lại tại đây. Nhưng có một điều những nhà khoa học nổi tiếng kia chưa biết, đó là có một bí mật thứ hai thậm chí còn thú vị hơn đằng sau những cái bàn và bảng chữ cái.

CÁCH ĐỂ NÓI CHUYỆN VỚI NGƯỜI CHẾT: PHẦN HAI

Quá trình chuẩn bị để thực hiện cầu cơ cũng phần nào tương tự như khi nghi thức di chuyển cái bàn, nhưng có thêm lợi thế là có thể kết hợp cùng với một bài kiểm tra để tìm hiểu xem liệu những chuyển động như của ma quỷ gây ra ấy là do ta đã liên lạc được với những linh hồn hay là kết quả của cử động vô thức.

1. Chọn một cái bàn phù hợp. Lần này, chúng ta sẽ cần một cái bàn lớn hơn với mặt bàn rộng khoảng $0,2m^2$, có độ cao vừa phải nhưng cần chắc chắn hơn cái bàn ở thí nghiệm trước. Hãy thử độ vững chắc của cái bàn bằng cách cố tình lật nó. Nếu cái bàn dễ dàng bị dịch chuyển, hãy chọn một cái bàn khác.

2. Viết từng chữ cái của bảng chữ cái ra những mảnh giấy riêng biệt rồi xếp chúng thành vòng tròn xung quanh mép bàn. Viết thêm một mảnh giấy có từ “Có” và một mảnh có từ “Không” và đặt vào bên trong vòng tròn.

3. Chọn một cái ly chắc chắn, úp ngược xuống và đặt vào chính giữa vòng tròn chữ cái.

4. Yêu cầu mọi người ngồi xung quanh bàn và đặt nhẹ nhàng ngón trỏ bàn tay phải của mỗi người lên đáy cái ly.

5. Một lần nữa, hãy giảm ánh sáng xung quanh và tạo một không khí thật thư thái. Yêu cầu mọi người tránh đẩy cái ly và giữ ngón tay cố định hết mức có thể. Hãy cố gắng để mọi người có thể nói chuyện cười đùa bình thường.

6. Bây giờ, hãy bảo cả nhóm cố kết nối với một linh hồn. Tránh liên lạc với người quen của những người trong nhóm mà hãy liên lạc với linh hồn người nổi tiếng hoặc một nhân vật giả tưởng. Khi cái ly bắt đầu di chuyển, hãy gợi ý linh hồn đánh vần tên của họ bằng cách di chuyển cái ly đến những chữ cái đã được sắp sẵn.

7. Khi các bạn đã liên lạc thành công và tìm hiểu được mình đang nói chuyện với ai, hãy tiếp tục bằng một bài kiểm tra. Thu hết những mảnh giấy ghi chữ cái lại, xáo chúng lên rồi úp xuống mặt bàn theo hình vòng tròn như lúc đầu.

8. Một lần nữa, hãy bảo linh hồn đánh vần lại tên của mình. Khi cái ly di chuyển đến chữ cái nào thì lật chữ cái đó lên. Nếu như những cử động vô thức làm cái ly di chuyển, những chữ cái hiện lên sẽ vô nghĩa vì mọi người trong nhóm không thể biết được cái ly sẽ di chuyển theo hướng nào.

9. Nếu như có ai đó tin tưởng chuyện linh hồn là có thật và phản đối rằng tin nhắn vô nghĩa vì những linh hồn cũng không thể nhìn được những chữ cái bị úp ngược, hãy lật ngửa những chữ cái lên, nhưng lần này bịt mắt tất cả mọi người trong nhóm lại. Một lần nữa, tin nhắn sẽ lại là những chữ cái vô nghĩa ghép với nhau.

10. Nếu như nhóm của bạn có thể đánh vần ra một cái tên khi những chữ cái đang bị úp xuống hay khi mọi người đã bị bịt mắt, hãy ra khỏi nhà ngay lập tức và liên hệ với nhà thờ ở gần nhất để được trợ giúp.

Cố gắng để không nghĩ về những con gấu trắng

Rất nhiều những người đã trải nghiệm qua màn di chuyển cái bàn và cầu cơ đều từ chối thừa nhận khái niệm cử động vô thức. Họ khẳng định rằng những tin nhắn từ người chết vẫn được gửi đi với tốc độ nhanh và số lượng nhiều dù họ đã cố gắng hết sức để giữ những ngón tay cố định. Thực tế, nhiều người nói rằng họ còn đạt được những kết quả ấn tượng hơn nữa trong những điều kiện như vậy. Trong nhiều năm liền, các nhà khoa học vẫn cho rằng những báo cáo dạng này là do tưởng tượng quá đà và mong muốn được thoả mãn niềm tin, nhưng vào những năm 1990, nhà tâm lý học đến từ Harvard – Dan Wegner quyết định xem xét kĩ hơn những lời khẳng định này.

Wegner là một người đàn ông rất có hứng thú với những con gấu trắng. Hay chính xác hơn, ông là một người đàn ông rất có hứng thú với việc yêu cầu người khác không được nghĩ về những con gấu. Ông đã tiến hành một loạt những nghiên cứu rất nổi tiếng, trong đó ông yêu cầu những người tham gia *không được* tưởng tượng về một con gấu trắng, và rung chuông mỗi lần có một con gấu không may xuất hiện trong tâm trí họ¹¹. Kết quả cho thấy mọi người đã gặp khó khăn trong việc giữ tâm trí của mình không nghĩ về những con gấu, tiếng chuông cứ vài giây lại vang lên một lần. Wegner đã khám phá một hiện tượng rất thú vị gọi là “hiệu ứng đội ngược”, tức là khi cố không nghĩ đến một điều gì đó, bạn lại càng bận tâm về nó nhiều hơn. Trong điều kiện bình thường, con người rất giỏi tự làm sao lãng bản thân và đẩy những suy nghĩ không mong muốn ra khỏi đầu. Nhưng khi trực tiếp nói với ai đó rằng không được nghĩ về một chủ đề thì họ sẽ ngay lập tức nghĩ: “Từ từ đã nào, có phải mình đang nghĩ

về một điều mà mình đang không được phép nghĩ đến?” và rồi họ sẽ tiếp tục tự nhắc bản thân rằng họ vẫn đang cố quên đi điều đó. Hiệu ứng dội ngược của Wegner có tác dụng trong rất nhiều hoàn cảnh. Khi bảo một người đừng nghĩ đến những chuyện không vui trong cuộc đời, họ sẽ không thể đẩy những chuyện đó ra khỏi đầu. Khi bảo một ai đó không để ý đến những suy nghĩ mệt mỏi, họ sẽ càng trở nên lo lắng hơn, và khuyên một người mất ngủ hãy quên đi những điều làm họ tỉnh táo và thậm chí họ sẽ càng khó ngủ hơn bình thường¹².

Wegner băn khoăn không biết liệu hiệu ứng này có thể lý giải tại sao con người dường như nhận được tin nhắn từ những cái bàn và bàn cầu cơ mặc dù họ đã cố giữ ngón tay ở yên vị trí. Liệu hiệu ứng dội ngược có thể áp dụng cho những chuyển động không? Liệu có khả năng rằng những người đang cố gắng hết sức để không tạo ra chuyển động nào đó thực ra lại đang tạo ra những chuyển động mà họ không mong muốn?

Wegner quyết định tiến hành một thí nghiệm trong đó sử dụng một ví dụ kinh điển khác của hành động vô thức – con lắc đơn. Trong hàng thế kỷ, con người đã buộc một vật nặng vào một sợi dây rồi sử dụng chuyển động qua lại từ bên trái sang bên phải hay chuyển động tròn của con lắc để dự đoán giới tính của những đứa trẻ trong bụng mẹ, dự đoán tương lai và nói chuyện với những linh hồn. Sau khi mời lần lượt từng người trong một nhóm người đến phòng thí nghiệm của mình, Wegner bố trí một cái máy quay hướng lên trần nhà và yêu cầu mỗi người lần lượt cầm một con lắc ở phía trên chiếc máy quay đó. Ông yêu cầu một nửa số người tham gia cố gắng không làm con lắc di chuyển về một hướng cố định và nửa còn lại cố gắng giữ con lắc đứng yên¹³.

Những đoạn phim quay được từ máy quay cho phép Wegner đo được số lượng chuyển động của con lắc. Cũng giống như việc được yêu cầu không nghĩ đến những con gấu trắng khiến người ta không thể ngừng nghĩ về chúng, càng cố gắng để không dịch chuyển con lắc càng khiến cho con lắc dao động mạnh hơn. Những cử động vô thức này thậm chí còn mạnh hơn khi Wegner phân tán sự tập trung của những người tham gia bằng cách yêu cầu họ nhớ một con số có sáu chữ số hoặc đếm ngược từ 1000 về 0 với khoảng cách giữa các số là ba chữ số. Những phát hiện mới mẻ này góp phần giải thích một khía cạnh thú vị khác của bàn cầu cơ và nghi thức dịch chuyển cái bản. Những người theo Chủ nghĩa Duy linh truyền nhau rằng những linh hồn thường thể hiện sự hiện diện của mình khi những người thực hiện gọi hồn hoặc cầu cơ hát thánh ca, nói chuyện và cười đùa. Những quá trình ấy khiến con người phải tập trung và vì thế càng có xu hướng thực hiện những chuyển động trong vô thức.

Nghiên cứu của Wegner cho thấy hiệu ứng đội ngược đã khiến cầu cơ hay gọi hồn trở thành những trò lừa bịp. Bằng cách cố gắng hết sức có thể để giữ cho tay mình ở yên một vị trí trong khi vẫn đang phân tán sự tập trung vào những việc khác, người tham gia đã tạo ra điều kiện lý tưởng để tăng cường những cử động vô thức, nhờ thế họ có thể thực hiện thành công những hiệu ứng kỳ lạ đó.

Nhiều nghiên cứu về sau cũng chỉ ra rằng những hành vi dựa trên hiệu ứng đội ngược xảy ra trong rất nhiều tình huống khác bên ngoài phòng gọi hồn. Trong một nghiên cứu khác, Wegner đã yêu cầu những người chơi golf cố gắng đánh thật nhẹ để đưa bóng vào một vị trí xác định, và thấy rằng khi được bảo đừng đánh quá chỗ được đánh dấu, những người chơi golf có xu

hướng đánh quả bóng mạnh hơn bình thường. Thiết bị theo dõi chuyển động của mắt còn cho thấy khi những cầu thủ muốn tránh sút vào một góc nhất định của khung thành thì sẽ không ngừng nhìn vào góc đấy¹⁴. Nhiều vận động viên cũng nhận thấy hiệu ứng tương tự trong thực tế cuộc sống. Ví dụ, cựu vận động viên bóng chày đỉnh cao Rick Ankiel thì thoảng cũng ném những cú rất mạnh trong khi đang cố gắng để tránh hành động này (Ankiel tự đặt tên hiện tượng này là “Sinh vật đó”)¹⁵. Hiệu ứng dội ngược còn tác động lên những người muốn thay đổi thói quen xấu của mình. Thực nghiệm đã chỉ ra rằng những người hút thuốc cố gắng từ bỏ ý nghĩ muốn châm lửa và những người ăn kiêng không muốn nghĩ đến thức ăn nhiều chất béo đều gặp rất nhiều khó khăn để chấm dứt thói quen xấu và ăn uống lành mạnh.

Được khích lệ bởi kết quả tích cực từ những nghiên cứu với con lắc, Wegner chuyển sự chú ý sang vấn đề huyền bí nhất của Chủ nghĩa Duy linh – viết tự động. Công trình của ông đã đưa ra câu trả lời cho một trong những vấn đề triết học gây mệt mỏi nhất mọi thời đại.

Mark Twain và ảo giác tuyệt đẹp

Có lẽ người viết tự động ẩn tượng và có nhiều tác phẩm nhất được biết đến là Pearl Curran¹⁶. Sinh năm 1883 ở St Louis, 30 năm đầu tiên trong cuộc đời của Curran không có gì đặc biệt. Cô bỏ học phổ thông, thử làm nhiều việc, rồi kết hôn và dạy nhạc. Vào ngày 8 tháng 7 năm 1913, tất cả đã thay đổi. Khi dùng bàn cầu cơ để nói chuyện với người chết, một linh hồn mạnh mẽ và có sức ảnh hưởng bất thường xuất hiện. Thực thể đó kể rằng tên cô ta là Patience Worth và sống ở thế kỷ mười bảy ở vùng Dorset nước Anh, sau đó cô đến Mỹ và cuối cùng bị giết bởi “những người Ấn Độ”. Curran nhận ra rằng mình có thể dễ dàng liên lạc với Worth bằng viết tự động. Trên thực tế, những cuộc đối thoại giữa hai cô gái cứ thế tiếp diễn ngày một nhiều trong 25 năm tiếp theo và Patience đã “chỉ đạo” để Curran chép lại hơn 5.000 bài thơ, vở kịch và vài tiểu thuyết. Không chỉ đồ sộ về khối lượng, chất lượng của những tác phẩm này cũng rất ấn tượng. Khi nhận xét một tiểu thuyết của Worth về ngày cuối cùng của Chúa Jesus, một nhà bình luận của tờ *New York Globe* đã rất ưu ái so sánh tác phẩm này với *Ben Hur* trong khi một nhà phê bình khác tin rằng “đó là câu chuyện tuyệt nhất về Chúa được sáng tác kể từ sách Phúc âm”.

Không may cho những người theo Chủ nghĩa Duy linh, những gì Curran viết không phải là một bằng chứng thuyết phục về thế giới bên kia. Dù đã cố gắng hết sức nhưng các nhà nghiên cứu vẫn không thể tìm thấy bất kỳ bằng chứng nào cho thấy Patience Worth thực sự tồn tại. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ học cho thấy từ ngữ được dùng trong các tác phẩm đó không giống với những tác phẩm khác được sáng tác cùng thời điểm cô sống. Tính xác thực của tác phẩm cũng rất khó đánh giá vì Patience đã

viết một cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh thời nữ hoàng Victoria, nghĩa là khoảng 200 năm sau khi cô ấy qua đời. Cuối cùng, ngay cả những người ủng hộ nhiệt thành nhất cũng đành phải kết luận rằng không thể có bất kỳ một sự lý giải siêu nhiên nào cho khối lượng đồ sộ những tác phẩm của Pearl Curran.

Những chứng cứ chống lại giả thuyết về sự tồn tại của linh hồn tiếp tục được bổ sung bởi một người tự nhận có khả năng liên lạc với linh hồn của những tác giả nổi tiếng. Emily Grant Hutchings, một người bạn thân của Curran, đã khẳng định rằng cô vẫn giữ liên lạc với linh hồn của Mark Twain (hãy nghĩ đến cụm từ “ngồi mát ăn bát vàng” cho tình huống này). Năm 1917, Hutchings xuất bản cuốn tiểu thuyết tên *Jap Herron* và khẳng định rằng câu chuyện đã được chính linh hồn của tác gia vĩ đại đó đọc cho cô để ghi lại. Những nhà phê bình đã rất thất vọng, trong đó có một nhận xét như sau:

Nếu như đây là những gì tốt nhất Mark Twain có thể làm khi vượt qua những rào cản âm dương, những người hâm mộ của ông chắc hẳn đều mong rằng từ nay về sau ông hãy cứ tôn trọng ranh giới đó.

Harper and Brothers, nhà xuất bản sở hữu bản quyền những tác phẩm của Mark Twain khi ông còn sống đã tiến hành những thủ tục pháp lý cần thiết vì cho rằng chất lượng tồi tệ của *Jap Herron* đã làm giảm doanh số của họ. Trong các bằng chứng được đưa ra, đại diện bên phía Harper and Brothers nhấn mạnh rằng Twain gần như không tin vào thế giới bên kia nên sẽ không có chuyện linh hồn ông vẫn tiếp tục sáng tác. Truyền thông đã có một ngày hết sức bận rộn, chỉ ra rằng Tòa án Tối cao sẽ sớm có quyết định liên quan đến vấn đề danh tiếng về sau của nhà văn. Tuy nhiên, vụ việc đã không được đưa ra tòa, bởi Hutchings và

nhà xuất bản đã đồng ý thu hồi hết những cuốn sách trước khi phiên toà bắt đầu.

Nếu như cho rằng người chết không có tác động gì đến khả năng viết tự động, chúng ta giải thích thế nào về hiện tượng kỳ lạ này? Đến tận giữa những năm 1990, cách giải thích phổ biến nhất là do sự phân ly của tâm lý. Theo như lập luận này, nhận thức của một số người có thể được chia thành hai phần và mỗi phần đều không ý thức được về phần còn lại dù cùng thuộc một bộ não. Đây là một ý tưởng kỳ lạ nhưng lại nhận được rất nhiều sự ủng hộ, một phần vì đây là giả thuyết duy nhất vào thời điểm ấy. Đột nhiên, gần như tất cả mọi người đều được cho là sở hữu nhiều nhân cách khác nhau và cũng không lâu sau đó, ý tưởng này được nghiên cứu trong lĩnh vực tâm thần học. Nhiều bác sĩ đã khuyến khích bệnh nhân của mình thử viết tự động như một cách để kiểm tra những vấn đề ẩn sâu bên trong “tâm thức” của họ.

Mặc dù vậy, sau khi nghiên cứu rất nhiều những trường hợp kỳ lạ, một lần nữa, Dan Wegner là người đưa ra được một cách giải thích mới và hợp lý về hiện tượng viết tự động. Không giống với những diễn giải trước đó, ý tưởng của ông không liên quan gì đến hiện tượng nhiều nhân cách cùng tồn tại trong một con người. Nếu nghiên cứu của ông là chính xác, nó sẽ giải quyết được một trong những vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất trong lịch sử nghiên cứu khoa học.

Thoạt nhìn, ý chí tự do dường như không gây nên mâu thuẫn. Bạn quyết định di chuyển cổ tay của mình và cổ tay của bạn sẽ di chuyển. Bạn quyết định sẽ nhấc chân lên và điều đó sẽ thành hiện thực. Vậy thì có vấn đề gì ở đây? Ấy thế nhưng những thực tế đơn giản này lại ẩn chứa nhiều bí ẩn sâu xa.

Hầu hết các nhà khoa học đều tin rằng nhận thức là kết quả trực tiếp của những hoạt động diễn ra trong não bộ. Ví dụ, ngay lúc này, bạn đang đọc những dòng chữ này trên trang sách này. Ánh sáng đi qua mắt bạn sẽ kích hoạt những tế bào ở sau võng mạc. Sau đó, những tế bào này tiếp tục truyền tín hiệu đến phần vỏ não thị giác trong bộ não của bạn để giúp bạn nhận biết những chữ cái và từ ngữ. Tiếp đó, bộ phận này lại truyền tải những thông tin cần thiết đến phần khác của não bộ chịu trách nhiệm kết nối những từ đó lại và tạo thành ngữ nghĩa cho cả câu. Cả quá trình có vẻ rất phức tạp và khó hiểu, nhưng về cơ bản chúng đều diễn ra trong mắt và não bộ của bạn.

Nhưng khi một quyết định được đưa ra đột ngột, cơ chế này có vẻ không hợp lý cho lắm. Tôi đang chuẩn bị yêu cầu bạn đưa ra một quyết định. Bạn có thể đọc tiếp đoạn này hoặc đi pha một tách trà. Dù bạn chọn điều gì đi chăng nữa, tôi đoán chắc hẳn bạn không có cảm tưởng như não mình đã hoạt động. Bạn không cảm thấy đột nhiên máu dồn lên phần não trước, theo sau là sự thôi thúc ở bán cầu não trái. Thay vào đó, bạn cảm thấy “bạn” là người đưa ra quyết định chứ không phải một loạt những xung điện trong miếng thịt ở giữa hai tai.

Câu trả lời chặt chẽ và thông minh của Wegner cho bí ẩn này bao hàm việc chấp nhận rằng cảm giác “bản thân” bạn là người quyết định thực ra chỉ là một ảo giác tuyệt đẹp được tạo ra bởi não bộ¹⁷. Theo đó, não bộ đưa ra mọi quyết định trong cuộc đời bạn, ví dụ như bạn có đứng lên hay không, nói điều gì đó hay vẫy tay. Mặc dù vậy, ngay sau khi đưa ra quyết định, bộ não sẽ làm hai việc. Đầu tiên, nó gửi tín hiệu đến một phần khác của bộ não phụ trách việc tạo ra cái trải nghiệm có ý thức rằng một quyết định vừa được đưa ra, và thứ hai là nó sẽ trì hoãn những tín hiệu được truyền đến chân, tay hay mồm. Kết quả là “bạn” sẽ

nhận được tín hiệu "Mình vừa mới đưa ra quyết định", và thấy bản thân mình thực hiện các hành động ăn khớp với tín hiệu ấy, dẫn đến lầm tưởng rằng "bạn" đang là người nắm quyền kiểm soát. Tóm lại, bạn chỉ là một hồn ma ở trong một cỗ máy.

ẢO GIÁC BÀN TAY HỖ TRỢ

Nhiều năm về trước, tôi trình diễn ảo thuật trên những con phố khu Covent Garden ở London. Tôi chọn một người đàn ông trong đám đông khán giả và trùm một cái áo choàng lên người anh ta. Sau đó, tôi đứng ra phía sau người đàn ông, đặt hai tay anh ta ra sau lưng rồi thò hai tay của mình ra khỏi áo choàng. Đối với người xem, đó là hai tay của người đàn ông, nhưng thực tế, đó là tay của tôi. Vậy nên, tôi có thể trình diễn những tiết mục của mình và biến anh ta thành một ảo thuật gia chuyên nghiệp.

Nhà tâm lý học Daniel Wegner cũng sử dụng kỹ xảo tương tự để minh họa một khía cạnh thú vị của ý chí tự do. Để thực hiện điều này, bạn cần một cái gương và một người bạn. Hãy đứng ở trước gương và người bạn của bạn sẽ đứng ở phía sau bạn. Sau đó, cho hai tay của bạn ra sau lưng và bảo bạn mình thò tay ra từ vị trí ngay dưới cánh tay của bạn. Bây giờ hãy nhìn vào gương. Nếu mọi thứ đều trôi chảy thì tay của người bạn sẽ trông giống như tay của bạn vậy (nếu bạn gặp khó khăn trong việc tạo ra ảo giác này thì cả hai hãy thử cùng mặc đồ đen). Tiếp theo, người bạn sẽ đọc to những hướng dẫn sau và bạn sẽ phải hành động sao cho phù hợp với bàn tay *của họ*.

Nắm bàn tay phải của bạn thành nắm đấm ba lần.

Nắm bàn tay trái của bạn thành nắm đấm ba lần.

Vẫy chào người trong gương bằng tay phải của bạn.

Lật ngửa hai bàn tay lên rồi lại úp xuống.

Vỗ tay hai lần.

Vì bộ não của bạn nhận thấy rằng những phản hồi về mặt hình ảnh thuyết phục hơn những phản hồi từ hành động, nên bạn sẽ có cảm giác rằng tay của bạn mình là tay của mình và bạn hoàn toàn kiểm soát được chúng.

Để củng cố cho ý tưởng cảm giác của chúng ta về ý chí tự do chỉ là một ảo giác, Wegner đã phát triển rất nhiều thí nghiệm thông minh, trong đó phải kể đến nghiên cứu kỳ lạ được thực hiện bởi nhà tâm lý học Benjamin Libet đến từ Đại học California ở San Francisco vào những năm 1980¹⁸.

Hãy tưởng tượng mình có thể quay ngược thời gian và tham gia vào thí nghiệm của Libet. Sau khi đến phòng thí nghiệm và thưởng thức một tách trà ngon, bạn được đưa đến một căn phòng nhỏ và những điện cực sẽ được gắn lên đầu và cẳng tay của bạn. Sau đó, bạn sẽ được ngồi trước màn hình xem một chấm tròn di chuyển theo vòng tròn như mũi kim chỉ giây của đồng hồ vậy. Bạn có thể gấp cổ tay của mình bất cứ khi nào bạn muốn, nhưng sẽ phải báo lại vị trí của chấm tròn mỗi khi bạn quyết định sẽ thực hiện điều đó. Sau vài lần gấp tay, người thực hiện thí nghiệm sẽ tháo điện cực khỏi người bạn và cảm ơn bạn vì đã tham gia.

Cũng giống như nghiên cứu của Faraday về cái bàn dịch chuyển, thí nghiệm của Libet cũng rất đơn giản và cực kỳ thông minh. Thí nghiệm này được thiết kế để đo hoạt động ở não và cẳng tay của người tham gia nhằm xác định thời điểm người đó nghĩ rằng họ đã quyết định di chuyển cổ tay của mình, từ đó Libet có thể biết được chính xác những hành động này diễn ra khi nào. Dữ liệu đã cho thấy phần lớn những hoạt động của não diễn ra vào khoảng một phần ba giây *trước khi* người đó nói rằng họ quyết định di chuyển cổ tay của mình. Tóm lại, đúng như những gì Wegner dự đoán, não bộ dường như đã đưa ra quyết định trước khi bạn có thể nhận thức được điều đó.

Thí nghiệm này của Libet không phải là thí nghiệm duy nhất cho thấy bộ não luôn hoạt động trước khi chúng ta nhận ra

điều đó. Vào đầu những năm 1960, nhà tâm thần học và robot học William Grey Walter đã yêu cầu những người tham gia thí nghiệm của mình nhìn vào một màn chiếu và ấn nút để chuyển tiếp những trang trình chiếu cùng một lúc¹⁹. Họ được kết nối với nhiều thiết bị cảm ứng để đo hoạt động trong não và cử động ở tay. Những người tham gia không biết được rằng Grey Walter đã nối đầu ra của thiết bị cảm ứng trực tiếp vào máy chiếu để đảm bảo rằng hoạt động não của những người tham gia đã thay đổi những trang trình chiếu chứ không phải là những lần bấm nút. Và đúng như giả thuyết về ý chí tự do của Wegner, những người tham gia rất ngạc nhiên khi thấy trang trình chiếu dường như đoán trước được quyết định của họ.

Vậy những phát hiện này giải thích thế nào về khả năng viết tự động? Wegner tin rằng cơ chế “ra quyết định rồi tạo ra nhận thức về quyết định đó” ở một vài người có thể đã gặp trục trặc. Não bộ đã quyết định hành động, và truyền thông điệp đến các cơ bắp thích hợp nhưng lại không gửi được tín hiệu tạo ra nhận thức về việc “bản thân” đã ra quyết định. Điều này dẫn đến việc nhiều người đã viết ra nhưng không hề ý thức được về những ghi chép của mình. Wegner cho rằng hiện tượng này đã cung cấp những hiểu biết đặc biệt quan trọng về bản chất của ý chí tự do. Trong những trường hợp đó, ảo ảnh đột nhiên biến mất và chúng ta chợt nhận ra rằng bản thân chẳng khác gì những con robot. Khả năng viết tự động không phải là một màn biểu diễn kinh dị kỳ quái, mà thay vào đó phản ánh bản chất rất thật của hành vi hằng ngày của con người.

Những người theo Chủ nghĩa Duy linh tin rằng kỹ thuật nói chuyện với người chết của họ đã tạo ra một bước đột phá trong lĩnh vực khoa học. Họ đã nghĩ đúng, dấu rằng lý do cho suy nghĩ đó thì sai hoàn toàn. Những hiện tượng tưởng chừng

như là siêu nhiên này không liên quan gì đến chuyện liên lạc với các linh hồn, nhưng quả thật đã mang đến những hiểu biết rất quan trọng về tiềm thức con người. Những nghiên cứu khoa học về cái bàn dịch chuyển và bàn cầu cơ dẫn đến các khám phá về cử động vô thức, trong khi những thực nghiệm tương tự với con lắc cho thấy tại sao con người thường có xu hướng hành động theo chiều hướng mà họ đang cố gắng né tránh. Và những nghiên cứu về khả năng viết tự động đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp Wegner tìm ra câu trả lời thoả đáng cho vấn đề triết học đã tồn tại rất lâu về ý chí tự do. Kết hợp lại, những công trình ẩn tượng này đã cho thấy tiềm thức có vai trò lớn hơn rất nhiều so với chúng ta vẫn nghĩ trong việc quyết định hành vi của con người. Chỉ cần ta thoáng nghĩ đến một hành động, ngay lập tức, tiềm thức sẽ tự động chuẩn bị để cơ thể bạn có thể thực hiện hành động đó. Khi cố gắng tránh thực hiện hành vi ấy theo một cách nào đó, bạn đang cản trở cách thức hiệu quả mà tiềm thức kiểm soát hành động của bạn. Và cảm giác về ý chí tự do mà bạn đang cảm nhận chỉ là một ảo ảnh tuyệt đẹp. Cử động vô thức cho phép bạn có thể thực hiện hành động trong nháy mắt, “hiệu ứng dội ngược” giải thích tại sao rất nhiều người gặp khó khăn khi muốn bỏ thuốc lá hay thực hiện ăn kiêng, và câu trả lời của Wegner về vấn đề ý chí tự do cho thấy bộ não của bạn đã đưa ra quyết định từ một phần mấy giây trước khi bạn nghĩ rằng mình đã đưa ra quyết định đó. Tất cả những phát hiện này đều bắt nguồn từ chuyện hai cô bé buộc quả táo vào một sợi dây rồi bí mật thả xuống nền nhà, và lừa cả thế giới rằng ta hoàn toàn có thể nói chuyện với người chết.

Người ta cứ tưởng con người hiện đại sẽ không bị lừa bởi những cử động vô thức đằng sau hiện tượng chiếc bàn di động, bàn cầu cơ hay con lắc. Nghe thì rất tuyệt, nhưng đó không phải sự thực. Gần đây, một vài công ty khẳng định rằng họ đã phát

triển thành công một mẫu máy dò bom mới, và sản phẩm của họ đã được canh sát và quân đội sử dụng để tìm thuốc nổ, ma túy và vũ khí được giấu kĩ. Người dùng sẽ nhét một “thẻ phát hiện” làm từ vật chất đặc biệt vào trong thiết bị cầm tay rồi đi vòng quanh cho đến khi ăng ten chuyển động về hướng vật chất cần tìm kiếm. Chính phủ Iraq đã tiêu tốn hàng triệu bảng để mua hàng trăm thiết bị này, đưa vào sử dụng tại các chốt kiểm tra để thay thế hình thức kiểm tra vật lý thông thường rất tốn thời gian. Và cũng như những loại que dò khác, việc ăng ten đung đưa là do cử động vô thức của cơ bắp, và những bài kiểm tra thực hiện bởi quân đội Mỹ cho thấy thiết bị này không thể phát hiện ra chất nổ. Đáng tiếc, đến lúc ấy thì đã quá muộn và không thể cứu vãn được hàng trăm sinh mạng đã bị giết bởi bom mìn lọt qua được những chốt kiểm tra sử dụng loại thiết bị này. Năm 1853, Michael Faraday đã kết thúc nghiên cứu về hiện tượng cái bàn di chuyển của mình với tuyên bố rằng ông cảm thấy hổ thẹn vì công trình nghiên cứu này và ước rằng “ò thời đại này... đáng lẽ là việc đó không còn cần thiết nữa”. Hơn một trăm năm mươi năm sau, nghiên cứu của ông hơn lúc nào hết vẫn còn rất hợp thời.

Giờ nghỉ giải lao

Chúng ta sẽ nghỉ một chút ở đây trước khi lại tiếp tục cuộc hành trình, gặp gỡ Ngài Harry Price kiệt xuất, đi đến Đảo Man để nghiên cứu một con cầy Măng-gút biết nói và dùng chân tại Tòa án Tối cao.

Đến thời điểm này, chúng ta đã khám phá xem làm thế nào mà bói toán lại đưa đến những hiểu biết quan trọng về việc chúng ta nghĩ mình là ai, bằng cách nào mà trải nghiệm xuất hồn tiết lộ về cách thức mà não bộ quyết định rằng bạn đang ở đâu, làm thế nào mà những màn trình diễn khả năng dùng ý nghĩ dịch chuyển đồ vật chứng tỏ được rằng bạn không nhìn thấy rõ những điều đang diễn ra ngay trước mắt mình, và làm thế nào mà việc cố gắng nói chuyện với người chết lại cho thấy sức mạnh của tiềm thức con người. Đã đến lúc hít thở và nghỉ ngơi một chút trước khi chúng ta tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Mỗi khi có buổi nói chuyện về những điều huyền bí trước công chúng, tôi thường xuyên được đề nghị miêu tả nghiên cứu kỳ lạ nhất mà tôi từng trải qua. Rất dễ để đưa ra câu trả lời. Công trình nghiên cứu mà tôi lựa chọn không tạo nên bất kỳ khám phá lớn nào về hành vi con người hay những hoạt động cốt lõi nhất của não bộ. Thế nhưng, nó đã xuất hiện trên trang nhất của các tờ báo trên khắp thế giới, dẫn đến một phiên xử kỳ cục nhất tại Tòa án Tối cao trong lịch sử hệ thống pháp luật Anh Quốc, và cung cấp hiểu biết rất thú vị về những thái cực của tính cả tin ở con người.

Vậy nên, hãy ngồi xuống, thư giãn và tận hưởng nghiên cứu kỳ lạ nhất trong lịch sử khoa học siêu nhiên. Thưa các quý vị, tôi xin giới thiệu... một con cầy biết nói.

“Tôi là kỳ quan thứ tám của thế giới”

Có rất nhiều địa điểm trên thế giới này nổi tiếng vì những hoạt động huyền bí. Đảo Man không phải là một địa danh như thế. Trên thực tế, theo như Wikipedia, điều tuyệt nhất mà hòn đảo này có thể mang đến cho bạn là một linh hồn xấu xa đã từng thổi bay nóc của một nhà thờ, hồn ma chú chó mực lang thang vô định xung quanh một lâu đài ở địa phương, và một vài vị tiên. Nhưng, cũng như những trường hợp khác về khoa học siêu nhiên, đảo Man có nhiều điều thú vị hơn chúng ta thoát nhìn¹.

Năm 1916, James Irving đưa ra một quyết định kỳ lạ. Cảm thấy việc bán đàn piano càng ngày càng khó kiếm sống ở Liverpool, Irving nghĩ rằng tốt nhất là ông và vợ mình, Margaret, nên làm lại từ đầu trong vai trò những người nông dân, và nhanh chóng mua một mảnh đất nhỏ ở một trong những địa điểm tách biệt và ít người sống nhất trên trái đất. “Cashen’s Gap” là một trang trại nhỏ nằm trên một sườn núi lộng gió ở bờ biển phía tây của đảo Man. Nằm cách ngôi làng gần nhất năm dặm, trang trại không có điện và nước, và cách duy nhất để đi đến đây là leo qua một cung đường trơn trượt vẫn chưa được xây dựng. Sống một cuộc sống mà sự tồn tại của anh nông dân Jean de Florette trong bộ phim cùng tên so ra trông vẫn rất xa xỉ, James và Margaret Irving cảm thấy mọi thứ thật khó khăn và tồn tại nhờ thịt thỏ săn được bởi chó chăn cừu. Sau hai năm ở Cashen’s Gap, Margaret sinh hạ người con duy nhất của mình, Voirrey (trong tiếng Celtic có nghĩa là “đắng”).

Mùa đông năm 1928, James thêm những tấm gỗ vào bên trong căn nhà để ngăn cái lạnh cắt da cắt thịt. Những tấm vách được đặt cách tường một khoảng 7,6cm để giữ nhiệt tốt hơn.

Ngày 12 tháng 10 năm 1931, ông nghe thấy vài tiếng động lạ giống như tiếng động vật phát ra từ sau những tấm gỗ. Nghĩ rằng một con vật nhỏ bé nào đó đã bị mắc kẹt, James đặt vài cái bẫy, bỏ vào một ít chất độc rồi đi ngủ. Nhưng những tiếng động lạ vẫn tiếp tục trong vài ngày sau đó, và trong lúc tuyệt vọng, James đã giả tiếng chó sủa để lừa kẻ xâm nhập này ra ngoài. Ông cảm thấy rất ngạc nhiên và sửng sò khi con vật bí ẩn kia ngay lập tức sủa lại.

James kể lại mọi chuyện trong nhật ký và miêu tả hành động tiếp theo của mình:

Tôi nghĩ rằng nếu nó có thể tạo ra những tiếng kêu kỳ lạ đó thì chắc nó cũng có thể tạo ra những âm thanh khác, và tôi tiếp tục giả tiếng của những loài khác rồi gọi tên của loài đó ngay sau đó. Sau vài ngày, tôi chỉ cần gọi tên chính xác một loài vật hay một loài chim là nó có thể ngay lập tức kêu tiếng kêu của loài đó. Tiếp đó, con gái tôi thử với những bài đồng dao, và nó cũng không gặp khó khăn gì để lặp lại những bài đồng dao ấy. Chất giọng này cao hơn giọng con người khoảng hai quãng tám... và khả năng nghe của nó cũng rất đáng kinh ngạc. Nó có thể nghe thấy những lời thì thầm từ khoảng cách 4,5 đến 6m, và nhắc lại chính xác những gì bạn đã nói.

Cả gia đình bắt đầu nói chuyện với người bạn mới và cuối cùng sinh vật bí ẩn này cũng tiết lộ thông tin về mình. Nó là Gef, một con cây Măng-gút biết nói. Nghe khá vô lý nhưng Gef giải thích rằng nó không giống những con cây khác. Nó cũng khẳng định rằng nó sinh năm 1852 ở New Delhi, đồng thời khoe khoang rằng nó “rất rất thông minh” và là “kỳ quan thứ tám của thế giới”.

Gef đã chứng tỏ mình là một người bạn rất thú vị. Nó có thể nhại lại những bài đồng dao, kể chuyện cười, và nói chuyện bằng nhiều thứ tiếng. Nó là một con vật chứa đầy những điều bất ngờ. Ví dụ, vào một tối tháng 7 năm 1934, James miêu tả trong nhật ký của mình rằng Gef đã hát ba đoạn trong Quốc ca của đảo Man “bằng một giọng rất cao và rõ ràng; rồi đến hai đoạn bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếp đó nữa là một đoạn bằng tiếng xứ Wales; rồi một lời nguyện cầu bằng tiếng Do Thái thuần (không phải tiếng của người Do Thái hay được dùng ở châu Âu); và kết thúc bằng một bài diễn văn dài bằng tiếng Hà Lan”. Nhà Irving cho Gef ăn thịt ngỗng, xúc xích và chuối. Đôi lại, Gef bắt thỏ và dồn xác thỏ vào một hòn đá gần đó cho nhà Irving.

Mặc dù việc nói chuyện với Gef khá dễ dàng, nhưng lại rất khó để có thể nhìn thấy nó. Voirrey là người duy nhất đã nhìn thấy Gef và sau đó miêu tả nó “nhỏ cỡ một con chuột với bộ lông màu vàng và có một cái đuôi rậm rạp khá lớn”. Margaret cũng khẳng định đã chọc vào Gef qua một khe hở trên bức tường, nhưng không sẵn lòng làm lại lần nữa vì nó đã cắn ngón tay của bà và hút máu.

Những tin tức về Gef sau đó lan truyền khắp hòn đảo, và chẳng mấy chốc đã có một lượng lớn những người đến gõ cửa, mong muốn được trò chuyện với người bạn mới của gia đình nhà Irving. Chưa đến một năm, câu chuyện về những điều kỳ lạ đang xảy ra ở Cashen's Gap đã vượt qua cả biên giới Ireland để đến Anh Quốc, và rất nhiều phóng viên từ Anh đã lặn lội xa xôi để đến trang trại của nhà Irving với hy vọng có thể được nhìn thấy Gef. Năm 1932, một phóng viên của tờ *Manchester Daily Sketch* là một trong số ít những người có may mắn được phỏng vấn Gef:

Chú chồn bí ẩn đã nói chuyện với tôi ngày hôm nay. Tôi đã được nghe một giọng nói mà tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình có thể nghe được từ cổ họng của một người nào đó. Những ai khẳng định rằng đó là giọng của một con chồn kỳ lạ đều có vẻ là những người đúng mực, thật thà, có trách nhiệm và không có vẻ sẽ dính dáng đến một trò đùa dài hơi, nhiều khó khăn và không có lợi ích thực tế... Chú chồn thậm chí còn cho tôi lời khuyên để chọn người chiến thắng trong giải đua ngựa toàn quốc!

Khi những tin tức về Gef lan đến Mỹ, đại diện của một hãng phim đã ngay lập tức đưa ra lời đề nghị trị giá 50.000 đô la cho gia đình nhà Irving để sở hữu bản quyền làm phim. Nhà Irving từ chối. Bất chấp điều đó, chú cầy biết nói Gef vẫn có thể chinh phục cả thế giới.

Harry Price: Người thợ săn ma phi thường

Tôi rất thích Harry Price. Với tôi, ông giống như một anh hùng vậy. Chủ yếu hoạt động vào những năm 1930, Price dành cả cuộc đời mình cho những nghiên cứu khoa học về những điều kỳ lạ dưới sự bảo trợ của “Phòng thí nghiệm Quốc gia về Nghiên cứu Tâm linh”, nơi tiến hành một loạt những cuộc nghiên cứu vừa chiều lòng được giới truyền thông vừa chọc những người tin tưởng và hoài nghi tức điên lên. Ông đã vạch trần những thợ chụp ảnh linh hồn nổi tiếng là lừa đảo (chủ yếu là do hiệu ứng phơi sáng kép), đã kiểm tra những thứ “vật chất” được tạo ra bởi những thầy đồng cô đồng (chủ yếu là lòng trắng trứng), dàn dựng lại nghi lễ cổ xưa để biến một con dê thành một nam thanh niên (con dê vẫn là con dê), và ghi hình “Karachi” vĩ đại khi ông đang cố biểu diễn tiết mục Sợi dây thừng Ấn Độ huyền thoại (mà thực ra là ông Arthur Derby đến từ Plymouth điều khiển bằng tay một sợi dây thừng rất cứng cáp ở Wheathampstead, Hertfordshire). Tuy nhiên, theo ý kiến của tôi, nghiên cứu tuyệt nhất của ông chính là bài kiểm tra về Gef.

Năm 1932, một người bạn của nhà Irving đã viết thư cho Price, miêu tả những sự kiện lạ lùng đang diễn ra ở Cashen's Gap, và hỏi liệu ông “có thể phỏng vấn con vật bé nhỏ đó” không. Price gửi thư cho James Irving và hai người bắt đầu thư từ qua lại một cách thân mật. Irving liên tục mời Price đến hòn đảo nhưng Price không muốn thực hiện một chuyến đi dài nên đã nhờ bạn của mình, một quân nhân được gọi là Đại úy James McDonald, đến đó.

McDonald đến Cashen's Gap vào ngày 12 tháng 2 năm 1932. Ngày đầu tiên ông đến trang trại, Gef im lặng bất thường

cho đến tận nửa đêm, khi McDonald chuẩn bị rời đi đến khách sạn, và ông nghe thấy một câu chào đặc trưng nhất của những người đảo Man với giọng một con cầy hét lên: “Người đàn ông quái quỷ đó là ai?”

Ngày tiếp theo, Irving giải thích rằng Gef đã nói chuyện khá nhiều đêm qua nhưng thật không may là nó cảm thấy không thích McDonald ngay từ ánh nhìn đầu tiên. Thực ra, chú cầy đã yêu cầu McDonald phải hét lên: “Tôi tin vào bạn, Gef!” nếu muốn quan hệ giữa họ có thể tiếp tục. McDonald làm theo và được chào đón bằng một sự im lặng lạnh lùng và có phần xấu hổ.

Sau đó, McDonald tình cờ nghe thấy Voirrey và Margaret đang nói chuyện với Gef ở tầng trên, vậy nên ông hét lên: “Bạn sẽ xuống đây chứ? Tôi tin bạn!”

“Không,” Gef gào lên. “Tôi ko thích ông!”

Là một người điều tra kiên định, McDonald im lặng rón rén đi lên tầng trên, nhưng không may trong một giây phút vụng về đã trượt chân tại một bậc cầu thang lỏng lẻo và ngã xuống phía dưới gây ra tiếng động lớn. Gef ngay lập tức biến mất và không xuất hiện trở lại trong suốt thời gian McDonald ở trang trại. McDonald trở về London và báo cáo lại đầy đủ với Price.

Tháng 3 năm 1935, James Irving gửi cho Price một mẫu lông được cho là được bứt ra từ người của Gef. Price hào hứng gửi ngay mẫu này đến cho nhà tự nhiên học F. Martin Duncan để phân tích, nhưng đã rất thất vọng khi nhận được kết quả:

Tôi có thể khẳng định chắc chắn rằng mẫu lông này không bao giờ có thể mọc trên cơ thể của một con cầy, hay kể cả

một con chuột, thỏ, thỏ rừng, sóc hay bất kỳ động vật gặm nhấm nào. Tôi đang thiên về ý nghĩ rằng những sợi lông này được lấy từ một con chó có bộ lông dài.

Sự nghi ngờ của Price bây giờ dồn vào con chó chặn cửa của nhà Irving, Mona. Mặc dù vậy, vì cũng bị thu hút bởi báo cáo của McDonald, ông quyết định phối hợp với người đồng nghiệp Richard Lambert và tự mình đến tận nơi để thực hiện cuộc nghiên cứu. Ngày 30 tháng 7 năm 1935, hai nhà nghiên cứu dừng cảm đã đến đảo Man và phải rất vất vả để trèo được tới Cashen's Gap. Đến nơi khi đã tối muộn, James và Margaret giới thiệu họ với Voirrey ("bây giờ đã là một cô gái mười bảy tuổi đáng yêu") rồi mọi người quây quần bên một cái bàn nhỏ trong phòng ăn được bao quanh bởi những tấm ván tối màu để đợi Gef. James có giải thích rằng Gef đã mấy ngày không xuất hiện và hiện tại rất khó có thể gặp được.

Không quá bận tâm, Price và Lambert nói chuyện với bốn bức tường xung quanh phòng, giải thích rằng họ đã đi quãng đường rất xa để đến đây nên xứng đáng được nghe "một vài từ, một tiếng cười khẽ, một tiếng hét, một tiếng kêu hay đơn giản chỉ là những tiếng cào". Không gì cả. Sáng hôm sau Price và Lambert một lần nữa trở lại trang trại và được dẫn đi quan sát thêm những tấm ván giúp Gef không bị nhìn thấy từ phòng này sang phòng khác. Một lần nữa, họ cầu xin sinh vật tự nhận mình là kỳ quan thứ tám của thế giới xuất hiện. Một lần nữa, không gì cả. Cuối cùng, hai nhà nghiên cứu dừng cảm cũng phải rời đi và không thể xác định được liệu "họ đã tham gia vào một tấn hài kịch hay bi kịch". Sau đó James Irving có gửi thư cho Price và kể rằng Gef đã xuất hiện trở lại vào tối hôm hai người rời đi và giải thích nó đã "đi nghỉ vài ngày".

Năm 1936, Price và Lambert đã tường thuật lại cuộc điều tra về Gef trong một cuốn sách mà hiện tại đã trở nên vô cùng quý hiếm, *The Haunting of Cashen's Gap: A Modern "Miracle" Investigated* (Bóng ma ở Cashen's Gap: Cuộc điều tra về một "phép màu" thời hiện đại). Mặc dù không khẳng định rõ ràng rằng nhà Irving đã dựng lên toàn bộ câu chuyện, nhưng Price và Lambert không còn hứng thú với trường hợp này, và kết luận rằng chỉ có những người nhẹ dạ cả tin nhất mới tin vào sự tồn tại của Gef.

Nhiều người đã tin rằng cuốn sách của hai ông đã đặt dấu chấm hết cho toàn bộ câu chuyện ở đây. Thực tế, cuốn sách đã cho chú cầy biết nói Gef một khởi đầu mới ở một nơi không tưởng – Toà án Tối cao Anh Quốc.

Sự thật, toàn bộ sự thật, và không gì ngoài sự thật

Richard Lambert, người cộng sự và cũng là người đứng sau sự vụ về Gef cùng với Price là một nhân vật có tầm ảnh hưởng. Ông là biên tập viên sáng lập tờ *The Editor* và cũng đồng thời nắm giữ vị trí chủ chốt trong ban điều hành của Học viện Điện ảnh Anh Quốc (British Film Institute – BFI) mà vào thời điểm ấy hoạt động dưới sự bảo hộ của đài BBC. Vào đầu năm 1936, Trung tá Cecil Bingham Levita – thành viên nổi bật của Hội đồng Hạt Thành phố London – đang ăn trưa cùng với người trợ lý điều hành chương trình của BBC và gợi ý rằng Lambert không phù hợp để làm việc tại BFI vì đã tin vào chuyện một con cây biết nói. Khi những đánh giá này tới tai Lambert, ông đã đâm đơn kiện vị trung tá vì đã hủy hoại danh tiếng cá nhân của mình.

Vụ việc được đưa ra Tòa án Tối cao vào ngày 4 tháng 11 năm 1936 trước Thẩm phán Swift và một bồi thẩm đoàn đặc biệt được triệu tập. Mỗi thành viên của bồi thẩm đoàn được cung cấp một bản của cuốn *The Haunting of Cashen's Gap*. Levita phản đối lời cáo buộc của Lambert và nhấn mạnh rằng ông không hề phát ngôn ra những lời đó, mà nếu như có đi nữa, thì đó cũng là những lời nói có cơ sở rõ ràng. Lambert phản đối, khẳng định rằng cuốn sách đã trình bày chính xác quan điểm của ông và không có chuyện ông chứng thực về sự tồn tại của Gef hay bất kỳ một con cây biết nói nào khác. Để giữ gìn danh tiếng của Lambert, Thẩm phán Swift xử ông thắng và được bồi thường thiệt hại 7.500 bảng (tương đương với khoảng 350.000 bảng ngày nay). Cuối phiên xét xử, Lambert vui mừng kí tặng lên những cuốn sách của bồi thẩm đoàn.

Phiên toà cũng vô tình dẫn đến hai hệ quả to lớn. Xuyên suốt vụ việc, một vấn đề nổi lên là trưởng ban Quan hệ Công chúng ở BCC đã cố gắng khuyên can Lambert từ bỏ hành động chống lại Levita vì “vị thế của chính ông tại tập đoàn”. Sau đó, những câu hỏi cũng được đưa ra trước Quốc hội, và các chính trị gia xem đây như một ví dụ nữa về sự quản lý yếu kém bên trong nội bộ của BBC. Thủ tướng Stanley Baldwin sau đó đã mở một cuộc điều tra chính thức, dẫn đến việc tổ chức này phải từ bỏ “mạng lưới của những mối quan hệ” và bắt đầu chính thức áp dụng những cuộc phỏng vấn việc làm và quá trình tuyển chọn minh bạch hơn. Thứ hai, việc các phương tiện truyền thông đại chúng liên tục đưa tin về vụ việc này đã khiến những con cầy trở thành vật nuôi phổ biến khắp Anh Quốc.

Sau cùng, Gef cứ thế biến mất. Năm 1970, nhà văn Walter McGraw đã tìm đến Voirrey và phỏng vấn bà về toàn bộ câu chuyện. Mặc dù rất mong muốn giữ kín nơi mình đang sống, Voirrey khẳng định rằng Gef thực sự đã tồn tại và thường xuyên nói chuyện với bà. Bà nhớ lại chú cầy thông minh đó đã đi xa trong một quãng thời gian rất dài rồi đến một ngày không bao giờ xuất hiện trở lại nữa. Voirrey buồn bã nói rằng Gef không tạo ra ảnh hưởng tích cực lên cuộc đời bà: “Gef thậm chí đã khiến tôi không thể kết hôn. Làm sao mà tôi có thể kể với gia đình của một người đàn ông những gì đã xảy ra?” Voirrey mất vào năm 2005.

Năm 1937, Cashen’s Gap được bán lại cho Ngài Graham và gia đình nhà Irving quay trở lại nước Anh. Graham chưa bao giờ nghe hay được nhìn thấy Gef. Năm 1947, người chủ mới của Cashen’s Gap khẳng định rằng ông đã giết một con vật kỳ lạ không phải chồn sương hay chồn ecmin. Lời khẳng định của ông chưa bao giờ được xác minh và bộ lông của con thú đó cũng không được phân tích. Cashen’s Gap đã bị phá huỷ vào những

năm 1950, nhưng bí ẩn về Gef vẫn sống mãi. Gef có một trang Facebook, và một trang web chuyên về những vấn đề huyền bí gần đây đã đề xuất rằng nó có thể là “một thực thể siêu nhiên đến từ chiều không gian khác hoặc một thực thể được tạo thành từ các loại năng lượng mà chúng ta chưa thực sự hiểu”.

Có lẽ những lời cuối cùng của câu chuyện hoàn toàn phi lý này nên dành cho Gef. James Irving đã từng miêu tả rằng ông trách móc Gef như thế nào vì đã mất quá nhiều thời gian để tính có bao nhiêu đồng xu trong mười bảy đô la và sáu cent. Kì quan thứ tám của thế giới tự phong này đã đáp lại bằng một câu trả lời đầy ẩn ý, mà với tôi, là rất phù hợp để tóm gọn lại toàn bộ sự việc này một cách êm đẹp:

“Bộ đếm phía sau của tôi không hoạt động.”

5. Sản ma

Ở phần này, chúng ta sẽ dành một chút thời gian quý báu với một phù thủy già, khám phá tại sao những nhà nghiên cứu yêu tinh từng khiến một ngôi nhà sụp đổ, gặp gỡ bóng ma không tồn tại ở Ratcliffe Wharf, học cách để nhìn thấy một hồn ma và nghiên cứu sức mạnh tâm lý của lời đề xuất.

Có một câu chuyện cười đã cũ thế này. Một giảng viên đại học hỏi những sinh viên của mình: “Đã có ai nhìn thấy một hồn ma chưa?” Mười lăm sinh viên giơ tay lên. Tiếp theo, người giảng viên lại hỏi: “Vậy thì, ai đã chạm được vào một hồn ma rồi?” Lần này chỉ còn năm cánh tay giơ lên. Tò mò, người giảng viên tiếp tục: “Được, vậy ai đã thực sự hôn một hồn ma rồi?” Một cậu trai trẻ ngồi ở giữa hội trường chậm rãi giơ cánh tay của mình lên, nhìn xung quanh một cách lo lắng rồi hỏi: “Em xin lỗi, nhưng thầy nói là con ma hay con dê ạ?”

May mắn thay, kết quả của những cuộc khảo sát toàn quốc cho thấy những phát hiện rất rõ ràng. Những khảo sát ý kiến trong khoảng 30 năm trở lại đây cho thấy luôn có khoảng 30% số người được hỏi tin rằng có ma và khoảng 15% khẳng định đã trải nghiệm những điều ma quái ít nhất một lần¹. Câu hỏi bổ sung cũng tiết lộ rằng những trải nghiệm gặp ma này không liên quan đến những nhân vật đội ga trắng đi xuyên tường, người phụ nữ mặc đồ đen gieo rắc chết chóc và sự hủy diệt, bộ xương nhảy múa ngoài nghĩa địa hay kỳ sĩ không đầu cùng với những sợi xích loảng xoảng. Mặc dù những hình ảnh này thường xuyên xuất hiện trong những câu chuyện ma và phim kinh dị, thế nhưng trong thực tế, hiện thân của ma quỷ bình thường hơn rất nhiều.

Một đồng nghiệp của tôi, James Houran, đã thực hiện rất nhiều nghiên cứu về bản chất của những trải nghiệm ma quái này. James là một anh chàng thú vị. Ban ngày, anh chàng nhân viên thống kê điểm dặm này làm việc cho một trang web hẹn hò nổi tiếng trên Internet, thiết lập những hàm toán để tăng khả năng tương thích giữa các cặp đôi. Đến tối, Houran trở về cuộc sống thực sự của một người trừ ma, tiến hành nghiên cứu và khảo sát để giải quyết những bí ẩn về hồn ma. Cách đây vài năm,

anh ấy đã phân tích gần một nghìn trường hợp để khám phá xem mọi người nói gì khi họ nghĩ mình đã gặp được những linh hồn².

Dữ liệu của Houran cho thấy rất hiếm có những trường hợp hồn ma hiện nguyên hình một cách rõ ràng. Thực tế, chỉ có khoảng 1% đã thấy điều đó và trong những trường hợp ấy, bóng ma thường xuyên xuất hiện ở dưới chân giường khi con người đang tỉnh dậy hoặc đang thiêu thiêu ngủ. Hồn ma thường có vẻ ngoài giống con người và chỉ bộc lộ bản chất ma quái của mình một cách rõ ràng khi thực hiện một điều gì đó không tưởng như đột nhiên biến mất hay đi xuyên qua tường.

Vậy nếu như mọi người không nhìn thấy nguyên hình của những hồn ma thì họ đã thấy gì khi gặp chúng? Khoảng một phần ba trường hợp trong báo cáo của Houran có liên quan đến những hiện tượng về thị giác trong một khoảnh khắc, ví dụ như một tia sáng đột ngột lóe lên, làn khói kỳ lạ hay những cái bóng bí mật di chuyển quanh phòng. Một phần ba những trường hợp khác thì liên quan đến âm thanh lạ như tiếng bước chân trong một căn phòng trống, lời thì thầm ma quái hay tiếng động, tiếng gõ cửa không thể giải thích được. Và một phần ba còn lại là tổng hợp của nhiều những cảm giác khác nhau như mùi hương kỳ lạ của bông hoa hay khói thuốc lá, cảm giác có sự hiện diện ma quái, cảm thấy lạnh sống lưng, những cánh cửa tự động đóng hoặc mở, đồng hồ chạy rất nhanh hoặc rất chậm hay những chú chó trở nên ồn ào hay im lặng bất thường.

Hơn một thế kỷ nay, các nhà khoa học vẫn đang cố gắng để giải thích những trải nghiệm kỳ lạ này. Một số người tin chắc rằng nghiên cứu của họ cung cấp những bằng chứng thuyết phục về thế giới bên kia. Những người khác thì bị thuyết phục rằng cảm giác tưởng chừng siêu nhiên này thực tế có thể giải thích

được. Thí nghiệm của họ là sự kết hợp kỳ lạ của những nghiên cứu đột phá về giấc mơ, cắm trại bên ngoài những căn nhà bị ma ám, làm rung những cây kiếm thi đấu, ngồi trong bóng tối để chờ Chúa, rung chuyển những tòa nhà cho đến khi chúng sụp đổ và dàn dựng những trò lừa đảo ở quy mô lớn.

Hành trình của chúng ta đến thế giới bí ẩn này sẽ bắt đầu với trải nghiệm gặp ma được xem là phổ biến nhất.

Henry Fuseli và con ngựa vô cảm

Năm 1781, họa sĩ vẽ tranh sơn dầu người Thụy Sĩ Henry Fuseli đã hoàn thành tác phẩm nổi tiếng nhất của mình. Được đặt tên là *The Nightmare*, bức tranh miêu tả một người phụ nữ đang gặp một con ác mộng và chi tiết về trải nghiệm kinh khủng này của cô ấy. Trong tranh, người phụ nữ đang nằm say ngủ và gục đầu khỏi thành giường. Một con quỷ nhỏ xấu xa đang ngồi trên ngực cô gái và chăm chú nhìn ra bên ngoài bức tranh. Khung cảnh phía sau bức tranh là hình ảnh một cái đầu ngựa với đôi mắt vô cảm xuất hiện sau tấm rèm và đang nhìn chăm chăm người phụ nữ với vẻ đe dọa.

The Nightmare lập tức đạt được những thành công lớn ngay từ lần đầu tiên được trưng bày ở Học viện Hoàng gia London, nhanh chóng nhận được sự công nhận trên toàn thế giới và hiện đang được sử dụng trên trang bìa của hầu hết các cuốn sách học thuật về những hiện tượng huyền bí. Vài năm sau, Fuseli có vẽ thêm một phiên bản khác của tác phẩm này nhưng bị đánh giá là không đạt được những hiệu ứng về mặt cảm xúc như bản gốc, một phần bởi vì con quỷ trông như đang đeo mặt nạ Người Dơi trong khi con ngựa thì nhìn như vừa mới trúng số độc đắc.

Bức tranh của Fuseli có lẽ đã mô tả trải nghiệm thường gặp nhất trong các trường hợp gặp ma: sự xuất hiện của quỷ incubus. Theo như truyền thuyết, quỷ incubus có hình dạng như một người đàn ông và thường cưỡng hiếp phụ nữ đang ngủ bằng dương vật to lớn và lạnh khác thường của mình (phù thủy Merlin trong truyền thuyết về vua Arthur thường được cho là “kết quả” của sự gặp gỡ này). Quỷ incubus ngồi lên ngực của

nạn nhân để không cho họ chuyển động và bắt đầu thực hiện hành vi thú tính của mình trong khi những con quỷ khác đứng xem bên cạnh. Không bỏ qua một ai, chúng cũng có thể lấy hình dạng người phụ nữ – quỷ succubus và quyến rũ những người đàn ông đang ngủ (có lẽ là không có sự trợ giúp của một cái dương vật to lớn và lạnh bất thường). Những con quỷ này đã xuất hiện trong nhiều nền văn hoá khác nhau. Ở Đức, con quỷ này được gọi là “mare” hay “Alpdruck” (“yêu tinh của sự áp lực”), ở Czechoslovakia chúng là “muera”, và người Pháp gọi chúng là “cauchemar”.

Mặc dù rất dễ dàng để tin rằng những trải nghiệm ma quỷ về đêm thế này có lẽ là hiện tượng siêu nhiên được quan tâm nhất vào thời kì Fuseli vẽ bức tranh này, nhưng liệu có chắc chắn được rằng những điều này còn tồn tại ở thế kỷ 21? Thực tế, những khảo sát gần đây cho thấy khoảng 40% số người được hỏi đã trải qua những cảm giác y hệt như thế, cụ thể là cảm thấy có vật nặng đè lên ngực mình khi thức dậy, cảm thấy có sự hiện diện của ma quỷ và nhìn thấy một hình dáng kỳ lạ ở trong bóng tối³. Những điều này thường được hiểu như là bằng chứng về sự tồn tại của ma quỷ hay thậm chí là do người ngoài hành tinh bắt cóc. Bất kể mọi người nhìn nhận chúng thế nào, có một điều rõ ràng ở đây – chúng vẫn là những trải nghiệm đáng sợ và không thể nào quên ngay cả với con người thời hiện đại.

Trong hàng thế kỷ, những người đã đối mặt với ma quỷ vào ban đêm vẫn tin rằng họ đã trải qua địa ngục trần gian. Chỉ đến khoảng năm mươi năm trở lại đây, nghiên cứu đã phát hiện ra sự thật bất ngờ đằng sau những sự hiện hình của ma quỷ này.

Eugene Aserinsky, người luôn muốn khám phá không ngừng

Năm 1951 có vẻ đã không khởi đầu suôn sẻ với nhà tâm lý học Eugene Aserinsky đến từ Đại học Chicago⁴. Trong công việc, nghiên cứu sau tiến sĩ của ông về chuyển động mắt của những em bé đang ngủ tiến triển rất chậm và không đem lại thành quả. Trong chuyện gia đình, Aserinsky cũng gặp khó khăn về mặt tài chính. Gia đình ông buộc phải sống trong một căn hộ nhỏ lạnh lẽo và ông chỉ đủ tiền để thuê một người đánh máy mà ông cần để thực hiện công việc của mình. Nhiều năm sau, ông kể lại trạng thái tuyệt vọng mà ông phải đối mặt:

Nếu như tôi muốn tự tử, có lẽ đó là thời điểm thích hợp. Tôi đã kết hôn và có một đứa con. Tôi làm việc ở trường đại học mười hai năm rồi nhưng thành quả vẫn chưa đạt được nhiều. Tôi thực sự đã xong rồi.

Thêm vào đó, ông cũng đang đi con đường hoàn toàn không hấp dẫn với phần lớn những đồng nghiệp khác. Hầu hết những người ở học viện thời điểm đó đều cho rằng não bộ sẽ tạm nghỉ ngơi khi con người chìm vào giấc ngủ và sẽ hoạt động trở lại khi thức dậy nên không ai có chung niềm hứng thú với Aserinsky về khía cạnh tâm lý của giấc ngủ. Mặc dù vậy, Aserinsky vẫn muốn khám phá xem cách tiếp cận “cứ tiếp tục, không có gì ở đây cả” đối với bộ não khi ngủ liệu có đúng hay không. Không thể tìm được nhiều tài trợ, ông tìm thấy một chiếc máy đo sóng não cũ (gọi là “điện não đồ”) ở dưới tầng hầm của khoa, mang lên văn phòng và cố gắng để làm nó hoạt động. Không may thay, một vấn đề lớn vẫn chưa được giải quyết – khi không có đủ số tiền tài trợ cần thiết, ai sẽ tình nguyện ngủ qua đêm không công trong

phòng thí nghiệm về giấc ngủ của Aserinsky với đầy những thiết bị cảm biến xung quanh? Cuối cùng thì ông cũng xoay xở được một giải pháp sáng tạo đối với vấn đề này. Trong một đêm lạnh lẽo tháng 12 năm 1951, ông dẫn cậu con trai tám tuổi Armond của mình đến ngủ tại phòng thí nghiệm, kết nối thiết bị cảm biến đo những chuyển động của mắt và sóng não vào mắt và đầu của Armond rồi rời khỏi văn phòng.

Khoảng một giờ sau đó, Armond chìm vào giấc ngủ và thí nghiệm bắt đầu. Trong 40 phút đầu tiên, Aserinsky cẩn thận theo dõi những đầu bút phác lại kết quả thu được từ máy đo điện não đồ. Khi không thấy có chuyển động nào, ông rất thất vọng, và có vẻ như cộng đồng khoa học đã đúng khi không đa động gì đến chủ đề bộ não khi đang ngủ. Khoảng 20 phút sau, những đầu bút bắt đầu di chuyển mạnh, cho thấy một khối lượng vận động lớn đo được từ những thiết bị cảm biến ở mắt và sóng não. Nghĩ rằng con trai của mình đã thức giấc, Aserinsky đi kiểm tra xem liệu cậu bé có ổn không. Khi mở cửa phòng thí nghiệm ông đã không thể tin được vào mắt của mình. Con trai ông vẫn đang ngủ say.

Thoạt đầu, Aserinsky cho rằng những dụng cụ thí nghiệm bị lỗi và bắt đầu kiểm tra một số lượng lớn những chi tiết làm bằng chì ở đầu vào và đầu ra của máy điện não đồ. Không phát hiện ra vấn đề nào đáng kể. Ngày hôm sau, ông đưa những biểu đồ này cho người hướng dẫn xem và ông này cũng cho rằng chắc hẳn là máy móc bị trục trặc ở đâu đó và bảo Aserinsky hãy thực hiện thí nghiệm lại một lần nữa để kiểm tra mọi thứ kĩ càng hơn. Lần này, toàn bộ thiết bị hệ thống đã được kiểm tra kĩ càng. Vài đêm liên tục theo dõi giấc ngủ của Armond đã thuyết phục được Aserinsky rằng khám phá của ông là chính xác. Ở một vài thời điểm nhất định trong đêm, khi đang ngủ, bộ não hoạt động

tích cực một cách đáng ngạc nhiên và đầy bí ẩn. Những kết quả sau đó cũng cho thấy hoạt động đột ngột này của não bộ luôn đi cùng với cử động rất nhanh ở mắt và Aserinsky gọi đây là giai đoạn “REMs” (Rapid Eye Movements) (ban đầu ông muốn gọi đây là “jerky eye movements” (cử động mắt giật cục) nhưng lo ngại về những nghĩa bóng không hay của từ “jerk”). Không những thế, bất cứ khi nào Aserinsky đánh thức những người tham gia thí nghiệm vào ngay sau giai đoạn REM, gần như tất cả mọi người đều cho biết họ đã có một giấc mơ.

Tháng 9 năm 1953, Aserinsky và người hướng dẫn của ông đã đăng những phát hiện của mình trong một bài báo mà bây giờ đã trở thành kinh điển có tên *“Những giai đoạn mắt tự chuyển động diễn ra đều đặn trong giấc ngủ và các hiện tượng kèm theo”*, và thay đổi ngành tâm lý học mãi mãi⁵. Những nhà nghiên cứu đột nhiên nhận ra rằng có nhiều thứ để khám phá về não bộ trong trạng thái ngủ hơn họ vẫn tưởng, và Aserinsky đã tìm được ra ra con đường tiến vào thế giới đầy bí ẩn của những giấc mơ. Giống như một nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh lúc sau này, phát hiện này giống như việc khám phá ra “một châu lục mới ở trong bộ não”, và những nhà khoa học ở khắp mọi nơi bỗng dưng đều háo hức muốn khám phá thế giới mới này. Điều kỳ lạ là Eugene Aserinsky lại không nằm trong số đó. Là một nhà khoa học khác thường và luôn không ngừng muốn khám phá, ông rời khỏi Đại học Chicago ngay sau khi hoàn thành thí nghiệm đột phá của mình để nghiên cứu ảnh hưởng của dòng điện lên cá hồi.

Đi ngủ và có thể sẽ nằm mơ – HUI! Đó là vấn đề khó khăn nhất

Ngày nay những nhà nghiên cứu đã xác định được năm giai đoạn khác nhau của giấc ngủ.

Ngay sau khi ngủ, bạn sẽ bước vào giai đoạn đầu tiên được gọi bằng một cái tên rất sáng tạo: “Giai đoạn 1”. Thời điểm này não bộ vẫn còn hoạt động rất tích cực và tạo ra sóng não ở tần số cao gọi là sóng “Alpha”. Xuyên suốt giai đoạn này, mọi người thường sẽ gặp hai loại ảo giác là ảo ảnh nhập miên (thường xảy ra khi con người bắt đầu chìm vào giấc ngủ) và ảo ảnh mơ màng (thường xảy ra lúc tỉnh dậy). Cả hai loại đều dẫn đến rất nhiều hiện tượng về thị giác khác nhau, ví dụ như những đốm sáng bất kỳ, những vệt sáng, những hoạ tiết hình học, và cả những con vật bí ẩn cùng những hình dáng con người. Những hình ảnh này thường đi cùng với những âm thanh kỳ lạ như tiếng đổ vỡ, tiếng bước chân, những lời thì thầm, một đoạn diễn văn. Điều thú vị là những trải nghiệm này vẫn được hiểu nhầm là do sự hiện diện của những hồn ma hàng trăm năm nay.

Vượt qua được những sự sợ hãi tiềm tàng ở “Giai đoạn 1”, bạn sẽ đến “Giai đoạn 2”. Bộ não của bạn vẫn chưa ngơi nghỉ, vẫn thi thoảng bùng nổ những hoạt động trong khoảng thời gian rất ngắn gọi là “các đợt sóng nhanh”. “Giai đoạn 2” kéo dài trong khoảng 20 phút và thi thoảng có dẫn đến những tiếng lầm bầm hay thậm chí là nói mơ. Một cách chậm rãi, bạn chìm sâu tiếp vào – bạn đoán đúng rồi – “Giai đoạn 3”. Lúc này, cơ thể và não bộ của bạn đã bắt đầu thư giãn và sau khoảng 20 phút, bạn cuối cùng cũng tiến vào trạng thái sâu nhất của giấc ngủ... Trong “Giai đoạn 4”, não bộ hoạt động ít nhất nên sóng não phát ra chỉ

là sóng “Delta” chậm chạp. Bạn có thể mộng du hoặc đắm chìm trong giai đoạn này.

Sau khoảng 30 phút ở “Giai đoạn 4”, một điều rất lạ sẽ xảy ra. Não của bạn nhanh chóng thực hiện lại ba giai đoạn đầu tiên rồi tiến vào một trạng thái bí ẩn. Trạng thái này có mức độ hoạt động cao ngang ngửa với những gì diễn ra ở “Giai đoạn 1”, nhưng nhịp tim của bạn trở nên nhanh hơn, hơi thở trở nên nông hơn, và mắt bạn sẽ di chuyển rất nhanh – điều đã hấp dẫn Aserinsky nhiều năm về trước. Bây giờ thì bạn đang mơ. Mọi người đều trải qua giai đoạn REMs này khoảng năm lần mỗi đêm, mỗi lần kéo dài trung bình khoảng hai mươi phút. Mặc dù nhiều người nghĩ rằng họ không nằm mơ, nhưng nếu như họ thức giấc ngay sau khi trải qua giai đoạn REMs, nhiều khả năng họ sẽ có thể kể lại giấc mơ của mình. Không phải chúng ta không mơ, mà là chúng ta không nhớ được giấc mơ của mình vào mỗi sáng.

Những nghiên cứu tiếp theo chỉ ra rằng có hai điều kỳ lạ diễn ra khi chúng ta mơ. Đầu tiên, cơ quan sinh dục bắt đầu hoạt động, với sự cương cứng ở nam giới và sự gia tăng chất nhờn ở âm đạo ở nữ giới. Phát hiện này được nhìn nhận là một sự đột phá vào những năm 1960, nhưng một vài nhà nghiên cứu lập luận rằng hiệu ứng này đã được khám phá ra từ rất lâu trước đó rồi và chỉ ra ví dụ về những bức vẽ trong hang động ở Lascaux từ 17.000 năm trước đã miêu tả một thợ săn người Cro-Magnon đang ngủ mơ với dương vật cương cứng (nhưng mà cũng có thể anh ta chỉ rất vui mừng với việc săn bắn mà thôi). Thứ hai, mặc dù não bộ và cơ quan sinh dục hoạt động mạnh trong suốt giấc mơ, nhưng những cơ quan còn lại của cơ thể thì không. Thực tế, phần thân não của bạn đã ngăn không cho cơ thể và tay chân cử động nhằm tránh cho bạn hành động theo như giấc mơ của mình và có thể làm tổn hại đến bản thân.

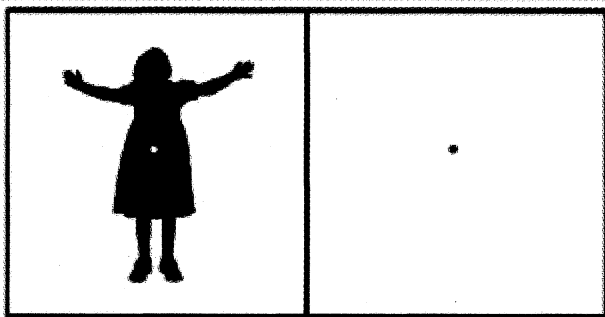
Não bộ có thể đánh lừa bạn rằng bạn đã nhìn thấy dư ảnh của một hồn ma, thì cũng có thể khiến cho bạn nghĩ rằng mình đã bắt gặp thực thể xấu xa nào đó. Khi chuyển dịch giữa “Giai đoạn 1” và trạng thái REMs, não của bạn thì thoáng bị bối rối, dẫn đến việc bạn sẽ thấy ảo giác nhập miên và ảo giác mơ màng ở “Giai đoạn 1”, cùng với sự gợi dục và tê liệt toàn thân tạm thời khi ở trạng thái REMs. Sự kết hợp đáng sợ này làm cho bạn cảm thấy như thể có một vật nặng đè lên ngực và ghim chặt mình xuống giường, cảm thấy (và thì thoảng nhìn thấy) một hoặc hai thực thể xấu xa, và tin rằng bạn đã quan hệ tình dục theo một cách thức rất kỳ cục.

Trong hàng thế kỷ, phần đông công chúng vẫn tin rằng rằng họ đã bị tấn công bởi ma quỷ hay người ngoài hành tinh. Những nhà khoa học nghiên cứu về giấc ngủ không những đã tiết lộ bản chất thật của những trải nghiệm này mà còn tìm ra cách tốt nhất để xua đuổi những thực thể này ra khỏi giường ngủ của bạn. Có lẽ cũng không ngạc nhiên lắm, giải pháp này không dính dáng đến việc tụng kinh, vẩy nước thánh hay việc trừ tà phức tạp. Thực tế, điều duy nhất bạn phải làm là cố gắng hết sức để có thể cựa quậy một ngón tay hay chớp mắt một cái. Chỉ cần một hành động dù nhỏ nhất cũng sẽ giúp não bạn chuyển từ trạng thái REMs về “Giai đoạn 1” của giấc ngủ, và trước khi bạn nhận ra điều đó thì bạn đã tỉnh dậy và vẫn sống sót an toàn.

Những ai tin vào chuyện ma quỷ bây giờ đã phải chấp nhận rằng quỷ incubus không phải là một bằng chứng cho địa ngục, mà chỉ là một mảnh khốe thông minh của tâm trí. Mặc dù vậy, thay vì từ bỏ niềm tin vào sự tồn tại của ma quỷ, họ tập trung sự chú ý của mình vào một vấn đề nhìn chung còn phức tạp hơn – đó là rất nhiều người đã nhìn thấy ma khi họ đang hoàn toàn tỉnh táo.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRIỆU HỒI NHỮNG LINH HỒN

Ngay bây giờ bạn có muốn nhìn thấy một hồn ma không? Nếu có, hãy nhìn chăm chú vào chấm tròn trắng nhỏ ở hình bên trái trong khoảng ba mươi giây, sau đó chuyển sang nhìn vào chấm tròn nhỏ màu đen ở ô trống bên tay phải. Sau một vài giây, bạn sẽ thấy một người phụ nữ bí ẩn màu trắng xuất hiện ở trước mắt. Nếu như bạn lặp lại quá trình này, nhưng nhìn vào một bức tường trắng thay vì ô vuông nhỏ như hình, bạn sẽ thấy một bóng ma khổng lồ xuất hiện trên bức tường.



Hình ảnh hồn ma mà bạn vừa thấy (và nhiều người sẽ còn tiếp tục thấy hình ảnh này trong vài phút tới – tôi rất xin lỗi về điều này) được những nhà tâm lý học gọi là “du ảnh”. Nhận thức về màu sắc của con người hoạt động dựa trên ba hệ thống. Mỗi hệ thống được xây dựng trên hai màu. Một hệ thống dựa trên dải màu đỏ-xanh lá cây, một dựa trên dải màu xanh dương-vàng và cuối cùng là dải màu

đen-trắng. Trong mỗi một hệ thống, hai màu là đối lập nhau và không thể được nhìn thấy đồng thời. Ví dụ, khi ánh mắt và bộ não của bạn nhìn thấy màu đỏ, phần “đỏ” của hệ thống đỏ-xanh lá cây được kích hoạt, đồng thời làm bạn mất khả năng nhìn thấy bất kỳ thứ gì màu xanh lá cây tại thời điểm ấy (điều này giải thích tại sao bạn không bao giờ nhìn thấy một màu kiểu như xanh dương ngả vàng hay xanh lá cây ngả đỏ).

Khi bạn nhìn chăm chú vào hình ảnh màu đen lúc này, bạn đã vô thức ức chế tế bào thần kinh phụ trách hệ thống “đen-trắng” trong một quãng thời gian tương đối dài. Sau đó, khi bạn chuyển sự chú ý sang hình ô vuông trống không, những tế bào thần kinh được kích hoạt. Mặc dù vậy, vì những tế bào này vừa ở trạng thái tĩnh nên sau khi được kích hoạt sẽ trở nên quá khích, tạo điều kiện hình thành hiệu ứng đối ngược dẫn đến dư ánh màu trắng mà bạn thấy.

Bông hồng không có gai

Cung điện Hampton Court có một lịch sử lâu đời và gây nhiều tranh cãi. Vào đầu những năm 1500, Tổng giám mục vùng York, Giáo chủ Hồng y Thomas Wolsey đã dành bảy năm trong cuộc đời mình và đầu tư hơn 200.000 đồng vàng để xây một cung điện phù hợp cho nhà vua. Vài năm sau khi hoàn thành dự án, Wolsey đã không còn nhận được sự sủng ái của vị vua đang trị vì lúc ấy, Henry VIII, và cảm thấy việc tặng cung điện yêu thích này của mình cho gia đình Hoàng gia sẽ rất có nhiều lợi ích về mặt chính trị. Henry vui vẻ chấp thuận lời đề nghị từ tể của Wolsey, cho mở rộng cung điện để đảm bảo có đủ chỗ cho cả ngàn cận thần của mình rồi nhanh chóng chuyển vào. Cung điện này sau đó tiếp tục là nơi ở của một vài vị vua và hoàng hậu nổi tiếng nhất của Anh Quốc trước khi mở cửa cho công chúng tham quan vào giữa thế kỷ 19. Ngày nay, cung điện Hampton Court là một trong những di tích lịch sử nổi tiếng nhất ở Anh, đón hơn nửa triệu khách du lịch mỗi năm.

Cung điện này nổi tiếng vì rất nhiều điều. Đây là nơi lưu giữ những tác phẩm nghệ thuật vô giá trong bộ sưu tập Hoàng gia, sở hữu một trong những đại sảnh được bảo tồn tốt nhất tại Anh từ thời trung cổ và luôn tự hào về nhà bếp khổng lồ được thiết kế theo phong cách thịnh hành thời Tudor có thể nấu cho 600 người ăn hai lần trong một ngày. À, còn một điều nữa. Đây cũng là một trong những địa điểm bị ma ám nhiều nhất ở Anh. Đường như có rất nhiều linh hồn đang ám cung điện này. Ta có thể kể đến một “quý cô mặc đồ xám” thường xuyên đi qua sân sau, một “người phụ nữ mặc đồ xanh” không ngừng tìm kiếm đứa con mất tích của mình, và bóng ma của một con chó sống trong thư phòng của Wolsey. Mặc dù cuộc cạnh tranh rất

khốc liệt, nhưng hồn ma nổi tiếng nhất ở Hampton Court là Catherine Howard.

Đây cũng là lẽ đương nhiên khi những gì ghi chép về các mối quan hệ vị vua Henry VIII không được tốt đẹp lắm. Ông lừa dối người vợ đầu tiên, cho chém đầu người thứ hai, người vợ thứ ba đã mất khi đang sinh cho ông người con trai duy nhất, và ông li dị người thứ tư. Ông đã làm một việc mà ngay cả người cổ vấn về hôn nhân nhiều kinh nghiệm nhất cũng phải nhúu mày. Năm 49 tuổi, Henry đã si mê một cô hầu gái 19 tuổi tên là Catherine Howard. Chỉ sau một thời gian ngắn tán tỉnh, Henry cưới Howard và tuyên bố rộng rãi rằng cô là “bông hồng không có gai” của mình.

Vài tháng sau khi kết hôn, Howard thấy mình đang chìm đắm trong tình yêu. Đáng tiếc, người cô yêu không phải là người chồng Henry mà là chàng cận thần trẻ Thomas Culpepper (theo nhiều ghi chép, anh chàng này nổi tiếng là một “hầu cận trong phòng ngủ”). Những đồn đại về chuyện ngoại tình của họ cuối cùng cũng đến tai Henry và ông nhanh chóng quyết định sẽ lấy cái kéo làm vườn để cắt đi bông hồng yêu thích của mình. Nghe phong thanh được tin dữ, Catherine trở nên lo lắng, chạy đến chỗ Henry để cầu xin được tha mạng nhưng đã bị cận vệ Hoàng gia cản lại, kéo lê qua những hành lang của cung điện để trở về phòng. Vài tháng sau, cả Thomas Culpepper và Catherine Howard đều bị chém đầu tại Tháp London.

Người ta đồn rằng hồn ma của Catherine Howard đã ám đoạn hành lang mà cô bị kéo lê đi ngược với ý nguyện của mình. Khoảng đầu thế kỷ trước, khu vực này của cung điện bắt đầu trở thành địa điểm gắn liền với những trải nghiệm ma quái, ví dụ

như có người bắt gặp một “người phụ nữ mặc đồ trắng” hay có khi nghe thấy những tiếng hét không thể lý giải được.

Tháng 1 năm 2001, một nhân viên làm việc ở cung điện đã gọi điện cho tôi, nói rằng những hiện tượng kỳ lạ liên quan đến Howard gần đây ngày càng nhiều và hỏi liệu tôi có hứng thú điều tra sự việc này không⁶. Mong muốn có thể tận dụng cơ hội này để khám phá thêm về những chuyện ma ám, tôi nhanh chóng chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm, tập hợp một đội nghiên cứu, in ra hàng trăm bản khảo sát, đổ đầy xăng xe và hướng thẳng đến cung điện cho một cuộc điều tra năm ngày.

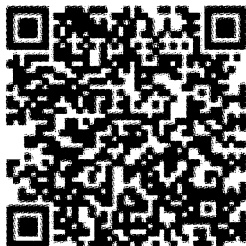
Ban quản lý cung điện đã tổ chức một buổi họp báo để công bố việc khởi động nghiên cứu của tôi, và đã thu hút được sự chú ý của các phóng viên từ khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi quyết định sẽ chia buổi họp báo thành hai phần, với người đại diện của cung điện sẽ giới thiệu ngắn gọn lịch sử bị ma ám ở phần một, rồi một quãng nghỉ ngắn, rồi đến lượt tôi sẽ miêu tả sơ qua về cuộc điều tra sắp tới. Một nhà sử học làm việc ở cung điện bắt đầu bằng cách kể cho khán phòng đầy ắp phóng viên điều gì đã xảy ra khi Henry gặp Cathy. Trong giờ nghỉ, tôi ra ngoài để hít thở và một chuyện vô cùng kỳ cục đã xảy ra. Một chiếc xe ô tô bên trong có hai thiếu niên đang chuẩn choáng từ từ đi qua tôi. Một trong hai người đã hạ cửa sổ xuống và ném trứng vào tôi. Quả trứng vỡ bung bét trên áo tôi. Tôi không kịp thay áo mà chỉ cố lau đi những vết trông tệ nhất rồi quay trở lại buổi họp báo. Khi tôi phát biểu được vài phút, một phóng viên đã chú ý đến vết bẩn trên áo của tôi, cho rằng đó là chất nhầy được những người hầu đồng tạo ra khi gọi hồn, anh ta hỏi tôi liệu có phải Catherine Howard đã làm điều đó với tôi. Tôi trả lời: “Đúng vậy. Đây sẽ là một trường hợp khó khăn hơn tôi tưởng lúc đầu”. Mặc dù chỉ là một lời nói đùa, nhưng bình luận này của tôi về sau lại hoàn toàn chính xác.

Trước cuộc thí nghiệm, tôi đã yêu cầu những người quản lý đưa cho mình sơ đồ tầng có dãy hành lang lưu giữ những ký ức bất hạnh của Catherine Howard. Sau đó, tôi được gặp Ian Franklin, người bảo vệ đã cẩn thận liệt kê lại các báo cáo về những lần nhân viên và khách du lịch gặp những hiện tượng bất thường trong suốt cả trăm năm qua. Tôi yêu cầu ông ấy bí mật đánh dấu X vào sơ đồ tầng nhà để chỉ ra đâu là chỗ mà mọi người hay trải nghiệm những điều đó. Để tránh mọi thiên kiến, không một ai trong đội nghiên cứu kể cả tôi biết được đâu là chỗ mà Ian đã đánh dấu.

Suốt ngày hôm đó, nhiều nhóm du khách cũng đã trở thành những thợ săn ma. Sau khi nghe tôi tóm tắt sơ qua về dự án của mình, mỗi một người tham gia sẽ được phát một sơ đồ tầng nhà để trắng và được yêu cầu đi dọc hành lang và đánh dấu “X” vào bất kỳ chỗ nào họ đã gặp phải những hiện tượng bất thường (cơ bản là giống như đang chơi trò “chỉ ra con ma”). Đến tối, chúng tôi cài đặt rất nhiều loại cảm biến, đặc biệt là một cảm biến nhiệt trị giá 60.000 bảng ở hành lang với hy vọng có thể bắt gặp được Catherine.

Mọi việc trong ngày điều tra đầu tiên thật tệ, rất nhiều du khách đã đến nhầm hành lang khác và rồi thắc mắc tại sao sơ đồ tầng nhà rất thiếu chính xác. Ngày thứ hai, có một người phụ nữ tự nhận là Catherine Howard đầu thai tìm đến chúng tôi, nói rằng cô đặc biệt có thể cung cấp góc nhìn thứ nhất trong quá trình nghiên cứu (“Thực tế, tôi bị kéo lên chứ không phải kéo xuống hành lang”, “Tôi không chắc liệu mình có ưng màu sơn mới trong nhà bếp không”, v.v...) Vào ngày thứ ba, một đoàn làm phim đến từ Brazil đã cố gắng ghi hình dãy hành lang bị ám nhưng người dẫn chương trình đột nhiên lo lắng cực độ và rời khỏi cung điện trước khi hoàn thành công việc. Và ngày

thứ tư đặc biệt thú vị. Đội nghiên cứu (bao gồm cả kiếp sau của Catherine Howard) tập trung vào buổi sáng như thường lệ và kiểm tra dữ liệu từ cảm biến nhiệt của đêm hôm trước. Ngay lập tức, có thể thấy rõ được rằng có điều gì đó bất thường đã xảy ra khi biểu đồ nhiệt cho thấy một sự thay đổi nhiệt độ lớn vào khoảng 6 giờ sáng. Chúng tôi nóng lòng tua lại đoạn ghi hình từ cảm biến nhiệt để xem liệu có hình ảnh của Catherine hay không. Đúng 6 giờ sáng, cánh cửa ở cuối hành lang đột nhiên mở ra và một người bước vào. Người đầu thai của Catherine Howard ngay lập tức nhận ra đó là một người trong đoàn tùy tùng của vua Henry VIII. Mặc dù vậy, chỉ vài giây sau tất cả mọi thứ trở nên rất đáng ngờ khi chúng tôi thấy người đó đi đến một cái kệ, dịch chuyển máy hút bụi rồi bắt đầu làm sạch những tấm thảm. May mắn thay, những dữ liệu sau đó của cuộc điều tra đã tiết lộ rất nhiều điều.



Đoạn ghi hình lại "bóng ma" từ cảm biến nhiệt

www.richardwiseman.com/paranormality/ThermalGhost.html

Đầu tiên, những người tin vào ma quỷ sẽ thường trải nghiệm nhiều cảm giác kỳ lạ hơn những người nghi ngờ. Điều thú vị là những cảm giác kỳ lạ này không xuất hiện đều khắp nơi dọc dãy hành lang mà chỉ tập trung ở một vài khu vực nhất định. Thú vị hơn nữa, những khu vực này trùng với những chỗ Ian Franklin đã đánh dấu dựa trên phân tích của những báo cáo trước đây. Xuyên suốt quá trình làm việc, cả đội nghiên cứu và

những người tình nguyện đều không biết những vị trí này, vậy nên đây rõ ràng là một bằng chứng đanh thép chứng tỏ có điều gì đó khác thường đã xảy ra.

Chúng tôi cũng thu được kết quả tương tự khi thực hiện điều tra những địa điểm bị ma ám khác. Và một lần nữa, những người tin tưởng vào các hiện tượng huyền bí có xu hướng gặp ma nhiều hơn những người không tin tưởng, và cảm giác kỳ lạ này thường chỉ diễn ra ở những nơi vốn nổi tiếng là bị ám. Khi tôi chất lại đồ lên xe và chào tạm biệt Catherine Howard giả mạo dù có ý tốt nhưng vô cùng phiền phức, vẫn còn một câu hỏi luẩn quẩn trong tâm trí tôi. Tại sao?

Cỗ máy bên trong hồn ma

Khi dành thời gian để xem các website về săn ma hay đọc sách về những chuyện bị ma ám, bạn sẽ nhanh chóng bắt gặp “Giả thuyết đá ghi hình” (“Stone Tape Theory”). Theo những người khởi xướng ra giả thuyết này, hồn ma là kết quả của việc những tòa nhà đã ghi hình rồi sau đó phát lại những sự việc trong quá khứ. Nói một cách khác, hồn ma không đơn giản chỉ đi qua tường mà thực chất chúng là một phần của bức tường. Ý tưởng này rất hấp dẫn về mặt cảm xúc, nhưng nhìn từ khía cạnh khoa học, có ba vấn đề lớn. Đầu tiên, ý tưởng này thực tế là một sản phẩm hư cấu. Tháng 12 năm 1972, BBC phát sóng câu chuyện ma vào mùa Giáng sinh tên là *The Stone Tape*. Được sáng tác bởi Nigel Kneale (và cũng là tác giả của chương trình *Quatermass* tuyệt vời), câu chuyện kể về một nhóm nhà khoa học tiến hành điều tra một ngôi nhà cổ bị ma ám. Sau đó, họ khám phá ra rằng những tảng đá ở bên trong một căn phòng có khả năng ghi lại những sự kiện ở quá khứ, và những hồn ma thực ra chỉ là những thước phim được quay lại. Tò mò khám phá thêm nữa, đội nghiên cứu tiến hành thêm nhiều thử nghiệm khác nhau và (cũng giống như cách mà những nhà khoa học trong các tác phẩm viễn tưởng vẫn hay xử lý những điều mà họ không chắc chắn) vô tình giải phóng một thế lực tà ác vào thế giới. Vấn đề thứ hai với lý thuyết này là nó hoàn toàn vô lý – như chúng ta đã biết thì không thể có chuyện những dữ kiện về một sự việc nào đó có thể được lưu trữ bên trong kết cấu của một toà nhà. Và vấn đề cuối cùng – nhìn từ khía cạnh khoa học thì đây có lẽ là trở ngại lớn nhất – đó là không có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy ý tưởng này là đúng.

Rất may, nhiều nhà khoa học khác đã tìm ra cách lý giải

hợp lý hơn cho những âm thanh kỳ lạ vang lên trong đêm. Vào những năm 1950, Ngài G. W. Lambert, chủ tịch Hội Nghiên cứu Tâm linh đã gợi ý rằng câu trả lời không nằm ở những bức tường bên trong những ngôi nhà bị ám mà nằm ở sự chuyển động tự nhiên của Trái Đất và mạch nước ngầm nằm sâu bên dưới nền móng của chúng⁸.

HỒI!

Nhà nghiên cứu tâm linh Tony Cornell đã thực hiện một khối lượng rất lớn những công trình hấp dẫn về những điều chưa được biết đến, nhưng có lẽ công trình kỳ lạ nhất của ông là loạt nghiên cứu để đánh giá độ tin cậy của những nhân chứng xác nhận mình đã nhìn thấy hồn ma⁹. Ý tưởng rất đơn giản. Đầu tiên, Cornell và đồng nghiệp của mình sẽ hoá trang thành những hồn ma, chia nhau ra đứng ở nhiều địa điểm công cộng khác nhau vào buổi tối, và thu hút sự chú ý của những người qua đường. Tiếp theo, những thành viên khác trong đội sẽ phỏng vấn những nhân chứng này và đánh giá mức độ chính xác trong câu trả lời của họ. Tuy nhiên, cũng giống như những trường hợp nghiên cứu về khoa học siêu nhiên khác, rất khó có thể thực hiện được ý tưởng này.

Trong thí nghiệm đầu tiên của họ, Cornell trùm lên mình tấm vải trắng và đi loanh quanh trong một công viên tối tăm ở trung tâm Cambridge trong mấy tối liền. Mặc dù có khoảng 80 người ở vị trí có thể nhìn thấy hồn ma giả này, thế nhưng không ai có vẻ như đã nhận ra điều kỳ lạ đang diễn ra. Bản khoản không biết liệu kết quả đáng thất vọng có phải là do thiếu ánh sáng, Cornell lại một lần nữa khoác tấm vải trắng lên người và lần này dành vài tối để đi vòng quanh một nghĩa trang được chiếu sáng đầy đủ ở Cambridge. Có tổng cộng 90 xe ô tô, 40 người đạp xe và 12 người đi bộ đi qua, nhưng chỉ có 4 người chú ý đến con ma. Hai trong số bốn người này được phỏng vấn, và một

người nói ông nghĩ rằng “con ma” là một phần của một dự án nghệ thuật trong khi người còn lại bình luận rằng người ở dưới tấm vải “chắc là bị điên”. Trong nỗ lực cuối cùng để được chú ý đến, Cornell liên hệ với một rạp chiếu phim địa phương và sắp xếp để dàn dựng một cảnh con ma di chuyển trước màn hình ngay trước khi trình chiếu một bộ phim xếp hạng X (“không phù hợp với trẻ em”). Khán giả sau đó được hỏi hãy giơ cánh tay lên nếu như họ thấy điều gì đó bất thường, và có đến một phần ba số khán giả đã không chú ý đến hồn ma giả này. Thông tin những người nhìn thấy hồn ma đưa ra đều không chính xác, bao gồm miêu tả về một cô gái trẻ mặc váy mùa hè, một người phụ nữ mặc áo choàng, và một con gấu Bắc Cực thông thả đi qua màn hình.

Khám phá của Cornell cho thấy nếu người chết thực sự đang đi lại giữa những người bình thường, họ nên mặc một bộ đồ nổi bật để người khác có thể dễ dàng nhận ra.

Gauld và Cornell tìm được một ngôi nhà sắp bị phá huỷ và xin hội đồng địa phương cho họ sử dụng nó vì mục đích nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc. Bộ đôi này bắt đầu bằng việc chuẩn bị một cái máy rung công suất lớn ngay cạnh bức tường của ngôi nhà. Tiếp theo, họ vắt một sợi dây thừng dài qua ống khói và buộc một vật nặng vào phần cuối của sợi dây. Rồi họ liều lĩnh vào trong nhà và cẩn thận bố trí 13 “vật thử” ở những căn phòng khác nhau, ví dụ như một viên bi trên sàn trong một căn phòng và một tách trà cùng với một cái đĩa nhỏ ở trên kệ trong một phòng khác. Sau khi hoàn tất việc chuẩn bị, bộ đôi chuyển sang giai đoạn hai của thí nghiệm.

Gauld chọn vị trí ở trong nhà và Cornell ở phía ngoài với cái máy rung khổng lồ. Cả ngôi nhà rung lên nhưng không có một vật thử nào dịch chuyển dù chỉ một cm. Cornell sau đó đã thiết kế để nâng vật nặng ở cuối sợi dây thừng lên và đập vào phần hông của tòa nhà. Lần này, tất cả những vật thử cũng vẫn không dịch chuyển. Ngày hôm sau, Gauld và Cornell trở lại tòa nhà, nâng máy rung lên nấc 11, và cuối cùng cũng làm cho tách trà bị xoay đi trên cái đĩa nhỏ. Sau đó, bộ đôi năng nổ này bố trí lại máy rung để có thể đạt được hiệu ứng lớn hơn và chọn một vị trí trong nhà để thực hiện bài kiểm tra cuối cùng. Ngay khi một người đồng nghiệp điều chỉnh công suất của máy rung lên tối đa, Gauld và Cornell liền cảm thấy cả ngôi nhà rung chuyển. Vụn đất đá bắt đầu rơi xuống từ ống khói, những tấm nhựa rơi xuống từ trần nhà, và một lỗ hổng lớn xuất hiện trên tường trong một phòng ngủ. Sau quãng thời gian mà họ miêu tả “là một trong những trải nghiệm kinh hoàng nhất khi lần theo dấu vết của ma quỷ”, hai nhà nghiên cứu đứng trên sàn quan sát và thấy rằng kể cả dưới những tác động mạnh như vậy nhưng cũng chỉ có một vài vật thử dịch chuyển (một cái cốc nhựa dùng trong phòng thí nghiệm bị đổ, tách trà và cái đĩa nhỏ rơi khỏi kệ và một con lừa

bằng thạch cao dịch chuyển chỉ một phần mấy cm ra khỏi bức tường). Sau khi mạo hiểm cả mạng sống của mình để nghiên cứu khoa học, Gauld và Cornell kết luận rằng giả thuyết của Lambert không hợp lý.

Lambert không phải là người duy nhất cho rằng những câu chuyện ma quỷ có thể là do rung động mạnh. Trong cuốn sách *Quirkology* của mình, tôi cũng đã đề cập đến một ý tưởng khác được phát triển bởi kỹ sư điện Vic Tandy¹⁰. Năm 1998, Tandy đang làm việc trong một phòng thí nghiệm nổi tiếng là bị ma ám. Làm việc một mình ở phòng thí nghiệm cho đến khuya muộn vào một tối tháng 8, anh bắt đầu cảm thấy ngày càng không thoải mái và có linh cảm rằng đang bị ai đó theo dõi. Khi anh từ từ quay người lại thì thấy một bóng hình màu ghi không rõ ràng xuất hiện chậm rãi từ bên trái tầm nhìn ngoại vi của mình. Mặc dù cảm thấy sợ hãi, Tandy cuối cùng vẫn đủ can đảm để nhìn thẳng vào hình bóng ấy. Ngay lúc đó, cái bóng mờ dần và biến mất.

Tandy cũng là một người đam mê với kiểm thuật và ngày hôm sau anh đã mang thanh kiếm dùng để thi đấu của mình đến phòng thí nghiệm để sửa. Khi anh ta cố định cái kiếm vào một cái kẹp, cái kiếm bắt đầu rung động rất mạnh. Mặc dù ban đầu cảm thấy khá bối rối, nhưng về sau anh cũng tìm ra được nguyên nhân là do điều hoà ở trong phòng đã tạo ra một dao động sóng ở tần số thấp dưới ngưỡng nghe của con người. Những sóng này được gọi là “hạ âm”, dao động trong khoảng tần số 17Hz, và có khả năng tạo ra những hiệu ứng lạ. Tandy cho rằng ở những toà nhà được cho là bị ám, một số hiện tượng tự nhiên, ví dụ như những cơn gió mạnh thổi qua cửa sổ để mở hay tiếng ồn từ những phương tiện giao thông ở gần đó, có thể sinh ra sóng hạ

âm và tạo cho người ta cảm giác kỳ lạ mà họ thường hay nhầm tưởng đó là do sự tồn tại của những linh hồn.

Có một số bằng chứng củng cố cho ý tưởng của Tandy. Cụ thể, vào năm 2000, anh điều tra về một căn hầm được xây dựng từ thế kỷ mười bốn ở thành phố Coventry nổi tiếng là bị ma ám, và đã tìm thấy sóng hạ âm ở một phần của căn hầm mà rất nhiều người xác nhận là đã thấy hồn ma hiện hình ở đó¹¹. Cũng như tôi đã nhấn mạnh trong *Quirkology*, những nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng con người thường có những trải nghiệm kỳ lạ khi ở trong môi trường có nhiều sóng âm ở tần số thấp. Mặc dù giả thuyết này có thể giải thích một vài trường hợp được cho là hành động của ma quỷ, nhưng những điều kiện cần thiết như gió mạnh, những khung cửa sổ có hình dạng đặc biệt và tình hình giao thông ở gần đó có vẻ như chỉ chiếm phần nhỏ trong vô số những trường hợp bị ma ám.

Đương nhiên, để giải thích sự hiện diện của những linh hồn dưới góc độ khoa học, sóng hạ âm không phải là lý do duy nhất...

Đội chờ Chúa

Nhà tâm lý học về lĩnh vực thần kinh Michael Persinger đến từ Đại học Laurentian, Canada tin rằng những trải nghiệm ma quái được tạo nên do trục trặc của não bộ, và còn gây tranh cãi hơn nữa, ông cho rằng những cảm giác kỳ lạ này có thể được kích hoạt dễ dàng bằng cách tạo ra một từ trường yếu ở bên ngoài hộp sọ¹².

Trong một thí nghiệm điển hình của Persinger, những người tham gia được đưa đến phòng thí nghiệm và được yêu cầu ngồi một cách thoải mái trên một chiếc ghế. Sau đó họ bị bịt mắt, đội một cái mũ lên đầu và được yêu cầu thư giãn trong khoảng 40 phút. Trong suốt khoảng thời gian này, những cuộn dây kim loại được giấu ở bên trong mũ sẽ tạo ra một từ trường cực kỳ yếu xung quanh khu vực đầu của người tham gia. Từ trường này có lúc tập trung ở phần bên phải của đầu, có khi được đổi tập trung sang bên trái và thi thoảng là xung quanh toàn bộ phần đầu. Cuối cùng, bịt mắt và mũ sẽ được tháo ra và những người tham gia được yêu cầu hoàn thành một bản khảo sát để xem liệu họ có cảm giác gì kỳ lạ không, ví dụ như cảm thấy có một sự hiện diện nào đó, một hình ảnh sinh động, mùi hương kỳ lạ, cảm thấy hưng tình hay gặp mặt trực tiếp với Chúa.

Sau nhiều năm thực hiện thí nghiệm, Persinger khẳng định rằng khoảng 80% số người tham gia đánh dấu vào ô “Có” của ít nhất một trong những trải nghiệm ở trên, và một vài người thậm chí còn chọn ô “Tất cả những điều trên”. Nghiên cứu này đã xuất hiện trong rất nhiều bộ phim tài liệu về chủ đề khoa học, dẫn đến việc có một vài người dẫn chương trình và nhà báo đã đội chiếc mũ thần kì của Persinger lên đầu với mong muốn gặp được

Chứa. Trong hầu hết trường hợp, họ đã không phải thất vọng. Nhà cận tâm lý học Sue Blackmore đã cảm thấy như thể có cái gì đó đang giữ lấy chân cô rồi dựng thẳng lên tường, theo ngay sau đó là một cơn giận dữ bùng nổ (đây cũng chính là cảm giác của tôi nếu như có ai đó giữ lấy chân tôi rồi kéo lên trên tường). Nhà báo của *Scientific American* đồng thời cũng là một người hoài nghi những hiện tượng huyền bí, Micheal Shermer, cũng có khoảng thời gian kỳ lạ tương tự như vậy dưới ảnh hưởng của cái mũ điện, cảm thấy có ai đó đang đuổi theo sau mình rồi sau đó là cảm giác mình bị lôi ra khỏi chính cơ thể. Tuy nhiên, không phải toàn bộ những người tham gia đều trải qua những điều kỳ lạ như vậy, khi Richard Dawkins – nhà sinh học tiến hoá và cũng là một người theo chủ nghĩa vô thần nổi tiếng không cảm thấy điều gì lạ, và ông đã thất vọng nặng nề.

Mặc dù đôi lúc vẫn có những người theo chủ nghĩa vô thần không có phản ứng gì, tất cả mọi chuyện đều diễn ra thuận lợi với giả thuyết của Persinger cho đến khi một đội những nhà tâm lý học đến từ Thụy Điển dẫn đầu bởi Pehr Granqvist đến từ Đại học Uppsala quyết định cũng thực hiện những thí nghiệm tương tự¹³. Khởi đầu rất thuận lợi khi có một vài người Thụy Điển đến thăm phòng thí nghiệm của Persinger và thậm chí còn mượn một phiên bản xách tay của một trong những cái mũ điện để về nghiên cứu. Tuy nhiên, Granqvist lo ngại rằng một vài người tham gia vào thí nghiệm của Persinger đã biết trước được điều mà người khác trông chờ ở họ và những trải nghiệm của họ là do sự gợi ý này chứ không phải do sự thay đổi từ trường. Để loại bỏ khả năng này, Granqvist vẫn cho toàn bộ những người tham gia đội mũ điện, nhưng chắc chắn rằng những cuộn dây giấu bên trong mũ chỉ hoạt động với một nửa số người tham gia. Cả đội nghiên cứu lẫn người tham gia đều không thể biết được khi nào thì từ trường xuất hiện cũng như mất đi.

Kết quả rất đáng chú ý. Granqvist khám phá ra rằng từ trường không hề có tác động nào. 3 người tham gia đã xác nhận có những cảm giác tâm linh rất mãnh liệt, nhưng hai người trong số đó không hề được tiếp xúc với từ trường vào thời điểm ấy. Tương tự, 22 người đã nói rằng có những cảm giác khác biệt, nhưng 11 người trong số họ đội chiếc mũ có những cuộn dây không hoạt động. Khi công trình của Granqvist được công bố vào năm 2004, Persinger phản biện rằng kết quả nghèo nàn này phần nào đó là do những người tham gia chỉ được tiếp xúc với từ trường trong 15 phút, hoặc là do Granqvist đã sử dụng một phần mềm được thiết kế dành cho hệ điều hành DOS trên hệ điều hành Windows để điều khiển những cuộn dây, dẫn đến những sự thay đổi về bản chất của từ trường. Đội nghiên cứu đến từ Thụy Điển kiên quyết bảo vệ công trình của mình và vẫn giữ nguyên những kết quả thu được.

Những điều tồi tệ hơn tiếp tục đến với Persinger. Năm 2009, nhà tâm lý học Chris French và những đồng nghiệp đến từ trường Cao đẳng Goldsmiths ở London đã tự tiến hành một cuộc điều tra riêng về ý tưởng của Persinger bằng cách giấu những cuộn dây đằng sau những bức tường của một căn phòng màu trắng không có bất kỳ thứ gì bên trong. Người tham gia được yêu cầu đi lòng vòng trong phòng và báo lại xem họ có cảm giác kỳ lạ nào không¹⁴. 79 người đã đến tham quan căn phòng có tính khoa học nhất trong những căn nhà bị ma ám này trong khoảng 50 phút. Đi theo con đường của Granqvist, French và đội của mình cũng chỉ để cho những cuộn dây hoạt động với một nửa số người tham gia và không ai trong đội cũng như những người tham gia biết được những sợi dây này có điện hay không. Kết quả cho thấy từ trường tuyệt đối không hề có ảnh hưởng đến chuyện con người có cảm thấy những cảm giác kỳ lạ hay không.

Một vài nhà bình luận chú thích thêm rằng chúng ta đều tiếp xúc với những từ trường mạnh hơn nhiều khi sử dụng máy sấy hay bật ti vi lên, và nếu như giả thuyết này đúng, chúng ta sẽ phải trải nghiệm những điều ma quái thường xuyên hơn mới phải.

Ý tưởng rằng những hồn ma và linh hồn xuất hiện là do sóng hạ âm và từ trường rất phù hợp với tưởng tượng chung của công chúng và truyền thông, nhưng không thuyết phục được những người làm khoa học.

Vậy đã có ai giải đáp được những bí ẩn về những câu chuyện bị ma ám? Trước khi chúng ta tiếp tục đào sâu thêm, bây giờ là lúc thích hợp để khám phá về bóng ma kỳ lạ của một vị mục sư.

Sức mạnh của quang phổ Raman

Vài năm trước, tôi có tiến hành một thí nghiệm đặc biệt trong một phần của một chương trình truyền hình về hành vi của con người. Chúng tôi tập hợp 20 tình nguyện viên vào một căn phòng, sắp xếp họ ngồi vào bốn hàng ghế và giải thích rằng chúng tôi sẽ kiểm tra khứu giác của họ. Những người tham gia được cho xem một lọ nước hoa nhỏ chứa dung dịch màu xanh lá cây nhạt và chúng tôi giải thích thêm rằng một khi nắp lọ nước hoa được mở ra thì sẽ có một mùi bạc hà rất nồng lan ra khắp phòng. Sau đó, chúng tôi cẩn thận mở nắp lọ nước hoa và yêu cầu mọi người hãy giơ cánh tay lên ngay khi họ ngửi thấy mùi bạc hà. Chỉ sau vài giây, một vài người ngồi ở hàng ghế đầu đã giơ tay lên. Sau đó thì đến những người ngồi ở hàng ghế thứ hai làm điều tương tự. Không lâu sau, đã có khoảng một nửa số người trong nhóm tình nguyện viên giơ cánh tay của mình lên. Nhưng có một vấn đề nhỏ ở đây. Có lẽ là các bạn cũng đã đoán ra, chai nước hoa thật ra chỉ là hỗn hợp của nước và thuốc nhuộm không mùi. Mùi hương bạc hà chỉ tồn tại ở trong tâm trí những người tham gia và đây là một ví dụ tuyệt vời để thể hiện sức mạnh của sự gợi ý.

Thí nghiệm này lần đầu tiên được thực hiện bởi Edwin Emery Slosson vào năm 1899 (theo những báo cáo thời đó, ông đã "buộc phải dừng thí nghiệm lại giữa chừng vì một vài người ở hàng đầu tiên cảm thấy không thoải mái và chuẩn bị rời đi") và đã được tiến hành trong các khoa Tâm lý học ở khắp mọi nơi suốt hơn một trăm năm sau đó¹⁵.

Vào cuối những năm 1970, nhà khoa học chuyên nghiên cứu về những giác quan Micheal O'Mahony đến từ Đại học

California đã đưa ý tưởng này lên một tầm cao mới khi ông thuyết phục BBC thực hiện một phiên bản khác của nghiên cứu này trong một chương trình được truyền hình trực tiếp¹⁶. O'Mahony đã thiết kế một vài dụng cụ thí nghiệm giả (một vật hình nón trông khá là kỳ cục, với một đồng dây và một vài máy hiển thị dao động sóng), và ông đã phải cố gắng để giữ một biểu cảm nghiêm túc khi giới thiệu với người xem rằng đây là “bẫy vị giác” mới được chế tạo sử dụng “quang phổ Raman” để truyền đi mùi hương thông qua âm thanh. Sau đó, ông tự hào thông báo rằng những tác nhân được truyền đi là mùi của đồng quê. Đáng tiếc là những khán giả tại trường quay lại hiểu nhầm lời của ông thành mùi “phân bón” dẫn đến những tràng cười chế giễu rất lớn. Sau khi giải thích rõ ràng rằng họ sẽ không truyền phát những mùi khó chịu đến nhà của mọi người, đội nghiên cứu cho phát một đoạn giai điệu đã được điều chỉnh đúng chuẩn công nghệ âm thanh Dolby trong mười giây. Cũng tương tự như lọ nước hoa ở trong phiên bản đơn giản hơn của thí nghiệm này không chứa gì ngoài nước, những giai điệu này thực tế cũng không có khả năng làm dậy lên những mùi hương.

Khán giả xem truyền hình sau đó có thể liên lạc với đài truyền hình và miêu tả lại những trải nghiệm của họ. Đã có vài trăm người đưa ra phản hồi, với phần lớn trong đó nói rằng họ có phát hiện thấy một mùi hương khá nồng của “cỏ khô”, “cỏ” và “hoa”. Mặc dù khán giả đã được giải thích rõ ràng rằng mùi hương được truyền đi không phải và cũng không liên quan gì đến mùi của phân bón, vẫn có một vài người nói rằng họ cảm thấy phảng phất mùi cỏ được ủ để làm đồ ăn cho gia súc. Nhiều người còn miêu tả các triệu chứng mạnh mẽ gây ra bởi đoạn giai điệu được truyền đi bao gồm dị ứng hoa cỏ, những tràng hắt hơi và những cơn chóng mặt bất chợt.

Những thí nghiệm này đã cho thấy làm thế nào mà sức mạnh của sự kỳ vọng có thể làm cho nhiều người nghĩ thấy nhiều mùi hương khác nhau. James Houran (người nổi tiếng với phần mềm hẹn hò trực tuyến và trừ ma) cũng tin rằng sự kỳ vọng đóng một vai trò then chốt trong việc giải đáp bí ẩn về những câu chuyện bị ma ám.

Houran lập luận rằng nếu những người dễ bị tác động tin mình đang ở trong một căn nhà bị ma ám, họ có thể sẽ trải qua những cảm giác kỳ lạ thường được cho là do ma quỷ làm ra. Thêm nữa, anh cũng chú thích thêm rằng những trải nghiệm này sẽ tạo ra cảm giác sợ hãi, làm cho con người có xu hướng trở nên cực kỳ thận trọng và sẽ chú ý tới tất cả những tín hiệu dù là nhỏ nhất¹⁷. Họ sẽ đột nhiên để ý tới những tiếng động nhỏ trên sàn nhà, những cái rèm cửa đung đưa, và cả những luồng hơi nóng thoáng qua. Tất cả những điều này càng làm cho họ sợ hãi hơn và thận trọng hơn nữa. Quá trình này cứ thế tiếp diễn cho đến khi người đó bắt đầu trở nên cực kỳ kích động, lo lắng và dễ trở nên cực đoan và bị ảo giác nhiều hơn.

Ý tưởng này của Houran được ủng hộ bởi kết quả của rất nhiều nghiên cứu. Nghiên cứu của tôi cũng cho thấy những người tin vào ma quỷ có nhiều trải nghiệm kỳ lạ hơn những người không tin, và giác quan của họ thường có xu hướng tập trung vào những vị trí trông có vẻ đáng sợ thường được miêu tả trong những bộ phim kinh dị. Trong những thí nghiệm về tác động (hoặc không có tác động) của từ trường yếu lên não bộ, những người xác nhận đã trải qua cảm giác kỳ lạ thường là những người dễ bị tác động. Mặc dù những kết quả này là rất đáng khích lệ, thế nhưng vẫn phải cần đến một thí nghiệm cuối cùng, trong đó những người dễ bị tác động sẽ được đưa đến một địa điểm không hề nổi tiếng về việc bị ma ám, làm cho họ tin

rằng nơi đây có bị ám, và xem liệu họ có trải nghiệm những điều ma quái giống như những nơi bị ma ám “thực sự” hay không. Houran đã tiến hành một vài thí nghiệm như vậy và thu được những kết quả rất thú vị.

Trong một thí nghiệm, anh tận dụng một rạp hát đã không còn sử dụng, và yêu cầu hai nhóm người đi dạo vòng quanh rồi kể lại xem họ cảm thấy như thế nào¹⁸. Houran nói với một nhóm rằng ở rạp hát này đã xuất hiện rất nhiều hoạt động của ma quỷ trong khi nói với nhóm còn lại rằng toà nhà này chỉ đang trong quá trình xây mới. Những người trong nhóm “toà nhà này bị ám” nói rằng họ có những cảm giác kỳ lạ ở khắp mọi nơi, còn nhóm kia thì không nhận thấy điều gì khác thường. Trong một nghiên cứu khác, Houran đã nhờ một cặp vợ chồng đang sống trong một căn nhà hoàn toàn bình thường và không hề nổi tiếng về chuyện bị ma ám dành ra một tháng để ghi lại bất kỳ “điều bất thường” nào mà họ thấy trong căn nhà của mình¹⁹. Kết quả của thí nghiệm này được đăng trong bài *“Nhật ký ghi lại những sự kiện trong một ngôi nhà hoàn toàn không bị ma ám”*, hai vợ chồng đã phát hiện ra tận 22 sự việc kỳ lạ bao gồm điện thoại gặp những trục trặc không thể giải thích nổi, cảm thấy sự hiện diện của một hồn ma cứ khẽ gọi tên của họ, và sự dịch chuyển kỳ lạ của cái mặt nạ trừ tà trên kệ.

Mặc dù những nghiên cứu này rất ấn tượng, nhưng có lẽ giải thưởng dành cho bài kiểm tra xuất sắc nhất về giả thuyết của Houran phải được trao cho nhà báo Frank Smyth.

Bóng ma của vị Tổng giám mục ở Ratcliffe Wharf

Năm 1970, Frank Smyth làm trợ lý biên tập cho một tạp chí chuyên về những hiện tượng kì bí là *Man, Myth and Magic*²⁰. Một sáng Chủ Nhật, Smyth đến Ratcliffe Wharf ở vùng Docklands, London để gặp một người bạn tên John Philby (là con trai của điệp viên Kim Philby). Xuyên suốt thế kỷ mười chín, Ratcliffe Wharf đã từng là một bến cảng nhộn nhịp. Như một hệ quả của việc có rất nhiều những đoàn thủy thủ liên tục đến rồi lại đi, đây trở thành một nơi đầy rẫy những bất công, chật cứng những tụ điểm đánh bạc, quán rượu và nhà thổ. Philby đang sửa lại một nhà kho cũ trong khu vực này và gợi ý với Smyth rằng sẽ rất thú vị nếu tạo dựng lên một câu chuyện ma ở đây.

Sau một vài giờ đồng hồ động não ở một quán rượu gần đó, Smyth và Philby đã tạo ra bóng ma của vị Tổng giám mục ở Ratcliffe Wharf – một câu chuyện cổ tích đầy cảm xúc về tình dục, những người thủy thủ, và giết chóc. Nếu như bạn đã sẵn sàng, tôi sẽ bắt đầu...

Vào đầu những năm 1800, một vị cựu Tổng giám mục của nhà thờ lớn nhất ở Wharf, St Anne, đã xây dựng một nhà khách trong khu vực này cho những người thủy thủ. Tuy nhiên, khi chuyện kinh doanh thất bại, vị giám mục lầm đường này đã làm những việc đáng kinh tởm để có thể xoay sở được đủ tiền. Ông ta trả tiền cho những người phụ nữ trẻ hấp dẫn để thu hút những người thủy thủ đến với nhà khách của mình, liên tục chuốc rượu họ, và rồi mời họ lên gác để thăm hỏi kiểu “Cha anh dạo này thế nào?”. Khi những người đàn ông coi đồ và lên giường, vị giám mục sẽ đi ra khỏi chỗ nấp của mình, đập họ cho đến chết bằng

cây gậy bọc bạc ở một đầu, sau đó lấy tiền của họ rồi vút xác xuống dòng sông Thames đầy bùn đất. Theo như những truyền thuyết ở địa phương, bóng ma của vị giám mục vẫn đang ám khu vực này.

Sau khi kiểm tra kĩ càng rằng khu vực này không hề có bất kỳ hoạt động ma quỷ nào, Frank đã cho đăng toàn bộ câu chuyện hư cấu của mình lên số mới nhất của tạp chí *Man, Myth and Magic*, và nhấn mạnh rằng cả ông và Philby đều đã thực sự nhìn thấy hồn ma đó.

3 năm sau, BBC thực hiện một chương trình phim tài liệu về trò chơi khăm này, dựng lại toàn bộ câu chuyện về hồn ma của vị giám mục ở Ratcliffe Wharf (bao gồm cả tấm biển hiệu ở bên ngoài nhà khách nơi ông ta sử dụng những cô gái trẻ để thu hút những người thủy thủ, với dòng chữ “Nơi nghỉ chân cho những người đàn ông của biển”) và đi tìm những người đã nhìn thấy hồn ma không hề tồn tại này. Họ đã không phải tìm ở đâu xa. Một người phụ nữ ở địa phương xác nhận đã nhìn thấy hồn ma của vị giám mục và miêu tả lại khi đó ông ta đang mặc một cái áo sơ mi trắng cùng với áo choàng, và có mái tóc dài mềm mại màu ghi. Định ninh rằng hồn ma của vị giám mục là một kẻ dâm dăng, người phụ nữ đó còn kể cô thường xuyên có cảm giác ông ta đang theo dõi mình khi thay đồ vào buổi tối. Tiếp đó, cũng có một người chủ cho thuê nhà ở khu vực này kể rằng người con gái và đứa cháu trai hai tuổi của ông đã cảm thấy ớn lạnh khi bắt gặp hồn ma lúc đến ở với ông. Sau vài đêm không ngủ được, đứa bé chỉ ra bên ngoài căn phòng và hét lên rằng con không thích người đàn ông đứng ở đó. Người mẹ quay người lại và thấy hồn ma của vị giám mục đang nhìn mình. Những nhân chứng khác trong đó có một người công nhân cũng thấy hồn ma này đi bộ ở góc đường trước khi biến mất ngay trước mắt anh ta, và hai

người cảnh sát đã kể lại những điều không có thật về những hoạt động ma quái ở bến cảng này.

Bóng ma của vị Tổng giám mục ở Ratcliffe Wharf đã chứng minh được giả thuyết của Houran một cách rõ ràng. Những câu chuyện về ma ám không cần phải có những bóng ma thật sự, những bức tường có khả năng ghi hình, những mạch nước ngầm, sóng hạ âm hay từ trường yếu. Thay vào đó, tất cả những gì cần thiết là sức mạnh của sự gợi ý.

Câu hỏi lớn

Mặc dù những tác động tâm lý của sự gợi ý là nguyên nhân dẫn đến rất nhiều hiện tượng ma quái, vẫn còn đó một bí ẩn cuối cùng – tại sao bộ não phức tạp của chúng ta đã tiến hoá rất nhiều để rồi chỉ để nhìn thấy những hồn ma không tồn tại?

Các nhà khoa học đã đề ra rất nhiều giả thuyết để giải thích cho những gì diễn ra trong tâm trí của chúng ta. Nhà tâm lý học Jesse Bering đến từ Đại học Arkansas cho rằng cả ma quỷ và Chúa đều sẽ góp phần tạo dựng nên một xã hội trung thực hơn bằng cách khiến mọi người tin rằng họ đang liên tục bị quan sát²¹. Bering và đội của ông đã kiểm tra giả thuyết này bằng cách thực hiện một thí nghiệm rất lạ. Trong nghiên cứu của họ, các sinh viên được yêu cầu thực hiện một bài kiểm tra về trí thông minh. Bài kiểm này được thiết kế rất cẩn thận để đảm bảo rằng những sinh viên có thể gian lận nếu họ muốn và đội ngũ thực hiện thí nghiệm sẽ bí mật quan sát khả năng gian lận của mỗi sinh viên. Ngay trước khi bài kiểm tra bắt đầu, nhóm nghiên cứu nói với một nhóm học sinh được lựa chọn ngẫu nhiên rằng căn phòng này hình như là bị ma ám. Đúng như dự đoán của giả thuyết “ma quỷ làm con người thật thà hơn”, những học sinh nghĩ rằng họ đang ở trong một căn phòng bị ma ám ít thực hiện hành vi gian lận hơn rất nhiều.

Tuy nhiên, giả thuyết phổ biến nhất lý giải cho sự tiến hóa của những trải nghiệm về ma quỷ lại liên quan đến “Cơ chế phát hiện tác nhân siêu nhạy cảm”²². Nhà tâm lý học đến từ Đại học Oxford Justin Barrett tin rằng ý tưởng về “nhận thức tác nhân” (agency) – khả năng lý giải nguyên nhân tại sao con người hành động theo cách họ vẫn làm – là cốt lõi của những tương tác hằng

ngày giữa chúng ta với người khác. Thực tế, Barrett nghĩ rằng một phần của bộ não chịu trách nhiệm cho việc phát hiện những tác nhân này, và bộ phận này thường xuyên hoạt động quá mức làm cho mọi người thấy những hành vi giống với con người ở trong cả những tác nhân kích thích vô nghĩa nhất. Vào những năm 1940, hai nhà tâm lý học Fritz Heider và Mary-Ann Simmel đã tiến hành một thí nghiệm kinh điển để minh họa cho luận điểm này của Barrett. Heider và Simmel đã làm một đoạn phim hoạt hình ngắn trong đó có một hình tam giác lớn, một hình tam giác nhỏ và một hình tròn đi vào rồi đi ra một cái hộp. Sau đó họ chiếu đoạn phim hoạt hình vô nghĩa này cho mọi người xem và bảo những khán giả miêu tả lại nội dung của đoạn phim. Gần như tất cả mọi người đều ngay lập tức dựng lên một câu chuyện rất công phu để giải thích những gì họ vừa xem. Ví dụ, có thể hình tròn đã yêu hình tam giác nhỏ, và hình tam giác lớn đang cố gắng để đưa hình tròn đi mất, nhưng hình tam giác nhỏ đã chống trả, rồi sau đó hình tròn và hình tam giác nhỏ sống hạnh phúc từ đó đến mãi về sau.

Tóm lại, con người thấy những tác nhân ngay cả khi chúng không tồn tại. Barrett tin rằng ý tưởng này có thể giải thích được sự tồn tại của Chúa, ma quỷ và cả yêu tinh. Theo giả thuyết này, nhiều người rất miễn cưỡng khi nghĩ rằng điều gì đó là vô nghĩa, và luôn luôn giả định rằng những điều đó là do những tác động của những thực thể vô hình. Họ có thể liên tục gặp may mắn và nghĩ rằng đó là do những thiên thần đã phù hộ, họ lâm bệnh nặng và tin rằng đó là bằng chứng của ác quỷ, hay nghe thấy một tiếng gõ cửa và quy điều đó ngay cho hồn ma một người phụ nữ ở trong bộ đồ màu trắng. Nếu như ý tưởng của Barrett đúng, ma quỷ không phải là hệ quả của mê tín dị đoan. Cả chuyện những linh hồn trở về từ cõi chết cũng vậy. Thay vào đó, đó là cái

giá chúng ta phải trả cho việc sở hữu một bộ não quá tuyệt vời, thứ mà không cần tốn công vẫn có thể dễ dàng lý giải tại sao con người hành động theo cách mà họ vẫn làm. Và như thế, ma quỷ là một phần thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

6. Kiểm soát tâm trí

Ở phần này, chúng ta sẽ dành một chút thời gian quý báu với một phù thủy già, khám phá tại sao những nhà nghiên cứu yêu tinh từng khiến một ngôi nhà sụp đổ, gặp gỡ bóng ma không tồn tại ở Ratcliffe Wharf, học cách để nhìn thấy một hồn ma và nghiên cứu sức mạnh tâm lý của lời đề xuất.

Hãy nghĩ đến một con số bất kỳ trong khoảng từ một đến một trăm. Hãy cứ tự do thay đổi con số của bạn trước khi có quyết định cuối cùng. Bạn đã có con số trong đầu rồi đúng không? Được rồi, hãy tập trung vào nó. Tôi đang có cảm giác rằng bạn nghĩ đến... số 73. Nghiên cứu chỉ ra rằng có khoảng 1 trong số 50 người vừa kinh ngạc mà đánh rơi quyển sách. Không may thay, điều này cũng có nghĩa là kỹ năng đọc suy nghĩ của tôi không gây được ấn tượng với phần lớn mọi người.

Mặc dù vậy, hãy cứ nghĩ rằng tôi đã có thể đoán chính xác con số mà bạn nghĩ đến. Hơn thế nữa, tiếp tục tưởng tượng rằng khả năng ngoại cảm của tôi không chỉ giới hạn trong việc đoán những con số, mà còn có tác dụng với cả những hình dáng, tên gọi, địa điểm và màu sắc. Cuối cùng, thử tưởng tượng khả năng của tôi không chỉ dừng lại ở việc có thể lục lọi mọi thứ trong tâm trí của bạn, mà còn thực sự kiểm soát được hành động của bạn. Suốt những năm qua, có một nhóm nhỏ những người tự nhận họ có khả năng này. Những cá nhân kỳ lạ này không hứng thú với việc nhìn vào những quả cầu pha lê, nói chuyện với người chết hay phân tích bản đồ chiêm tinh. Thay vào đó, họ dường như có khả năng đặc biệt phi thường có thể chơi đùa trực tiếp với tâm trí bạn. Làm thế nào mà họ làm được những điều không thể? Liệu những thành quả của họ có thể xem như bằng chứng thuyết phục cho sự tồn tại của những điều huyền bí, hay đó chỉ là hoạt động của những hiệu ứng tâm lý tinh vi và bí ẩn?

Để tìm hiểu điều này, chúng ta sẽ chuẩn bị tiến sâu vào thế giới của khả năng ngoại cảm phi thường, gặp gỡ một con ngựa có khả năng đọc ý nghĩ và dành chút thời gian với một chuyên gia kiểm soát tâm trí đáng sợ. Hành trình của chúng ta bắt đầu từ thời điểm hơn một trăm năm trước với một trong những người đọc ý nghĩ đầu tiên trên thế giới.

Không thể ngừng suy nghĩ về chuyện đọc ỹ nghĩ

Washington Irving Bishop là một người đàn ông tốt đẹp về mọi mặt¹. Sinh năm 1856 ở New York, Bishop chủ yếu được mẹ, Eleanor – một nữ diễn viên, ca sĩ opera và một cô đồng bán thời gian nuôi dạy. Eleanor là một con người rất thú vị khi thường xuyên là trung tâm của những sự tranh cãi. Ví dụ, vào năm 1867, bà cố gắng để li dị người chồng Nathaniel với lý do ông ta có ý định sát hại bà. Năm 1874, Eleanor đến tự đám tang của Nathaniel, và mặc dù hai người đã xa cách suốt bảy năm trời, bà dường như rất xúc động đến mức đã ôm lấy quan tài của Nathaniel khi đang hạ huyệt. Một vài tuần sau, bà khẳng định rằng Nathaniel đã bị đầu độc bởi một kẻ thù bí ẩn, và yêu cầu được khai quật mộ ông lên. Một cuộc kiểm tra toàn diện cái xác đã không cho thấy bất kỳ bằng chứng nào của việc ông bị ám hại.

Sự nghiệp học hành của Bishop không thật sự xuất sắc, và có lẽ nhờ những mối quan hệ của mẹ với giới Duy linh, nên cuối cùng ông được làm quản lý cho một cô đồng biểu diễn nổi tiếng thời bấy giờ là Annie Eva Fay. Mỗi khi bắt đầu hầu đồng, Fay sẽ đặt một cái ghế và nhiều những nhạc cụ khác nhau vào một cái buồng lớn hở ra ở mặt tiền. Sau đó cô sẽ mời một vài khán giả lên sân khấu, rồi bảo họ trói cô vào ghế. Một tấm rèm được kéo xuống che phủ mặt trước của cái buồng và Fay sẽ triệu hồi những linh hồn. Một lúc sau, những linh hồn sẽ làm cho mọi người biết đến sự hiện diện của mình bằng cách chơi những nhạc cụ rồi ném chúng ra ngoài. Có rất nhiều lời đồn đại về việc làm cách nào mà Fay có thể làm ra những điều tưởng như phi thường này, thậm chí còn có ý kiến cho rằng cô đã bí mật mang con trai của mình vào trong buồng bằng cách giấu đứa bé bên trong chiếc

váy. Sự thực đơn giản hơn thế rất nhiều. Fay là một người rất có kỹ năng trong việc thoát hiểm, đã tự cởi trói cho mình thoát khỏi cái ghế, chơi những nhạc cụ, ném chúng ra ngoài rồi lại tự trói mình vào lại cái ghế.

Sau một vài tháng, Bishop có bất đồng với Fay về vấn đề tài chính và đã quyết định đi con đường của riêng mình. Lần đầu tiên xuất hiện trước công chúng ở rạp hát, Bishop công khai tất cả những bí mật về các tiết mục của Fay. Mọi việc khởi đầu khá thuận lợi, nhưng sau một thời gian thì khán giả đã chán với việc phải nghe về những bí mật của Fay, và Bishop quyết định mở rộng thêm tiết mục của mình bằng cách tiết lộ kỹ thuật nghề nghiệp của những người hầu đồng nổi tiếng khác nữa. Vì những lý do mà đến nay con người vẫn chưa thể giải thích, Bishop nghĩ rằng cách tốt nhất để có thể thu thập những tư liệu mới là tham gia các buổi lễ gọi hồn trong trang phục phụ nữ. Đáng tiếc, những suy tính về việc mặc đồ nữ giới của ông đã thất bại trong việc thu hút sự chú ý của dư luận, và ông đã buộc phải tìm những cách khác để có thêm nhiều khán giả. Sau rất nhiều những lần thử sai, cuối cùng ông đã phát triển được một kỹ năng có thể đảm bảo cho ông sự giàu có và nổi tiếng khắp thế giới.

Ông thay đổi hoàn toàn hình ảnh của mình. Thay vì vẫn xuất hiện như một nghệ sĩ giải trí ở rạp hát, ông đóng vai một nhà khoa học u buồn. Những câu chuyện giật gân kiểu “một lần nữa tôi khoác lên mình tấm áo và phát hiện ra sự thật” đã phải rời sân khấu, và ông khoác lên mình một cặp kính tròn nhỏ ở trên mũi cùng hàm râu quai nón trông rất bác học. Nhưng có lẽ điều quan trọng nhất nằm ở chỗ thay vì tập trung vào tiết lộ sự thật về những người khác, Bishop tuyên bố rằng ông đã phát triển được một năng lực đặc biệt của riêng mình. Quảng bá hình ảnh của mình như là “người đọc tâm trí đầu tiên trên thế giới”,

Bishop tự hào thông báo rằng ông có thể thực hiện thần giao cách cảm theo yêu cầu.

Ông bắt đầu những màn trình diễn của mình bằng cách tỏ ra bí ẩn, khẳng định rõ ràng rằng mặc dù năng lực mới này của ông không liên quan gì đến sức mạnh tâm linh hay những linh hồn, ông cũng không thể giải thích được những điều mình chuẩn bị thực hiện. Sau đó, Bishop sẽ thực hiện một loạt những tiết mục đọc tâm trí. Trong một tiết mục điển hình, ông sẽ đưa cho một khán giả một cái đinh ghim và giải thích rằng người này sẽ giấu nó ở một vị trí bất kỳ trong khán phòng. Một khán giả khác sẽ được yêu cầu đảm bảo rằng Bishop không thể nhìn thấy cái đinh ghim được giấu ở đâu. Sau đó, Bishop cùng người trợ lý của mình rời khỏi sân khấu và cái đinh ghim được đem đi giấu. Khi trở lại, ông nắm lấy cổ tay của vị khán giả đầu tiên và dẫn anh ta đi một vòng quanh khán phòng một cách điên cuồng. Cuối cùng, Bishop thu hẹp phạm vi tìm kiếm xuống còn một khu vực rất nhỏ và tìm thấy chỗ cái đinh ghim được giấu đi.

Tiết mục này có nhiều biến thể khác nhau. Ví dụ, có nhiều lúc, ông mang một quyển danh bạ rất lớn lên sân khấu và yêu cầu một người khán giả hãy chọn một cái tên ở trong đó. Bishop sau đó sẽ dùng khả năng ngoại cảm của mình để xác định cái tên đó. Và trong tiết mục nổi tiếng nhất của mình, Bishop mời một nhóm gồm năm hoặc sáu người lên sân khấu, giải thích rằng ông sẽ rời khỏi khán phòng, và yêu cầu họ dàn dựng một vụ án mạng khi ông vắng mặt. Một người trong nhóm sẽ đóng vai hung thủ và một người khác là nạn nhân. Sau khi khán giả đã chứng kiến “vụ giết người”, Bishop trở lại sân khấu trong trạng thái bịt mắt. Ông nắm lấy cổ tay của một khán giả trong nhóm và yêu cầu họ tập trung vào người đã bị “giết”. Sau khi thực hiện điều đó xong với cả nhóm, ông đã tìm ra chính xác ai là người đóng vai

nạn nhân. Ngay sau đó thì Bishop cũng thành công xác định ai là “hung thủ”.

Những màn trình diễn tuyệt vời này đã đạt được những thành công rất lớn, và danh tiếng của ông nhanh chóng lan rộng khắp châu Âu và Mỹ. Sự nổi tiếng của Bishop đã khuyến khích một vài người bắt chước theo, trong đó nổi tiếng nhất có lẽ người phụ tá trước đó của ông, Stuart Cumberland. Mức độ thành công của những người như Bishop và Cumberland được thể hiện qua những khán giả có địa vị xã hội rất cao của họ (Cumberland đã được mời đến Hạ viện Anh để đọc ý nghĩ của William Gladstone, sau đó đã miêu tả sức hút đặc biệt của vị Thủ tướng này trong cuốn sách *People I Have Read* của mình), cũng như sự xuất hiện của họ trong những bài hát hài hước phổ biến vào thời ấy, như bài “Thought-reading on the Brain” rất nổi tiếng:

Ồ, Ngài Cumberland và cả Ngài Irving Bishop nữa
Tôi muốn đâm các ngài bằng những chiếc đinh ghim các
ngài tìm thấy
Vì các ngài đã phá hỏng hạnh phúc của tôi và nó rất đơn
giản
Đó là tất cả mọi gia đình đều bị ám ảnh với chuyện đọc
được ý nghĩ

Đáng tiếc là những thành công của Bishop không kéo dài được lâu. Năm 1889, người có khả năng đọc được ý nghĩ nổi tiếng thế giới này đang biểu diễn ở Câu lạc bộ Lambs, thành phố New York. Sau khi hoàn thành xuất sắc hai tiết mục “xác định thủ phạm” và “tìm tên trong danh bạ”, ông kiệt sức ngã gục xuống sàn. Một lúc sau đó, ông lấy lại được ý thức và được đưa đến một cái giường trong câu lạc bộ. Là một người chuyên nghiệp, Bishop kiên quyết thực hiện nốt một tiết mục nữa. Sổ sách của câu lạc bộ

được đưa đến phòng nghỉ và một cái tên được chọn ngẫu nhiên. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng cuối cùng ông cũng xác định được đúng cái tên đó. Ngay sau khi thực hiện nốt tiết mục cuối cùng của mình, ông lập tức đổ gục xuống giường.

Hai bác sĩ được gọi đến để chăm sóc cho ông suốt đêm hôm đó. Giữa ngày hôm sau, Bishop – khi đó mới 33 tuổi – được thông báo là đã qua đời. Tin dữ nhanh chóng đến tai của vợ Bishop ở Philadelphia, cô ngay lập tức lên đường đến New York và tìm thấy xác chồng mình ở một công ty dịch vụ tang lễ. Cô đã rất giận dữ khi biết rằng vào một thời điểm nào đó của buổi chiều, chắc chắn là chưa đầy 24 tiếng sau cái chết của Bishop, xác của chồng cô đã bị xét nghiệm khi chưa được phép.

Khi còn sống, Bishop rất dễ lên những cơn bệnh của chứng bất thế (catalepsy). Khi chứng này phát tác thì cơ thể của ông trở nên cứng nhắc, hơi thở rất nông và nhịp tim chậm đến mức nhiều khi không cảm nhận được. Vì lý do đó, ông luôn mang bên mình một tấm thẻ giải thích rằng ông có thể sẽ rơi vào trạng thái bất thế, và không được khám nghiệm cơ thể của ông sau ít nhất là 48 tiếng kể từ thời điểm ông được cho là đã chết. Ông đã nói điều này với một người bạn của mình rằng khi ở trạng thái bất thế, ông vẫn có thể nhận biết được đầy đủ những gì đang xảy ra xung quanh, làm dấy lên một ý tưởng đáng sợ rằng ông vẫn còn tỉnh táo khi cơ thể của ông được khám nghiệm.

Tại sao các bác sĩ thực hiện khám nghiệm tử thi nhanh đến như vậy? Trong suốt sự nghiệp, Bishop luôn tự hào mình có một bộ não đặc biệt hiếm có. Nhiều nhà sử gia cho rằng khẳng định này đã dẫn đến cái chết của ông khi khuyến khích những bác sĩ thực hiện khám nghiệm càng nhanh càng tốt để được là những người đầu tiên xem xét bộ não đó. Sự thực có như thế nào đi

nữa thì cuộc khám nghiệm đó cũng tốn công vô ích. Bộ não của Bishop chỉ nặng hơn khối lượng trung bình một chút và không có vẻ gì là ngoại lệ hiếm có.

Mẹ của ông, bà Eleanor đã yêu cầu một cuộc điều tra về cái chết bất thường của người con trai, và những bác sĩ thực hiện khám nghiệm cơ thể của ông đã bị bắt giữ. Tuy nhiên, bởi thẩm đoàn đã đứng về phía các bác sĩ và họ đã được thả. Eleanor vẫn cảm thấy không thuyết phục, và bày tỏ cảm xúc của mình bằng cách cho khắc lên bia mộ con trai rằng “Sinh ngày 4 tháng 5 năm 1856 – Bị sát hại vào ngày 13 tháng 5 năm 1889” và xuất bản một cuốn sách nhỏ miêu tả lại “sự sát hại Ngài Washington Irving Bishop quá cố”. Những hành động của Eleanor càng ngày càng trở nên thất thường, và khi bà qua đời vào năm 1918, ảo thuật gia nổi tiếng Harry Houdini mới biết rằng bà đã để lại cho ông một cơ ngơi không có thật trị giá 30 triệu đô la.

Vậy làm thế nào mà Bishop có thể thực hiện thành công những tiết mục đọc ý nghĩ? Phải chăng ông thực sự sở hữu khả năng ngoại cảm?

Đầu những năm 1880, một nhóm những nhà khoa học lỗi lạc bao gồm bác sĩ riêng của Nữ hoàng, biên tập viên của tạp chí khoa học *British Medical Journal*, và người theo thuyết ưu sinh nổi tiếng Francis Galton đã thực hiện điều tra với Bishop. Ở phần điều tiên của cuộc điều tra, Bishop đã thành công thực hiện một vài tiết mục bao gồm xác định chính xác một điểm nhất định trên bàn và tìm được đồ vật giấu trên trùm đèn. Như thường lệ, xuyên suốt những màn trình diễn, Bishop luôn yêu cầu được tiếp xúc trực tiếp với những cá nhân đã biết câu trả lời. Bishop sẽ cầm cổ tay của người trợ giúp, hoặc người trợ giúp sẽ cầm một đầu của một cây gậy và ông cầm đầu còn lại. Các nhà khoa học đưa ra

giả thuyết rằng Bishop đã tập luyện để bản thân có thể thực hiện những cử động “vô thức” rất nhỏ mà đã được Micheal Faraday chính thức khám phá ra khi đang điều tra về những cái bàn dịch chuyển. Khi trình diễn những tiết mục của mình, Bishop sẽ kéo và đẩy người trợ giúp theo nhiều hướng, và những nhà khoa học tin rằng ông đã dựa vào những thay đổi nhỏ trong hành động kháng cự của người trợ giúp để tìm ra vị trí của đồ vật bị giấu, hay thành viên nào trong nhóm đã đóng vai “kẻ sát nhân”. Đội nghiên cứu đã thực hiện thí nghiệm thêm vài lần nữa để kiểm tra giả thuyết của mình. Lần này, Bishop được yêu cầu đi tìm đồ vật bị giấu khi người trợ giúp bị bịt mắt và hoàn toàn mất phương hướng. Ông thất bại. Khi thử lại một lần khác với cây gậy thay bằng một sợi xích để ngăn không cho bất kỳ một tín hiệu vô thức nào truyền đến Bishop, ông lại thất bại. Galton và những người đồng nghiệp kết luận rằng Bishop đúng là có sở hữu một kỹ năng phi thường, nhưng đó không phải là khả năng ngoại cảm.

Vài năm sau, một người đọc tâm trí nữa trở nên nổi tiếng. Tuy nhiên, lần này lời tuyển bố của ông còn gây sùng sốt hơn nữa, vì dường như nó đã cung cấp những bằng chứng không thể chối cãi về sự giao tiếp giữa con người và động vật.

LÀM CÁCH NÀO ĐỂ ĐỌC ĐƯỢC TÂM TRÍ NGƯỜI KHÁC

Bây giờ là lúc để liên lạc với Bishop ở trong bạn. Đọc được chuyển động của những cơ bắp trên cơ thể không phải là việc dễ dàng, nhưng những bài tập đơn giản sau đây sẽ giúp bạn phát triển được kỹ năng đặc biệt này.

1. Hãy nhờ một ai đó xòe hai bàn tay của họ ra phía trước với lòng bàn tay úp xuống và những ngón tay duỗi ra, rồi yêu cầu họ dồn sự tập trung vào một trong mười ngón tay. Tiếp theo, dùng ngón trỏ của bạn nhẹ nhàng ấn lần lượt từng ngón tay của họ xuống. Ngón tay nào mà bạn cảm thấy khó tác động nhất chính là ngón tay mà họ đã nghĩ đến.

2. Sắp xếp bốn đồ vật thành một hàng ở trên bàn, mỗi vật cách nhau khoảng 10cm. Yêu cầu một ai đó ngồi về phía bên phải của bạn và nghĩ về một trong những đồ vật đó. Tiếp theo, cầm cổ tay trái của họ bằng tay phải của bạn sao cho ngón tay cái ở bên dưới còn những ngón tay còn lại ở bên trên cổ tay của họ. Giải thích rằng bạn sẽ di chuyển tai trái của họ đặt lên trên mỗi món đồ vật. Hãy yêu cầu người đó không được cố ý di chuyển tay trái mà thay vào đó thư giãn và chỉ đơn giản “có ý” điều khiển tay trái theo đúng hướng. Nếu như bạn để tay họ ở trên vật không được chọn, họ sẽ nghĩ đến cụm từ “di chuyển”, trong khi nếu bạn để tay họ ở trên đúng vật được chọn, họ sẽ nghĩ đến từ “dừng lại”. Bây giờ, hãy dịch chuyển tay trái của họ lên từng vật một và thử tìm ra đồ vật được chọn bằng cách cảm nhận

xem khi nào tác động của bạn gặp phải sự kháng cự lớn nhất.

3. Đã đến lúc làm một bài kiểm tra đầy đủ về khả năng đọc cử động cơ thể. Hãy yêu cầu tình nguyện viên của bạn đi vào trong phòng và giấu đi một đồ vật nhỏ. Tiếp theo, nắm lấy cổ tay của họ như hướng dẫn ở trên. Nâng cao tay phải của họ lên và để ở gần bạn. Hãy nhắc họ không nên tập trung vào vị trí của đồ vật mà tập trung vào hướng đi đúng để bạn đến được chỗ giấu đồ. Bắt đầu từ giữa phòng và bước một bước về phía trước. Nếu cảm thấy có sự phản kháng thì hãy quay lại vị trí khởi đầu và di chuyển sang hướng khác. Tiếp tục làm như thế đến khi nào bạn cảm thấy ít sự phản kháng nhất. Khi bạn nghĩ mình đã ở rất gần với mục tiêu, hãy yêu cầu người bạn kia tưởng tượng một đường thẳng từ tay của họ đến đồ vật được giấu. Khi bạn cảm thấy bàn tay di chuyển theo hướng ấy, đi theo đường thẳng và bạn có thể tìm thấy đồ vật đó.

Vì khả năng đọc cử động của cơ thể rất khó để thành thạo, một vài người đọc tâm trí đã thực hiện mảnh khốe dưới đây để phát triển kỹ năng của mình mà không lo lắng về khả năng thất bại.

Trước khi biểu diễn, hãy tìm một bộ bài, tách riêng những lá bài màu đỏ và màu đen, phần màu đỏ để lên trên phần màu đen.

Tiếp theo, hãy tìm một khán giả tình nguyện, xòe phần trên của bộ bài ra (lúc này chỉ có những lá màu đỏ) với

mặt lá bài được úp xuống và bảo họ chọn lấy một lá bài. Yêu cầu người đó nhìn lá bài nhưng không được nói với ai đó là lá bài gì. Trong khi đó, hãy thu lại bộ bài, rồi xòe phần dưới của bộ bài ra với mặt lá bài được úp xuống. Lúc này phần bài xòe ra chỉ toàn những lá bài màu đen, trong khi lá bài mà người tham gia đã chọn trước đó là một lá bài có màu đỏ.

Bảo người khán giả hãy đặt lại lá bài của họ vào phần bài được xòe ra, rồi thu lại bộ bài. Lá mà họ chọn bây giờ là lá màu đỏ duy nhất ở phần màu đen. Giải thích rằng bạn sẽ cố đoán xem họ đã chọn lá bài nào. Trong lúc nói, hướng bộ bài về phía bạn rồi nhanh chóng xòe bài ra. Bạn sẽ dễ dàng tìm thấy lá bài mà người khán giả đã chọn vì nó là lá màu đỏ duy nhất ở trong phần màu đen.

Bây giờ thì hãy xáo lên và trải bộ bài lên bàn với mặt những lá bài hướng lên trên. Cầm lấy cổ tay của người khán giả như ở trên và thử trên từng lá bài. Hãy xem liệu bạn có thể nhận ra những manh mối rất nhỏ từ bàn tay của họ hay không. Từ từ hướng đến phần bộ bài có chứa lá bài họ đã chọn và rồi, với một cái vung tay điệu nghệ, hãy tiết lộ đó là lá bài nào.

Những lời trực tiếp từ một con ngựa

Wilhem von Osten có lẽ là một trong người ham học hỏi nhất². Sinh năm 1834, người thầy giáo dạy toán khiêm tốn này có một niềm đam mê bất tận với những ý tưởng kỳ lạ. Là một người ủng hộ mạnh mẽ cho thuyết tiến hoá mà khi đó vẫn còn rất mới mẻ, von Osten tin rằng động vật cũng thông minh như con người và thế giới sẽ tốt đẹp hơn rất nhiều nếu như con người có thể giao tiếp được với những loài khác và đánh giá đúng trí thông minh tuyệt vời của chúng. Năm 1888, von Osten nghỉ dạy, chuyển đến Berlin và dành phần đời còn lại để theo đuổi giấc mơ của mình.

Những nỗ lực đầu tiên của ông trong việc bộc lộ những tố chất thiên tài được ẩn giấu của thế giới động vật bao gồm việc dạy những kiến thức cơ bản của toán học cho một con mèo, một con gấu và một con ngựa. Mỗi ngày, von Osten sẽ vẽ một con số lên bảng đen và khuyến khích học sinh của mình đếm bằng cách di chuyển móng vuốt hay móng guốc một số lần thích hợp. Trong sổ học bạ (có lẽ là kỳ lạ nhất), ông đã miêu tả con mèo nhanh chóng mất đi hứng thú còn con gấu thì cực kỳ ghét việc học. Chỉ có con ngựa chứng tỏ mình là một học sinh chăm chú và đã nhanh chóng học được cách đếm chân đúng số lần được viết trên bảng. Rất phấn khởi với thành công ban đầu này, von Osten quyết định đuổi hai học sinh mèo và gấu ra khỏi lớp học và chỉ tập trung duy nhất vào học sinh ngựa.

Con ngựa của von Osten là một con ngựa đưa đến từ Nga tên Hans, và mỗi ngày trong bốn năm tiếp theo, hai thầy trò cùng nhau học những kiến thức cơ bản của toán học.

Năm 1904, hai thầy trò đã sẵn sàng để biểu diễn trước công chúng lần đầu tiên. Một nhóm nhỏ khán giả được mời đến sân nhà của von Osten và ngồi thành hình vòng cung xung quanh Hans “thông minh”. Von Osten đeo một bộ râu trắng dài, mặc một chiếc áo choàng rộng và đội một cái mũ rộng vành màu đen, đứng bên cạnh con vật trong khi những khán giả hỏi một số câu hỏi toán học. Hans trả lời bằng cách giậm chân lên mặt sân trải đầy sỏi. Đó là một màn trình diễn ấn tượng khi Hans trả lời chính xác không chỉ những phép cộng trừ đơn giản mà còn làm được những phép tính phức tạp hơn với phân số và bậc lũy thừa. Được truyền cảm hứng từ thành công ban đầu này, von Osten tiếp tục dạy Hans thêm nhiều tiết mục nữa. Theo thời gian ông đã dạy con ngựa xem giờ, chọn tông giọng thích hợp để hòa âm được tốt hơn, và thậm chí trả lời câu hỏi bằng cách gật hay lắc đầu.

Năm 1904, nhà tâm lý học Oskar Pfungst quyết định sẽ điều tra về Hans thông minh mà không hề biết rằng nghiên cứu này sẽ đảm bảo cho ông một vị trí trong hầu hết sách giáo khoa về tâm lý học trong suốt một trăm năm sau đó. Trong quá trình nghiên cứu được kiểm soát chặt chẽ bởi Pfungst, những người xem được yêu cầu hỏi Hans những câu hỏi đã được chuẩn bị từ trước. Để tạo động lực cho con ngựa, Pfungst thưởng cho Hans thông minh những mẩu bánh mì nhỏ, cà rốt hay đường mỗi lần nó trả lời (điều thú vị là cách này cũng rất hiệu quả đối với hầu hết những sinh viên chưa tốt nghiệp ngày nay). Thí nghiệm này đã không diễn ra thuận lợi. Cả von Osten và Hans thông minh đều dễ rơi vào trạng thái nóng giận, và Pfungst đã bị cắn vài lần trong quá trình kiểm tra. Bất chấp những điều đó, nhà nghiên cứu trẻ người Đức vẫn thực hiện được một loạt những bài kiểm tra đột phá theo phương pháp rõ ràng.

Trong một thí nghiệm, một loạt những thẻ số được sắp xếp sao cho cả von Osten, Hans thông minh và người hỏi đều có thể nhìn thấy số trên những tấm thẻ. Với mỗi câu hỏi, Hans thông minh sẽ giậm chân vào tấm thẻ chứa đáp án đúng. Trong điều kiện này, Hans thông minh trả lời chính xác 98%. Tuy nhiên, khi Pfungst điều chỉnh những tấm thẻ sao cho chỉ có một mình Hans thông minh có thể nhìn đáp án trên những tấm thẻ, tỷ lệ thành công giảm xuống chỉ còn 6%. Trong một bài kiểm tra khác, von Osten nói nhỏ hai con số vào tai của Hans và yêu cầu chú ngựa thực hiện phép cộng. Hans liên tục giậm chân để đưa ra câu trả lời chính xác. Nhưng khi von Osten chỉ đưa ra một con số và Pfungst đưa ra con số còn lại với điều kiện cả hai người đều không biết con số của người kia, Hans đã không thể đưa ra câu trả lời đúng.

Pfungst thu được những kết quả tương tự khi thực hiện hết bài kiểm tra này đến bài kiểm tra khác. Bất cứ khi nào von Osten hay người hỏi biết Hans thông minh phải trả lời thế nào, chú ngựa làm rất tốt. Nhưng khi không ai biết đáp án chính xác, Hans thất bại. Pfungst kết luận rằng Hans không thể tự suy nghĩ mà chỉ đang phản ứng với những tín hiệu từ biểu cảm khuôn mặt và ngôn ngữ cơ thể của những người xung quanh được truyền đi một cách vô thức. Trong nhiều năm liền, von Osten không hề nói chuyện với những con vật, ông chỉ đang nói chuyện với chính mình.

Những nhà nghiên cứu trên khắp thế giới nhanh chóng nhận ra rằng nguyên lý cơ bản được Pfungst khám phá ra – cụ thể là những người làm thí nghiệm có lẽ đã vô thức thuyết phục những người tham gia hành động theo một cách thức mình mong muốn – có thể liên hệ mật thiết với công trình nghiên cứu của họ.

Các nhà khoa học đã tìm kiếm hiện tượng này – giờ đây được biết đến với cái tên “hiệu ứng Hans thông minh” – và thấy nó xuất hiện trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Trong một thí nghiệm kinh điển, những con chuột được chia làm hai nhóm một cách ngẫu nhiên, nhưng khi đưa chúng cho các sinh viên thì người tiến hành thí nghiệm lại nói rằng những con chuột này đã được chọn lọc từ khi sinh ra và chia thành một nhóm thực hiện tốt và một nhóm thực hiện không tốt việc định vị trong mê cung³. Thực tế, không hề có sự chọn lọc nào cả. Sau đó, các sinh viên cho những con chuột này chạy qua mê cung và báo cáo lại kết quả theo mức độ kỳ vọng của họ. Những con chuột được cho là “thông minh” đưa ra những phản hồi có mức độ chính xác cao hơn 51% so với những con chuột “không thông minh”.

Tương tự, trong một nghiên cứu có tên “thí nghiệm Pygmalion”, nhà tâm lý học đến từ Harvard, Robert Rosenthal đã tiến hành một bài kiểm tra với một nhóm những đứa trẻ cùng tuổi, nói với giáo viên của chúng rằng đây là một kỹ thuật mới để dự đoán “sự bùng nổ” của trí tuệ⁴. Các giáo viên tin rằng họ đã nhận được danh sách những đứa trẻ đạt được kết quả cao nhất trong lớp của họ. Thực tế, bài kiểm tra của Rosenthal chỉ là một bài kiểm tra trí thông minh bình thường, và những học sinh được cho là sẽ “bùng nổ” được lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Cuối năm học, bọn trẻ được làm lại một bài kiểm tra trí thông minh tương tự, và những đứa trẻ được xác định ngẫu nhiên là sẽ “bùng nổ” trí tuệ đạt được kết quả trung bình cao hơn những đứa trẻ khác 15 điểm.

Theo như Gary Wells của trường Đại học Tiểu bang Iowa, giả thuyết này thậm chí có thể dẫn đến chuyện những sĩ quan cảnh sát vô tình thiên vị những nhân chứng để chọn ra một số nghi phạm nhất định từ danh sách bằng cách sử dụng các tín

hiệu phi ngôn ngữ một cách vô thức đã từng tác động đến Hans thông minh từ hơn một trăm năm trước⁵.

Công trình này cũng khiến những nhà nghiên cứu nhận ra rằng phải ngăn chặn hiệu ứng Hans thông minh bằng cách che giấu những thông tin nhất định của một cuộc nghiên cứu với cả những người tham gia lẫn những người làm thí nghiệm. Phương pháp “mù” ngày nay được coi là nguyên tắc vàng của nghiên cứu khoa học. Và tất cả đều nhờ một con ngựa biết làm toán.

Cả Bishop và Hans thông minh dường như đều có khả năng đọc được suy nghĩ của người khác. Thực tế, cả hai chỉ đang phản hồi lại những tín hiệu vô thức từ người xung quanh. Những phù thủy của tâm trí khác tập trung nhiều hơn vào việc cố gắng kiểm soát suy nghĩ và thuyết phục mọi người hành động theo một cách nhất định. Nhưng liệu có thể chiếm lấy tâm trí người khác và điều khiển họ như một con rối hay không? Nhiều năm qua, những tiểu thuyết gia và nhà sản xuất phim đã gợi ý là có, nhưng sự thật đằng sau những điều giả tưởng đó là gì? Liệu có thể thôi miên ai đó để khiến họ làm điều trái với ý mình không?

Hiệu ứng Svengali

Năm 1894, George du Maurier xuất bản cuốn tiểu thuyết kinh điển của mình – *Trilby*. Mạch truyện xoay quanh một nhà thôi miên nguy hiểm tên Svengali, người đã đưa nữ anh hùng Trilby O’Ferrall vào trạng thái bị thôi miên sâu để rồi lợi dụng cô cho lợi ích của mình. Ngoài việc đây là cuốn tiểu thuyết bán chạy thứ hai vào thời điểm ấy (chỉ sau *Dracula* của Bram Stoker) và tạo nên xu hướng đội mũ phớt, tác phẩm này của du Maurier còn khuyến khích công chúng tin rằng có những người có khả năng thao túng người khác hành động ngược lại với ý chí của họ. Nhưng điều đó có đúng sự thật?

Những năm đầu của thế kỷ trước, một vài nhà nghiên cứu đã cố giải quyết vấn đề này bằng cách đưa những người khác vào trạng thái bị thôi miên và yêu cầu họ thực hiện một số hành vi như giết người hay hắt một cốc “axít” (thực tế là nước) vào mặt người làm thí nghiệm⁶. Mặc dù thực sự có nhiều người tham gia đã đâm người khác bằng dao cao su và hắt nước vào những nhà nghiên cứu, nhưng thí nghiệm này không được thực hiện trong điều kiện chặt chẽ và vì thế nó tạo ra nhiều câu hỏi hơn là đưa ra câu trả lời. Giữa những năm 1960, hai nhà tâm lý học đến từ Đại học Pennsylvania Martin Orne và Fredrick Evans quyết định xem xét kỹ lưỡng hơn về vấn đề này⁷.

Orne tìm một vài sinh viên dễ bị tác động bởi người khác và kiểm tra họ cùng một lượt. Mỗi người sẽ bị thôi miên và được yêu cầu ngồi trước một cái hộp hở ra ở mặt trước. Một nhà nghiên cứu sẽ đặt một con rắn cây màu xanh lá không có độc vào bên trong hộp và những người tham gia được bảo rằng họ có một thôi thúc mãnh liệt để bắt lấy con rắn. Tất cả bọn họ đều

làm theo lời gợi ý và lấy con rắn ra. Tiếp theo, đội ngũ làm thí nghiệm đeo một đôi găng tay dài và dày rồi mang ra một con rắn đen bụng đỏ thực sự nguy hiểm. Họ giải thích rằng đây là một trong những loại rắn độc nhất trên thế giới và có thể giết người chỉ với một nhát cắn. Con rắn sau đó được đặt vào trong hộp và tất cả những người tham gia được bảo rằng họ có một thời thúc mạnh mẽ để bắt lấy con rắn. Thật đáng ngạc nhiên là tất cả mọi người đều thực hiện hành động đó, và chỉ khi đã đặt tay vào trong hộp, họ mới biết được rằng đội nghiên cứu đã bí mật đặt một tấm kính ở trước con rắn.

Bề ngoài, Orne và Evans dường như đã thuyết phục những học sinh bị thôi miên hành động trái với lợi ích của họ. Tuy nhiên, giai đoạn hai của nghiên cứu được thiết kế một cách thông minh để kiểm tra xem liệu điều đó có chính xác hay không. Lần này, đội thực hiện thí nghiệm tập hợp một nhóm sáu học sinh có tính cách kiên định và không dễ bị tác động, chẳng bận tâm đến chuyện thôi miên họ mà chỉ đơn giản bảo họ giả vờ như bị thôi miên. Điều đáng ngạc nhiên là tất cả mọi người đều sẵn sàng bắt cả con rắn vô hại lẫn đồng loại cực độc của nó. Điều này cho thấy rõ ràng rằng những kết quả thu được ở phần đầu tiên của nghiên cứu không phải do thôi miên. Để tìm hiểu tại sao những sinh viên này sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm mạng sống của họ khi thực hiện thí nghiệm, đội nghiên cứu đã hỏi nhóm những người kiên định rằng họ đã nghĩ gì khi tiếp cận con rắn độc. Gần như tất cả bọn họ đều giải thích rằng họ biết mình đang tham gia vào một nghiên cứu khoa học và tin tưởng rằng những người thực hiện nghiên cứu sẽ không để họ gặp bất kỳ nguy hiểm nào. Khám phá này cho thấy những nhà nghiên cứu không thể đánh giá chính xác liệu con người có hành động trái với ý muốn của họ khi bị thôi miên hay không. Ủy ban đạo đức của trường đại học sẽ không cho phép các sinh viên bị đặt vào một tình huống thực

sự nguy hiểm, và dù chuyện đó có xảy ra đi chăng nữa, những người tham gia có thể vẫn sẽ thực hiện một hành động nguy hiểm, đơn giản vì họ tin rằng mình sẽ được an toàn.

Mặc dù vậy, khi những nhà khoa học nhìn một cách kĩ càng vào những nghiên cứu lâu đời hơn về hiệu ứng Svengali, họ khám phá ra một minh chứng có thể xử lý được vấn đề này. Vào những năm đầu của thế kỷ trước, Jules Liegeois, nhà thôi miên và cũng đồng thời là một nhà nghiên cứu, đã thực hiện một màn trình diễn vô cùng kỳ lạ trong một hội nghị được tổ chức ở trường Salpetriere tại Paris. Liegeois thôi miên một người phụ nữ, đưa cho cô một con dao cao su, nói rằng đó là dao thật, và bảo cô hãy đâm một vài vị khán giả. Người phụ nữ nhanh chóng tuân theo. Đáng tiếc, Liegeois đã không nghĩ đến chuyện bảo một ai đó chưa bị thôi miên thực hiện thí nghiệm tương tự, và do đó đã kết luận không chính xác rằng màn trình diễn đó chứng tỏ thôi miên có thể làm cho một người hành động theo chiều hướng không phù hợp với lợi ích của họ. Mặc dù vậy, khi những người tham dự hội thảo đã ra về gần hết, một nhóm những sinh viên y khoa nghịch ngợm đã bảo với người phụ nữ vẫn đang bị thôi miên rằng cô nên cởi bỏ trang phục của mình. Người phụ nữ có lẽ đã nhận ra rằng việc đâm ai đó bằng dao cao su chỉ là chuyện đùa, nhưng làm theo gợi ý này thực sự sẽ rất xấu hổ. Cô ấy đã không cởi bỏ trang phục của mình. Thực ra, cô đứng lên và chạy khỏi khán phòng. Điều thú vị là từng chỉ có duy nhất một người thử thực hiện lại nghiên cứu hấp dẫn nhưng trái với nguyên tắc đạo đức này. Vào những năm 1960, một nhà nghiên cứu làm việc tại trường đại học đã chọn ngẫu nhiên một tình nguyện viên nữ trẻ tuổi, để cô ngồi trước một nhóm người và gợi ý rằng cô nên cởi bỏ trang phục của mình.

Vị giáo sư đã kinh hãi khi thấy cô gái nhanh chóng bắt đầu cời đồ và đã phải yêu cầu dừng màn trình diễn lại. Chỉ sau đó, ông mới biết được rằng mình đã vô tình chọn một vũ công thoát y chuyên nghiệp để làm đối tượng nghiên cứu.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THÔI MIÊN MỘT CON GÀ

Ormond McGill là một nghệ sĩ trình diễn thôi miên tài năng trên sân khấu. Sinh năm 1913, ông làm việc với nghệ danh “Tiến sĩ Zomb”, và là người đã khai phá nhiều kỹ thuật vẫn đang được sử dụng bởi những nghệ sĩ trình diễn ngày nay. Cuốn sách của McGill xuất bản năm 1947, *The Encyclopedia Of Genuine Stage Hypnotism (Bách khoa toàn thư về hành vi thôi miên trên sân khấu chân thực)*, đã miêu tả rằng ta có thể bố trí con gà như thế nào để nó không cử động và có vẻ như bị thôi miên. Theo như McGill, tất cả những gì bạn cần làm là cẩn thận cầm vào cổ con gà, đặt nó nằm ngửa lên bàn, và giữ cho đầu nó hướng thẳng với người. Cuối cùng, vẽ lên bàn một đường thẳng dài khoảng 60cm từ mỏ của con gà. Con gà sau đó sẽ nằm yên không động đậy (nhìn hình minh họa).



Khi thôi miên, ta có thể khiến con gà ăn một ít hành tây, đeo kính X-quang, và biểu diễn múa thoát y. Tôi đùa thôi. Thực tế, con gà không cử động không phải do bị thôi miên mà đó là do hiện tượng “bất động căng cứng”, một cơ chế phòng vệ để tránh khỏi những động vật săn mồi tiềm năng bằng cách giả vờ chết. Để đánh thức con gà khỏi trạng thái hôn mê, đơn giản chỉ cần di chuyển đầu con gà ra khỏi vạch kẻ là được.

Mặc dù phần lớn phim ảnh sách báo đều gợi ý điều ngược lại, nhưng những chứng cứ khoa học cho thấy không thể làm cho một người hành động trái với ý muốn của họ bằng cách thôi miên. Tuy nhiên, nghiên cứu về những hình thái khác của kiểm soát tâm trí đã đạt được những kết quả rất tích cực nhưng cũng đáng lo ngại. Để tìm hiểu thêm nữa, chúng ta phải khám phá thế giới âm u tối tăm của những hệ thống tôn giáo.

Từ người bán khí đến nhà truyền giáo đầy sức hút

Sinh năm 1931, Jim Jones lớn lên trong một cộng đồng Ấn Độ ở miền quê⁸. Được những người hàng xóm xung quanh nhận xét là “một đứa trẻ kỳ lạ”, khi còn nhỏ, Jones dành phần lớn thời gian nghiên cứu tôn giáo, tra tấn động vật và bàn luận về cái chết. Ông cũng sớm bộc lộ sự thích thú với việc truyền giáo. Một người bạn thuở ấu thơ của ông nhớ lại có lần Jones đã quần một tấm vải cũ qua vai, tập hợp một nhóm trẻ con để lập nên một giáo đoàn tạm thời, và giả làm ác quỷ để đưa ra một bài thuyết giáo. Thời niên thiếu, ông trở thành một mục sư sinh viên trong nhà thờ Giám lý ở địa phương, nhưng đã rời đi khi những người đứng đầu của nhà thờ cấm ông thuyết giáo trong những buổi tụ họp có nhiều chủng tộc người. Vào năm 1955, khi mới 24 tuổi, Jones đã tạo dựng được một nhóm nhỏ những tín đồ trung thành và thành lập một nhà thờ của riêng mình tên là Peoples Temple (Đền Hội Chúng). Còn kỳ quặc hơn nữa, ông gây quỹ cho dự án tham vọng này bằng cách đi gõ cửa từng nhà mời họ mua khí làm thú cưng. Khi không còn mua bán khí nữa, ông dành thời gian để rèn giũa kỹ năng phát biểu trước đám đông và mau chóng xây dựng được danh tiếng như là một nhà truyền giáo rất có sức hút.

Thông điệp đầu tiên của Jones là về sự bình đẳng và hòa hợp giữa những chủng tộc người. Ông làm theo đúng như những gì mình đã nói và khuyến khích các tín đồ cung cấp thực phẩm cũng như việc làm cho những người nghèo. Danh tiếng về những việc làm tử tế nhanh chóng được lan truyền, dẫn đến có cả gần ngàn người lũ lượt kéo đến nhà thờ của ông. Jones tiếp tục sử dụng ảnh hưởng của mình để nâng cao chất lượng cuộc sống

cho cộng đồng, thành lập một nơi phát thức ăn miễn phí cho những người vô gia cư cũng như một trung tâm y tế để chăm sóc sức khỏe cho mọi người. Năm 1965, ông khẳng định đã nhìn thấy trước miền trung tây của nước Mỹ sẽ sớm phải hứng chịu một cuộc tấn công hạt nhân, và thuyết phục hàng trăm thành viên trong giáo đoàn của mình theo ông đến vùng Redwood Valley ở California. Ông vẫn tiếp tục tập trung hỗ trợ những người cần sự trợ giúp nhất, từ những người nghiện thuốc phiện, nghiện rượu cho đến những người nghèo.

Đầu những năm 1970, giông bão bắt đầu kéo đến. Ông đã đòi hỏi những tín đồ của mình phải tận tâm hơn nữa, liên tục thuyết phục họ phải đi nghỉ với những thành viên khác trong giáo đoàn thay vì gia đình của mình, và phải nộp tiền cũng như tài sản cho nhà thờ. Thêm nữa, Jones lúc này đã nghiện rất nặng và ngày càng trở nên hoang tưởng về chuyện chính phủ Mỹ đang cố gắng phá huỷ nhà thờ của ông. Những phóng viên địa phương cuối cùng cũng bắt đầu để ý đến câu chuyện về những cam kết ở mức độ không lành mạnh xuất hiện từ nhà thờ Peoples Temple, khiến Jones phải rời trụ sở của mình đến San Francisco để tránh việc bị giám sát. Tại đây, những bài thuyết giáo của ông đạt được thành công rất lớn, và chưa đến vài năm, số lượng tín đồ trong giáo đoàn của ông đã tăng gấp đôi. Mặc dù vậy, không lâu sau đó những phóng viên lại bắt đầu viết bài chỉ trích ông, buộc ông nhanh chóng phải rời khỏi Mỹ và xây dựng cộng đồng “lý tưởng” của mình ở nước ngoài.

Ông cân nhắc kĩ lưỡng một vài đất nước trước khi quyết định thiết lập một cộng đồng để phục vụ cho riêng mình tại Guyana ở bờ biển phía bắc của Nam Phi. Từ góc nhìn của Jones, đây là một sự lựa chọn sáng suốt, một phần bởi vì ông có thể dễ dàng hối lộ những nhân viên công quyền người Guyana để họ

cho phép ông tiếp nhận những kiện hàng bất hợp pháp gồm vũ khí và thuốc phiện. Năm 1974, ông thương lượng được một hợp đồng cho thuê gần 4.000 mẫu Anh (xấp xỉ 16,2km²) của một khu rừng rậm nằm tách biệt ở vùng tây bắc của đất nước này. Sau khi khiêm tốn đặt tên khu vực này là “Jonestown”, nhà truyền giáo đầy sức lôi cuốn cùng vài trăm tín đồ của mình thu dọn đồ đạc và chuyển đến Guyana. Đó thực sự là một cuộc sống khó khăn. Jonestown hoàn toàn bị cô lập, đất đai cằn cỗi và nguồn nước gần nhất cũng cách xa 11,3km đường lầy lội. Bệnh tiêu chảy và sốt cao thì phổ biến. Ngoài việc một ngày phải làm việc 11 tiếng, tín đồ của Temple còn phải tiếp tục tham dự những bài thuyết giáo dài và các lớp học vào buổi tối. Rất nhiều hình phạt được áp dụng với những người lơ là trách nhiệm của mình, ví dụ như bị giam trong một thùng gỗ hình quan tài hay bị buộc phải ở dưới một cái giếng khô trong nhiều giờ.

Ngày 17 tháng 11 năm 1978, một thành viên của Hạ viện Mỹ Leo Ryan đã đến Guyana để điều tra về tin đồn rằng có những người bị giữ tại Jonestown trái với ý nguyện của họ. Ban đầu khi đến nơi, Ryan không nghe thấy được điều gì ngoài những lời ca ngợi cộng đồng mới này. Tuy nhiên, vào cuối ngày đầu tiên của chuyến đi, một nhóm gia đình đã bí mật báo với Ryan rằng họ không hạnh phúc ở đây và mong muốn được chuyển đi. Sớm ngày hôm sau, 11 thành viên của Temple cảm thấy một sự nguy hiểm và tuyệt vọng dâng cao ở Jonestown, và đã bí mật trốn thoát bằng cách đi bộ xuyên qua 48km rừng rậm dày đặc cây cối. Khi trời tối muộn, Ryan và một nhóm nhỏ những người muốn bỏ trốn hướng đến sân bay và cố gắng lên máy bay để có thể về Mỹ. Những thành viên của đội đảm bảo an ninh “Lữ đoàn đỏ” của Temple đã nổ súng, giết chết Ryan và những thành viên trong nhóm của ông. Ryan trở thành thành viên duy nhất của Hạ viện bị sát hại khi đang làm nhiệm vụ trong lịch sử nước Mỹ.

Cảm thấy rằng thế giới chuẩn bị sụp đổ xung quanh mình, Jones tập hợp những cư dân ở Jonestown, nói với họ rằng Ryan và đội ngũ của mình đã bị giết, và giải thích rằng chính phủ Mỹ sẽ trả thù lên cả cộng đồng, rồi hối thúc họ tham gia vào một hành động tập thể “tự sát vì cách mạng”. Một số lượng lớn nước ngọt vị nho pha với xyanua được mang ra, và Jones ra lệnh cho mọi người uống dung dịch này. Những bậc cha mẹ bị thúc giục đầu độc con của họ trước khi tự mình uống chúng. Một đoạn băng ghi hình lại khung cảnh lúc ấy cho thấy bất cứ khi nào có một tín đồ từ chối, Jones thúc ép họ phải tham gia, tuyên bố rằng: “Tôi không quan tâm các người nghe thấy bao nhiêu tiếng hét, tôi cũng không quan tâm có bao nhiêu tiếng than khóc đau khổ, cái chết còn tốt đẹp hơn cuộc sống này cả triệu lần. Nếu các người biết trước điều gì đang đợi chờ mình ở phía trước, các người sẽ vui sướng mà bước lên một bậc thang mới ngay tối nay”. Hơn 900 người đã chết trong nghi thức này, trong đó có khoảng 270 trẻ em. Mặc dù có một vài thành viên có vũ trang đứng xung quanh canh gác, nhưng dường như hầu hết những tín đồ đã tự nguyện tự sát, thậm chí có một người phụ nữ đã viết “Jim Jones là duy nhất” lên cánh tay của mình trước khi quỳ sinh. Trước sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, đây là con số tử vong lớn nhất của công dân Mỹ trong một sự kiện không phải thảm họa tự nhiên.

Trong hơn 30 năm qua, những nhà tâm lý học đã nghiên cứu làm thế nào mà Jim Jones có thể thuyết phục nhiều người như thế tự tử, và những bậc cha mẹ giết hại chính những đứa con của mình. Một số người cho rằng đa số thành viên của giáo hội Temple là những cá nhân dễ bị tổn thương về mặt tâm lý và tuyệt vọng tin vào thông điệp của Jones về sự bình đẳng và hoà hợp chủng tộc. Jones đề cập đến Jonestown như là “miền đất hứa” và miêu tả đó là nơi mà những bậc cha mẹ có thể nuôi dạy

con cái của mình mà không sợ nạn phân biệt chủng tộc làm tổn thương cuộc đời con cái họ giống như họ trước đây. Sự mệnh của ông ta cũng rất có sức hút bởi vì nó tạo ra cho mọi người một lý tưởng sống mạnh mẽ, trút bỏ được cảm giác vô dụng, và biến họ trở thành một phần trong một đại gia đình của những người có cùng tư tưởng và có thể chăm sóc lẫn nhau. Như lời của một nhân chứng còn sống nhớ lại: “Không ai tham gia vào một giáo phái cuồng tín... mà tham gia một tổ chức tôn giáo hay một phong trào chính trị, và họ tham gia cùng với những người mình yêu mến”. Mặc dù rõ ràng những nhân tố này đóng một vai trò nhất định trong thảm kịch Jonestown, nhưng vẫn chưa đủ để tạo một nên bức tranh tổng thể. Con người thường bị thu hút bởi những tổ chức tôn giáo hay chính trị vì ở đây họ có được ý thức về mục đích sống và một đại gia đình, nhưng hầu hết mọi người sẽ không sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình vì lý do này. Thay vào đó, những nhà tâm lý học tin rằng sức ảnh hưởng của Jones được tạo nên bởi bốn nhân tố chính.

Đầu tiên, Jones rất giỏi kỹ thuật “đặt chân lên thềm cửa”.

“Đặt chân lên thềm cửa”

Trong một thí nghiệm kinh điển thực hiện bởi Jonathan Freedman và Scott Fraser của Đại học Stanford, hai nhà nghiên cứu đã đóng vai những tình nguyện viên và đến từng nhà một giải thích rằng khu vực này đang có mật độ tai nạn giao thông rất cao và hỏi những người chủ nhà có phiền không nếu họ đặt tấm biển “LÁI XE CẨN THẬN” ở trong vườn của họ⁹. Đây là một yêu cầu đáng lưu tâm vì tấm biển này rất lớn và vì thế sẽ huỷ hoại cảnh quan của ngôi nhà và khu vườn. Có lẽ cũng không có gì ngạc nhiên, gần như không có ai đồng ý với đề nghị này. Trong giai đoạn tiếp theo của thí nghiệm, đội nghiên cứu tiếp

cận một khu dân cư khác và xin phép đặt tấm biển “HÃY LÁI XE AN TOÀN” trong vườn của họ. Lần này, tấm biển chỉ cỡ khoảng 19cm² và gần như tất cả mọi người đều đồng ý. Hai tuần sau, đội nghiên cứu quay lại và lần này tiếp tục nhờ những người ở khu dân cư thứ hai cho đặt tấm biển lớn hơn. Thật tuyệt vời khi hơn ba phần tư số người được hỏi đồng ý cho đặt tấm biển cỡ động vừa to vừa xấu ấy. Ý tưởng này, được biết đến như là kỹ thuật “đặt chân lên thềm cửa”, bao hàm việc làm cho mọi người đồng ý một đề nghị to tát bằng cách khiến họ đồng ý với một yêu cầu khiêm tốn hơn rất nhiều trước đó.

Jones đã sử dụng kỹ thuật này để thao túng giáo đoàn của mình. Ban đầu, những tín đồ chỉ được yêu cầu ủng hộ một phần rất nhỏ thu nhập của họ cho nhà thờ, nhưng theo thời gian, khoản tiền đó cứ tăng dần lên cho đến khi họ đưa toàn bộ tài sản cùng những khoản tiết kiệm của mình cho Jones. Điều tương tự cũng xảy ra với những hoạt động cống hiến. Khi mới gia nhập nhà thờ, những thành viên chỉ phải dành ra vài tiếng mỗi tuần để làm việc cho cộng đồng. Nhưng khi thời gian trôi đi, một ít giờ này cứ dài thêm ra từng chút một cho đến khi các thành viên tham gia vào những hoạt động mất nhiều thời gian, góp phần thu hút thêm những người khác nhập hội, viết thư cho giới chính trị cũng như giới truyền thông. Bằng cách từ từ nâng những yêu cầu của mình lên, Jones đã sử dụng kỹ thuật “đặt chân lên thềm cửa” để chuẩn bị cho những tín đồ của mình sẵn sàng hy sinh tất cả. Nhưng kỹ thuật này chỉ thành công khi mọi người không vạch ra giới hạn và lên tiếng phản đối với những yêu cầu ngày càng cao này. Kỹ thuật tâm lý thứ hai Jones sử dụng được thiết kế riêng để dập tắt những chống đối có thể xảy ra.

Tất cả cùng với nhau

Vào những năm 1950, nhà tâm lý học người Mỹ Solomon Asch đã tiến hành một loạt thí nghiệm về sức mạnh của tính bầy đàn¹⁰. Tất cả người tham gia được yêu cầu đi đến phòng thí nghiệm của Asch cùng một lúc và được giới thiệu với sáu tình nguyện viên. Những người tham gia thí nghiệm không hề biết rằng những tình nguyện viên này là các phụ tá làm việc cho Asch. Một nhóm gồm những người tham gia và các phụ tá ngồi xung quanh một cái bàn và được thông báo rằng họ sẽ tham gia vào một “bài kiểm tra tầm nhìn”. Sau đó, họ được cho xem hai tấm thẻ. Tấm thẻ đầu tiên chỉ có một đường thẳng ở trên đó, trong khi tấm thẻ thứ hai có ba đường thẳng với những độ dài khác nhau, và một trong số đó có độ dài giống với đường thẳng ở tấm thẻ đầu tiên. Mọi người được yêu cầu tìm ra xem đường thẳng nào ở tấm thẻ thứ hai giống với đường thẳng ở tấm thẻ đầu. Chỗ ngồi của họ đã được sắp xếp sao cho người trả lời cuối cùng là một người tham gia thí nghiệm thực sự. Mọi người đều được yêu cầu nói ra câu trả lời của mình và các “tình nguyện viên” sẽ đưa ra câu trả lời giống nhau. Trong hai lượt thử đầu tiên, tất cả những người phụ tá đều đưa ra câu trả lời chính xác khi so sánh độ dài giữa các đoạn thẳng, trong khi ở lần thử thứ ba tất cả bọn họ đều đưa ra câu trả lời sai. Asch muốn khám phá xem có bao nhiêu phần trăm người tham gia sẽ thỏa hiệp với áp lực từ những người bên cạnh để đưa ra một câu trả lời rõ ràng là sai nhưng thuận theo cả nhóm. Có đến 75% số người chọn làm theo số đông. Asch thực hiện thí nghiệm tương tự, nhưng lần này ông cho một người phụ tá tách nhóm khi đưa ra một câu trả lời hoàn toàn khác. Khi đó, ý kiến trái chiều này làm giảm tỉ lệ thuận theo số đông xuống còn khoảng 20%.

Peoples Temple là một cuộc thí nghiệm khổng lồ về khía cạnh tâm lý học của tính bầy đàn. Jones nhận thức được rằng

một quan điểm bất đồng sẽ khuyến khích những người khác nói ra ý kiến của mình và vì thế đã không cho phép mọi người được quyền chỉ trích. Để củng cố chế độ này, Jones cho những người chỉ điểm kết bạn với những người có thái độ nghi ngờ về Temple lúc đầu, để khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự chống đối, họ sẽ bị đánh đập dã man hoặc bị làm cho bẽ mặt trước mọi người. Ông ta cũng chia cắt các nhóm có xu hướng chia sẻ với nhau suy nghĩ của mình. Những gia đình cũng bị chia cắt, ban đầu con cái sẽ không được ngồi gần bố mẹ trong khi làm lễ, rồi sau đó sẽ được đưa cho một thành viên khác của giáo đoàn chăm sóc toàn thời gian. Mọi người cũng được khuyến khích ngoại tình để làm giảm đi sự gắn kết của những cặp vợ chồng. Tương tự, cánh rừng rậm bao quanh Jonestown cũng để đảm bảo rằng cộng đồng này hoàn toàn bị cô lập với thế giới bên ngoài nên sẽ không thể nào biết được ý kiến trái chiều từ những người không liên quan. Sức mạnh và hiệu ứng khủng khiếp của việc cấm đoán những ý kiến trái chiều được thể hiện rất rõ qua cuộc tự sát tập thể. Một đoạn băng ghi hình lại tấn thảm kịch này cho thấy có thời điểm, một người phụ nữ tuyên bố thẳng thắn rằng những đứa trẻ ở đây xứng đáng được sống. Jones nhanh chóng hành động để bác bỏ lời chỉ trích này, khẳng định rõ ràng rằng những đứa trẻ xứng đáng được hưởng sự bình yên và “bằng chứng rõ ràng nhất chúng ta có thể đưa ra đó là rời khỏi thế giới đáng nguyên rủa này”. Đám đông vỗ tay tán thưởng Jones, một người đàn ông hét lên: “Tất cả đã kết thúc rồi, chị gái... chúng ta đã làm nên một ngày thật đẹp,” và một người khác thêm vào, “Nếu như người bảo chúng con phải từ bỏ mạng sống của mình ở đây, chúng con đã sẵn sàng”.

Nhưng Jones không chỉ bận tâm tới kỹ thuật “đặt chân lên thêm cửa” và loại bỏ những ý kiến bất đồng. Ông ta còn sử dụng vũ khí tâm lý học thứ ba để có thể kiểm soát tâm trí của những

tín đồ – ông ta dường như có thể liên lạc với Chúa và có khả năng thực hiện những điều kỳ diệu.

Điều kỳ diệu của những điều kỳ diệu, phép màu của những phép màu

Rất nhiều người đi theo Jones vì ông ta dường như có thể làm phép. Trong những buổi làm lễ, Jones sẽ yêu cầu những ai đang có bệnh tật trong người đi lên hàng ghế đầu của nhà thờ. Ông ta cho tay vào trong miệng của những bệnh nhân rồi đột ngột lôi ra một mô “chứa bệnh ung thư” rất kinh khủng và nói rằng họ đã được chữa lành. Thi thoảng, những người bị tật ở chân dường như được chữa khỏi ngay lập tức và Jones bảo họ vứt cái nạng của mình đi và nhảy nhót ở giữa lối đi của nhà thờ. Ông cũng khẳng định rằng mình có thể nghe được tiếng nói của Chúa, gọi tên những người trong giáo đoàn và đã tiết lộ chính xác thông tin về đời sống của họ. Có một lần, số người đến làm lễ nhiều hơn dự kiến và Jones tuyên bố rằng ông ta có thể cung cấp đủ đồ ăn cho tất cả mọi người bằng cách sử dụng phép thuật. Vài phút sau, cánh cửa nhà thờ mở ra và một thành viên của giáo đoàn bước vào với hai khay lớn đầy ắp gà rán.

Tất cả đều không phải thật. Những tế bào “ung thư” thực chất chỉ là mề gà bị ôi đã được Jones giấu ở trong bàn tay của mình trước khi “lôi” chúng ra từ trong miệng của bệnh nhân. Việc chữa lành những người “què” được dàn dựng bởi một nhóm nhỏ những tín đồ cực kỳ tận tâm đã giả vờ họ không thể đi được. Thông tin về những cá nhân trong giáo đoàn không phải là lời của Chúa mà cũng được những tín đồ “thân tín” của Jones sàng lọc từ những bức thư nhật trong thùng rác và những tài liệu hữu dụng khác. Những người này đã kể lại sau đó rằng họ tình nguyện hỗ trợ Jones như thế vì ông ta nói mình đang giữ gìn sức

mạnh siêu nhiên thật sự cho những vấn đề hệ trọng hơn. Thế còn điều kỳ diệu về gà rán? Một thành viên của giáo đoàn sau đó đã kể lại rằng trước khi điều kỳ diệu xảy ra, anh ta thấy một người mang những cái khay đến nhà thờ cùng với vài phần thức ăn từ Gà Rán Kentucky. Khi Jones phát hiện ra những lời bình luận không hay này, ông ta đã bỏ thuốc vào một miếng bánh, đưa nó cho thành viên có ý kiến bất đồng và thông báo rằng Chúa sẽ trừng trị lời nói dối của anh ta bằng cách khiến anh ta buồn nôn và bị tiêu chảy.

Vậy khả năng kiểm soát tâm trí của Jones chỉ đơn giản là kỹ thuật “đặt chân lên thềm cửa”, ngăn ngừa sự phản kháng và trình diễn những điều kỳ diệu thôi sao? Thực tế, vẫn còn một yếu tố quan trọng nữa, đó là sự tự bào chữa.

Dựa trên hành động và niềm tin

Năm 1959, nhà tâm lý học Elliot Aronson của Đại học Stanford đã thực hiện một nghiên cứu để chỉ ra mối quan hệ giữa niềm tin và hành động¹¹. Hãy quay ngược lại dòng thời gian một chút và tưởng tượng rằng bạn là một tình nguyện viên ở trong thí nghiệm này.

Khi bạn đến phòng thí nghiệm của Aronson, một nhà nghiên cứu sẽ hỏi liệu bạn có cảm thấy ngại khi tham gia một nhóm thảo luận về tâm lý học giới tính hay không. Cảm thấy háo hức, bạn trả lời mình hoàn toàn thoải mái với chủ đề này. Sau đó, nhà nghiên cứu sẽ giải thích rằng một số người đã trở nên rất ngại ngùng xuyên suốt cuộc thảo luận và vì thế tất cả tình nguyện viên đều sẽ phải thực hiện một bài kiểm tra về sự “xấu hổ”. Bạn sẽ được đưa cho một danh sách dài gồm nhiều từ ngữ mang tính gọi hình cao (trong đó có nhiều từ mang nghĩa bóng

bồ) và hai đoạn văn miêu tả cụ thể về những hoạt động tình dục. Nhà nghiên cứu sẽ yêu cầu bạn đọc thật to cả danh sách lẫn hai đoạn văn, và trong lúc đó anh ta sẽ đánh giá mức độ xấu hổ của bạn. Sau khi để bạn đọc to những từ ngữ nhạy cảm, nhà nghiên cứu thông báo cho bạn biết một tin tốt là bạn đã vượt qua bài kiểm tra và có thể tham gia thảo luận nhóm. Tuy nhiên, có một tin xấu là vì bài kiểm tra mức độ xấu hổ đã tốn nhiều thời gian hơn dự kiến, cuộc thảo luận đã bắt đầu và bạn chỉ còn có thể nghe từ bây giờ. Nhà nghiên cứu dẫn bạn đến một căn phòng nhỏ, giải thích rằng tất cả thành viên trong nhóm đều ngồi ở những căn phòng riêng biệt như thế này để đảm bảo danh tính, và bạn sẽ phải đeo tai nghe để theo dõi cuộc thảo luận. Sau đó, bạn sẽ cảm thấy vô cùng thất vọng vì sau khi phải thực hiện biết bao công đoạn thì cả nhóm đang bàn luận một chủ đề chán ngắt liên quan tới cuốn sách mang tên *Sexual Behavior in Animals* (Hành vi Tình dục ở Động vật). Cuối cùng, nhà nghiên cứu quay lại và đề nghị bạn đánh giá mức độ mà bạn muốn tham gia nhóm thảo luận này.

Cũng giống như nhiều thí nghiệm tâm lý khác, nghiên cứu của Aronson bao gồm khá nhiều yếu tố lừa gạt. Trên thực tế, toàn bộ thí nghiệm này không nhắm đến tâm lý học giới tính mà nhắm đến khía cạnh tâm lý học của niềm tin. Khi những người tham gia đến phòng thí nghiệm, họ được ngẫu nhiên chia làm hai nhóm. Một nửa sẽ thực hiện quá trình thí nghiệm như miêu tả ở trên, được yêu cầu phải đọc to lên một danh sách từ ngữ gợi hình và những đoạn văn nhạy cảm. Nhóm còn lại được yêu cầu đọc những từ ít khơi gợi cảm xúc hơn (ví dụ như “mại dâm” hay “trinh tiết”). Sau đó, tất cả mọi người đều được nghe cùng một đoạn thảo luận nhóm đã được ghi âm sẵn và sẽ đánh giá mức độ họ muốn trở thành một thành viên trong nhóm. Hầu hết những nhà tâm lý học vào thời của Aronson đều sẽ đoán rằng những

người phải trải qua quy trình gây xấu hổ hơn sẽ không thích nhóm thảo luận vì họ liên kết nó với một trải nghiệm rất tiêu cực. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu của Aronson về khía cạnh tâm lý học của việc tự bào chữa khiến ông mong chờ một kết quả rất khác. Aronson cho rằng những người phải đọc to những tài liệu mang tính gọi dục hơn sẽ bào chữa cho sự xấu hổ của mình bằng cách thuyết phục bản thân họ rằng nhóm thảo luận này đáng để tham gia và sau đó sẽ suy nghĩ kĩ hơn về điều đó. Dự đoán của Aronson đã được chứng minh là chính xác. Mặc dù tất cả mọi người đều được nghe một đoạn hội thoại đã được ghi âm từ trước như nhau, tỷ lệ những người thực hiện bài kiểm tra nhạy cảm muốn tham gia nhóm thảo luận lớn hơn rất nhiều so với những người ở trong nhóm “mại dâm và trinh tiết”.

Khám phá của Aronson giúp giải thích vì sao nhiều nhóm thường yêu cầu những thành viên tiềm năng của mình phải trải qua những nghi thức ban đầu đầy đau đớn và nhục nhã. Hội nam sinh ở những trường cao đẳng ở Mỹ bắt tân sinh viên phải ăn những thứ rất khó nuốt hoặc phải khoả thân, hay như trong quân đội thì những tân binh phải trải qua quá trình huấn luyện rất nặng, còn bác sĩ thực tập cũng sẽ phải làm việc đêm ngày trước khi được nhận làm bác sĩ chính thức. Jones đã sử dụng chiến lược tương tự để khuyến khích mọi người cảm thấy gần bó hơn với Peoples Temple. Thành viên của giáo đoàn đã phải trải qua những buổi gặp mặt rất dài, viết những lời thú tội, đóng góp tài sản cho giáo đoàn và cho phép những gia đình khác nuôi dạy con của mình. Nếu như Jones nghi ngờ ai đó có hành động đi ngược lại với lợi ích của giáo đoàn, ông ta sẽ yêu cầu những thành viên khác của giáo đoàn trừng phạt người đó. Theo lẽ thường thì những hành động này sẽ khiến mọi người xa lánh cả Jones và Peoples Temple. Nhưng trên thực tế, khía cạnh tâm lý

của việc tự bào chữa cho bản thân đảm bảo rằng họ sẽ càng trở nên gần gũi với nguồn con của những hành động đó.

Khả năng thao túng tâm trí mà những người như Jim Jones thể hiện không liên quan tới thôi miên hay sự day dứt trong suy nghĩ của những người yếu đuối. Thay vào đó, họ đã áp dụng bốn nguyên lý quan trọng. Đầu tiên là từ từ làm cho đối tượng lún sâu hơn vào mọi việc. Một khi mà lãnh đạo của một giáo phái đã đặt được chân lên thềm cửa nhà, họ sẽ càng ngày càng đòi hỏi nhiều sự đóng góp hơn cho đến khi những tín đồ chợt nhận ra họ đã hoàn toàn chìm sâu vào trong hoạt động của tổ chức. Thứ hai, bất kỳ một ý kiến trái chiều nào cũng sẽ bị loại bỏ. Những người có ý nghi ngờ bị tống khứ, và tập thể đó sẽ dần trở nên tách biệt với thế giới bên ngoài. Tiếp theo đó là những điều kỳ diệu. Bằng cách làm ra vẻ như có thể thực hiện những điều không thể, lãnh đạo của các giáo phái thường thuyết phục những tín đồ của mình rằng họ có thể trực tiếp liên lạc với Chúa và vì thế không được phép nghi ngờ họ. Cuối cùng, đó là sự tự bào chữa của mỗi cá nhân. Bạn có thể nghĩ rằng yêu cầu ai đó thực hiện một nghi thức nào đó kỳ lạ hoặc đau đớn sẽ làm họ xa lánh tập thể đó. Nhưng thực tế hoàn toàn ngược lại. Bằng việc thực hiện những nghi thức đó, những tín đồ bào chữa cho những điều họ phải chịu đựng bằng cách có thái độ tích cực hơn đối với giáo đoàn.

Đương nhiên, bạn có thể nghĩ rằng nếu như không quá bị tách biệt với cộng đồng, những thành viên của nhóm có thể sẽ tránh được việc bị ảnh hưởng bởi những kỹ thuật được nhắc đến ở trên, thấy được sự điên rồ của chúng và ngăn chặn được thảm kịch đó. Tuy nhiên, chuyển đi cuối cùng của chúng ta đến thế giới của các giáo phái cho thấy đó là một quan điểm hết sức ngớ ngẩn của những người đã bị khuất phục dưới phép màu của một người lãnh đạo đầy sức hút.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KHÔNG BỊ TẮY NÃO

Bằng cách nhìn vào bốn dấu hiệu cảnh báo sau đây, bạn hoàn toàn có thể tránh được việc bị kiểm soát tâm trí.

1. Bạn có cảm thấy kỹ thuật “đặt chân lên thêm cửa” đang được sử dụng không? Tổ chức hay người nào đó có bắt đầu bằng việc yêu cầu bạn làm những việc rất nhỏ để thể hiện sự tận tâm hay cống hiến của mình rồi từ từ nâng dần những yêu cầu của họ lên không? Nếu có, bạn có thực sự muốn làm theo những yêu cầu đó không hay bạn đang bị kiểm soát?

2. Hãy luôn cảnh giác với bất kỳ tổ chức nào cố ngăn cản bạn tiếp xúc với những ý kiến trái chiều. Bạn có đang bị chia cắt với bạn bè hay gia đình không? Trong tổ chức, những ý kiến trái chiều và thảo luận mở có bị chèn ép hay không? Chỉ cần một trong hai câu trả lời là có, hãy suy nghĩ thật cẩn thận đến việc tiếp tục tham gia.

3. Người lãnh đạo của tổ chức có tự nhận họ có khả năng làm được những điều kỳ diệu không tưởng hay không? Ví dụ như chữa thương hay tiên tri chẳng hạn? Những khả năng đó thể rất ấn tượng nhưng nhiều khi là kết quả của những trò lừa gạt hoặc ảo giác của chính bạn. Đừng dao động bởi những điều siêu nhiên huyền bí cho tới khi bạn có thể điều tra kỹ lưỡng về chúng.

4. Tổ chức đó có yêu cầu bất kỳ một nghi thức nhập hội nào làm bạn cảm thấy khó khăn, đau đớn hay bê mặt không?

Luôn nhớ rằng những nghi thức này được thiết kế để làm tăng sự gắn bó của bạn với nhóm. Hãy hỏi bản thân mình rằng những sự chịu đựng đó có thực sự cần thiết hay không.

Tận thế đã ở rất gần

Đầu những năm 1950, nhà tâm lý học Leon Festinger tình cờ thấy một thông tin trên một tờ báo địa phương nói rằng thủ lĩnh của một giáo phái đã tiên đoán được ngày tận thế. Theo như bài báo, một người phụ nữ tên Marian Keech đã tự mình thực hiện việc viết tự động và khẳng định rằng tin nhắn được những người ngoài hành tinh gửi đến. Keech đã thuyết phục được một nhóm nhỏ gồm 11 tín đồ tin rằng sẽ có một trận lũ lụt lớn vào ngày 21 tháng 12 năm 1954, nhưng họ không cần phải lo lắng vì một đĩa bay sẽ đến đón họ trước khi thảm họa xảy ra.

Festinger bản thân không biết điều gì sẽ xảy ra với Keech và những tín đồ của mình khi trận lũ lụt và những cái đĩa bay được dự đoán đó không trở thành hiện thực. Để tìm hiểu điều này, ông bí mật cho vài người thâm nhập vào trong nhóm để quan sát và ghi lại toàn bộ những diễn biến phức tạp về tâm lý của mọi người. Festinger mô tả khám phá này trong một quyển sách của ông tên là *When Prophecy Fails* (Khi Tiên Tri Thất Bại, cuốn sách sẽ cho bạn đầu mối về việc liệu những phi thuyền không gian có thực sự đến hay không) và mang tới một cái nhìn rõ nét về khía cạnh tâm lý của một giáo phái¹².

Một vài ngày trước ngày cả nhóm dự đoán là tận thế, Keech và những tín đồ của mình vẫn còn rất lạc quan, một người thậm chí còn làm một cái bánh rất lớn mô tả hình dáng của tàu mẹ và trang trí bằng dòng chữ "Bay lên trời cao!" Vào ngày tận thế, cả nhóm trở nên lo lắng và háo hức. Những người ngoài hành tinh đã gửi một vài tin nhắn cho Keech hướng dẫn rằng họ sẽ gõ cửa nhà cô vào giữa đêm và dẫn cả nhóm đến một đĩa bay ở gần đó (có vẻ như bên ngoài căn nhà không có chỗ có thể đậu đĩa bay).

Những người ngoài hành tinh cũng nhấn mạnh rằng tuyệt đối không ai được mang vật gì bằng kim loại theo người, vì thế nên từ trước đó cả vài tiếng, các thành viên trong nhóm đã thay thắt lưng bằng những sợi dây, cẩn thận loại bỏ khoá kéo trên quần áo và cả lỗ xỏ dây trên giày của họ. Quyển sách để thực hiện viết tự động của Keech được đặt trong một cái túi lớn và tất cả mọi người cùng đội người ngoài hành tinh.

Sau nửa đêm, có vẻ đã rõ ràng rằng những vị khách đến từ ngoài không gian sẽ không xuất hiện. Cả nhóm ngồi trong im lặng sững sờ và dành bốn tiếng tiếp theo để cố gắng tìm ra lời giải thích cho những gì đã xảy ra. Khi họ không thể lý giải được, Keech bắt đầu khóc. Tuy nhiên, vài tiếng sau đó cô nhận được một tin nhắn khác từ người ngoài hành tinh, giải thích rằng trận đại hồng thủy đã được dự báo trước không xuất hiện vì trong nhóm có người tiết lộ chuyện này ra bên ngoài. Nghiên cứu của Festinger cho thấy con người có một khả năng tuyệt vời trong việc bào chữa cho những gì đã xảy ra chứ không chịu thay đổi đức tin yêu dấu của mình. Cách tiếp cận “Tôi đã có quyết định của mình, đừng làm tôi bối rối với những sự thật” giúp cho đức tin của họ vẫn còn nguyên vẹn ngay cả khi trải qua những sự công kích có tính hủy diệt nhất. Chỉ có hai thành viên trong nhóm của Keech, những người mà ngay từ đầu đã không thực sự thật tâm, từ bỏ niềm tin của họ với những gì vị thủ lĩnh giáo phái này viết ra.

Festinger cũng nhận ra rằng thay vì rời đi với sự xấu hổ, nhiều thành viên trong nhóm lại đặc biệt mong muốn lan truyền chuyện này với thế giới. Trước khi lời tiên đoán được chứng minh là sai, họ né tránh sự chú ý từ cộng đồng và chỉ trả lời phỏng vấn một cách miễn cưỡng. Nhưng ngay sau đó, họ lập tức liên lạc với giới truyền thông và bắt đầu thực hiện một chiến dịch khẩn cấp

để lan truyền thông điệp của mình. Để giải thích hành động kỳ lạ này, Festinger lập luận rằng họ đang cố tự thuyết phục bản thân mình rằng đức tin của mình là đúng đắn bằng cách thuyết phục những người khác, và cảm thấy rằng nếu nhiều người cùng tin vào một điều gì đó thì rõ ràng là phải có lý do.

Cuối cùng, nhóm này cũng tan rã và mỗi người đi theo một hướng riêng. Một vài người tiếp tục con đường này, đi từ việc gặp được đĩa bay đến việc lan truyền những điều tốt đẹp. Những người khác trở lại cuộc sống bình thường trước đây. Keech rất lo lắng về sự chú ý của những cơ quan thực thi pháp luật nên đã bỏ trốn. Sau khi trốn một vài năm ở Peru, Keech trở về Arizona và tiếp tục khẳng định mình có khả năng liên lạc với người ngoài hành tinh cho đến khi qua đời vào năm 1992.

Có thể bạn nghĩ rằng những hình thức kiểm soát tâm trí được bàn đến ở chương này chỉ giới hạn ở thế giới kỳ lạ và bí ẩn của những giáo phái. Nhưng đó là một sai lầm. Trên thực tế, bạn sẽ thường xuyên gặp phải những nguyên lý thuyết phục này trong cuộc sống. Những người bán hàng sử dụng kỹ thuật “đặt chân lên thềm cửa” để đảm bảo có thể bán được hàng. Những chính trị gia luôn cố gắng để dập tắt các ý kiến trái chiều và hướng sự chú ý của bạn ra khỏi những thông tin mà họ không muốn bạn biết được. Những doanh nghiệp tự do sử dụng nguyên lý “tự bào chữa” khi nhận thức được rõ ràng rằng bạn càng trả nhiều tiền cho một sản phẩm, thì lại càng khó cho bạn để đánh giá đúng giá trị của sản phẩm đó. Và những công ty quảng cáo biết rằng, cũng giống như cách mà những tín đồ của Marian Keech củng cố niềm tin của họ bằng cách thuyết phục những người khác, bạn sẽ giới thiệu các sản phẩm đến bạn bè và đồng nghiệp của mình để tự thuyết phục bản thân mình rằng bạn đã lựa chọn đúng. Mặc dù những nguyên lý này được sử dụng trong nhiều

hoàn cảnh rất khác nhau, nhưng bản chất tâm lý con người thì không thay đổi. Những người muốn kiểm soát tâm trí của bạn không chỉ là những thủ lĩnh của một giáo phái hay một nhánh của tôn giáo nào đó. Thay vào đó, họ vẫn xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta mỗi ngày.

7. Tiên tri

Ở phần này, chúng ta sẽ khám phá xem liệu có phải Abraham Lincoln thực sự đã nhìn thấy trước cái chết của chính mình hay không, học cách kiểm soát giấc mơ của bản thân và tiến sâu hơn nữa vào thế giới kì diệu của ngành khoa học nghiên cứu giấc ngủ.

Aberfan là một ngôi làng nhỏ ở miền Nam xứ Wales. Vào những năm 1960, rất nhiều cư dân trong làng làm việc ở một mỏ than được xây dựng để khai thác than chất lượng cao trong vùng với số lượng lớn. Mặc dù một phần rác thải từ những hoạt động khai thác được giữ lại dưới lòng đất, nhưng phần nhiều lượng rác này được chất đầy trên những ngọn đồi xung quanh ngôi làng. Suốt tháng 10 năm 1966, những trận mưa lớn liên tục đổ xuống khu vực này. Nước mưa đã thấm qua những khe hở của lớp sa thạch trên ngọn đồi. Đáng tiếc, không một ai nhận ra rằng nước mưa đã tạo thành vài con suối ngầm và biến hố rác thải thành hố bùn.

Sau 9 giờ sáng ngày 21 tháng 10, một bên đồi bị sạt lở và nửa triệu tấn mảnh vụn gạch đất đá bắt đầu di chuyển rất nhanh về hướng ngôi làng. Mặc dù một phần của những vật liệu này đã dừng lại ở dưới chân đồi, nhưng phần lớn vẫn tràn vào Aberfan và nghiền nát một trường học ở đây. Một vài phòng học ngay lập tức bị ngập trong mười mét bùn đất. Những em học sinh vừa mới rời khỏi hội trường của trường trước đó một lúc, vừa đi vừa hát thánh ca “Mọi thứ đều tươi sáng và tuyệt đẹp”, và đã trở lại lớp học đúng lúc trận sạt lở xảy ra. Phụ huynh và cảnh sát đã nhanh chóng đến trường học và bắt đầu đào bới đồng đồ nát trong hoảng loạn. Trong một tiếng đầu tiên, đã có một vài em được cứu ra và sống sót nhờ những nỗ lực cứu hộ, nhưng tất cả những người còn lại thì không. Một trăm ba mươi chín học sinh và năm giáo viên đã qua đời trong thảm kịch này.

Chuyên gia tâm thần học John Barker đã đến ngôi làng ngay sau vụ sạt lở¹. Barker từ lâu đã có hứng thú với những điều huyền bí và bản khoán không biết liệu bản chất khắc nghiệt của những sự kiện diễn ra ở Aberfan có thể dẫn đến việc nhiều người sẽ có niềm báo về thảm kịch này hay không. Để tìm hiểu

điều này, Barker đã thông báo trên tờ *Evening Standard* rằng nếu có bất kỳ độc giả nào nghĩ rằng họ đã nhìn thấy trước thảm họa ở Aberfan thì xin hãy liên lạc. Ông nhận được 60 thư phản hồi từ khắp nước Anh và xứ Wales, với hơn một nửa trong số đó khẳng định dường như họ đã nhìn thấy trước được bi kịch này trong mơ.

Một trong những trải nghiệm đáng lưu tâm nhất là của cha mẹ một bé gái mười tuổi đã mất trong tấn thảm kịch. Một ngày trước vụ sạt lở, con gái của họ đã có một giấc mơ về việc cố gắng đi đến trường học, nhưng được nói là “không có trường học ở đây” vì “có gì đó màu đen đã đổ xuống và nhấn chìm ngôi trường rồi”. Một trường hợp khác, bà M.H., một phụ nữ 54 tuổi đến từ Barnstaple, nói rằng đêm trước hôm đó, bà đã nằm mơ thấy một nhóm trẻ con bị mắc kẹt trong một căn phòng hình chữ nhật. Trong giấc mơ, căn phòng bị đóng kín bởi một vài thanh gỗ và những đứa trẻ đang cố gắng để trèo qua những thanh gỗ đó. Bà M.H. đã rất lo lắng về giấc mơ này nên đã gọi điện cho con trai và con dâu của mình, nhắc nhở họ phải thật để ý đến hai cô con gái nhỏ. Một phản hồi khác của bà G.E. đến từ Sidcup nói rằng trong một tuần trước đó, bà đã mơ thấy một nhóm trẻ nhỏ bị vùi lấp trong than vì một vụ sạt lở và đang kêu khóc. Trong khi hai tháng trước đó, bà S.B. ở London đã mơ thấy một trường học ở bên sườn đồi, một vụ sạt lở và những đứa trẻ mất mạng. Danh sách cứ thế tiếp tục.

Barker rất ấn tượng với những khám phá của mình, và vào năm 1966 đã thành lập Cục Cảnh báo sớm Anh Quốc. Công chúng được yêu cầu gửi những điềm báo trước của mình đến Cục Cảnh báo sớm với hi vọng rằng Barker có thể dự đoán được và ngăn chặn những thảm kịch xảy ra trong tương lai. Đáng tiếc, ý tưởng của ông đã không diễn ra như mong đợi. Mặc dù Cục

Cảnh báo sớm đã nhận được cả ngàn dự đoán, nhưng đa phần trong số đó chỉ đến từ 6 người². Có lẽ câu chuyện kỳ lạ nhất xuất hiện trong dự án này bắt nguồn từ một trong những lời “tiên đoán” của một người trực điện thoại ca đêm 44 tuổi tên Alen Hencher. Hencher chuyên về việc dự đoán tai nạn hàng không và những tai nạn nặng nề khác; tuy nhiên năm 1967 anh ta đã liên lạc với Cục Cảnh báo sớm để đưa ra lời cảnh báo về một cá nhân. Đây có lẽ là một trong những cuộc hội thoại khó khăn nhất từng diễn ra trong lịch sử nghiên cứu những điều huyền bí. Hencher thông báo với Cục trưởng John Barker rằng Barker sẽ sớm qua đời. Và nhận định này đã được chứng minh là chính xác một cách kỳ lạ, khi Barker đột ngột qua đời một năm sau đó ở tuổi 44. Mĩa mai hơn nữa, Barker đã từng viết một cuốn sách tên là *Scared To Death (Sợ Đến Chết)*, trong đó ông lập luận rằng nghe được một lời tiên đoán về cái chết của chính mình có thể tạo ra sự sợ hãi từ sâu bên trong con người, làm ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch của cơ thể và có thể dẫn đến cái chết. Cục Cảnh báo sớm Anh Quốc đóng cửa vài năm sau đó vì không đủ kinh phí. Có vẻ như cả Hencher lẫn những nhà tiên tri khác đều không đoán trước được sự đóng cửa này.

Tin rằng bản thân đã nhìn thấy trước được tương lai thông qua giấc mơ là một hiện tượng phổ biến một cách đáng ngạc nhiên, khi những cuộc khảo sát gần đây cho thấy một phần ba dân số đã trải qua hiện tượng này vào một thời điểm nào đó trong đời. Niềm tin này cũng đã được ghi lại trong lịch sử. Kinh Thánh có một câu chuyện nổi tiếng miêu tả rằng Pharaoh nằm mơ thấy bảy con bò gầy gò bơi qua sông và mình đã ăn bảy con bò béo tốt. Joseph đã giải nghĩa giấc mơ này là ngay sau bảy năm thịnh vượng giàu có sẽ là bảy năm đói kém. Cicero, triết gia và đồng thời cũng là một chính khách thời La Mã cổ đại, đã có một giấc mơ trong đó ông thấy “một thanh niên trẻ trông rất cao quý,

từ trên trời rơi xuống trên một sợi xích vàng”. Hôm sau khi đến đền Capitol, ông đã nhìn thấy Octavius và nhận ra đó chính là chàng trai trẻ trong giấc mơ của mình. Octavius sau đó đã kế tục Caesar trở thành Hoàng đế La Mã. Gần đây hơn, Abraham Lincoln nói rằng ông đã mơ thấy một vụ ám sát hai tuần trước khi bị bắn chết, Mark Twain cũng đã tả về một giấc mơ trong đó ông thấy xác của người anh trai nằm trong quan tài chỉ vài tuần trước khi người anh bị chết trong một vụ nổ, và Charles Dickens đã mơ thấy một người phụ nữ mặc đồ đỏ gọi là Quý cô Napier ngay trước khi được một cô gái quần khăn đỏ và tự giới thiệu mình là Quý cô Napier đến thăm.

Điều gì có thể giải thích được những sự kiện khác thường này? Con người thực sự có thể nhìn thấy trước được những gì sắp đến? Liệu tinh thần của con người có thể can thiệp được vào dòng chảy của thời gian? Chúng ta có thể nhìn thấy ngày mai từ hôm nay không?

Xuyên suốt lịch sử, những câu hỏi này đã làm nhiều nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thế giới phải bận tâm rất nhiều. Ví dụ, vào năm 350 trước Công nguyên, triết gia cổ đại người Hy Lạp Aristotle đã viết một cuốn sách ngắn tên là *On Prophesying by Dreams* (*Dự Đoán Tương Lai Qua Những Giấc Mơ*). Luận điểm hai phần của Aristotle vừa đơn giản lại vừa kỳ lạ. Sau khi suy nghĩ về vấn đề này, triết gia vĩ đại kết luận rằng chỉ có Chúa mới có thể gửi đến những giấc mơ có chức năng tiên đoán. Mặc dù vậy, Aristotle cũng quan sát thấy rằng những giấc mơ này dường như không chỉ đặc biệt xảy ra với những người thuộc tầng lớp cao trong xã hội, mà thường xuyên xảy đến với những người “bình dân”. Nghĩ rằng Chúa sẽ không phí phạm sự thông thái vàng ngọc của mình với những thân phận thấp bé như vậy, Aristotle kết luận những điềm báo trong mơ có thể chỉ là sự trùng hợp.

Đây là một luận điểm thú vị, mặc dù điều này có vẻ như sẽ bị những nhà khoa học hiện đại và bà M.H. đến từ Barnstaple phản đối. Tuy con người đã quan tâm đến những giấc mơ tiên đoán hơn 2.000 năm nay, nhưng chỉ đến thế kỷ vừa qua, những nhà nghiên cứu mới có thể giải đáp được câu đố này.

Trước khi đọc tiếp, có lẽ bạn sẽ muốn pha một cốc ca cao nóng và cuộn mình vào trong chăn. Chúng ta chuẩn bị tiến vào thế giới kỳ lạ của khoa học nghiên cứu về giấc ngủ.

Tuy nhiên trước khi bắt đầu, hãy nhanh chóng làm thử một bài kiểm tra trí nhớ. Hãy nhìn vào những từ dưới đây và cố gắng ghi nhớ chúng.

Cái đèn	Hòn đá	Quả táo	Côn trùng	Đồng hồ
Em bé	Con ngựa	Thanh kiếm	Con chim	Cái bàn

Cảm ơn rất nhiều, ta sẽ nói thêm về điều này trong phần sau. Bắt đầu nhé.

Cá cược chênh lệch

Chương 5 đã trình bày làm thế nào công trình nghiên cứu tiên phong của Eugene Aserinsky đã giúp đẩy nhanh sự phát triển của ngành khoa học mới về giấc ngủ. Aserinsky đã chứng tỏ rằng nếu đánh thức một người dậy khi họ vừa trải qua trạng thái REMs, nhiều khả năng họ sẽ có thể kể lại một giấc mơ. Bằng cách làm như vậy, ông bắt đầu nghiên cứu về bản chất của giấc ngủ trong hàng thập kỷ. Phần nhiều công việc của ông bao gồm việc mời mọi người đến qua đêm tại phòng thí nghiệm đặc biệt về giấc ngủ, quan sát họ khi đang ngủ, đánh thức họ dậy khi họ tiến vào trạng thái REMs, và yêu cầu họ tả lại những giấc mơ của mình³. Công trình nghiên cứu đã thu được rất nhiều hiểu biết quan trọng về những giấc mơ. Hầu hết giấc mơ của mọi người đều có màu sắc. Những người bị mù bẩm sinh không “thấy” được giấc mơ của mình, thay vào đó họ có thể trải nghiệm giấc mơ thông qua mùi hương, mùi vị và âm thanh. Mặc dù có một vài giấc mơ khá kỳ lạ, nhưng phần lớn giấc mơ đều có liên quan đến công việc vặt hàng ngày như rửa bát, điền hồ sơ thuế, hoặc hút bụi. Nếu như bạn có thể rón rén tiếp cận một người đang nằm mơ và khẽ bật một ít nhạc, chiếu sáng hay xịt nước vào mặt họ, rất có thể họ sẽ mang theo cả những tác động đó vào trong mơ. Tuy nhiên, khám phá quan trọng nhất là bạn có nhiều giấc mơ hơn bạn vẫn nghĩ.

Những nhà khoa học nghiên cứu về giấc ngủ nhanh chóng khám phá ra rằng trung bình bạn có bốn giấc mơ một đêm. Cứ khoảng 90 phút, bạn sẽ mơ một lần và mỗi lần kéo dài 20 phút. Bạn gần như sẽ quên hết phần lớn những giấc mơ này khi thức dậy nên bạn có cảm giác rằng mình đã mơ rất ít, nhưng thực tế không phải vậy. Ngoại lệ duy nhất trong trường hợp này là khi

bạn thức dậy trong lúc đang mơ, có thể khi đồng hồ báo thức kêu lên vào buổi sáng hoặc bạn đã bị làm phiền suốt đêm. Khi đó, bạn thường sẽ nhớ được nội dung chính của giấc mơ và thậm chí có thể một vài chi tiết đặc biệt nào đó, nhưng trừ khi chúng vô cùng ấn tượng, còn không thì bạn cũng sẽ sớm quên đi thôi. Tuy nhiên, có một số trường hợp khác thường có thể làm bạn gia tăng khả năng nhớ được những giấc mơ.

Ở đầu chương này tôi đã giới thiệu với các bạn một danh sách gồm mười từ và yêu cầu các bạn cố gắng ghi nhớ lấy chúng. Bây giờ hãy cố nhớ lại mười từ đó. Để giúp các bạn thì đây là năm từ có liên quan đến một vài từ ở trong danh sách ban đầu.

Ánh sáng Thời gian Hoa quả Phi nước đại Cánh

Hãy lấy giấy bút ra và cố gắng nhớ ra danh sách lúc đầu. Đừng lật lại trang trước cho đến khi bạn nhớ ra hết toàn bộ những từ đó.

Xong rồi chứ? Hãy kiểm tra lại danh sách này ở trang trước.

Kết quả của bạn thế nào? Tôi đoán rằng bạn có thể sẽ đặc biệt nhớ những từ “cái đèn”, “đồng hồ”, “quả táo”, “con ngựa”, và “con chim”. Vì sao? Vì những từ hỗ trợ được cho về sau là “ánh sáng”, “hoa quả”, “thời gian”, “phi nước đại”, và “cánh” là những đầu mối. Không phải bạn đã quên những từ này mà chúng đã trốn đâu đó ở trong tiềm thức của bạn và phải cần một chút trợ giúp để lôi chúng ra. Nguyên lý tương tự cũng áp dụng cho việc ghi nhớ những giấc mơ. Cũng giống như cách những từ gợi ý giúp bạn nhớ được những từ trong danh sách mà bạn không thể nhớ ra ngay lập tức, một sự việc xảy ra lúc bạn tỉnh dậy cũng có tác dụng gợi lên hình ảnh về giấc mơ của bạn. Để khám phá mối liên hệ giữa hiệu ứng này và khả năng tiên tri, hãy

tưởng tượng rằng trong ba đêm liên tiếp, giấc ngủ của bạn đều bị đứt quãng.

Ngày đầu tiên bạn lên giường đi ngủ sau một ngày làm việc vất vả. Bạn nhắm mắt lại rồi từ từ mất đi ý thức. Suốt đêm, bạn trải qua những giai đoạn khác nhau của giấc ngủ và mơ một vài giấc mơ. Đến bảy giờ mười sáng, não bộ của bạn một lần nữa hoạt động mạnh trở lại và đưa bạn đến một ảo tưởng mới. Trong khoảng 20 phút tiếp theo bạn sẽ thấy mình đang ở nhà máy sản xuất kem, ngã vào một bể lớn toàn kem vị xi rô quả mâm xôi, và bạn đang cố gắng ăn càng nhiều càng tốt để có thể thoát ra. Ngay khi bạn không thể ăn thêm được nữa, chuông báo thức của bạn reo lên và vị kem mâm xôi vẫn còn đọng lại trong tâm trí của bạn.

Ngày thứ hai cũng bao gồm một loạt những hoạt động như thế. Bạn lên giường, chìm vào giấc ngủ rồi nằm mơ. Lúc hai giờ sáng, bạn đang ở giữa một con ác mộng, trong đó bạn đang lái xe dọc trên một con đường tối tăm ở một miền quê nào đó. Eric Chuggers, ngôi sao nhạc rock yêu thích nhất của bạn đang ngồi trên ghế hành khách, và hai người đang nói chuyện rất thoải mái. Đột nhiên, một con ếch khổng lồ màu tím nhảy ra trước xe của bạn. Bạn bẻ lái để tránh đâm phải con ếch nên đã đi chệch khỏi con đường, đâm vào một cái cây. Tuy nhiên, tối nay con mèo của bạn cảm thấy rất đói và quyết định đến quấy nhiễu bạn để được đồ ăn. Ngay khi con mèo nhảy lên giường, bạn tỉnh dậy khỏi giấc mơ và vẫn nhớ mang máng về Eric Chuggers, con ếch khổng lồ màu tím, cái cây và cái chết ở ngay trước mắt.

Trong đêm thứ ba, bạn lại một lần nữa đi ngủ. Vào bốn giờ sáng bạn đang có một giấc mơ đầy đau khổ. Đó là một sự việc kỳ quái không có thật, khi mà bạn bị ép phải đến buổi thử vai cho

vai diễn Oompa-Loompa trong một phiên bản mới của bộ phim *Charlie Và Nhà Máy Sô cô la*. Mặc dù đã thành công, nhưng sau đó bạn phát hiện ra rằng lớp hoá trang màu da cam và thuốc nhuộm tóc màu xanh lá cây được sử dụng trong buổi thử vai sẽ tồn tại vĩnh viễn. Bạn đột ngột tỉnh dậy với cảm giác rất căng thẳng, nhớ lại buổi thử vai và dành 20 phút tiếp theo để cố hiểu ra ý nghĩa biểu tượng của giấc mơ. Rồi sau đó bạn ngủ lại cho đến hết đêm.

Khi thức dậy vào buổi sáng, bạn bật đài lên nghe và bàng hoàng biết tin Eric Chuggers đã qua đời trong một tai nạn ô tô xảy ra trong đêm.

Theo như bản tin, Chuggers đã lái xe qua thành phố, bẻ lái để tránh một cái xe khác, sau đó bị trượt sang phần đường ngược chiều rồi đâm vào một cái đèn đường. Chính xác. Cũng giống như cách những từ “thời gian” và “phi nước đại” giúp bạn nhớ ra những từ “đồng hồ” và “con ngựa”, ở đây bản tin đóng vai trò là một tác nhân kích hoạt, và giấc mơ về tai nạn ô tô xuất hiện trong đầu bạn. Bạn quên hết về giấc mơ ăn rất nhiều kem mâm xôi và tham gia buổi thử vai Oompa-Loompa căng thẳng. Thay vào đó, bạn chỉ nhớ đúng một giấc mơ có vẻ như là trùng khớp với sự việc ở thế giới thực và hoàn toàn bị thuyết phục rằng có lẽ bạn sở hữu khả năng tiên tri.

Và mọi chuyện không dừng lại ở đây. Ngay sau khi tự thuyết phục bản thân rằng mình có khả năng nhìn thấy trước được tương lai khi đi ngủ, phần “hãy làm cho trải nghiệm này thêm phần ma quái nhất có thể” trong tâm trí của bạn bắt đầu hoạt động. Vì giấc mơ thường là những điều gì đó kỳ lạ không có thật, những gì xảy ra trong mơ rất có khả năng sẽ bị thay đổi để cho phù hợp với những gì đã thực sự xảy ra. Thực tế, Eric Chuggers không lái xe trên một con đường quê, không đâm phải

cái cây nào và tai nạn xảy ra cũng không có sự xuất hiện của con ếch khổng lồ màu tím. Tuy nhiên, một con đường ở miền quê cũng tương tự như một con đường ở thành phố, cái đèn đường trông cũng giống cái cây. Thế còn về phần con ếch khổng lồ màu tím? Ừ thì, có thể đây là hình ảnh tượng trưng cho điều gì đó không lường trước được, ví dụ như việc cái xe đã bị trượt sang phần đường ngược chiều ở bên kia con đường. Hoặc đó cũng có thể là Chuggers đang sử dụng chất gây ảo giác và đã tưởng tượng cái xe đang đến là một con ếch khổng lồ màu tím. Hoặc cũng có thể bạn sẽ thấy một bức ảnh chụp hiện trường vụ tai nạn và biết được rằng trong xe của Chuggers có một vật lấy may màu tím nằm ở trên bảng điều khiển. Hoặc đó cũng có thể là một biển quảng cáo ở gần hiện trường có hình ảnh của một con ếch khổng lồ. Hoặc album tiếp theo của Chuggers sẽ có hình con ếch ở trên bìa. Hoặc cũng có thể Chuggers đã mặc một cái áo màu tím khi xảy ra vụ tai nạn. Bạn đã hiểu vấn đề rồi đấy. Miễn là bạn có khả năng sáng tạo và muốn tin rằng mình có một mối liên kết tâm linh với ông Chuggers vừa mới qua đời, khả năng những việc trùng hợp xảy ra chỉ bị giới hạn bởi trí tưởng tượng của bạn.

Từ nãy tới giờ, chúng ta đã tập trung vào giấc mơ về Chuggers bởi vì nó có nhiều điểm tương đồng với sự kiện diễn ra trong một vài ngày sau đó. Nhưng hãy thử tưởng tượng thay vì cái chết của Chuggers, bạn đi siêu thị và được mời dùng thử một mẫu kem vị quả mâm xôi mới đặc biệt hấp dẫn. Trong trường hợp này, bạn có thể sẽ quên đi giấc mơ về Chuggers và Oompa-Loompa và nóng lòng muốn kể với bạn bè và gia đình của mình rằng giấc mơ của bạn dường như đã dự đoán trước được bạn sẽ bất ngờ được ăn kem mâm xôi. Hay thử nghĩ rằng một vài ngày sau, công ty thăng chức cho bạn, và vị trí mới của bạn đòi hỏi phải mặc đồng phục sắc sỡ. Những hình ảnh tượng trưng trong giấc mơ về Oompa-Loompa đột nhiên trở nên rõ

ràng, và giấc mơ về Chuggers và kem mâm xôi sẽ bị chôn vùi trong tiềm thức của bạn.

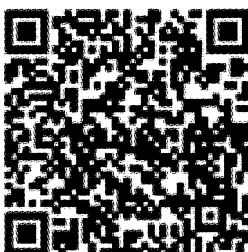
Tóm lại, bạn có rất nhiều giấc mơ và cũng gặp khá khó sự việc trong cuộc sống. Hầu hết số lần thì những giấc mơ không có liên quan gì đến thực tế, vì thế bạn sẽ nhanh chóng quên chúng. Tuy nhiên, thi thoảng sẽ có một giấc mơ tương đồng với một sự việc nào đó. Khi điều này xảy ra, bạn dễ dàng nhớ lại được giấc mơ của mình và tin rằng bản thân có khả năng kỳ diệu dự đoán được tương lai. Thực tế, đó chỉ là vấn đề về xác suất.

Giả thuyết này cũng góp phần giải thích một khía cạnh kỳ lạ của giấc mơ tiên tri. Hầu hết những điềm báo đều liên quan đến những sự kiện tiêu cực khi mọi người thường hay nhìn thấy trước những nhà lãnh đạo bị ám sát, khung cảnh thảm dự đám tang của một người bạn thân, máy bay rơi, và những cuộc chiến tranh. Hiếm khi nào có người nói mình đã nhìn thấy trước được tương lai và thấy ai đó đang vô cùng hạnh phúc trong ngày cưới của họ hay được thăng chức ở chỗ làm. Các nhà khoa học nghiên cứu về giấc ngủ đã chỉ ra rằng 80% số giấc mơ chúng ta có không hề ngọt ngào mà thay vào đó tập trung vào những sự việc tiêu cực. Vì lý do này, tin tức xấu thường sẽ dễ dàng kích hoạt ký ức về những giấc mơ hơn là tin tốt, lý giải được tại sao có nhiều điềm báo liên quan đến chết chóc và thảm họa.

Ở đầu chương này, tôi đã đề cập đến việc chuyên gia tâm thần học John Barker tìm được 60 người dường như đoán trước được thảm họa ở Aberfan. Liệu những nghiên cứu về giấc mơ và trí nhớ có làm thay đổi giá trị xác thực của những điềm báo này? 36 trường hợp trong nghiên cứu của Barker không cung cấp được bằng chứng cho thấy họ có ghi lại giấc mơ của mình trước khi thảm họa xảy ra. Có thể những người này đã có rất

nhiều giấc mơ khác nữa trước khi nghe tin về Aberfan, nhưng họ chỉ nhớ ra và báo lại một giấc mơ trùng hợp với tấn thảm kịch. Không những thế, việc thiếu ghi chép tại thời điểm xảy ra giấc mơ cũng đồng nghĩa rằng có thể họ đã vô thức thay đổi giấc mơ của mình để phù hợp hơn với những sự việc không may đã xảy ra. Một cái gì đó màu đen có thể trở thành than, căn phòng có thể biến thành phòng học, và những sườn đồi nhấp nhô có thể trở thành thung lũng Welsh.

Đương nhiên, những người tin tưởng vào những điều huyền bí có thể phản biện rằng họ bị thuyết phục bởi những trường hợp khi ai đó kể cho bạn bè gia đình họ nghe hoặc tả lại trong nhật ký về một giấc mơ, và rồi thấy rằng nó giống với một sự việc ở tương lai. Liệu những trường hợp này có phải là ví dụ cho khả năng kì diệu của tâm trí? Để tìm hiểu điều này, chúng ta sẽ tiếp tục tiến sâu hơn nữa vào ngành khoa học nghiên cứu giấc ngủ.



*Phỏng vấn Caroline Watt đến từ Khoa Cận Tâm Lý học Koester về
những điềm báo*

www.richardwiseman.com/paranormality/CarolineWatt.html

“Ngoài điều đó ra, bà có thích vở kịch không, bà Lincoln?”

Mở bất kỳ một quyển sách nào về những hiện tượng huyền bí và bạn sẽ nhanh chóng thấy được rằng Tổng thống Abraham Lincoln đã có một trong những điềm báo mộng nổi tiếng nhất trong lịch sử. Theo như sử sách, đầu tháng 4 năm 1865, Lincoln tìm đến Ward Hill Lamon, người bạn thân và cũng là vệ sĩ của mình, và giải thích rằng gần đây ông có một giấc mơ rất đáng lo ngại. Trong giấc mơ, Lincoln cảm thấy cơ thể mình “bất động giống như đã chết” và nghe thấy tiếng khóc từ một căn phòng ở tầng dưới trong Nhà Trắng. Sau khi tìm kiếm cả toà nhà, ông đi đến Phòng Phía Đông và thoáng thấy một xác chết được cuộn trong bộ lễ phục. Một đám đông đang nhìn vào thi thể đó một cách rất buồn bã. Khi Lincoln hỏi ai là người chết, ông được nói rằng đó là ngài Tổng thống, và ông ấy đã bị ám sát.

Hai tuần sau giấc mơ ấy, Lincoln và vợ đến xem một vở kịch ở Ford’s Theater tại Washington D.C. Vở kịch bắt đầu chưa được bao lâu thì Lincoln bị bắn chết bởi điệp viên của Liên minh miền Nam John Wilkes Booth.

Thế nhưng, hầu hết những quyển sách miêu tả lại giấc mơ này của Lincoln không mang đến được cho người đọc một bức tranh toàn cảnh. Joe Nickell đã có một sự nghiệp rất dài và đặc sắc, đảm nhiệm những công việc từ thám tử ngầm, quản lý tàu trên sông, người tổ chức lễ hội, và ảo thuật gia. Hiện tại, ông là Nhà Nghiên cứu Cấp cao tại Trung tâm Điều tra, một tổ chức Mỹ chuyên nhận điều tra những hiện tượng bí ẩn. Vào những năm 1990, Nickell quyết định muốn tìm hiểu kỹ hơn về điềm báo của Lincoln⁴. Ông tìm kiếm lại những ghi chép của Ward Hill Lamon

về tai nạn này trong quyển hồi ký được xuất bản năm 1895 của ông, *Recollections of Abraham Lincoln* (Ký Ưc Về Abraham Lincoln), và nhận ra rằng nhiều ghi chép thứ cấp về sự kiện này đã bỏ lỡ những chi tiết rất quan trọng của vụ việc. Sau khi được kể về giấc mơ, Lamont bày tỏ sự lo ngại của mình, nhưng ngài Tổng thống bình tĩnh đáp lại: “Người bị giết trong giấc mơ không phải tôi, mà là một người khác. Dường như là tay sát thủ này nhắm đến mục tiêu khác”. Nói vậy tức là Lincoln không hề nghĩ rằng ông nhìn thấy cái chết của mình mà đó là một vị Tổng thống khác.

Đương nhiên, những người tin tưởng có thể lập luận rằng ngài Tổng thống thực sự nhìn thấy trước mình sẽ bị ám sát nhưng không nhận ra được điều đó. Kể cả trong trường hợp đó, tai nạn này có thể được tính là một bằng chứng thuyết phục cho sự tiên tri hay không? Câu trả lời một lần nữa nằm ở những công trình nghiên cứu tiên phong trong ngành khoa học giấc ngủ.

Cuối những năm 1960, những nhà nghiên cứu về giấc mơ đã thực hiện một thí nghiệm mang tính đột phá với một nhóm bệnh nhân đang tham gia các buổi trị liệu để giúp họ có thể đương đầu với những hiệu ứng tâm lý sau khi trải qua những cuộc đại phẫu⁵. Những nhà nghiên cứu theo dõi giấc mơ của những bệnh nhân này trong khoảng vài đêm và phát hiện ra rằng khi tham gia buổi trị liệu vào ban ngày, trong lúc ngủ, họ hay có xu hướng mơ về những vấn đề bệnh lý của mình. Ví dụ, một bệnh nhân đang có một khoảng thời gian rất khó khăn khi phải đương đầu với những ống dẫn lưu trong cơ thể do hậu quả của cuộc phẫu thuật. Sau khi dành thời gian ở những buổi trị liệu để nói về vấn đề này, anh ta đặc biệt hay nằm mơ đến việc mình liên tục luôn ống vào trong cơ thể chính mình và những người khác nữa. Một cách ngắn gọn, giấc mơ của những bệnh nhân này phản ánh nỗi lo lắng của họ. Những nghiên cứu giống như trên

cũng cho thấy hiệu ứng tương tự. Nội dung của giấc mơ không chỉ bị ảnh hưởng bởi những sự việc xung quanh mà còn thường xuyên phản ánh nỗi lo lắng trong tâm trí của chúng ta.

Nickell nhấn mạnh rằng chỉ cần đọc lướt qua những cuốn sách lịch sử cũng có thể thấy rằng Lincoln có đầy đủ lý do để lo lắng về khả năng bị ám sát. Ngay trước lễ nhậm chức lần đầu tiên, ông đã được khuyên ngăn là không nên đi qua Baltimore vì những cấp dưới của ông đã phát hiện được một âm mưu ám sát ở đó, và trong suốt quá trình làm Tổng thống, ông cũng nhận được rất nhiều lời đe dọa đến tính mạng. Có một lần cực kỳ đáng nhớ khi một tên sát thủ kém cỏi đã bắn một phát xuyên qua mũ của ông. Cân nhắc những khám phá này, giấc mơ nổi tiếng của Lincoln lập tức trở nên không còn huyền bí như chúng ta vẫn tưởng nữa.

Tương tự như vậy, điều này cũng có thể lý giải cho một trong những ví dụ đáng chú ý nhất của những tiên đoán về thảm họa Aberfan. Ở đầu chương, tôi có nhắc đến trường hợp một bé gái đã qua đời trong tấn thảm kịch trước đó đã kể với bố mẹ là cô bé mơ thấy “một cái gì đấy màu đen” hoàn toàn nhấn chìm trường học và ngôi trường không còn ở đó nữa. Vài năm trước khi thảm họa xảy ra, hội đồng địa phương đã bày tỏ sự nghi ngại sâu sắc về việc để một lượng lớn mảnh vụn do hoạt động khai thác mỏ gây ra trên những ngọn đồi, nhưng lo ngại của họ đã bị những người vận hành hầm mỏ lờ đi. Những bức thư trong thời gian ấy cũng phần nào làm rõ tác động của những mối quan ngại này⁶. Ví dụ, ba năm trước khi vụ tai nạn xảy ra, công ty Borough Engineer trong vùng đã viết một bức thư cho những người có thẩm quyền: “Tôi đánh giá [tình huống] là cực kỳ nghiêm trọng vì đám rác vụn đã chuyển sang thể lỏng và độ nghiêng của những ngọn đồi thì rất dốc, vì thế chúng có lẽ

không thể giữ nguyên vị trí vào mùa đông hay trong những đợt mưa lớn”, và sau đó có bổ sung, “Sự lo ngại này cũng xuất hiện trong tâm trí của... những cư dân trong khu vực này vì trước đó trong một đợt mưa lớn, họ đã trải nghiệm mức độ nguy hiểm và tổn hại của những dòng bùn lầy đến con người và tài sản”. Tuy không có cách nào để biết được chắc chắn, nhưng rất có khả năng giấc mơ của bé gái đã phản ánh lại nỗi lo lắng này.

Vậy còn 23 trường hợp khác trong đó mọi người đều có bằng chứng về việc họ đã miêu tả giấc mơ của mình trước khi thảm kịch xảy ra, và họ ở tại những địa điểm mà giấc mơ không có vẻ gì là đang phản ánh mối bận tâm hay lo lắng của họ? Để tìm câu trả lời, chúng ta cần phải tạm thời bỏ qua ngành khoa học giấc ngủ và tiến vào thế giới số liệu. Hãy cùng nhìn kỹ hơn vào những con số liên quan đến những trải nghiệm có vẻ là siêu nhiên này.

Đầu tiên, hãy chọn một người bất kỳ đến từ Anh Quốc và gọi anh ta là Brian. Tiếp theo, hãy đưa ra một số giả định về Brian. Giả sử rằng từ năm 15 tuổi đến năm 75 tuổi, mỗi đêm Brian đều nằm mơ. Mỗi năm có 365 ngày, vậy trong 60 năm Brian chắc chắn sẽ có 21.900 đêm để nằm mơ. Tiếp tục cho rằng những sự việc như thảm họa Aberfan chỉ diễn ra một lần trong mỗi một thế hệ, và gán một ngày bất kỳ cho nó. Bây giờ, tiếp tục giả định rằng Brian chỉ nhớ rằng mình đã mơ về những sự kiện khủng khiếp liên quan đến tấn thảm kịch chỉ xảy ra một lần trong đời anh ta. Khả năng để Brian có giấc mơ về “thảm họa” đó vào đêm trước khi tai nạn thực sự xảy ra là khoảng 1/22.000. Vậy nên, không có gì lạ nếu Brian ngạc nhiên khi thấy điều đó xảy ra với mình.

Tuy nhiên, ở đây vẫn còn những chi tiết chưa chính xác. Khi Brian nghĩ đến khả năng sự việc xảy đến với mình, anh ta đang tự cho mình là trung tâm của mọi chuyện. Trong thập

niên 60, dân số nước Anh vào khoảng 45 triệu và những sự việc như vậy có thể xảy đến với bất kỳ ai. Vì chúng ta đã vừa tính toán khả năng một người bất kỳ có giấc mơ về “thảm họa” trong một đêm và tấn thảm kịch xảy ra ngay ngày hôm sau là khoảng 1/22.000, vậy nên trong mỗi thế hệ, cứ mỗi 22.000 người chúng ta có thể kỳ vọng có 1 người, tương đương khoảng 2.000 người trên khắp nước Anh, sẽ có được trải nghiệm này. Nói rằng những giấc mơ của nhóm người này là chính xác cũng giống như việc bắn một mũi tên vào giữa cánh đồng, vẽ một mục tiêu xung quanh mũi tên sau khi nó đã tiếp đất và nói rằng: “Ồ, thật là một sự trùng hợp!”.

Nguyên lý này thường được biết đến như là “Quy luật của số lớn”, nó cho thấy rằng những sự việc bất thường thường có xu hướng xảy ra khi có rất nhiều khả năng để chúng xảy ra. Điều này cũng giống như việc trúng số. Khả năng để một người bất kỳ trúng số độc đắc là một trên một triệu, nhưng điều đó vẫn đều đặn xảy ra như kim đồng hồ quay mỗi tuần bởi vì số lượng người mua vé số vô cùng nhiều.

Khi đi tìm bằng chứng thực sự về tiên tri, mọi chuyện còn tồi tệ hơn những gì chúng tôi tưởng tượng. Ví dụ của chúng tôi chỉ liên quan đến những người mơ về thảm họa ở Aberfan. Trên thực tế, những điều không may mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế vẫn diễn ra gần như hằng ngày. Tai nạn máy bay, sóng thần, ám sát, giết người hàng loạt, động đất, bắt cóc, khủng bố, và nhiều nữa. Khi cân nhắc thực tế rằng con người thường xuyên mơ về những điều ám đăm tiêu cực, những con số nhanh chóng được cộng dồn và mọi người cho rằng đó là sự tiên tri.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KIỂM SOÁT NHỮNG GIẤC MƠ CỦA BẠN: PHẦN MỘT

Nhà tâm lý học Daniel Wegner đến từ Harvard đã nghĩ ra một cách đơn giản mà hiệu quả để bạn có thể kiểm soát những giấc mơ của mình⁷. Như đã nhấn mạnh ở Chương 4, Wegner đã thực hiện rất nhiều thí nghiệm về hiện tượng có tên “hiệu ứng dội ngược”, khi một người được yêu cầu không nghĩ đến một vấn đề cụ thể nào đó và họ sẽ có một khoảng thời gian khó khăn đến đáng ngạc nhiên để cố đẩy nó ra khỏi tâm trí. Wegner băn khoăn không biết liệu có thể dùng hiệu ứng này để tác động đến những giấc mơ của con người hay không. Để kiểm tra điều này, ông tập hợp một nhóm những người tham gia vào với nhau, đưa cho mỗi người hai phong thư, và dặn họ mở cái phong thư đầu tiên ngay trước khi đi ngủ và mở cái còn lại khi thức dậy vào sáng hôm sau.

Phong thư đầu tiên chứa một loạt chỉ thị khác thường. Đầu tiên, tất cả những người tham gia được yêu cầu nghĩ về một ai đó mà họ cho là đặc biệt thu hút. Sau đó, một nửa trong số họ được yêu cầu cố gắng *không* nghĩ đến người đó trong năm phút tiếp theo. Nửa còn lại được chỉ thị nghĩ về ngày hẹn hò trong mơ của họ. Sáng hôm sau khi tỉnh dậy, họ mở nốt phong thư còn lại trong đó chứa một loạt những hướng dẫn khác. Lần này họ được yêu cầu miêu tả lại giấc mơ mà họ có đêm hôm qua. Wegner khám phá ra rằng những người cố gắng không nghĩ đến một người mà họ thấy bị thu hút có gặp đôi khả năng gặp người ấy trong mơ so với những người khác. Thông điệp rất rõ ràng – nếu

như bạn muốn một người đặc biệt nào đó xuất hiện trong giấc mơ của mình, hãy dành ra năm phút cố gắng *không* nghĩ đến người ấy trước khi đi ngủ.

Đến thời điểm này, chúng ta đã biết được làm thế nào mà ngành khoa học giấc ngủ và các nghiên cứu về số liệu cho thấy những điềm báo trong mơ có nguyên nhân từ trí nhớ chọn lọc, sự lo lắng và quy luật số lớn. Đương nhiên, người khác có thể phản biện rằng mặc dù những lý giải này là đúng với rất nhiều giấc mơ tiên tri, nhưng vẫn sẽ có những trường hợp khác thực sự là năng lực siêu nhiên.

Tin xấu là mặc dù việc kiểm tra điều này nghe có vẻ đơn giản về mặt lý thuyết, nhưng thực tế nó lại vô cùng khó khăn. Sẽ chẳng có nghĩa lý gì khi chỉ yêu cầu ai đó liên lạc *sau khi* một thảm họa quốc gia hay một tấn thảm kịch xảy ra vì họ thường có xu hướng chỉ báo cáo lại một trong số rất nhiều những giấc mơ mà họ đã có, hay đơn giản họ chỉ là những cá nhân trong nhóm những người may mắn theo quy luật số lớn. Bạn cũng không thể yêu cầu họ mơ về những sự việc có thể đoán trước được. Thay vào đó, bạn phải ghi lại rất nhiều điềm báo mộng của mọi người *trước khi* một sự việc *không thể dự đoán trước* xảy ra. Theo như quy luật số lớn, cuối cùng bạn sẽ có rất nhiều dự đoán với một số ít trong đó sau này sẽ được chứng minh là chính xác. Ngược lại, những người có khuynh hướng tin vào những chuyện tâm linh sẽ dự đoán rằng điều này dẫn đến một số lượng rất lớn những giấc mơ tiên tri về cùng một sự việc cụ thể trong tương lai.

Tin tốt là một thí nghiệm như thế đã được thực hiện⁸. Chào mừng bạn đến với trường hợp thú vị của Charles Lindbergh, Jr.

“Câu chuyện lớn nhất kể từ Ngày Phục sinh”

Sinh năm 1893, nhà tâm lý học Henry Murray đến từ Harvard dành phần lớn cuộc đời mình để cố gắng làm sáng tỏ những bí ẩn trong nhân cách con người. Cuối những năm 1930, ông đã góp phần phát triển một công cụ phục vụ ngành tâm lý học nổi tiếng tên là “Thematic Apperception Test” (Bài Kiểm Tra Nhận Thức Theo Chủ Đề), viết tắt là TAT. Trong khi thực hiện TAT, người tham gia được cho xem các hình ảnh miêu tả những hoàn cảnh không rõ nghĩa, ví dụ như một người phụ nữ bí ẩn đang nhìn một người đàn ông một cách cảnh giác, và được yêu cầu miêu tả lại những gì họ nghĩ là đang xảy ra trong bức hình (“Bạn nghĩ gì về TAT?”). Theo như những tác giả của bài kiểm tra, các chuyên gia tâm lý được đào tạo kĩ càng có thể sử dụng những nhận xét này để hiểu được suy nghĩ thầm kín nhất bên trong mỗi người, ví dụ như những nhận xét liên quan đến giết chóc, bạo lực hay ám sát đều trở thành dấu hiệu cảnh báo. Bài kiểm tra này không phải thứ duy nhất giúp Murray trở nên nổi tiếng. Gần đến thời điểm Thế Chiến II kết thúc, chính phủ Mỹ đã yêu cầu ông giúp xây dựng hồ sơ tâm lý của Adolf Hitler. Vì có được một buổi gặp mặt trực tiếp là không thể, Murray buộc phải sử dụng những nguồn tài liệu khác như học bạ, thư từ và những bài diễn thuyết của Hitler. Murray kết luận rằng mặc dù nhà độc tài này tỏ ra là một người thoải mái, nhưng thực ra ông ta khá rụt rè và có một mong muốn sâu thẳm là sát nhập Sudetenland vào Đức. Tôi nói đùa thôi. Thật ra Murray nghĩ rằng Hitler là một ví dụ điển hình của một người “phản ái kỷ” – luôn mang trong mình đầy thù hận, mong muốn nhận được sự chú ý một cách thái quá, luôn có xu hướng xem nhẹ người khác và không hề biết đùa. Bên cạnh việc phát triển TAT và phân tích tâm lý của Hitler,

Murray cũng thực hiện một thí nghiệm đặc biệt để đánh giá sức mạnh tiên đoán của những giấc mơ.

Năm 1927, anh chàng phi công 25 tuổi của American Air Mail – Charles Lindbergh đã nổi tiếng toàn thế giới vì là người đầu tiên bay một mình liên tục không nghỉ qua Đại Tây Dương. Hai năm sau, Lindbergh kết hôn với tác gia Anna Spencer Morrow, và hai người tiếp tục thu hút sự chú ý rất lớn của dư luận bằng việc thiết lập thêm vài kỷ lục bay nữa, bao gồm việc trở thành người đầu tiên bay từ Châu Phi đến Nam Mỹ, và khám phá ra tuyến đường cực từ Bắc Mỹ đến Châu Á. Năm 1930, gia đình nhà Lindbergh đón người con đầu lòng, Charles Lindbergh, Jr., và chuyển đến một dinh thự tách biệt ở Hopewell, New Jersey.

Ngày 1 tháng 3 năm 1932, thế giới của Lindbergh thay đổi mãi mãi. Khoảng 10 giờ tối, người bảo mẫu của gia đình chạy vội đến báo với Charles cha rằng Charles con đã bị đưa đi mất, và những kẻ bắt cóc để lại lời nhắn đòi số tiền chuộc 50.000 đô la. Lindbergh nhanh chóng lấy một khẩu súng rồi đi tìm xung quanh. Ông phát hiện ra một chiếc thang tự làm được sử dụng để trèo lên phòng của đứa trẻ ở tầng hai, nhưng không thấy dấu hiệu của con trai mình. Cảnh sát được gọi đến và Đại tá Norman Schwarzkopf (cha của Tướng H. Norman Schwarzkopf, người chỉ huy lực lượng liên quân trong chiến dịch Lá Chấn Sa Mạc) là người phụ trách vụ này và đã nỗ lực tổ chức một cuộc tìm kiếm trên quy mô lớn. Danh tiếng của gia đình nhà Lindbergh đã khiến vụ việc này thu hút rất nhiều sự chú ý của dư luận và một phóng viên thậm chí còn cho rằng đây là “câu chuyện lớn nhất kể từ Ngày Phục sinh”.

Một vài ngày sau khi tin tức về vụ bắt cóc được lan truyền, Murray quyết định sử dụng sự kiện rất được dư luận quan tâm

này để nghiên cứu về độ chính xác của những giấc mơ tiên đoán. Ông thuyết phục một tờ báo lớn trong nước yêu cầu độc giả của mình báo cáo lại bất kỳ điềm báo nào mà có thể họ đã gặp trong mơ về vụ việc này. Thông tin về nghiên cứu của Murray lan truyền từ báo này sang báo khác, kết quả là nhà tâm lý học này nhận được hơn 1.300 phản hồi. Để có thể đánh giá đúng mức những phản hồi này, Murray đã buộc phải đợi hai năm trời cho đến khi vụ án được phá.

Liên tục trong một vài ngày sau khi con trai biến mất, Lindbergh đã đưa ra rất nhiều thỉnh cầu cho kẻ bắt cóc để có thể thương lượng. Nhưng không hề có hồi âm. Tuy nhiên, khi người giáo viên đã nghỉ hưu John Condon đăng một bài báo để nói rõ ràng rằng ông sẵn sàng làm người trung gian và trả thêm 1.000 đô la tiền chuộc, ông nhận được một loạt những tin nhắn từ kẻ được cho là đã bắt cóc đứa trẻ. Ngày 2 tháng 4, một tin nhắn yêu cầu Condon tới gặp chúng tại một nghĩa trang ở Bronx và phải mang theo giấy chứng nhận giữ vàng trị giá 50.000 đô la để đổi lấy thông tin về nơi giam giữ đứa trẻ. Condon lấy giấy chứng nhận từ Lindbergh, đưa cho bọn chúng khi gặp mặt, và được bảo rằng có thể tìm thấy đứa trẻ trên một con thuyền đậu ngoài bờ biển Massachusetts. Lindbergh đã bay qua bay lại khu vực này trong nhiều ngày nhưng không tìm thấy con thuyền nào như vậy.

Ngày 12 tháng 5 năm 1932, một tài xế xe tải dừng lại bên đường, đi bộ vào một lùm cây nhỏ để nghỉ ngơi ở nơi cách dinh thự nhà Lindbergh vài dặm. Tại đây người tài xế tình cờ tìm thấy xác chết của Charles Lindbergh, Jr., được chôn trong một phần mộ rất nông được chuẩn bị vội vàng. Hộp sọ của đứa trẻ bị vỡ rất nặng, chân trái và cả hai bàn tay đều không còn. Những kết quả

điều tra sau đó cho thấy đứa trẻ đã chết được khoảng hai tháng, và nguyên nhân cái chết là do bị đập vào đầu.

Cảnh sát gặp bế tắc khi giải quyết vụ án này trong hơn hai năm trời. Đến tháng 9 năm 1934, một người nhân viên ở trạm xăng nghi ngờ một vị khách đã thanh toán năm ga lông xăng bằng giấy chứng nhận vàng trị giá mười đô la. Người nhân viên đã ghi lại biển số xe và cung cấp cho cơ quan chức năng. Cảnh sát xác định chủ phương tiện là Bruno Richard Hauptmann, một người Đức nhập cư trái phép và đang làm nghề mộc. Cảnh sát sau đó lục soát nhà của Hauptmann, tìm thấy 14.000 đô la tiền chuộc, và ngay lập tức bắt giữ y. Trong phiên tòa xử Hauptmann, bên nguyên cáo đã cho thấy nét chữ của y trùng với những tin nhắn đòi tiền chuộc gửi đến cho Condon, và sàn nhà nơi y đang ở cũng được làm từ cùng một loại gỗ với cái thang tìm thấy ở nhà của Lindbergh. Sau 11 tiếng tranh luận, bồi thẩm đoàn đã phán quyết có tội và Hauptmann bị tuyên án tử hình.

Khi vụ án khép lại, Murray bắt đầu làm việc. Ông xem xét toàn bộ những điểm báo thu thập được để tìm kiếm ba thông tin quan trọng có thể giúp cảnh sát rất nhiều trong khâu điều tra – sự thật rằng đứa trẻ đã chết, được chôn trong một phần mộ và phần mộ đó ở gần những lùm cây. Chỉ có 5% những phản hồi cho rằng đứa bé đã chết, và chỉ có 4 trên tổng số hơn 1.300 phản hồi nhắc đến chuyện nạn nhân được chôn ở gần những lùm cây. Thêm nữa, không có trường hợp nào đề cập đến chi tiết cái thang, tin nhắn tổng tiền và tiền chuộc. Đúng như dự đoán của những người cho rằng “giấc mơ tiên tri là kết quả của những tác động bình thường, không phải điều gì siêu nhiên”, các điểm báo tuy rất đa dạng nhưng chỉ có một số rất ít chứa đựng những thông tin mà sau đó được xác nhận là chính xác. Murray buộc phải kết luận rằng khám phá của ông “không ủng hộ luận

điểm rằng những sự việc ở tương lai và những giấc mơ có liên quan tới nhau”. Mặc dù mọi người có thể nằm mơ về tương lai, nhưng những giấc mơ này không phải một sự tiên đoán kỳ diệu về những gì sẽ xảy ra.

Đáng tiếc là dường như không có ai công bố sự thật này. Năm 2009, hai nhà tâm lý học Cary Morewedge của Đại học Carnegie Mellon và Michael Norton của Đại học Harvard đã tiến hành một thí nghiệm để xem liệu con người hiện đại có còn bị thu hút bởi ý tưởng những giấc mơ có thể dự đoán được tương lai hay không⁹. Gần 200 hành khách ở ga tàu Boston được yêu cầu hãy tưởng tượng họ đã đặt chỗ trước trên một chuyến bay, nhưng một ngày trước chuyến đi, một trong bốn sự việc sau đã xảy đến. Chính phủ cảnh báo về việc có khả năng xảy ra một vụ khủng bố, họ nghĩ rằng sẽ có tai nạn máy bay, một máy bay có hành trình tương tự gặp tai nạn hoặc họ mơ thấy bản thân gặp tai nạn máy bay. Sau khi nghĩ về những viễn cảnh có thể xảy ra, mọi người được hỏi hãy đánh giá khả năng họ sẽ hủy chuyến bay trong mỗi trường hợp. Đáng kinh ngạc là viễn cảnh mơ thấy bản thân gặp tai nạn xếp đầu tiên, mang tới nỗi sợ hãi bất an lớn hơn cả những cảnh báo về nguy cơ khủng bố của chính phủ hay thậm chí là một tai nạn thực sự.

Ngoài việc đẩy lên những nghi ngờ về ý tưởng “những giấc mơ chính là lời tiên tri” trong tâm trí con người, ngành khoa học giấc ngủ còn có những bước tiến rất lớn trong việc giải quyết bí ẩn lớn nhất liên quan đến giấc mơ – những giấc mơ thực sự thì có tác dụng gì?

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KIỂM SOÁT NHỮNG GIẤC MƠ CỦA BẠN: PHẦN HAI

Hình thái cuối cùng của việc kiểm soát giấc mơ chính là giấc mơ sáng suốt (lucid dream). Đây là trải nghiệm về đêm được mọi người khao khát nhất khi bạn có thể trải nghiệm những điều không thể như bay, đi xuyên qua tường và có thời gian ở bên cạnh những người nổi tiếng mà bạn yêu thích. Ban đầu, hiện tượng kỳ lạ này đã gây ra rất nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu, khi nhiều nhà khoa học cho rằng những người đã kể lại trải nghiệm này thực sự không hề nằm mơ. Tuy nhiên, vấn đề này đã được làm sáng tỏ vào cuối những năm 1970, khi nhà nghiên cứu những giấc mơ Keith Hearne theo dõi hoạt động não bộ của những người tự nhận rằng họ thường xuyên có những giấc mơ sáng suốt¹⁰. Trong nghiên cứu có lẽ là nổi tiếng nhất của mình, Hearne mời đối tượng đến phòng thí nghiệm giấc ngủ và yêu cầu anh ta ra dấu khi có giấc mơ sáng suốt bằng cách đảo mắt sang hai bên trái phải tám lần rồi sau đó sẽ theo dõi hoạt động não bộ khi anh ta ngủ. Hearne khám phá ra rằng giấc mơ sáng suốt diễn ra trong giai đoạn REMs và cũng có liên quan đến những hoạt động của não bộ y như giấc mơ bình thường. Tóm lại, đây chính là bằng chứng xác đáng cho thấy giấc mơ sáng suốt là sản phẩm của não bộ khi mơ.

Công trình nghiên cứu của Hearne đã góp phần thúc đẩy việc tìm hiểu về giấc mơ sáng suốt. Nhiều nhà khoa học bắt đầu nghiên cứu các vấn đề khác nhau về chủ đề này, ví dụ như cách tốt nhất để tăng khả năng có được giấc mơ sáng

suốt. Nghiên cứu của họ chỉ ra rằng nếu làm theo những bước sau đây, bạn sẽ có cơ hội nắm được quyền kiểm soát những giấc mơ của mình¹¹.

1. Đặt báo thức để đánh thức bạn vào khoảng bốn, sáu và bảy tiếng sau khi bạn ngủ. Về mặt lý thuyết, điều này sẽ làm tăng khả năng bạn thức dậy trong khi đang mơ hoặc ngay sau một giấc mơ.

2. Nếu như bạn bị đánh thức khi đang mơ, hãy dành ra mười phút để đọc, viết lại những thông tin về giấc mơ hoặc đi dạo vòng quanh. Sau đó, quay lại giường và nghĩ đến giấc mơ mà bạn đã có trước khi thức dậy. Tự nói với bản thân rằng bạn sẽ tiếp tục mơ về giấc mơ đó, nhưng lần này bạn sẽ ý thức được rằng mình đang mơ.

3. Hãy viết một chữ "T" (tượng trưng cho "Tỉnh") thật lớn vào lòng bàn tay và chữ "M" ("Mơ") trên tay còn lại. Bất cứ khi nào bạn nhìn thấy hai chữ cái này, hãy tự hỏi bản thân xem liệu bạn đang mơ hay đang tỉnh. Điều này sẽ giúp bạn hình thành một thói quen và bạn sẽ tiếp tục mang câu hỏi này vào cả những giấc mơ. Thêm nữa là trước khi đi ngủ mỗi đêm, lúc nằm xuống giường, hãy dành khoảng một phút để nhìn vào hai lòng bàn tay của bạn và tự nhắc nhở bản thân rằng trong khi nằm mơ bạn cũng sẽ nhìn vào chúng.

4. Nếu như đạt được giấc mơ sáng suốt, bạn sẽ phải quyết định mình đang mơ hay đang ở trong thế giới thực. Tin tốt là có rất nhiều hành động có thể giúp bạn phân biệt

được ảo tưởng với thực tế. Đầu tiên, bạn có thể thử nhìn vào gương – trong giấc mơ sáng suốt thì hình ảnh xuất hiện trong gương của bạn sẽ bị mờ. Thứ hai, hãy thử cắn vào tay mình. Ở trong giấc mơ sáng suốt, bạn sẽ không có cảm giác gì cả, trong khi ở thế giới thực bạn sẽ cảm thấy rất đau. Cuối cùng, hãy thử tựa lưng vào tường. Ở trong giấc mơ sáng suốt thì bạn thường sẽ ngã xuyên qua bức tường, trong khi ở thực tại, điều này chỉ xảy ra nếu như tòa nhà đó được xây dựng bởi những kỹ sư người Anh trong mười năm trở lại đây.

Đi dạo dọc Con đường Hoàng gia để đến với Tiềm thức

Có một câu chuyện cười đã cũ thế này. Một người phụ nữ sáng sớm thức dậy liền quay sang người chồng và nói: “Đêm hôm qua em mơ thấy anh mua cho em một chiếc vòng cổ bằng bạc rất đẹp. Anh nghĩ giấc mơ này có ý nghĩa gì?” Người chồng trả lời rằng: “Em sẽ biết điều đó vào tối nay.” Tối hôm đó, người chồng về nhà với một bọc nhỏ và đưa nó cho vợ anh ta. Người vợ vui mừng mở ra và thấy cuốn sách *The Interpretation of Dreams* (Diễn Giải Những Giấc Mơ) của tác giả Sigmund Freud.

Câu chuyện cười chỉ là giả tưởng, nhưng cuốn sách là thật. Sigmund Freud có niềm đam mê với những giấc mơ và hay ví von chúng là “con đường hoàng gia để đi đến tiềm thức”. Mô hình cơ bản của Freud về tâm trí xoay quanh ý tưởng rằng chúng ta có rất nhiều nỗi sợ hãi và lo lắng, và nhận thức của chúng ta giải quyết vấn đề này bằng cách kìm hãm những điều tiêu cực đó vào trong tiềm thức. Nhận thức sẽ được nghỉ ngơi trong khi chúng ta mơ, và đó là lúc những cảm xúc và mong muốn thật sự của chúng ta trỗi dậy. Vì thế, Freud cho rằng hoàn toàn có thể biết được những mong muốn bí mật của một ai đó khi bảo họ miêu tả lại “nội dung rõ ràng” của giấc mơ (là những gì họ thực sự mơ thấy), và sử dụng nó để diễn giải những “nội dung tiềm ẩn” (những cảm xúc chưa được thoả mãn mà giấc mơ phản ánh). Tuy nhiên, thực hiện được điều này là không hề dễ dàng vì tiềm thức của con người không xuất sắc về mặt ngôn ngữ mà thay vào đó có xu hướng giao tiếp thông qua những biểu tượng. Mặc dù có một vài biểu tượng là đại chúng và rõ ràng (mơ về “xì gà”, nghĩ đến “đương vật”), hầu hết những biểu tượng đều

mang tính cá nhân và chỉ có thể được giải nghĩa một cách đầy đủ với sự trợ giúp từ những chuyên gia tâm lý lão luyện (mơ về việc “liên tục ôm lấy một người cảnh sát”, nghĩ đến “200 bảng một giờ”). Ý tưởng của Freud đã sản sinh ra cả một ngành công nghiệp tập trung hướng đến việc diễn giải những giấc mơ, với rất nhiều người bán hàng tự do trên khắp thế giới hăng hái bán sách hướng dẫn, khoá chuyên đề huấn luyện và đĩa DVD về chủ đề này. Chỉ duy có một vấn đề nho nhỏ ở đây. Nhiều nhà khoa học ngày nay nghĩ rằng Freud đã sai và nỗ lực diễn giải những giấc mơ là hoàn toàn vô nghĩa.

Một vài nhà khoa học đã có cách tiếp cận khác ưu việt hơn trong việc nghiên cứu những giấc mơ. Nếu như tôi đánh thức bạn từ trạng thái REMs và hỏi bạn đã mơ thấy gì, có hai điều nhiều khả năng sẽ xảy ra. Một là bạn có thể sẽ hỏi tôi đang làm gì trong phòng ngủ của bạn. Hai là, như đã đề cập ở trên, sẽ có khoảng tám trên mười lần bạn nhắc đến một cảm xúc tiêu cực hay một tình huống xấu nào đó. Có thể bạn sẽ nói rằng bạn đang khỏa thân ở nơi công cộng, bị chìm dần trong bãi cát lún, hay đang bị cười nhạo bởi những người xung quanh (hay, vào một đêm tồi tệ, là cả ba điều trên). Tại sao những điều tiêu cực và ảm đạm này lại chiếm trọn tâm trí chúng ta trong mơ? Một số nhà tâm lý học theo đuổi cách tiếp cận mới hơn này cho rằng những giấc mơ thật ra là một cuộc diễn tập cho những tình huống nguy hại mà bạn có thể sẽ gặp phải trong đời thật¹². Chúng cho phép chúng ta nghĩ trước xem mình cần phải làm gì trong những tình huống khó khăn mà không khiến bản thân gặp rủi ro.

Nếu không ủng hộ mô hình “giấc mơ là cơ chế phòng vệ tâm lý” này, có thể bạn sẽ thích ý tưởng được đề ra bởi người đàn ông đã góp phần khám phá ra cấu trúc của DNA, Francis Crick¹³. Vào giữa những năm 1980, Crick đã có một cách tiếp cận hoàn

toàn khác với vấn đề này. Ông cho rằng giấc mơ là cách để não bộ sắp xếp lại thông tin của cả một ngày bằng cách quảng đi những dữ liệu không quan trọng và kết nối lại những sự việc và ý tưởng theo cách mới. Từ góc nhìn của Crick, giấc mơ là cách giúp cho tâm trí không bị phân mảnh, đồng thời cũng là một cỗ máy tạo ra những “khoảnh khắc khám phá”. Ý tưởng này không hẳn là sai khi rất nhiều bộ óc vĩ đại nói rằng những giấc mơ là một nguồn cảm hứng quan trọng với họ. Ví dụ, vào những năm 1840, Elias Howe muốn tạo ra chiếc máy may đầu tiên trên thế giới, nhưng chưa thể tìm ra được chính xác cách hoạt động của nó. Một đêm, ông nằm mơ thấy mình bị bao quanh bởi một nhóm chiến binh của một bộ lạc, và để ý thấy phần đầu của những ngọn giáo họ đang cầm có lỗ. Howe nhận ra rằng giấc mơ này đã mang tới giải pháp cho vấn đề của mình, vì khi tạo ra một cái lỗ ở đầu của cây kim thì sợi chỉ sẽ theo cái lỗ đó mà đi xuyên qua tấm vải, và như thế thì cái máy may đã có thể hoạt động. Tương tự, nhà hoá học August von Kekule đã cố gắng nhiều năm trời để tìm ra công thức cấu tạo của vòng benzene trước khi nằm mơ thấy một con rắn đang cắn chính đuôi của nó và nhận ra rằng hợp chất khó hiểu này có thể được tạo nên bởi một vòng tròn những nguyên tử carbon. (Nhà văn Arthur Koestler sau đó đã nhận định rằng “đây có thể là giấc mơ quan trọng nhất trong lịch sử kể từ khi Joseph mơ thấy bảy con bò béo và bảy con bò gầy”). Lịch sử của ngành thể thao và âm nhạc cũng bị tác động bởi những sự việc tương tự. Golf thủ Jack Nicklaus nói rằng ông đã thích thú thực hiện một cú xoay người đánh bóng hướng lên trên trong một trận đấu sau khi mơ thấy một cách cầm cây gậy golf mới, và Paul McCartney giải thích rằng bài hát “Yesterday” đến với ông trong một giấc mơ. (Một học giả gần đây đã nghiên cứu về khoảnh khắc thiên tài của Paul McCartney và kết luận rằng: “Ba yếu tố con người, phạm vi và lĩnh vực đã tạo nên một hệ thống nhân quả quy hồi trong đó cá nhân, tổ chức xã hội mà ở trong đó

họ thực hiện hoạt động sáng tạo, và hệ thống ký hiệu họ sử dụng đều quan trọng như nhau và phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình tạo ra những sản phẩm sáng tạo. “Yesterday” là một sản phẩm sáng tạo của hệ thống này”¹⁴. Thật tốt làm sao khi chúng ta đã hiểu được điều đó có nghĩa là gì).

Nếu như bạn không thích ý tưởng rằng giấc mơ là “sự mô phỏng những nguy cơ” hay “cỗ máy tạo ra ý tưởng”, có thể bạn sẽ thấy bị thu hút bởi ý tưởng thành công nhất của cộng đồng khoa học, rằng giấc mơ là một sản phẩm vô nghĩa của một hoạt động ngẫu nhiên bên trong não bộ. Ý tưởng này được biết đến như là “giả thuyết kích hoạt tổng hợp”, lần đầu tiên được đề xuất bởi nhà tâm lý học James Hobson đến từ Đại học Harvard vào cuối những năm 1970¹⁵. Khi bạn ngủ, rõ ràng là bạn không tiếp nhận nhiều thông tin từ các giác quan. Tuy nhiên, theo Hobson, những bộ phận lâu đời hơn về mặt tiến hoá của não bộ, chịu trách nhiệm cho những chức năng cơ bản như thở hay duy trì nhịp tim, vẫn liên tục hoạt động dẫn đến những hành động ngẫu nhiên bên trong bộ não. Do bị rối loạn, các bộ phận mới hơn của não bộ cố gắng hết sức để liên kết những cảm giác này thành một câu chuyện có nghĩa, tạo ra những giấc mơ kỳ lạ bằng cách kết nối những mối bận tâm hằng ngày với những yếu tố ngẫu nhiên. Thêm nữa, giấc ngủ là rất quan trọng đối với sự tồn tại của con người, một số nhà lý luận tin rằng xét theo một khía cạnh nào đó thì giấc mơ chính là “người bảo vệ của giấc ngủ” – một cơ chế cho phép cơ thể bạn giải quyết những hoạt động của não bộ mà không cần thức giấc. Những nghiên cứu mới nhất cho thấy có thể nhận định trên là đúng. Những người đã bị tổn thương phần não bộ cho phép họ có thể mơ cho biết rằng họ rất khó để ngủ ngon giấc vào ban đêm¹⁶. “Giả thuyết kích hoạt tổng hợp” không

loại trừ ý tưởng của Freud rằng giấc mơ phản ánh lại những lo lắng và bận tâm hằng ngày, nhưng nó đặt nghi vấn về cái khả năng rằng giấc mơ có chứa những biểu tượng kỳ lạ chỉ có thể được lý giải với sự trợ giúp của những chuyên gia trị liệu tài giỏi.

Hay có lẽ vấn đề đơn giản hơn như thế rất nhiều. Như nhà nghiên cứu giấc ngủ Jim Horne đến từ Đại học Loughborough đã từng một lần diễn tả, có lẽ những giấc mơ chỉ là một kiểu “rạp chiếu phim của tâm trí” có tác dụng giải trí cho não bộ trong suốt giấc ngủ chán ngắt.

Suốt cả ngàn năm qua, con người vẫn tin rằng những giấc mơ có thể cung cấp cho họ một cái nhìn thoáng qua về tương lai. Phải đến tận những năm 1950, các nhà khoa học mới khám phá ra cách để nghiên cứu não bộ trong giấc ngủ và tìm ra sự thật về hiện tượng thường vẫn được coi là một dạng tiên tri này. Bạn mơ nhiều hơn những gì mình nghĩ, nhưng bạn chỉ nhớ được những giấc mơ có vẻ sẽ trở thành hiện thực. Đa số giấc mơ của bạn xoay quanh những chủ đề làm bạn lo lắng, vậy nên thường chúng sẽ có liên quan đến những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai. Trái với niềm tin thông thường, gần như tất cả mọi người đều mơ, và vì thế chỉ tính theo xác suất ngẫu nhiên thì trong số hàng triệu triệu giấc mơ vẫn xảy ra hằng đêm, chắc chắn sẽ có một vài giấc mơ diễn tả đúng một sự kiện nào đó trong tương lai. Khi tiến hành thí nghiệm để loại bỏ những yếu tố này, đột nhiên tâm trí lúc đang ngủ của bạn không thể biết được điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai nữa. Có lẽ còn quan trọng hơn thế, những khám phá khoa học về giấc ngủ đã cung cấp những bằng chứng quan trọng về lý do thực sự đằng sau trí tưởng tượng hằng đêm của bạn. Cụ thể, những giấc mơ giúp bạn chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với

những tình huống nguy hại, đồng thời tăng khả năng bạn nghĩ ra những ý tưởng sáng tạo, và giúp bạn có một giấc ngủ ngon. Vẫn còn vô số những bí ẩn về giấc ngủ vẫn đang chờ được giải đáp, nhưng có một điều chắc chắn là với những ai muốn tin vào sự tồn tại của những hiện tượng huyền bí, khám phá của ngành khoa học giấc ngủ sẽ thực sự là một cơn ác mộng.

Kết luận

Ở phần cuối này, chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao tất cả chúng ta đều thấy hơi hợp trước những điều kỳ lạ và suy ngẫm về bản chất của những điều tuyệt diệu.

Chúng ta đã gần tiến tới đoạn kết của chuyến phiêu lưu vào thế giới diệu kỳ của khoa học siêu nhiên. Ở phần đầu tiên của cuộc hành trình, chúng ta đã khám phá làm thế nào những diễn giải tâm linh có thể tiết lộ bản chất thật của bạn, làm sao mà những trải nghiệm xuất hồn cho thấy cách não bộ quyết định bạn thực sự đang ở đâu, làm thế nào mà những màn trình diễn khả năng dịch chuyển đồ vật bằng ý nghĩ chứng minh được rằng những gì bạn thấy *chưa chắc* đã đáng tin, và làm sao những nỗ lực nói chuyện với người chết lại thể hiện sức mạnh của tiềm thức con người. Ở phần sau của cuộc khám phá, chúng ta tìm hiểu về cách mà những trải nghiệm ma quái đã giúp con người đạt được hiểu biết quan trọng về khía cạnh tâm lý học của những sự gọi ý, làm thế nào mà những chuyên gia kiểm soát tâm trí có thể thao túng suy nghĩ của người khác, và ngành khoa học giấc ngủ đã giải thích những giấc mơ tiên đoán như thế nào. Xuyên suốt chuyến đi, chúng ta đã học cách để thiết kế vô số những thí nghiệm kỳ lạ. Nếu mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp thì bây giờ ắt hẳn bạn đã có thể chơi cầu cơ, thoát linh hồn ra khỏi cơ thể, nói được tất cả mọi điều về một người hoàn toàn xa lạ, vờ như có thể bẻ cong kim loại bằng sức mạnh của ý chí, tránh được việc bị tẩy não và kiểm soát được cả những giấc mơ.

Tuy nhiên, vẫn còn một vấn đề nữa chưa được giải quyết. Tại sao chúng ta liên tục tiến hoá để trải nghiệm những điều không thể? Trí tuệ của chúng ta đã tiêu diệt được rất nhiều những dịch bệnh khủng khiếp trên thế giới, đưa con người lên Mặt Trăng, và bắt đầu tìm hiểu về nguồn gốc của vũ trụ. Thế nhưng, vì sao chúng ta vẫn bị đánh lừa để nghĩ rằng linh hồn có thể rời khỏi cơ thể, rằng ma quỷ thực sự tồn tại, và rằng những giấc mơ của chúng ta có thể dự đoán tương lai? Điều kỳ lạ là hai vấn đề trên có liên quan rất mật thiết với nhau. Tuy nhiên, trước

khi tìm hiểu cụ thể điều này có ý nghĩa gì, đây là lúc để quay trở lại bài kiểm tra mà bạn đã làm ở ngay phần đầu của cuốn sách.

Nếu bạn còn nhớ, tôi đã cho bạn xem một vết mực và hỏi bạn trông thấy hình ảnh gì từ vết mực đó. Dạng bài kiểm tra này được phát triển bởi những chuyên gia ủng hộ giả thuyết của Freud trong nỗ lực để hiểu bệnh nhân của mình. Theo đó, con người sẽ vô thức phản chiếu những suy nghĩ và cảm xúc thầm kín nhất lên hình ảnh, và điều này cho phép một chuyên gia lão luyện có thể thu được những thấu hiểu sâu sắc về tiềm thức của người bệnh. Rất nhiều nghiên cứu đã cho thấy những bài kiểm tra thế này không chính xác và không đáng tin cậy¹. Mặc dù vậy, nhìn vào mặt tích cực, bài kiểm tra này đã mang lại nhiều câu chuyện cười thú vị, trong đó câu chuyện ưa thích của tôi là: “Gã chuyên gia phân tích tâm lý của tôi thật khủng khiếp, và tôi không biết hắn đang làm gì với hàng đống hình ảnh khóa thân của mẹ tôi.”

Tôi đi lạc đề mất rồi. Mặc dù bài kiểm tra này có thể không tạo ra được một cánh cổng đi đến tiềm thức, nhưng nó đã thực sự xác định được một điều còn quan trọng hơn rất nhiều – khả năng nhìn ra các hình mẫu. Kết quả của bạn thế nào? Cũng giống như chuyện có người thấp và người cao, một số người rất có năng khiếu trong việc nhìn ra được hình mẫu từ những vết mực tưởng chừng vô nghĩa. Họ nhìn vào hình ảnh và ngay lập tức nhìn ra mặt một con chó xù, hai con thỏ đang ăn cỏ hay một con gấu bông được dựng lên ở trên giường. Trong khi những người khác cũng nhìn vào hình ảnh đó cả mười phút và vẫn không thể nhìn thấy điều gì ngoài những vết mực màu đen.

Khả năng tìm ra những hình mẫu có một vai trò thiết yếu trong cuộc sống thường nhật của bạn, vì bạn liên tục phải tìm

ra nguyên nhân và hệ quả của những gì đã xảy ra. Ví dụ, bạn có thể thấy không khoẻ khi ăn một số loại đồ ăn nhất định và phải tìm ra nguyên liệu nào khiến bạn cảm thấy khó chịu. Hay bạn có thể muốn mua một chiếc xe mới, và vì thế bạn xem xét kỹ lưỡng những đánh giá, tìm ra những quan điểm đồng nhất để từ đó có quyết định mua bán hợp lý. Hay có lẽ bạn muốn trải qua một vài mối quan hệ trước khi xác định được mẫu bạn đòi lý tưởng của mình. Khả năng nhìn ra những hình mẫu thực sự đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong sự thành công và tồn tại của loài người. Hầu hết thời gian, kỹ năng này rất có ích và cho phép chúng ta có thể hiểu được thế giới này vận hành thế nào. Tuy nhiên, thi thoảng mọi chuyện có thể trở nên quá đà và khả năng này làm chúng ta thấy những điều không tồn tại.

Hãy thử tưởng tượng bạn đang ở một khu vực hoang vu và có một cơn gió làm những bụi cây gần đó xào xạc. Thêm nữa là bạn đã được cảnh báo rằng có một vài con hổ đói ở quanh khu vực này và biết rằng chúng cũng tạo ra những tiếng xào xạc như vậy. Bạn phải đối mặt với một lựa chọn hết sức đơn giản – bạn sẽ quyết định đó chỉ là tiếng gió xào xạc và ở lại, hay kết luận rằng nhiều khả năng đó là một con hổ và chạy đi? Rõ ràng là để tồn tại, tốt hơn hết bạn nên lựa chọn an toàn và hành động dựa trên giả thuyết đó là con hổ. Sau cùng thì, rõ ràng là chạy đi khỏi một cơn gió còn hơn là đối mặt với một con hổ đói. Hay theo cách diễn đạt bằng ngôn ngữ của tâm lý học thì thà nhìn thấy một vài hình mẫu không thực sự tồn tại còn hơn là bỏ qua bất cứ một điều gì.

Vì lẽ đó, khả năng tìm ra những hình mẫu ở con người luôn gắn liền với xu hướng tìm kiếm sự kết nối từ những sự kiện hoàn toàn không liên quan đến nhau. Và như thế, bạn có thể dễ dàng thuyết phục bản thân rằng mình đã trải nghiệm những

điều không tương. Ví dụ, bạn có thể tìm thấy một vài mối liên hệ đáng chú ý giữa những nhận định vô nghĩa của người xem bói chỉ tay và quá khứ của mình, từ đó kết luận rằng bói toán là có thật. Hay bạn cũng có thể thấy sự tương đồng giữa một giấc mơ bất kỳ với những sự việc sau đó trong cuộc đời mình, và cho rằng bản thân có khả năng tiên tri. Hay chỉ với một bức hình rất bình thường chụp những tảng đá phản chiếu trên mặt hồ, bạn cũng có thể nhìn ra một khuôn mặt “ma” ở dưới nước. Hay khi nhìn thấy một “nhà tâm linh” đang tập trung nhìn vào một cái thìa, sau đó cái thìa bị bẻ cong, bạn kết luận rằng đó là do khả năng siêu nhiên tuyệt vời của nhà tâm linh. Hoặc khi bạn đặt một tấm bùa may mắn vào túi trước một buổi phỏng vấn quan trọng rồi nhận được công việc, bạn cho rằng tấm bùa đã mang lại may mắn cho mình. Danh sách này có thể kéo dài vô tận.

Lý thuyết tổng quát về những điều huyền bí này dự đoán rằng những người đặc biệt giỏi trong việc nhìn ra những hình mẫu như vậy có nhiều khả năng trải qua những điều tương chừng như là hiện tượng siêu nhiên hơn bình thường. Liệu điều này có chính xác? Để kiểm tra giả thuyết này, các nhà nghiên cứu đã làm nhiều dạng bài kiểm tra vết mực với người tham gia và hỏi họ về những hiện tượng siêu nhiên mà họ đã gặp phải². Đúng như dự đoán, kết quả thí nghiệm cho thấy những người đạt kết quả cao trong bài kiểm tra tìm những hình mẫu cũng là những người gặp phải nhiều điều kỳ lạ hơn.

Tóm lại, khả năng tìm ra những hình mẫu quan trọng đối với sự tồn tại của con người đến mức não bộ của chúng ta thà nhìn ra một vài hình mẫu tương tượng còn hơn là bỏ qua bất kỳ một nguyên nhân và hệ quả nào có thể xảy ra. Nhìn nhận theo cách này, những trải nghiệm tương chừng như siêu nhiên không phải do não bộ mắc sai lầm mà là cái giá con người phải trả để có thể hoạt động hiệu quả trong những khoảng thời gian còn lại.

Về những điều kỳ diệu

Chúng ta gần như đã hoàn thành hành trình của mình. Thật vui khi có thể đồng hành cùng các bạn suốt chuyến đi, và tôi hy vọng rằng bạn đã thực sự tận hưởng chuyến đi này. Và tôi muốn các bạn suy nghĩ về một điều cuối cùng.

Nhiều năm về trước, tôi là nhà ảo thuật tại một nhà hàng. Tôi sẽ di chuyển khắp các bàn và biểu diễn những màn ảo thuật với bộ bài tây và cố gắng hết sức để mọi người có một quãng thời gian vui vẻ. Cuối mỗi màn trình diễn, khách hàng thường xuyên hỏi “đùa” tôi rằng: “Anh có thể làm hoá đơn của tôi biến mất không?” Ai cũng tin rằng họ là người đầu tiên nghĩ đến câu hỏi này, và vì là một người hết sức chuyên nghiệp, tôi luôn phá lên cười những lúc như vậy. Tôi không phải là nhà ảo thuật duy nhất phải chịu đựng bình luận này đêm này qua đêm khác. Thực tế, đó là một hiện tượng được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Một nghệ sĩ trình diễn nổi tiếng người Mỹ đã viết sẵn câu hỏi này vào một tấm thiệp nhỏ và thêm vào một loạt những dấu tích ở ngay bên cạnh. Bất cứ khi nào một người khách hỏi câu hỏi đó, nhà ảo thuật sẽ phá lên cười, lấy tấm thiệp ra khỏi ví và công khai điền thêm một dấu tích nữa vào đó.

Hiện tại thì tôi không còn đi quanh nhà hàng biểu diễn ảo thuật với những lá bài nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn thường xuyên thuyết trình về những hiện tượng kỳ bí và nói rất nhiều về những nội dung trong quyển sách này. Sau buổi nói chuyện, luôn có ít nhất một người hỏi cùng một câu hỏi. Thay vì muốn biết tôi có thể làm cho hoá đơn của họ biến mất không, họ hỏi liệu có một hiện tượng bí ẩn nào mà tôi vẫn chưa thể lý giải được một cách khoa học hay không. Khi tôi trả lời rằng tôi vẫn chưa tìm ra

bằng chứng thuyết phục nào cho những hiện tượng siêu nhiên, người hỏi thường xuyên trông rất thất vọng. Phản ứng của họ thường xuất phát từ niềm tin rằng một thế giới không có những hiện tượng siêu nhiên thì có vẻ ít tuyệt diệu hơn một thế giới có những điều không tưởng. Tôi tin rằng đây là một niềm tin sai lầm.

Nhà toán học và nhà báo khoa học người Mỹ Martin Gardner là một trong những người anh hùng trong lĩnh vực học thuật của tôi. Ông mất năm 2010 khi 95 tuổi, và một trong những bài phỏng vấn cuối cùng của ông là về ý niệm của những “điều kỳ diệu”³. Ông đã đưa ra một thí nghiệm rất đơn giản về suy nghĩ. Hãy tưởng tượng rằng một ai đó đã khám phá ra một dòng sông rượu hay tìm được cách để làm một vật thể bay lên trên không trung. Bạn sẽ trả bao nhiêu tiền để có thể đến thăm dòng sông rượu hay để thấy một đồ vật bay lên? Hầu hết mọi người đều sẽ vui vẻ trả một khoản lớn để có thể chứng kiến những hiện tượng tưởng như phi thường như vậy. Sau đó, Gardner chỉ ra rằng dòng sông nước cũng tuyệt vời như dòng sông rượu, và một đồ vật bị Trái Đất hút xuống cũng tuyệt vời như khi nó bị hút lên bầu trời. Tôi tin rằng ông đã đúng. Khi tin rằng những kết quả nghiên cứu của khoa học siêu nhiên sẽ làm những điều tuyệt vời biến mất khỏi thế giới, tức là chúng ta không thể nhìn thấy được những sự việc tuyệt vời vẫn đang diễn ra xung quanh mình trong cuộc sống hằng ngày. Và không giống như những người làm ra vẻ có thể nói chuyện với người chết hay dịch chuyển đồ vật với sức mạnh tâm trí, những điều tuyệt vời này là có thật.

Trước khi bắt đầu chuyến đi, tôi đã nói rằng chúng ta sẽ tiến vào một thế giới còn tuyệt vời hơn xứ Oz. Không cần thiết phải đi đâu xa. Bạn đang ở đó rồi. Như cách mà Dorothy đã kết thúc bộ phim tuyệt vời này, không nơi đâu bằng ở nhà.

**Bộ trang bị
siêu anh hùng tức thời**

Tôi nghĩ sẽ thật tuyệt khi có thể tặng các bạn một món quà chia tay. Tôi đã tập hợp một loạt những tiết mục biểu diễn tâm linh nhanh gọn và bất ngờ để các bạn có thể gây ấn tượng với bạn bè, gia đình và đồng nghiệp của mình. Những tiết mục này dựa trên những lý thuyết và ý tưởng mà chúng ta đã đề cập đến, và có thể coi đây như một vật lưu niệm về cuộc hành trình của chúng ta. Các bạn sẽ không cần mất nhiều thời gian để học được “Bộ trang bị siêu anh hùng tức thời” này. Chúc vui vẻ nhé.

Diễn giải quẻ bói

Ở chương 1, chúng ta đã nghiên cứu làm thế nào mà những nhà tâm linh, những người hầu đồng và chiêm tinh có thể đưa ra những diễn giải bói toán ấn tượng và có độ chính xác cao. Họ phải luyện tập rất nhiều mới có thể thành thạo ứng dụng những nguyên lý tâm lý của kỹ thuật “đọc ngụy”. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể thuyết phục những người hoàn toàn xa lạ rằng bạn biết tất cả về họ bằng cách ngay lập tức làm theo những điều sau đây.

Cuối những năm 1940, nhà tâm lý học Bertram Forer đã tiến hành một thí nghiệm đột phá mà trong đó ông đưa cùng một bản miêu tả tính cách cho tất cả các sinh viên và thấy rằng hầu hết bọn họ đều đánh giá những gì được viết trong đó có độ chính xác cao¹. Hiện tượng này ngày nay được gọi là “hiệu ứng Barnum”, có thể được sử dụng để tạo ra ấn tượng rằng bạn có một sự thấu hiểu sâu sắc và bí ẩn đối với tính cách của một người lạ.

Để dựng lên một câu chuyện có tính thuyết phục, đầu tiên bạn cần phải tìm ra người mà bạn muốn gây ấn tượng có hứng thú với xem chỉ tay, chiêm tinh hay tâm lý học không. Sau đó nhìn vào lòng bàn tay của họ, rồi hỏi về ngày tháng năm sinh, hoặc bảo họ hãy vẽ một căn nhà, rồi hãy nói lại những lời sau:

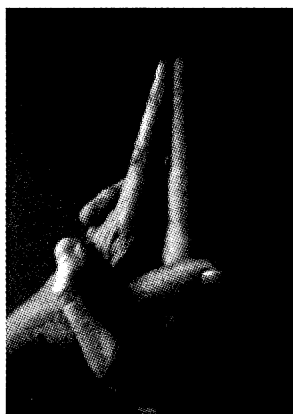
Tôi có ấn tượng rằng bạn là một người bạn trung thành và tận tụy – một người mà người khác có thể trông cậy vào trong những lúc khó khăn. Mặc dù bạn là một người khá vô tư, bạn cũng có tham vọng hơn những gì mà bạn bề ngoài đồng nghiệp của bạn vẫn đánh giá. Hầu như bạn luôn mang đến ấn tượng rằng bạn là người mạnh mẽ, nhưng

tận sâu bên trong, thì thoảng bạn vẫn lo lắng không biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai. Bạn là kiểu người đồng ý với tất cả những gì người khác nói về mình. (Tôi chỉ đùa thôi. Xin lỗi nếu như bạn đọc cả những lời này ra nhé.) Tôi có cảm giác trong một vài hoàn cảnh nhất định, bạn là một người cầu toàn, và vì thế đôi lúc bạn khó chịu với những người ở xung quanh. Bạn thường cân nhắc cả hai mặt của một vấn đề chứ không vội vàng kết luận. Bạn là kiểu người có xu hướng sẽ tập hợp mọi yếu tố lại với nhau rồi mới đưa ra quyết định. Có đúng không? Khi nhìn lại những gì đã qua, thì thoảng bạn suy nghĩ quá nhiều về những điều bản thân có thể làm khác đi, nhưng nhìn chung, bạn vẫn luôn tập trung vào tương lai. Mặc dù thích sự thay đổi và đa dạng, bạn cũng bị thu hút bởi những gì mang tính chất đều đặn và ổn định. Ngay bây giờ, bạn đang phải đối mặt với một quyết định cực kỳ quan trọng, hoặc gần đây vừa có một thay đổi lớn diễn ra trong cuộc đời bạn. Bạn biết rằng mình còn nhiều khả năng chưa được sử dụng mà bạn vẫn chưa biến được thành ưu thế của bản thân. Có lúc, bạn là một người hướng ngoại và hoà đồng, nhưng cũng có lúc trở nên hướng nội và dè dặt.

Khoa học dự đoán rằng người lạ đó hẳn sẽ vô cùng ấn tượng. Đương nhiên, chỉ là trong trường hợp họ chưa đọc cuốn sách này.

Gây mê tức thời

Những nội dung của chương 2 đi sâu vào nguyên lý khoa học đằng sau trải nghiệm xuất hồn, và phát hiện ra rằng những cảm giác kỳ lạ này cung cấp cho chúng ta một cái nhìn đặc biệt về việc làm thế nào não bộ xác định “bạn” đang ở đâu trong mọi khoảnh khắc bạn tỉnh táo. Một vài nghiên cứu về lĩnh vực này đã khám phá ra cách bộ não sử dụng những thông tin thị giác để quyết định “bạn” đang ở đâu, khi tiến hành những thí nghiệm mà trong đó người tham gia cảm thấy như thể chiếc găng tay cao su hay mặt bàn là một phần của cơ thể họ. Tiết mục “ngón tay bị gây mê” có ý tưởng giống với những thí nghiệm trên. Hãy bảo một người bạn duỗi ngón trỏ tay phải của họ ra. Bây giờ, duỗi ngón trỏ tay trái của bạn và đan tay của hai bạn sát vào nhau sao cho ngón tay của hai bạn chạm vào nhau theo chiều dọc (xem hình minh họa bên dưới).



Tiếp theo, yêu cầu người bạn dùng ngón cái và ngón trỏ ở bên tay trái của họ vuốt ve hai bên của “ngón tay đôi”. Hãy để ngón tay cái bên tay trái của họ vuốt ve dọc ngón trỏ tay phải của

họ, trong khi ngón trỏ bên tay trái của họ vuốt ve dọc ngón trỏ trái của bạn. Điều gì đó kỳ lạ sẽ xảy ra. Bạn của bạn sẽ cảm thấy ngón trỏ trái của họ như hoàn toàn tê dại.

Bộ não bạn của bạn nhìn thấy cái mà nó tin là ngón tay trỏ trái của người đó đang được vuốt ve, nhưng không cảm thấy gì cả, nên quyết định rằng ngón tay đó phải bị tê. Ngoài việc minh hoạ cho những hoạt động sâu thẳm bên trong của não bộ, đây cũng là một tiết mục tuyệt vời để tán gẫu với mọi người trong những quán bar.

Bài kiểm tra mức độ dễ bị tác động

Ở chương 4, những nghiên cứu về cái bàn xoay, bàn cầu cơ và khả năng viết tự động đã dẫn đến việc khám phá ra một loại cử động vô thức. Những người dễ bị tác động thường có xu hướng thực hiện những cử động này mà không hề hay biết, và bạn có thể sử dụng những thao tác sau đây để đánh giá mức độ dễ bị tác động của bạn mình.

Hãy yêu cầu một người bạn khoanh tay trước ngực, đảm bảo rằng hai cánh tay của họ song song với mặt đất và cả hai bàn tay đang ở vị trí ngang nhau với lòng bàn tay úp xuống. Bây giờ, hãy bảo họ nhắm mắt lại trong khi bạn đọc to đoạn văn dưới đây một cách chậm rãi và rõ ràng:

Tôi sẽ hướng dẫn bạn thực hiện một bài tập tưởng tượng đơn giản. Đầu tiên, hãy tưởng tượng có một chồng sách rất nặng được buộc lại bằng một sợi dây thừng rất dày, và một đầu sợi dây thừng được buộc vào những ngón tay trái của bạn. Những quyển sách đang được treo ở tay trái của bạn và kéo cánh tay của bạn xuống. Đừng cố ý cử động bàn tay của mình, hãy chỉ nghe lời tôi nói và để trí tưởng tượng tràn ngập tâm trí bạn. Tiếp tục tưởng tượng rằng sức nặng của những quyển sách đang từ từ kéo cánh tay của bạn xuống sàn và càng lúc lại càng nặng hơn. Bây giờ, hãy tưởng tượng có một quả bóng bay bên trong đầy khí helium được gắn vào một sợi dây mỏng. Đầu của sợi dây được cột vào những ngón tay bên bàn tay phải của bạn và từ từ kéo tay phải của bạn lên cao. Những quyển sách thì đang kéo tay trái của bạn xuống và quả bóng bay thì đang kéo tay phải của bạn lên. Đừng cố ý cử động hai bàn tay,

hãy chỉ nghe những lời tôi nói và để trí tưởng tượng tràn ngập trong tâm trí bạn. Tay trái của bạn đang bị kéo xuống trong khi tay phải đang bị kéo lên trên. Tuyệt vời. Bây giờ bạn có thể mở mắt và thư giãn cánh tay của mình.

Bây giờ hãy nhìn vào vị trí hai bàn tay của người đó khi thực hiện xong bài kiểm tra vừa rồi. Hai bàn tay khởi đầu ở cùng một độ cao. Có phải bàn tay trái sẽ dịch chuyển thấp hơn và bàn tay phải cao lên? Nếu chúng vẫn ở vị trí ban đầu, hay chỉ dịch chuyển một vài centimét, thì người đó là một người không dễ bị tác động. Nếu những bàn tay của người đó dịch chuyển nhiều hơn vài centimét so với lúc đầu thì chúng tỏ đó là một người dễ bị tác động. Ngoài việc đánh giá mức độ dễ bị tác động của mỗi cá nhân, bài kiểm tra này còn tiết lộ nhiều điều về tính cách của họ. Nhóm người không dễ bị tác động thường là những người thực tế, suy nghĩ logic và rất thích trò giải đố. Ngược lại, nhóm người dễ bị tác động có xu hướng tưởng tượng tốt, nhạy cảm, tin vào trực giác, và dễ nhập tâm vào nhân vật trong phim ảnh hay sách truyện.

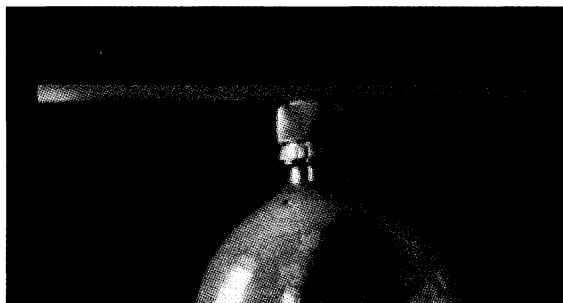


Tôi thực hiện bài kiểm tra mức độ dễ bị tác động
www.richardwiseman.com/paranormality/SuggestTest.html

Tâm trí kiểm soát vật chất

Chương 3 đã nghiên cứu về cách những người tự nhận có khả năng dùng sức mạnh ý chí để dịch chuyển đồ vật cho ta thấy rằng những gì bạn thấy chỉ là một phần rất nhỏ của những gì đang diễn ra ngay trước mắt bạn. Nguyên lý tâm lý quan trọng này sẽ được minh họa bằng màn trình diễn có hai phần sau đây. Tất cả những gì bạn cần là một cái ống hút, một cái chai nhựa và một cái bàn.

Trước khi bắt đầu, hãy bí mật chà xát cái ống hút vào quần áo của bạn để đảm bảo rằng nó đã bị nhiễm tĩnh điện. Tiếp theo, cẩn thận đặt ống hút cân bằng lên trên nắp cái chai nhựa (nhìn hình minh họa).



Thông báo với mọi người rằng dường như bạn vừa có được một loại sức mạnh siêu nhiên kỳ lạ nào đó. Đặt tay phải của bạn cách một đầu của cái ống hút khoảng 2,5cm và chà xát những ngón tay với nhau. Một cách kỳ diệu, cái ống hút sẽ từ từ xoay trên nắp cái chai và dịch chuyển hướng về phía ngón tay của bạn.

Ở phần tiếp theo của tiết mục biểu diễn, đặt cái ống hút lên bàn và cách rìa của cái bàn khoảng vài centimét. Cái ống hút cần được đặt nằm ngang và song song với người của bạn. Một lần nữa, chà xát những đầu ngón tay của bạn với nhau như thể bạn đang cố triệu hồi sức mạnh tiềm ẩn của mình. Bây giờ, đặt tay phải của bạn ở trên cao cách mặt bàn khoảng vài centimét (nhìn hình minh họa bên dưới).



Tiếp theo, hơi cúi đầu về trước trong khi vẫn tập trung vào cái ống hút. Từ từ chà xát các ngón tay của bạn với nhau và đồng thời bí mật thổi một hơi xuống mặt bàn. Dòng không khí sẽ di chuyển dọc trên mặt bàn và làm cái ống hút dịch chuyển.

Đây rồi, một điều kỳ diệu xảy ra ngay lập tức.

Sử dụng hai phương pháp khác nhau (tĩnh điện và thổi hơi) để tạo ra cùng một hiệu ứng là một nguyên tắc quan trọng trong việc lừa người khác rằng tâm trí có thể kiểm soát vật chất.

Tương tự, khi thực hiện phần thứ hai của tiết mục, mọi người sẽ hướng sự chú ý vào những ngón tay của bạn mà không để ý đến mồm của bạn, góp phần đánh lạc hướng họ ra khỏi tác nhân thực sự gây ra chuyển động.



Tôi biểu diễn tiết mục với ống hút
www.richardwiseman.com/paranormality/PKdemo.html

Nghi thức

Ở chương 5, chúng ta đã liều lĩnh tiến vào thế giới đáng sợ của ma quỷ và những câu chuyện về ma ám và biết được rằng những âm thanh ma quái xuất hiện vào ban đêm thực ra là do hiệu ứng tâm lý của sự gợi ý, cảm giác sợ hãi cực độ gây nên trạng thái cảnh giác thái quá, và cả “Cơ chế phát hiện tác nhân siêu nhạy cảm” của bộ não. Rất nhiều người muốn thử được nhìn thấy ma quỷ, và màn trình diễn này sẽ giúp bạn thuyết phục bạn bè rằng mình có sức mạnh triệu hồi linh hồn.

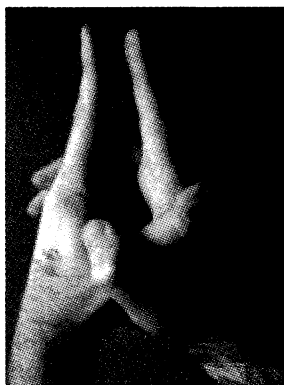
Yêu cầu một người bạn của bạn đứng cách khoảng nửa mét trước một cái gương lớn. Tiếp theo, thấp một ngọn nến hay bất kỳ một nguồn sáng yếu nào ở sau lưng họ, rồi tắt hết các loại đèn đi. Sau khi liên tục nhìn vào hình ảnh phản chiếu của mình khoảng một phút, họ sẽ bắt đầu cảm thấy một ảo giác kỳ lạ. Theo như nghiên cứu thực hiện bởi nhà tâm lý học người Ý Giovanni Caputo², khoảng 70% số người sẽ thấy mặt họ bị méo mó một cách khủng khiếp, nhiều người thậm chí còn thấy mặt mình biến dạng thành khuôn mặt của người khác. Theo như thần thoại, hiệu ứng này sẽ còn khủng khiếp hơn nếu người bạn của bạn hô “Bloody Mary” 13 lần. Mặc dù những nhà nghiên cứu cũng không chắc chắn điều gì tạo nên hiệu ứng kỳ lạ này, đây có thể là do một quá trình nào đó ngăn không cho não bộ “tổng hợp” những chi tiết khác nhau trên khuôn mặt của bạn thành một hình ảnh.

Bạn có thể kết thúc tiết mục biểu diễn này bằng cách giải thích với bạn mình rằng có vẻ như những linh hồn này sẽ theo họ về nhà và khiến họ gặp ác mộng suốt cả tuần (sẽ đặc biệt hiệu quả với những người đã dịch chuyển bản tay của họ rất nhiều trong bài kiểm tra mức độ dễ bị tác động).

Kiểm soát người khác

Trong chương 6, chúng ta đã khám phá thế giới của khả năng kiểm soát tâm trí, tiết lộ cách những màn trình diễn ấn tượng về khả năng ngoại cảm dẫn đến khám phá về đọc hiểu chuyển động của cơ bắp, và làm thế nào mà nghiên cứu về những thủ lĩnh giáo phái lại cho thấy sức mạnh tâm lý của sự thuyết phục. Lập ra một giáo phái mới có lẽ không phải là một ý tưởng hay. Thay vào đó, vẫn có một vài cách thú vị để bạn vờ như bản thân có thể kiểm soát hành vi của bạn mình.

Đầu tiên, hãy yêu cầu một người bạn áp sát hai lòng bàn tay vào nhau và chỉ để mỗi ngón trỏ được duỗi ra với khoảng cách khoảng 2,5cm (nhìn hình minh họa ở dưới).



Tiếp theo, hãy tuyên bố rằng bạn sẽ sử dụng sức mạnh của tâm trí để làm hai ngón trỏ của người bạn từ từ dính vào nhau. Yêu cầu họ cố gắng hết sức để giữ khoảng cách giữa những ngón tay nhưng hãy tưởng tượng rằng có một sợi chỉ được cuốn xung quanh đầu những ngón tay và đang dần siết chặt lại. Bạn nên diễn tả bằng hành động cái cử chỉ buộc và thắt chặt sợi chỉ vô

hình. Chỉ vài giây sau, cơ bắp bạn của bạn sẽ trở nên mỏi và ngón tay trở của họ sẽ từ từ dính vào nhau.

Tiếp theo, hãy bảo bạn của bạn úp bàn tay phải của họ lên bàn. Ngón cái và những ngón tay khác đều duỗi hết ra và để thẳng ở trên bàn. Bây giờ, hãy bảo họ gấp hai đốt ngón tay giữa của bàn tay phải lại và để tay lên bàn như hình vẽ (nhìn hình minh họa ở dưới).

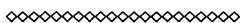


Thông báo rằng bạn sẽ dùng sức mạnh tinh thần để ngăn không cho phép họ nhấc ngón áp út ở bàn tay phải lên khỏi bàn. Họ có thể cố gắng hết sức, nhưng cũng không thể nào dịch chuyển ngón áp út đó.

Tôi hi vọng bạn sẽ thích những tiết mục biểu diễn siêu năng lực mới khám phá ra này và sẽ sử dụng chúng vào việc có ích.

Ghi chú

GIỚI THIỆU

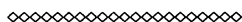


1 Thí nghiệm của tôi với Jaytee được mô tả trong: R. Wiseman, M. Smith, J. Milton (1998). "Can animals detect when their owners are returning home? An experimental test of the 'psychic pet' phenomenon." *British Journal of Psychology*, 89, 453–62. Rupert Sheldrake cũng đã tiến hành nghiên cứu với Jaytee và tin rằng những kết quả đó sẽ cung cấp bằng chứng cho khả năng tâm linh. Công trình này được mô tả trong cuốn sách của ông *Dogs That Know When Their Owners are Coming Home*. Phản hồi của tôi đối với những nghiên cứu này được đăng tải trên: www.richardwiseman.com/jaytee.

2 L. J. Chapman và J. P. Chapman (1967). "Genesis of popular but erroneous psychodiagnostic observations". *Journal of Abnormal Psychology*, 72, trang 193–204.

3 D. A. Redelmeier and A. Tversky (1996). "On the belief that arthritis pain is related to the weather". *Proc Natl Acad Sci USA*, 93, trang 2895–6.

1. BÓI TOÁN



1 Rất nhiều thông tin của mục này được lấy từ:

M. J. Mooney (2009). "The Demystifying Adventures of the Amazing Randi". SF Weekly News, 26 tháng 8. (<http://www.sfweekly.com/2009-08-26/news/the-demystifyingadventures-of351the-amazing-randi/1/>)

2 Để biết thêm thông tin chi tiết về bài kiểm tra này, vui lòng truy cập:

<http://www.guardian.co.uk/science/2009/may/12/psychicclaimsjames-randi-paranormal>

3 Sau này, Patricia Putt có phản nản về điều kiện của bài kiểm tra. Nhận xét của cô và phản hồi từ phía tôi được đăng tải tại:

<http://richardwiseman.wordpress.com/2009/05/27/patriciaputtreplies/>

4 H. G. Boerenkamp (1988). A Study of Paranormal Impressions of Psychics. CIP-Gegevens Koninklijke, The Hague. Công trình này cũng được xuất bản trong một series báo trên European Journal of Parapsychology từ năm 1983 đến năm 1987.

5 S. A. Schouten, (1994). "An overview of quantitatively evaluated studies with mediums and psychics". The Journal of the American Society for Psychical Research, 88, trang 221–54.

6 C. A. Roe (1998). "Belief in the paranormal and attendance at psychic readings". Journal of the American Society for PsychicalResearch, 90, trang 25–51.

7 Để biết thêm thông tin chi tiết về Đọc ngүй, xin vui lòng đọc:

I. Rowland (1998). The Full Facts Book of Cold Reading. Ian

Rowland Limited, London.

8 Mời các bạn đọc tại:

D. G. Myers (2008). *Social Psychology*. McGraw-Hill Higher Education, New York.352

9 A. H. Hastorf và H. Cantril (1954). "They Saw a Game: A Case Study". *Journal of Abnormal and Social Psychology*, 49, trang 129–34.

10 D. H. Naftulin, J. E. Ware và F. A. Donnelly (1973). "The Doctor Fox Lecture: A Paradigm of Educational Seduction". *Journal of Medical Education*, 48, trang 630–5.

11 The Editors of *Lingua Franca* (2000). *The Sokal Hoax: The Sham That Shook the Academy*. Bison Books, Lincoln, NE.

12 G. A. Dean, I. W. Kelly, D. H. Saklofske và A. Furnham (1992). "Graphology and human judgement". In *The Write Stuff* (ed. B. Beyerstein and D. Beyerstein), trang 349–95. Prometheus Books, Buffalo, NY.

13 A. C. Little và D. I. Perrett (2007). "Using composite face images to assess accuracy in personality attribution". *British Journal of Psychology*, 98, trang 111–26.

14 Số liệu được trích dẫn với sự cho phép của The British Journal of Psychology © The British Psychological Society.

15 Để biết thêm thông tin về những hành vi khuôn mẫu phổ biến, vui lòng đọc: D. Marks (2000). *The Psychology of the Psychic* (2nd Edition). Prometheus Books, Amherst, NY.

16 S. J. Blackmore (1997). "Probability misjudgment and belief in the paranormal: A newspaper survey". *British Journal of Psychology*, 88, trang 683–9.

17 B. Jones (1989). *King of the Cold Readers: Advanced professional pseudo-psychic techniques*. Jeff Busby Magic Inc., Bakersfield, CA.

18 B. Couttie (1988). *Forbidden Knowledge: The Paranormal Paradox*. Lutterworth Press, Cambridge.

19 W. F. Chaplin, J. B. Phillips, J. D. Brown, N. R. Clanton and J. L. Stein (2000). "Handshaking, gender, personality and first impressions". *Journal of Personality and Social Psychology*, 79, trang 110–17.

2. TRẢI NGHIỆM XUẤT HỒN



1 C. A. Alvarado (2000). "Out-of-body experiences". In *Varieties of anomalous experiences* (ed. E. Cardeña, S. J. Lynn and S. Krippner), trang 183–218. American Psychological Association, Washington D.C.

2 G. Gabbard và S. Twemlow (1984). *With the eyes of the mind*. Praeger Scientific, New York.

3 Để biết thêm thông tin về Mumler, vui lòng đọc: L. Kaplan (2008). *The Strange Case of William Mumler, Spirit Photographer*. University of Minnesota Press, MN.

4 Để biết thêm thông tin về chụp ảnh linh hồn, vui lòng đọc: H. Carrington và J. R. Meader (1912). *Death, its Causes and Phenomena*. Rider, London.

5 M. Willin (2007). *Ghosts Caught on Film: Photographs of the Paranormal?* David & Charles, Cincinnati.

6 D. MacDougall (1907). "Hypothesis concerning soul substance, together with experimental evidence of the existence of such substance". *Journal of the American Society for Psychical Research*, 1, trang 237–44.

7 M. Roach (2003). *Stiff: The Curious Lives of Human Cadavers*. W. W. Norton, New York.

8 Bản mô tả thí nghiệm do Watters và Hopper tiến hành có thể tìm thấy trong: S. J. Blackmore (1982). *Beyond the Body: An Investigation into Out-of-the-Body Experiences*. Paladin Grafton Books, London.

9 K. Clark (1984). "Clinical Interventions with Near-Death Experiencers." In *The Near-Death Experience: Problems, Prospects, Perspectives* (ed. B. Greyson and C. P. Flynn), trang 242–55. Charles C. Thomas, Springfield, IL.

10 E. Hayden, S. Mulligan và B. L. Beyerstein (1996). "Maria's NDE: Waiting for the Other Shoe to Drop". *Skeptical Inquirer*, 20(4), trang 27–33.

11 Bản câu hỏi được dựa trên thí nghiệm được mô tả trong: A. Tellegen và G. Atkinson (1974). "Openness to absorbing and self-altering experiences ("absorption"), a trait related to hypnotic susceptibility". *Journal of Abnormal Psychology*, 83, trang 268–77.

12 K. Osiris (1974). "Perspectives for out-of-body research". In *Research in Parapsychology* (ed. W. G. Roll, R. L. Morris và J. D. Morris, 1973), trang 110–13.

13 J. Palmer and R. Lieberman (1975). "The influence of psychological set on ESP and out-of-body experiences". *Journal of the American Society for Psychical Research*, 69, trang 235–43. J. Palmer và C. Vassar (1974). "ESP and out-of-body experiences: An exploratory study". *Journal of the American Society for Psychical Research*, 68, trang 257–80.

14 M. Botvinick và J. Cohen (1998). "Rubber hands "feel" touch that eyes see". *Nature*, 391, trang 756.

15 G. L. Moseley, et al. (2008). "Psychologically induced cooling of a specific body part caused by the illusory ownership of an artificial counterpart". *Proc Natl Acad Sci*, 105, trang 13169–73.

- 16 S. Blakeslee và V. S. Ramachandran (1998). *Phantoms in the Brain: Human Nature and the Architecture of the Mind*. William Morrow, New York.
- K. C. Armel và V. S. Ramachandran (2003). "Projecting sensations to external objects: Evidence from skin conductance response". *Proceedings of the Royal Society of London: Biological*, 270, trang 1499–506.
- 17 V. S. Ramachandran và D. Rogers-Ramachandran (1996). "Synaesthesia in phantom limbs induced with mirrors". *Proc R Soc Lond B Biol Sci*, 263, trang 286–377.
- 18 B. Lenggenhager, T. Tadi, T. Metzinger và O. Blanke (2007). "Video ergo sum: Manipulation of bodily self consciousness". *Science*. 317, trang 1096–9.
- 19 E. L. Altschuler và V. S. Ramachandran (2007). "A simple method to stand outside oneself". *Perception*, 36(4), trang 632–4.
- 20 S. J. Blackmore và F. Chamberlain (1993). "ESP and Thought Concordance in Twins: A Method of Comparison". *Journal of the Society for Psychical Research*. 59, trang 89–96.
- 21 S. J. Blackmore (1987). "Where am I?: Perspectives in imagery, and the out-of-body experience". *Journal of Mental Imagery*, 11, trang 53–66.

3. TÂM TRÍ KIỂM SOÁT VẬT CHẤT



1 Để biết thêm thông tin chi tiết về Hydrick, vui lòng đọc: D. Korem (1988). *Powers: Testing the psychic & supernatural*. InterVarsity Press, Downers Grove, IL. “Psychic Confession”, một cuộc sách tài liệu do Korem thực hiện về khoảng thời gian ông tiếp xúc cùng Hydrick. J. Randi (1981). “ ‘Top Psychic’ Hydrick: Puffery and Puffs”. *The Skeptical Inquirer*, 5(4), trang 15–18.

2 D. Korem và P. D. Meier (1981). *The Fakers: Exploding the myths of the supernatural*. Baker Book House, Grand Rapids, MN.

3 R. Beene (1989). “Sir James’ molest suspect says he’s misunderstood, but prosecutors insist he’s a con man”. *LA Times*, số tháng 2 năm 2006.

4 Bài kiểm tra này dựa trên một bài kiểm tra tương tự được mô tả trong: L. Wardlow Lane, M. Groisman and V. S. Ferreira (2006). “Don’t talk about pink elephants! Speakers’ control over leaking private information during language production”. *Psychological Science*, 17, trang 273–7.

5 J. Steinmeyer (2006). *Art and Artifice and Other Essays of Illusion*. Carroll & Graf, New York.

6 B. Singer và V. A. Benassi (1980–81). “Fooling some of the people all of the time”. *Skeptical Inquirer*, 5(2), trang 17–24.

7 R. Hodgson và S. J. Davey (1887). “The possibilities of malobservation and lapse of memory from a practical point of view”. *Proceedings of the Society for Psychical Research*, 4, trang 381–404.

8 A. R. Wallace (1891). Correspondence: "Mr S. J. Davey's Experiments". *Journal of the Society for Psychical Research*, 5, trang 43.

9 R. Hodgson (1892). "Mr. Davey's imitations by conjuring of phenomena sometimes attributed to spirit agency". *Proceedings of the Society for Psychical Research*, 8, trang 252–310.

10 Hình ảnh đăng tải đã nhận được sự cho phép của J. Kevin O'Regan, Laboratoire Psychologie de la Perception CNRS, Université Paris Descartes.

11 R. Wiseman và E. Haraldsson (1995). "Investigating macro-PK in India: Swami Premananda". *Journal of the Society for Psychical Research*, 60, trang 193–202.

12 H. Münsterberg (1908). *On the Witness Stand: Essays on Psychology and Crime*. Page & Co., Doubleday, New York.

13 R. Buckhout (1974). "Eyewitness testimony". *Scientific American*, 231, trang 23–31.

14 R. Buckhout (1975). "Nearly 2000 witnesses can be wrong". *Social Action and the Law*, 2, trang 7.

4. NÓI CHUYỆN VỚI NGƯỜI ĐÃ KHUẤT



1 Để biết thêm thông tin chi tiết về chị em nhà Fox vui lòng đọc: B. Weisberg (2004). *Talking to the Dead: Kate and Maggie Fox and the Rise of Spiritualism*. HarperSanFrancisco, San Francisco.

2 P. Lamont (2004). “Spiritualism and a mid-Victorian crisis of evidence”. *Historical Journal*, 47(4), trang 897–920.

3 Đọc phiên bản toàn diện hơn của lời tự thú tại: R. B. Davenport (1888). *The Death-Blow to Spiritualism: being the true story of the Fox sisters, as revealed by authority of Margaret Fox Kane and Catherine Fox Jencken*. G. W. Dillingham, New York.

4 P. P. Alexander (1871). *Spiritualism: a narrative with a discussion*. William Nimmo, Edinburgh.

5 N. S. Godfrey (1853). *Table Turning: the Devil’s Modern Masterpiece; Being the Result of a Course of Experiments*. Thames Ditton, UK.

6 D. Graves (1996). *Scientists of Faith*. Kregel Resources, Grand Rapids, MI.

7 M. Faraday (1853). “Experimental investigation of table moving”. *Athenaeum*, 1340, trang 801–3.

8 J. Jastrow (1900). *Fact and Fable in Psychology*. Houghton Mifflin Company, New York.

9 Để biết thêm về nghiên cứu này, vui lòng đọc: E. Jacobson

(1982). *The Human Mind: A physiological clarification*. Charles C. Thomas, Springfield, IL.

10 H. H. Spitz (1997). *Nonconscious Movements: From Mystical Messages to Facilitated Communication*. Lawrence Erlbaum Associates, Princeton, NJ.

11 D. M. Wegner và D. J. Schneider (2003). "The White Bear Story". *Psychological Inquiry*, 14, trang 326–29.

12 O. P. John và J. J. Gross (2004). "Healthy and unhealth emotion regulation: Personality processes, individual differences, and life span development". *Journal of Personality*, 72, pages 1301–17.
A. G. Harvey (2003). "The attempted suppression of presleep cognitive activity in insomnia". *Cognitive Therapy and Research*, 27, trang 593–602.

13 D. M. Wegner, M. E. Ansfield và D. Pilloff (1998). "The putt and the pendulum: Ironie effects of the mental control of action". *Psychological Science*, 9, trang 196–9.

14 F. C. Bakker, R. R. D. Oudejans, O. Binsch và J. Van der Kamp (2006). "Penalty shooting and gaze behavior: Unwanted effects of the wish not to miss". *International Journal of Sport Psychology*, 37, trang 265–80.

15 J. Etkin (2001). "Erratic Pitching – performance anxiety of baseball players". *Baseball Digest*, August 2001, trang 52–6.

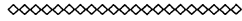
16 W. F. Prince (1964). *The Case of Patience Worth*. University Books, Inc., New York.

17 D. Wegner (2002). *The Illusion of Conscious Will*. The MIT Press, Cambridge, MA.

18 B. Libet, C. A. Gleason, E. W. Wright và D. K. Pearl (1983). "Time of conscious intention to act in relation to onset of cerebral activity (readiness-potential). The unconscious initiation of a freely voluntary act". *Brain*, 106, trang 623–42. B. Libet (1985). "Unconscious cerebral initiative and the role of conscious will in voluntary action". *Behavioral and Brain Sciences*, 8, trang 529–66.

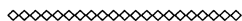
19 Được mô tả trong cuốn "Time and the Observer" viết bởi D. C. Dennett và M. Kinsbourne và cuốn *The Nature of Consciousness: Philosophical debates*, (Ned Block, Owen Flanagan, et al., eds., 1997), The MIT Press, Cambridge, MA, trang 168.

TẠM NGHỊ



1 Để biết thêm thông tin chi tiết về Gef, vui lòng đọc: H. Price (1936). *Confessions of a Ghost-Hunter*. Putnam & Co. Ltd, London. H. Price và R. S. Lambert (1936). *The Haunting of Cashen's Gap: A Modern "Miracle" Investigated*. Methuen & Co. Ltd., London.

5. SÀN MA



1 D. P. Musella (2005). "Gallup poll shows that Americans' belief in the paranormal persists". *Skeptical Inquirer*, 29(5), trang 5.

2 R. Lange, J. Houran, T. M. Harte và R. A. Havens (1996). "Contextual mediation of perceptions in hauntings and poltergeist-like experiences". *Perceptual and Motor Skills*, 82, trang 755–62.

3 D. J. Hufford (1982). *The Terror That Comes in the Night*. University of Pennsylvania Press, Philadelphia. T. Kotorii, N. Uchimura, Y. Hashizume, S. Shirakawa, T. Satomura et al. (2001). "Questionnaire relating to sleep paralysis". *Psychiatry and Clinical Neurosciences*, 55, trang 265–6.

4 C. Brown (2003). "The stubborn scientist who unraveled a mystery of the night". *Smithsonian Magazine*, số tháng 10 năm 2003.

5 E. Aserinsky và N. Kleitman (1953). "Regularly occurring periods of eye motility, and concomitant phenomena, during sleep". *Science*, 118, trang 273–4.

6 Để biết thêm thông tin chi tiết về công trình này, vui lòng đọc: R. Wiseman, C. Watt, E. Greening, P. Stevens và C. O'Keeffe (2002). "An investigation into the alleged haunting of Hampton Court Palace: Psychological variables and magnetic fields". *Journal of Parapsychology*, 66(4), trang 387–408. R. Wiseman, C. Watt, P. Stevens, E. Greening và C. O'Keeffe (2003). "An investigation into alleged 'hauntings' ". *The British Journal of Psychology*, 94, trang 195–211.

7 G. W. Lambert (1955). "Poltergeists: a physical theory". *Journal of the Society for Psychical Research*, 38, trang 49–71.

8 A. Gauld và A. D. Cornell (1979). *Poltergeists*. Routledge & Kegan Paul, London.

9 A. Cornell (1959). "An experiment in apparitional observation and findings". *Journal of the Society for Psychical Research*, 40, trang 120–4. A. Cornell (1960). "Further experiments in apparitional observations". *Journal of the Society for Psychical Research*, 40, trang 409–18.

10 V. Tandy và T. Lawrence (1998). "The ghost in the machine". *Journal of the Society for Psychical Research*, 62, trang 360–4. 11 V. Tandy (2000). "Something in the cellar". *Journal of the Society for Psychical Research*, 64, trang 129–40.

12 C. M. Cook và M. A. Persinger (1997). "Experimental induction of the "sense presence" in normal subjects and an exceptional subject". *Perceptual and Motor Skills*, 85, trang 683–93. C. M. Cook và M. A. Persinger (2001). "Geophysical variables and behavior: XCII. Experimental elicitation of the experience of a sentient being by right hemispheric, weak magnetic fields: Interaction with temporal lobe sensitivity". *Perceptual and Motor Skills*, 92, trang 447–8.

13 P. Granqvist, M. Fredrikson, P. Unge, A. Hagenfeldt, S. Valind, D. Larhammar và M. Larsson (2005). "Sensed presence and mystical experiences are predicted by suggestibility, not by the application of transcranial weak complex magnetic fields". *Neuroscience Letters*, 379, trang 1–6. M. Larsson, D. Larhammar, M. Fredrikson và P. Granqvist (2005). "Reply to M.A. Persinger

and S. A. Koren's response to Granqvist et al. 'Sensed presence and mystical experiences are predicted by suggestibility, not by the application of transcranial weak complex magnetic fields' ". Neuroscience Letters, 380, trang 348–50.

Để biết thêm thông tin chi tiết về công trình này, vui lòng đọc: <http://www.nature.com/news/2004/041206/full/news041206-10.html>

14 C. C. French, U. Haque, R. Bunton-Stasyshyn và R. Davis (2009). "The 'Haunt' Project: An attempt to build a 'haunted' room by manipulating complex electromagnetic fields and infrasound". Cortex. 45, trang 619–29.

Để biết thêm thông tin chi tiết về mối quan hệ giữa ma ám và điện từ học, vui lòng đọc:

J. J. Braithwaite (2008) "Putting magnetism in its place: A critical examination of the weak-intensity magnetic field account for anomalous haunt-type experiences". Journal for the Society of Psychical Research, 890, trang 34–50. J. J. and M. Townsend (2005). "Sleeping with the entity: A quantitative magnetic investigation of an English castle's reputedly haunted bedroom". European Journal of Parapsychology. 20.1, trang 65–78.

15 E. E. Slosson (1899). "A lecture experiment in hallucinations". Psychology Review, 6, trang 407–8.

16 M. O'Mahony (1978). "Smell illusions and suggestion: Reports of smells contingent on tones played on television and radio". Chemical Senses and Flavour, 3, trang 183–9.

17 R. Lange và J. Houran (1999). "The role of fear in delusions of the paranormal". Journal of Nervous and Mental Disease, 187, trang 159–66.

18 R. Lange và J. Houran (1997). "Context-induced paranormal experiences: Support for Houran and Lange's model of haunting phenomena". *Perceptual and Motor Skills*, 84, trang 1455–8.

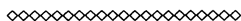
19 J. Houran và R. Lange (1996). "Diary of events in a thoroughly unhaunted house". *Perceptual and Motor Skills*, 83, trang 499–502.

20 Phần lớn thông tin của phần này dựa vào một báo cáo của Smyth vào những năm 1970 trên series tài liệu của BBC, *Leap in the Dark*.

21 J. M. Bering (2006). "The cognitive psychology of belief in the supernatural". *American Scientist*, 94, trang 142–9.

22 J. L. Barrett (2004). *Why Would Anyone Believe in God?* AltaMira Press, Lanham, MD.

6. KIỂM SOÁT TÂM TRÍ



1 Để biết thêm thông tin chi tiết về Bishop, vui lòng đọc: H. H. Spitz (1997). *Nonconscious Movements: From mystical messages to facilitated communication*. Lawrence Erlbaum Associates, Princeton, NJ. R. Jay (1986). *Learned Pigs and Fireproof Women*. Robert Hale, London. B. H. Wiley (2009). "The Thought-Reader Craze". *The Conjuring Arts Research Center*. 4(1), trang 9–134. Gibeciere, NY.

2 Để biết thêm thông tin chi tiết về Clever Hans, vui lòng đọc: H. H. Spitz (1997). *Nonconscious Movements: From Mystical Messages to Facilitated Communication*. Lawrence Erlbaum Associates, Princeton, NJ. O. Pfungst (1911). *Clever Hans (The horse of Mr. von Osten): A contribution to experimental animal and human psychology*. Henry Holt, New York.

3 R. Rosenthal và K. Fode (1963). "The effect of experimenter bias on the performance of the albino rat". *Behavioral Science*, 8, trang 183–9.

4 R. Rosenthal và L. Jacobson (1968). *Pygmalion in the Classroom: Teacher expectations and pupils' intellectual development*. Holt, Rinehart và Winston, New York.

5 G. L. Wells (1988). *Eyewitness Identification: A system handbook*. Carswell, Toronto.

6 H. B. Gibson (1991). "Can hypnosis compel people to commit harmful, immoral and criminal acts?: A review of the literature". *Contemporary Hypnosis*, 8, trang 129–40.

7 M. T. Orne và F. J. Evans (1965). "Social control in the psychological experiment: Antisocial behavior and hypnosis". *Journal of Personality and Social Psychology*, 1, trang 189–200.

8 Để biết thêm thông tin chi tiết về Jim Jones, vui lòng đọc: J. Mills (1979). *Six Years with God*. A&W Publishers, New York. D. G. Myers (2010). *Social Psychology* (10th ed.). McGraw-Hill, New York.

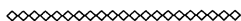
9 J. L. Freedman và S. C. Fraser (1966). "Compliance without pressure: The foot-in-the-door technique". *Journal of Personality and Social Psychology*, 4, trang 196–202.

10 S. E. Asch (1951). "Effects of group pressure upon the modification and distortion of judgment". In *Groups, Leadership and Men* (ed. H. Guetzkow). Carnegie Press, Pittsburgh, PA.

11 E. Aronson và J. Mills (1959). "The effect of severity of initiation on liking for a group". *Journal of Abnormal and Social Psychology*, 59, trang 177–81.

12 L. Festinger, H. W. Riecken và S. Schachter (1956). *When Prophecy Fails: A Social and Psychological Study of a Modern Group that Predicted the Destruction of the World*. University of Minnesota Press, Minneapolis, MN.

7. TIỀN TRI



1 J. C. Barker (1967). "Premonitions of the Aberfan Disaster". Journal of the Society for Psychical Research, số tháng 12 năm 1967, 44, trang 168–81.

2 A. MacKenzie (1974). The Riddle of the Future: A modern study of precognition. Arthur Barker, London.

3 A. M. Arkin, J. S. Antrobus và J. Ellman (1978). The Mind in Sleep: Psychology and psychophysiology. Erlbaum, New Jersey.

4 J. Nickell (1999). "Paranormal Lincoln". Skeptical Inquirer, 23, 127–31.

5 L. Breger, I. Hunter và R.W. Lane (1971). The Effect of Stress on Dreams. International Universities Press, New York.

6 Lấy từ: <http://www.nuffield.ox.ac.uk/politics/aberfan/dowintro.htm>

7 D. M. Wegner, R. M. Wenzlaff và M. Kozak (2004). "Dream rebound: The return of suppressed thoughts in dreams". Psychological Science, 15, trang 232–6.

8 H. A. Murray và D. R. Wheeler (1937). "A note on the possible clairvoyance of dreams". Journal of Psychology, 3, trang 309–13.

9 C. K. Morewedge và M. I. Norton (2009). "When dreaming is believing: The (motivated) interpretation of dreams". Journal of Personality and Social Psychology, 96, trang 249–64.

10 K. M. T. Hearne (1978). "Lucid dreams: an electrophysiological and psychological study". PhD thesis, University of Hull.

11 Thông tin của mục này dựa trên bài viết "Mnemonic Induction of Lucid Dreams" của Stephen LaBerge.

12 A. Revonsuo (2000). "The reinterpretation of dreams: An evolutionary hypothesis of the function of dreaming". *Behavioral and Brain Sciences*, 23, trang 793–1121.

13 F. Crick và G. Mitchison (1983). "The function of dream sleep". *Nature*, 304, trang 111–14.

14 P. McIntyre (2006). "Paul McCartney and the creation of "Yesterday": the systems model in operation". *Popular Music*, 25, trang 201–19.

15 J. A. Hobson và R.W. McCarley (1977). "The brain as a dreamstate generator: An activation-synthesis hypothesis of the dream process". *American Journal of Psychiatry*, 134, trang 1335–48.

16 M. Solms và O. H. Turnbull (2007). "To sleep, perchance to REM? The rediscovered role of emotion and meaning in dreams". In *Tall Tales About the Mind and Brain* (ed. Sergio Della Sala, 2007,) trang 478–500. Oxford University Press, US.

KẾT LUẬN



1 J. M. Wood, M. T. Nezworski, S. O. Lilienfeld, H. N. Garb (2002). *What's Wrong With the Rorschach? Science Confronts the Controversial Inkblot Test*. John Wiley & Sons, New York.

2 R. Wiseman và C. Watt (2006). "Belief in psychic ability and the misattribution hypothesis: A qualitative review". *British Journal of Psychology*, 97, trang 323–38.

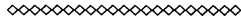
S. J. Blackmore và R. Moore (1994). "Seeing things: Visual recognition and belief in the paranormal". *European Journal of Parapsychology*, 10, trang 91–103.

P. Brugger, M. Regard, T. Landis, D. Krebs và J. Niederberger (1994). "Coincidences: Who can say how 'meaningful' they are?" In *Research in parapsychology* (biên tập bởi E.W. Cook và D. Delanoy, 1991), trang 94–8. Scarecrow, Metuchen, NJ. P. Brugger and R. Graves (1998). "Seeing connections: associative processing as a function of magical belief". *Journal of the International Neuropsychological Society*, 4, trang 6–7. R. Wiseman và M. D. Smith (2002). "Assessing the role of cognitive and motivational biases in belief in the paranormal". *Journal of the Society for Psychical Research*, 66, trang 178–86.

3 J. Jay (2010). "Martin Gardner: An Interview". *Magic Magazine*, 19(11), trang 58–61.

Để biết thêm thông tin chi tiết về tư duy của Gardner, vui lòng đọc: M. Gardner (1983). *The Whys of a Philosophical Scrivener*. Quill, New York.

BỘ TRANG BỊ SIÊU NHÂN TỨC THỜI



- 1 B. R. Forer (1949). "The fallacy of personal validation: A classroom demonstration of gullibility". *Journal of Abnormal Psychology*, 44, trang 118–21.
- 2 G. B. Caputo (2010). "Strange-face-in-the-mirror illusion", *Perception*, 39(7), trang 1007–08.

Lời cảm ơn

Trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến trường Đại học Hertfordshire vì đã hỗ trợ công việc của tôi trong suốt những năm qua. Tôi muốn cảm ơn Sue Blackmore, James Randi, Jim Houran, Chris French, Max Maven, Ngài D bí ẩn, Peter Lamont, và David Britland vì những đóng góp vô giá của họ đối với cuốn sách này. Ngoài ra, tôi cũng xin cảm ơn Emma Greening và Clive Jefferies vì đã đọc những bản thảo đầu của cuốn sách này. Cuốn sách sẽ không thể trở thành hiện thực nếu không có sự hướng dẫn và kiến thức chuyên môn của đại diện của tôi, Patrick Walsh và biên tập Jon Butler. Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới đồng nghiệp, người cộng tác và cũng là bạn đời của tôi, Caroline Watt.

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính:

Số 46. Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 0084.24.38253841

Chi nhánh:

Số 7. Nguyễn Thị Minh Khai, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0084.28.38220102

Email: marketing@thegioipublishers.vn

Website: www.thegioipublishers.vn

TẠI SAO THẦY BÓI NÓI ĐÚNG?

(Lời giải cho tâm linh dưới góc nhìn tâm lý học)

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Phạm Bích Ngọc
Vẽ bìa: Nguyễn Hoài Bảo
Trình bày: camvataos
Sửa bản in: Phương Hoa

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam

Địa chỉ: Số 50, đường 5, TTF361 An Dương, P. Yên Phụ,
Q. Tây Hồ, Hà Nội

In 5.000 bản, khổ 14 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In và
Thương mại Quốc Duy

Địa chỉ: Số 9, ngách 130/1, ngõ 130 phố Đốc Ngữ, P. Vĩnh Phúc,
Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.

Xưởng SX: Trụ Cầu N25, Đường Tân Xuân, P. Đông Ngạc,
Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 1461-2019/CXBIPH/01-82/ThG.

Quyết định xuất bản số: 496/QĐ-ThG cấp ngày 20 tháng 05 năm 2019.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019. Mã ISBN: 978-604-77-6258-3